

JACK LONDON

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Căn Nhà của Mapuhi

Mặc dầu chở những thứ linh tinh, nặng nề nhưng chiếc Aorai vẫn đi dễ dàng trong làn gió nhẹ. Vị thuyền trưởng chỉ huy thật giỏi trước khi lượn nó vào đúng vị trí phía ngoài bờ đá san hô để tránh những làn sóng dội.

Hòn đảo Hikukeru nằm nhô lên không cao lắm phía trên mặt nước. Nó được bao bọc bởi một lượn cát san hô hình vành khăn có bề ngang khoảng một trăm yards, cao hơn mực nước biển từ một mét tới một mét rưỡi. Như thế, từ lượn cát tới hòn đảo là một vòng nước mặn hình vành khăn bao bọc chung quanh đảo; phía ngoài là lượn cát rời tới biển. Dưới đáy nước tĩnh lặng như mặt gương này có nhiều trai ngọc. Trên boong tàu từ đằng xa người ta có thể nhìn thấy những người thợ mò ngọc đang làm việc.

Nhưng tàu buôn không thể vào trong hồ. Chỉ những thuyền nhỏ một buồm thích hợp mới luồn lách qua một con kênh ngoắt ngoéo mới đi qua được. Các tàu thường đậu bên ngoài rồi đưa thuyền nhỏ của họ vào. Chiếc Aorai thả xuống nước một chiếc xuồng sang trọng, khoảng năm hay sáu người làm công, nước da màu nâu bóng, mình trần trụi trụi, chỉ đóng những chiếc khố màu đỏ, leo lên xuồng. Họ chèo xuồng bằng bơi chèo. Trong khi đó, một thanh niên đứng phía đằng mũi. Cậu tên Alexandre Raoul, con trai út bà Mari Raoul, một nhà buôn lớn có khoảng sáu chiếc tàu biển tương tự với chiếc Aorai.

Qua khỏi xoáy nước ở cửa con kênh, chiếc xuồng len lỏi đi vào trong hồ rồi cập hòn đảo. Cậu thanh niên chờ xuồng dừng lại xong mới nhảy lên bãi cát và vẫy một thổ dân cao lớn đang lai vãng chờ đợi ở đấy. Người này ngực nở, vai rộng nhưng cụt một cánh tay. Quá khỏi chỗ thịt phía dưới bả vai, cái đầu xương cụt nhô ra, màu trắng, nay đã lành lặn. Ngày trước anh ta bị một con cá mập tấn công. Anh đương đầu với nó, mất một cánh tay, từ đấy thôi không còn làm nghề mò ngọc được nữa và sự nghèo đói đã biến anh ta thành một kẻ bợ đỡ, luôn luôn nghĩ các mẹo vặt để kiếm ăn chút đỉnh nhờ các đặc ân nhỏ nhoi của người khác, sống cho qua ngày.

- Cậu đã nghe tin gì chưa, cậu Anex (Alexandre)?

Anh ta thì thầm:

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc, xứng đáng là một viên ngọc. Chưa từng có một viên nào như thế ở đảo Hikukeru này. Chưa từng có ở cả vùng Pomotus mà cũng chưa từng có trên khắp thế giới. Hẳn mới mò được hiện còn đang giữ, cậu đến mua ngay đi. Nhưng nhớ là tôi báo tin cho cậu trước tiên đấy nhé. Mapuhi là một thằng ngốc, cậu sẽ mua được thật rẻ. Cậu có tí thuốc sợi nào không?

Raoul từ dưới bãi đi lên phía chiếc chòi nằm dưới bóng một cây dứa dại. Cậu ta là người quản lý tàu buôn của bà mẹ, và việc kinh doanh của hãng trải rộng khắp vùng Pomotus do các tài nguyên như dừa khô, ngọc trai, ngọc, sò biển..vv.. mà người ta sản xuất được. Cậu là người quản lý non trẻ, mới tới đây lần này là lần thứ hai và trong lòng vẫn thầm áy náy về sự thiếu kinh nghiệm trong việc xét đoán ngọc của mình.

Nhưng khi Mapuhi đưa ra viên ngọc thì cậu cố nén sự kinh ngạc. Nó to bằng cái trứng chim bồ câu, trắng tinh và tròn vành vạnh, phản chiếu ánh sáng lóng lánh, tia ra đủ thứ màu sắc trông thật sống động.

Lúc Mapuhi bỏ vào lòng bàn tay Raoul thì chàng ngạc nhiên về sức nặng của nó. Chàng quan sát thật gần mắt rồi thận trọng móc trong túi ra một chiếc kính lúp. Không hề có một chút chất bẩn hòa tan. Độ tinh khiết của viên ngọc dường như phân bố đều trên khắp khối cầu. Đưa vào chỗ tối thì nó là một khối chiếu sáng nhẹ nhàng với thứ ánh sáng dịu dàng như trên mặt trăng. Nó trong suốt đến nỗi khi chàng thử thả vào một ly nước, nó chìm theo một đường thẳng, không bị sức đẩy của nước làm cho sai lệch sang chỗ khác. Như vậy chàng hiểu sức nặng của nó hết sức tuyệt diệu.

- Rồi, bây giờ chú tính thế nào? – Chàng hỏi với vẻ dừng dừng, cố làm ra bộ uể oải.

- Tôi muốn....- Mapuhi bắt đầu nói, và, phía đằng sau, phù hợp với cái mặt đen bóng của anh ta là ba cái mặt cũng đen bóng khác của hai phụ nữ và một đứa trẻ con gái. Họ ngồi bên trong nhưng đầu luôn luôn gật gật phụ họa với những điều mà anh ta muốn nói. Họ rất nôn nóng nhưng cố nín nhịn theo thói quen. Những cặp mắt trắng dã của họ ánh lên các tia sáng e ngại, chỉ sợ Mapuhi nói hớ. Họ muốn nói thay cho Mapuhi.

- Tôi muốn một cái nhà - Mapuhi tiếp tục. Nó phải có cái mái, trên mái có cây sắt có thể thu được sấm sét. Một cái đồng hồ tám cạnh treo trên tường. Căn nhà phải dài sáu sải với một hàng rào chung quanh. (Sải: fathom, dang rộng hai cánh tay là một sải, khoảng 2 mét.- ĐD). Một cái phòng ở chính giữa. Có bốn buồng ngủ. Mỗi buồng có một chiếc giường sắt, hai cái ghế và một cái bồn tắm. Đằng sau nhà có một cái bếp. Cái bếp có nồi niêu xoong chảo và một cái lò để đun nấu. Cậu phải xây căn nhà đó trên đảo của chúng tôi - đảo Fakarava - không phải ở đây.

- Bấy nhiêu điều kiện? - Raoul hỏi lại một cách nghi hoặc.

- Phải có một cái máy khâu. - Têfara, vợ của Mapuhi thêm vào.

- Đừng quên cái đồng hồ tám cạnh. - Nauri, mẹ của Mapuhi nhắc lại.

- Đúng, tất cả bấy nhiêu. - Mapuhi kết luận.

Raoul cười. Trong khi cười, đầu óc chàng nhăm tính thật nhanh xem các điều kiện đó như thế nào. Chàng chưa từng xây nhà bao giờ cả, bây giờ phải xây thì phiền phức lắm. Phải mua nguyên vật liệu tại Tahiti rồi chuyên chở từ Tahiti tới Fakarava, tiền công bốc xếp và tiền xây cất... Khoảng chừng hai mươi ngàn quan Pháp. Có thể được lắm. Nhưng vấn đề chính là chàng không xác định được giá trị của viên ngọc. Hai mươi ngàn franc là một số tiền lớn và nó là tiền của mẹ chàng.

- Mapuhi.- chàng kêu lên. Chú là thằng đại ngốc, hãy nói giá bằng tiền đi.

Nhưng Mapuhi lắc đầu, lập tức ba cái đầu ở bên trong cũng lắc theo:

- Tôi muốn cái nhà. Nó phải dài sáu sải với một cái hàng rào chung quanh...

- Đúng, đúng, tôi hiểu điều kiện của chú nhưng tôi rất bận, xây cất ngại lắm. Tôi trả chú một ngàn đô la Chi Lê. Bốn cái đầu lại nhất trí im lặng một cách phủ định.

- Thêm một trăm đô la Chi Lê bằng hàng hóa, tổng cộng là ngàn một đô la.

- Tôi muốn cái nhà...

Raoul vắn lại:

- Tại sao chú cứ thích xây nhà? Chỉ một trận cuồng phong trên đảo là nó sẽ quét sạch không còn vết tích. Ông thuyền trưởng Raffy của chúng tôi nói dường như sắp có cuồng phong xảy ra đâu đây.

-Không có cuông phong trên đảo Fakarava. Đất trên ấy cao hơn ở đây. Tôi sẽ có nhà ở Fakarava. Nó dài sáu sải, có hàng rào chung quanh và một cái cửa...

Raoul lại phải lắng nghe câu chuyện cái nhà. Chàng đã phí cả tiếng đồng hồ để đẩy cái nhà ra khỏi đầu óc Mapuhi nhưng mẹ, vợ và đứa con gái tên N'gakura của hắn cứ thúc đẩy cho cái nhà đeo cứng lấy đầu óc hắn. Khi Raoul đã nghe tới lần thứ hai mươi những chi tiết về cái nhà thì chàng nhìn thấy chiếc xuồng thứ hai từ tàu của chàng đang vội vàng cập vào bãi cát.

Thủy thủ trao đổi với người cụt tay một điều gì đó rồi lập tức chạy lên bãi đi kiếm Raoul. Trời tự nhiên sầm lại. Một đám mây đen che kín vầng thái dương. Qua mặt hồ, Raoul nhìn thấy có những vệt mây trắng sáng giống như báo hiệu điềm gở ở nơi chân trời.

- Thuyền trưởng Raffy nói cậu phải rời khỏi đây ngay. Nếu có sò thì cũng bỏ đó, cứ đi, phải đề phòng nguy hiểm trước đã rồi sẽ tính sau. Phong vũ biểu đã xuống tới hai mươi chín bảy mươi.

Những cơn gió lớn làm đổ dạt ngọn cây dừa dại trên đầu, cuồn cuộn thổi qua các tàu lá cọ dưới bãi, quãng khoảng một chục trái dừa còn nguyên cả chùm xuống dưới đất, tiếng nghe cái bịch rất nặng nề và lăn lông lốc. Rồi thì mưa bắt đầu ồ ạt kéo tới từ ngoài khơi, ào ào theo tiếng gầm của những ngọn gió làm cho mặt hồ dường như bốc khói. Raoul đứng dậy khi nước trên mái lá lợp chòi bắt đầu chảy xối xả:

- Một ngàn đô la Chi Lê tiền mặt cộng trên hai trăm đô la Chi Lê tiền hàng là một ngàn hai trăm đô la, được chưa?

- Tôi muốn cái nhà...

Raoul bước ra ngoài mưa, dừng lại hét lớn nhưng chỉ một mình chàng nghe tiếng:

- Mapuhi, chú là đồ ngọc!

Chàng đi thật nhanh bên cạnh người thủy thủ báo tin, tìm cách xuống bãi. Họ không thể nhìn thấy chiếc xuồng. Mưa miền nhiệt đới dày đặc đến nỗi làm họ vuốt mặt không kịp. Bãi cát dưới chân đang bị những làn sóng nhỏ từ mặt hồ trào lên xâm lấn. Một bóng người đi tới trong cơn hồng thủy toàn trời với nước mù mịt. Đó là Huruhuru, người đàn ông cụt tay vẫn kiên nhẫn đợi chờ: - Cậu có mua được viên ngọc không? - Huruhuru hét lớn vào tai Raoul.

- Mapuhi là một thằng ngọc. - Raoul hét lại trả lời và sau đó họ không để ý tới nhau nữa, mỗi người đi theo một lối.

Thế rồi một lúc lâu sau, đứng trong cơn mưa, Huruhuru mờ mờ thấy hai chiếc xuồng đang được trục lên tàu và chiếc Aorai bắt đầu quay mũi ra biển. Gần với nó, lại một chiếc khác đi tới. Họ bắt đầu hạ một chiếc xuồng xuống nước.

Chiếc thứ hai này thì Huruhuru biết rất rõ. Nó là chiếc Orohena, người chủ là Toriki, một tay doanh thương hạng nhì, tự mình đứng ra quản lý và buôn bán lấy. Huruhuru chặc lưỡi. Anh ta biết Mapuhi còn nợ Toriki tiền hàng hóa đã nhận từ năm trước, chưa mò được ngọc trả thay vào đó. Mưa đã tạnh. Mặt trời nóng lại chiếu rọi, bắt đầu hun đốt và mặt hồ lại trở lại hiền lành, êm ả như một tấm gương. Nhưng không khí đặc quánh, oi nồng đến khó thở.

- Ông đã nghe tin gì chưa, ông Toriki?

Huruhuru khúm núm:

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc. Chưa từng có một viên nào như thế tại đảo Hikueru này. Chưa từng có tại vùng Pomotus hoặc bất cứ nơi nào trên thế giới. Mapuhi là một thằng ngọc. Hơn nữa hẳn còn nợ ông. Xin nhớ tôi báo tin trước nhất đấy nhé. Ông có tí thuốc sơi nào không?

Lập tức Toriki đến thẳng ngay chòi của Mapuhi. Ông ta là một ông chủ, ít khi xử đẹp với những thằng ngốc. Nhìn sơ viên ngọc xong - nhìn sơ thôi, không cần quan sát kỹ - ông ta bỏ tọt ngay vào túi áo:

- Anh may mắn lắm. Đó là một viên ngọc khá đẹp. Tôi sẽ cho anh tiền bằng tín phiếu ghi trong sổ.

-Tôi muốn một cái nhà.- Mapuhi ấp úng. - Nó phải dài sáu sải...

-Sáu sải cái con bà nhà anh. Cái mà anh cần làm là trừ hết nợ. Anh nợ tôi một ngàn hai trăm đô la Chi Lê. Đúng vậy, đừng ngạc nhiên. Anh nợ tôi bốn trăm đô la lâu rồi, con số đó phải tăng lên theo bình phương. Bốn bốn mười sáu, lẽ ra anh nợ tôi một ngàn sáu trăm đô la nhưng tôi chỉ tính một ngàn hai trăm. Ngoài ra tôi sẽ cho anh thêm hai trăm đô la bằng tín phiếu ghi trong sổ. Nếu về Tahiti, giá sò ngọc cao tôi sẽ cho anh thêm một trăm nữa, vậy là ba trăm đô la. Nhưng nhớ nếu giá sò ngọc cao đấy nhé. Còn nếu tôi bị lỗ thì anh chẳng được một xu nào hết.

Toriki đi xong, Mapuhi ngồi lặng thinh, khoanh tay cúi đầu buồn thảm. Anh ta đã bị cướp mất viên ngọc. Thay vì ngôi nhà thì phải trả nợ, chẳng còn gì để đưa ra với khách hàng nữa.

- Mà này là thằng ngu. - Mẹ anh ta la.

- Anh là thằng ngu! - Vợ anh ta la.- Tại sao lại đưa viên ngọc vào tay thằng cha đó?

Mapuhi giải thích yếu ớt:

- Tôi làm thế nào được? Tôi nợ ông ta tiền. Ông ta biết tôi mò được viên ngọc. Ông ta bảo đưa cho ông ta coi. Tôi thề là không tự mình cho ông ta biết, chắc người khác nói. Tôi còn nợ tiền ông ta.

- Mapuhi là đồ ngu! - N'gakura, đưa con gái mười hai tuổi của Mapuhi bắt chước mẹ và bà nội, chỉ trích bố.

Mapuhi đang đau khổ bèn hả giận bằng cách vớ lấy cái hộp đựng viên ngọc ném vào mặt nó rồi nhào tới nắm hai tai. Hai người đàn bà xông vô, vừa khóc òm tởi vừa ôm lấy Mapuhi, đè xuống đất, cứ mặt mà tát, cứ mớ tóc xoắn của Mapuhi mà giật nhưng lại kêu khóc như bị người khác đánh, theo cách riêng của phụ nữ.

Trong khi đó thì Huruhuru, người đàn ông cụt tay vẫn kiên nhẫn đứng ngóng trên bãi cát. Anh ta thấy một con tàu thứ ba đậu lại và đang hạ xuồng xuống nước. Đó là chiếc Hira của lão nhà buôn người Đức gốc Do Thái Levy, tay buôn ngọc. Hira là tên thánh quan thầy của nghề đánh cá và nghề trộm cắp ở đảo.

-Ông đã nghe tin gì chưa, ông Levy?

Levy người mập ú, nặng nề như một khối thịt, dừng lại lắng nghe.

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc. Chưa bao giờ có một viên như thế tại đảo Hikueru này. Chưa từng có trong vùng Pomotus. Chưa từng có trên thế giới. Mapuhi là một thằng ngu. Nó mới bán cho ông Toriki với giá một ngàn bốn trăm đô la Chi Lê - tôi núp bên ngoài nghe rõ. Toriki là tay xoàng, ngài có thể mua lại của ông ta với giá rẻ. Nhưng nhớ tôi báo tin cho ngài đầu tiên đấy nhé. Ngài có tí thuốc sợi nào không?

- Toriki bây giờ ở đâu? ‘

- Đến nhà ông thuyền trưởng Lynch, đang uống rượu bạc hà. Ông ta ở đây một tiếng đồng hồ rồi.

Và khi nhà buôn Đức gốc Do Thái Levy uống rượu bạc hà với Toriki để bàn về chuyện viên ngọc thì Huruhuru nghe trộm, biết họ đồng ý với nhau cái giá hai mươi lăm ngàn quan Pháp.

Đó cũng là lúc cả hai chiếc, Orohena của Toriki và Hira của Levy, bắt đầu bắn súng báo hiệu rút lui. Ba người đàn ông bước ra ngoài. Họ thấy hai chiếc tàu đang vọt vĩa đánh vòng, quay mũi ra khơi, hạ hết buồm chính, chỉ còn lại các buồm phụ để chuẩn bị chạy. Gió lớn làm chúng nghiêng về một bên, bọt sóng trắng xóa. Rồi thì mưa bắt đầu đổ xuống.

- Lát tạnh mưa nó sẽ quay lại. Nhưng có lẽ mình nên rời nơi đây càng sớm càng tốt.

- Tôi phải coi lại cái kính xem tình hình ra sao. - Thuyền trưởng Lynch nói. Ông là đại úy hàng hải, râu bạc, đã quá già không còn theo nghề được nữa. Do đi đó đi đây nhiều, biết đảo Hikueru phù hợp với bệnh suyễn của ông nên ông xây nhà và ở lại đó.

Ông vào bên trong coi phong vũ biểu:

- Ôi, chúa ơi!

Hai người nghe tiếng kêu bèn chạy vọt vào, nhìn lên mặt kính: Hai mươi chín hai mươi!

Họ lưỡng lự quay trở ra. Gió đã ngừng nhưng bầu trời vẫn u ám. Hai chiếc tàu của họ và một chiếc khác đang trở lại. Nhưng sự đổi hướng của gió khiến chúng dường như uể oải, chậm chạp. Bỗng thành linh một cơn gió ngược chiều làm chúng khựng lại. Mọi người trên bờ thấy rõ chúng bị đụng chạm ở đằng sau đuôi, trờ tới, nhảy nhồm. Âm thanh của sóng ầm ì đầy đe dọa. Một lần chớp khủng khiếp lóe rực trước mắt họ, chiếu sáng ban ngày u tối, và một tiếng sét giáng xuống, cuồn cuộn, vang rền đình tai nhức óc. Toriki và Levy không thiết gì nữa, cuống quít chạy đi tìm xuồng của mình. Cái khối thịt Đức-Do Thái ỳ ạch như con hà mã, tuy vọt nhưng không sao bước nhanh hơn được.

Đúng lúc hai chiếc xuồng của họ vừa ra đến ngoài thì họ gặp xuồng của chiếc Aorai đang đi vô. Ở phía đằng mũi, Raoul đang khuyến khích các

thủy thủ. Không thể quên được viên ngọc, chàng trở lại chấp nhận mọi điều kiện của Mapuhi về việc xây cất ngôi nhà.

Raoul nhảy lên bãi giữa những tiếng sấm sét vang rền và gió thổi mạnh đến nỗi người chàng muốn xô vào Huruhuru trước khi kịp hỏi thăm tin tức.

- Quá muộn rồi. - Huruhuru lắc đầu trong những làn chớp sáng lóe. - Mapuhi đã bán cho Toriki một ngàn bốn trăm đô la Chi Lê. Toriki bán lại cho Levy hai mươi lăm ngàn franc. Đem về Pháp thế nào Levy cũng được hơn hai mươi lăm ngàn franc. Cậu có mang theo tí thuốc sợi nào không? Raoul tiếc thì tiếc thật nhưng cảm thấy nhẹ nhõm. Sự lo lắng về giá cả của viên ngọc không còn nữa. Hai mươi lăm ngàn franc? Levy là tay keo kiệt mà dám mua tới con số hai mươi lăm ngàn franc? Chàng không tin lắm nên quyết định tới hỏi thuyền trưởng Lynch.

Ông già đang dán mắt vào chiếc phong vũ biểu, đứng xích ra nhường chỗ cho Raoul:

- Cậu đọc thấy bao nhiêu?

- Hai mươi chín mươi. Cháu chưa từng thấy thấp như vậy bao giờ.

Ông già lau mục kính xong, ghé mắt vô nhìn, nét mặt đăm chiêu:

- Tôi không thể nói được điều gì sẽ xảy ra. Suốt năm mươi năm sống trên mặt biển...Coi kìa, cậu thử lắng tai!

Tiếng sóng âm ỳ rung chuyển ngôi nhà. Họ chạy ra ngoài. Chiếc Aorai đang nằm tê liệt cách bờ khoảng chừng một dặm, bị đẩy dọa bởi thứ mặt biển độc ác, điên cuồng. Gió thổi theo hướng đông bắc, như giận dữ chỉ muốn bứt nó khỏi các dây neo, ném nó tan tành vào các bờ đá san hô. Một trong các thủy thủ trên xuồng giơ tay ra hiệu cho Raoul và chỉ vào miệng chiếc kênh hẹp, lối ra vô của các xuồng. Họ nhắm mắt, lắc đầu cho thấy sự thất vọng.

Chàng nhìn thấy những lớp bọt trắng xóa, cuồn cuộn, hỗn loạn đổ từ ngoài vào.

- Cháu e đêm này phải ở lại đây ngủ nhờ thuyền trưởng quá!

- Tôi cũng mong mọi người qua một giấc ngủ bình an.

Trước khi trở lại với thuyền trưởng, chàng ghé xuống bãi bảo người thủy thủ kéo xuồng lên bãi, tìm chỗ trú ẩn cho chính anh ta và cho các bạn.

- Hai mươi chín đúng!- Thuyền trưởng trở vô coi lại phong vũ biểu rồi xách ra ngoài hai chiếc ghế.

Họ ngồi trước cửa nhà, lo ngại nhìn quang cảnh mặt biển. Mặt trời đã ra khỏi đám mây, làm gia tăng sự oi nồng của ngày nhiệt đới, nhưng cái tĩnh lặng chết chóc vẫn lẫn khuất và biển mỗi lúc một thêm vẻ nghiêm trọng.

Raoul bồn chồn, lo ngại:

- Cái gì đến với biển thì cũng là đến với cháu. Gia tài, cơ nghiệp! Bác thấy đấy, trời không có gió, lúc mưa lúc tạnh thật kỳ lạ!

Từ nhiều dặm xa ngoài khơi, một tiếng rền vang giống như động đất mang theo hàng chục ngàn tấn sức nặng đập vào bờ cát san hô mong manh che chắn hòn đảo. Thân hình ông già bật lên, nhảy nhồm rồi lại té ngồi xuống ghế:

- Chúa nhân lành! Chuyện gì vậy?

Raoul cũng té xuống ghế. Chàng ngạc nhiên:

- Cháu không hiểu. Trời không có gió...

Rồi chàng giải thích:

- Nếu không có gió thì có thể đó là sóng...

Ông già thở dài, nhả mặt lắc đầu:

- Đừng vội, lát nữa thế nào cũng có gió đủ để cho cậu phải lo ngại.

Họ ngồi im lặng. Mồ hôi đọng trên mặt trước còn là vô vàn những giọt li ti, sau to dần, kết hợp với nhau thành những giọt lớn và rơi xuống đất. Bầu không khí nghẹt ngụa, khó thở. Nhất là ông già, vốn bị bệnh suyễn, mọi cố gắng của ông chỉ là để thở một cách khó nhọc.

Sóng thần đã xóa bỏ được cái bờ đê cao hơn đảo không còn vết tích. Bây giờ nước biển ào lên, rất nhanh. Nó tràn chung quanh các thân cây dừa và hướng về phía hai người.

- Con đường này cao hơn mực nước. Tôi đã ở đây mười một năm nay...

Ông coi đồng hồ:

- Ba giờ chiều.

Một người đàn ông, một người đàn bà, dưới chân họ lắt nhắt nào là con nít, nào là chó lớn chó con và các đồ đạc, lếch thếch đi lên. Họ tới khoảng đất trống ở phía hiên nhà, sau khi lưỡng lự bèn ngồi xuống cát. Ít phút sau, lại một gia đình khác kéo đến từ phía đối diện, đàn ông, đàn bà mang theo các thứ hỗn tạp. Và chẳng bao lâu hàng mấy trăm người đủ mọi lứa tuổi bồng bế con nít lếch thếch đi tới. Họ gọi nhau ới ới, kiếm chỗ ngồi trên hàng hiên hoặc bất cứ chỗ nào còn rộng chung quanh căn nhà. Một chị ẵm đứa con mới sanh trên tay, trả lời với người khác rằng cái chòi nhà chị đã bị sóng quét xuống hồ. Lúc ấy đang là cao điểm trong mùa mò ngọc, thổ dân từ các đảo chung quanh, ngay cả đảo xa như Tahiti cũng tới sinh sống. Mặc dầu ngôi nhà của vị thuyền trưởng là nơi cao nhất trong mấy dặm gần đây nhưng biển đã phá vỡ phòng tuyến thiên nhiên là cái lườn cát che chắn bên ngoài, tình trạng rất đáng lo ngại.

- Có một ngàn hai trăm người gồm đàn ông, đàn bà kể cả trẻ con ở đây.

Tôi tự hỏi đến sáng ngày mai thì con số đó còn lại được bao nhiêu.

- Nhưng tại sao lại không có gió? Theo cháu nghĩ, phải có gió thì mới có sóng và nước mới trào lên nguy hiểm như vậy.

- Đùng nóng, chàng trẻ tuổi, đùng nóng, trong chốc lát cả cậu lẫn tôi và mọi người sẽ khốn khổ chẳng biết có toàn mạng được hay không, không lâu đâu.

Giữa lúc vị thuyền trưởng đang nói thì một khối nước lớn cuồn cuộn dội vào đảo. Lập tức mực nước tóe lên, đây lớp nước cũ ngập tới chân ghế khoảng hơn một tấc. Những người đàn bà than vãn, lo âu, ánh mắt ai oán. Nhiều đứa trẻ con nhìn thấy mặt nước mênh mông, bám chặt lấy mẹ, sợ hãi khóc ré. Gà và mèo chạy loạn xạ. Theo bản năng riêng, chúng bay hoặc tìm cách leo lên mái nhà của vị thuyền trưởng để tránh tai nạn. Một thổ dân gốc Pomotan tay ôm một cái thúng đựng ổ chó con mới đẻ, tay kia bám, cố leo lên ngọn cây dừa cao hơn sáu mét. Con chó mẹ lung túng trong nước ở phía dưới gốc và kêu ăng ăng.

Mặt trời lại chiếu sáng và sự tĩnh lặng chết chóc vẫn tiếp tục. Vị thuyền trưởng nhìn thấy chiếc Aorai nhấp nhô trên mặt biển điên cuồng, lúc trôi lúc sục chống cự với sóng. Những quả núi nước lù lù đi tới hướng về phía đảo. Ông lấy tay che mặt, không muốn trông thấy gì thêm, đứng ngẩn ngơ suy nghĩ rồi đi vào trong nhà.

Lúc trở ra, ông nói một mình:

- Hai mươi tám sáu mươi.

Trong tay ông là một cuộn dây thừng loại nhỏ sợi. Ông cắt ra, cứ hai sợi một sợi, đưa cho Raoul một sợi, giữ cho mình một sợi còn thì chia cho mọi người và dặn họ cách sử dụng để leo lên cây.

Một luồng không khí nhẹ bắt đầu thổi theo hướng đông bắc, quạt mát hiu hiu trên má làm cho Raoul phấn chấn hơn. Chàng trông thấy đuôi chiếc Aorai quay vào phía trong và đang cố gắng ra khơi. Chàng ân hận mình không có mặt trên đó bởi vì biết nó sẽ tìm mọi cách lánh nạn với bất cứ giá nào. Nhưng hòn đảo...

Một luồng nước biển xô tới quét ngập dưới chân. Chàng ngó một thân cây cao định lợi tới, song chợt nhớ tới chiếc phong vũ biểu nên bèn quay trở lại, gặp thuyền trưởng Lynch cũng đang lợi và cả hai cùng đi vào.

- Hai mươi tám hai mươi. - thuyền trưởng lo lắng. Đúng là một địa ngục

- Tiếng gì vậy?

Không khí dường như căng phồng với sự cuồng nộ của cái gì đó. Ngôi nhà chuyển động, rung lên rặng rắc. Những cánh cửa sổ bật tung, vô số miếng kính văng ra, vỡ nát. Một luồng gió ào tới xô mạnh, xoáy cuộn khiến họ lão đảo. Chiếc cửa lớn ở phía đối diện gập lại đánh rầm, vỡ tan từng mảnh. Quả đấm sừ rơi xuống sàn. Các bức tường dường như không chịu nổi sức ép, thi nhau nứt toác. Thuyền trưởng đưa mắt nhìn đồng hồ. Bốn giờ đúng. Ông mặc chiếc áo hoa tiêu lên mình, gỡ chiếc phong vũ biểu bỏ vào trong túi. Gió vẫn tiếp tục gầm rú, ngôi nhà xiêu vẹo rồi sụm xuống, một đầu nằm trên tường, một đầu nằm dưới đất làm thành một góc mười độ, lỏng chỏng.

Raoul ra trước. Gió cuốn lấy chàng làm chàng lão đảo và kéo chàng đi. Chàng biết nó lôi mình về phía đông nên cúi gập người xuống, quỳ phục, hai tay mò xuống dưới nước bầu lấy mặt cát, cố gắng chống cự. Thuyền trưởng Lynch già cả, bị nó lôi như một bó rơm, ngã sấp nằm trên mình chàng và cố bám chặt lấy chàng. Hai thủy thủ của chiếc Aorai rời thân cây dừa mà họ đã leo, tụt xuống, bò trên mặt nước tới cứu. Ông già gân cốt yếu không leo lên được. Họ dùng dây thừng cột ông vào lưng họ. Người phía

trên bám, người phía dưới nâng, cứ thế họ nhích từng đoạn và kéo ông lên trên ngọn cây dừa cao mười lăm mét.

Raoul choàng sợi dây của mình vào gốc một cây phụ cận, hai đầu dây cột trên bụng rồi đứng nhìn lên. Gió rít dễ sợ. Chưa bao giờ chàng nghĩ nó có thể thổi mạnh đến thế. Sóng biển xô lên đảo, ngập tới đầu gối trước khi rút xuống hồ. Mặt trời đã lặn, hoàng hôn màu chì rùng rợn. Một ít hạt mưa bay ngang, đập vào mặt chàng giống như những viên đạn nhỏ. Hàng bao nhiêu người leo lên các ngọn cây, chụm như những chùm dừa. Và rồi thì, vốn sinh ra ở Tahiti, chàng cũng leo theo cách leo của thổ dân không mấy khó khăn. Trên ngọn cây đã có một người đàn ông, hai người đàn bà và hai đứa trẻ. Đứa con gái nhỏ tay ôm con mèo.

Từ chỗ lánh nạn Raoul vẫy vịn thuyền trưởng. Ông cũng vẫy lại ra hiệu. Bầu trời xuống thấp gần như sát đầu, lúc trước màu chì, bây giờ màu đen. Nhiều người còn ở dưới đất không leo lên được. Họ tụ tập tại các gốc cây và bám lấy nhau cho gió khỏi cuốn, vừa kêu khóc vừa cầu nguyện. Tiếng kinh cầu của đạo Mormon trong hoàn cảnh này nghe rất thâm trầm.

Gió vẫn tiếp tục gầm rú mỗi lúc càng thêm điên cuồng. Một thân cây trốc gốc đổ rạp đem theo chùm người. Những lớp sóng chồm lên cuốn họ xuống hồ, chàng chỉ trông thấy thấp thoáng vài mảng da nâu, vài cái đầu màu đen chới vời, giãy giụa. Nhiều cây khác cũng đổ hoặc bị gió đánh gãy, trên cây có những chùm người. Cây của chàng nghiêng ngả, rạp hẳn xuống rồi lại bật lên, đầu lá chạm tới mặt nước. Hai người đàn bà khóc; một người ôm chặt đứa con gái còn nó thì vẫn giữ chặt con mèo.

Người đàn ông ôm đứa con trai khế bám Raoul, chỉ tay về phía trước mặt. Chàng nhìn theo. Ngôi nhà thờ Mormon bị bứt khỏi nền, cứ thế bị gió đem đi, lôi về phía biển. Những làn sóng chồm tới, nó nghiêng ngả, đập vào các thân cây dừa trên đó chỉ chít những chùm người, họ rụng xuống, lóp ngóp và bị chôn vùi như những con kiến trên mặt nước. Không phải là

sự sợ hãi nữa mà là kinh hoàng. Những làn sóng khổng lồ cứ xô đẩy làm ngôi nhà thờ vùn lặn, nhô lên thụp xuống cho đến khi bị vùi xuống biển.

Chàng nhìn về phía ngôi nhà của vị thuyền trưởng. Nó cũng đã biến mất. Chàng bất ngờ nhìn sang chỗ thuyền trưởng Lynch đứng lúc sự việc xảy ra. Thân cây gãy đôi, tan vụn ở chỗ bị bể không có tiếng động. Phần ngọn với ba thủy thủ của chiếc Aorai và vị thuyền trưởng già bay về phía hồ. Nó không rơi xuống đất mà bị cuốn trong không khí giống như chiếc diều. Chàng dõi theo con đường nó bay, khoảng một trăm mét trước khi rơi xuống mặt sóng. Chàng nhìn trần trời và có cảm giác lúc gặp tai nạn, vị thuyền trưởng già giơ tay già biệt.

Raoul không còn trông đợi vào điều gì nữa. Chàng đung vào người thổ dân ra hiệu tụt xuống đất. Người đàn ông muốn xuống, nhưng hai người vợ hoàn toàn tê liệt vì quá khiếp đảm. Anh ta từ chối, ở lại với họ. Raoul choàng sợi dây chung quanh thân cây, tụt xuống. Chân chưa chạm đất, lập tức một đợt sóng nước mặn trùm lên đầu chàng. Chàng nhắm mắt, ngậm miệng và hai tay bám chắc sợi dây một cách tuyệt vọng. Làn sóng qua đi, chàng ngoi lên để thở và cột lại sợi dây kỹ hơn, một đầu vào thân cây, một đầu vào bụng. Lại một làn sóng khác xô tới chìm chàng xuống. Một trong hai người đàn bà cũng xuống, bám vào sợi dây của chàng; người đàn ông ở lại với người đàn bà kia cùng hai đứa nhỏ và con mèo. Raoul đã để ý tại sao những nhóm bám ở gốc cây đằng kia lại cứ mất bớt người đi. Phải níu thật chặt và đủ sức chịu đựng. Đẳng này chàng may mắn có sợi dây nhưng về sức khỏe, đã mệt lắm rồi, cả người đàn bà cũng mệt vì bị chìm lên chìm xuống. Mỗi lần trôi lên chàng lại ngạc nhiên thấy mình vẫn còn đấy, và, tiếp theo, ngạc nhiên thấy người đàn bà vẫn còn đấy, bám được sợi dây. Nhưng cuối cùng, khi chàng trôi lên thì chỉ thấy có một mình mình đơn độc. Chàng nhìn lên. Ngọn cây đã gãy và bay đi mất. Nửa thân cây còn lại bị cụt, rung động. Chàng chưa chết. Cây vẫn bám vững. Chàng vỡ lẽ ra rằng cây cụt ít bị gió đánh mạnh bằng cây có ngọn. Vậy là chàng bắt đầu trèo lên. Chàng yếu đến nỗi leo từng khoảng một rất chậm, sóng đánh vào

lưng chàng, muốn lôi chàng xuống nhưng chàng đã có sợi dây và từ vô thức, chàng ôm rất chắc.

Khi đã leo được lên trên, chàng dùng sợi dây quấn mình vào thân cây và cột thật chặt. Xong, thân thể chàng cứng ngắc và đầu óc chàng rũ liệt, hai tay ôm phần cây gãy, gục trên cánh tay, chàng rơi vào trạng thái u mê rồi không biết gì nữa.

Cao điểm của trận cuồng phong kéo dài từ mười một giờ đêm tới ba giờ sáng. Gia đình Mapuhi núp trên ngọn cây dứa dại (Pandanus, giống với cây cọ nhưng thuộc họ Dứa - Pandanaceae.-ND). Nó bị gió đánh gãy ngay lúc mười một giờ và bị nước cuốn. Mapuhi trôi trên mặt hồ, tay vẫn nắm chặt con bé N'gakura. Chỉ dân các đảo Nam Mỹ chuyên nghề mò ngọc mới sống nổi trong tình trạng bị chìm dưới nước như thế. Cây dứa dại nơi hấn cột mình bị xoáy cuộn trong các lớp sóng, trở ngang trở dọc, chìm tới chìm lui. Cứ lúc nó chìm xuống thì hấn buông tay, nổi lên và giữ cho cái đầu hấn với đầu con bé N'gakura ở trên mặt nước để thở. Lúc nó nổi lên, hấn bám thật nhanh chỉ một tay thôi, tay kia phải nắm con bé. Nhưng thở rất khó, không khí toàn hơi nước và bọt nước mặn của các lớp sóng, lại mưa nữa, mưa chéo góc bắn vào mặt hấn.

Mười dặm ngang qua mặt hồ là vòng cát san hô. Ở đấy nhấp nhô các thân cây, xác xuống, xác nhà; mười người sống sót trên mặt hồ thì đến chín người bị đập vào những thứ hỗn tạp đó mà chết. Nhưng Mapuhi gặp may. Sự may mắn của hấn thuộc một trong mười phần, chỉ con bé N'gakura bị thương, gãy cánh tay trái, các ngón tay mặt bị nghiền, mặt và trán toác tới tận xương. Hấn bám được một cây cụt hầy còn đứng và trèo lên, mang theo đứa con gái, cột mình vào đó trong khi nước hồ tràn tới đầu gối, lúc cao thì tới ngang bụng.

Đến ba giờ sáng thì cơn cuồng phong dịu bớt. Năm giờ sáng chỉ còn những cơn gió nhẹ. Sáu giờ sáng hoàn toàn yên lặng và mặt trời ló dạng. Biển đã rút. Từ trên bờ còn lại của hồ nước mặn, Mapuhi nhìn thấy xác

chết cùng khắp. Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắc Tefara vợ hăn và Nauri mẹ hăn có trong số đó. Hăn đi dọc bờ biển tìm kiếm và thấy vợ hăn nửa nằm trên cát, nửa nằm dưới nước. Hăn ngồi xuống, đấm ngực, vò đầu bứt tai khóc ồ ồ như tiếng rống của một con vật thời nguyên thủy. Vợ hăn mở mắt một cách khó nhọc và chép chép miệng than vãn. Hăn nhìn kỹ hơn. Chẳng những vợ hăn sống sót mà còn không có một tí thương tích. Nàng ngủ giấc ngủ hiếm có. Và, nàng cũng thuộc số một phần mười may mắn.

Cùng lúc ấy, Nauri, người đã bị trận cuồng phong tách khỏi gia đình và bị quét đi, đang phiêu lưu một cuộc phiêu lưu lạ lùng trong đời mù. Bám được mảnh gỗ thô đã đung vào mù và làm mù bị thương, khắp người trầy sứt, mù bị đẩy khỏi hồ rồi trôi ra biển. Ở đây, những quả núi nước làm mù tuột mất miếng ván. Mù đã gần sáu mươi tuổi. Nhưng mù là dân Pomotus và chưa bao giờ rời khỏi biển. Vậy thì mù bơi tay không, bơi trong đêm tối, nghệt thở vì tuổi già, nghệt thở vì không khí ẩm hơi nước, chống cự với sóng, với bão. Bỗng, vai mù đụng phải một quả dừa còn nguyên cả cành. Đầu óc mù chợt nảy ra một kế hoạch, mù nắm lấy nó. Trong giờ sau mù tóm thêm được bảy trái nữa, túm chúng lại với nhau kẹp hai bên nách làm thành chiếc phao bơi.

Mù là một bà già mập, xoay trở nặng nề hơn bà già ốm. Nhưng mù có kinh nghiệm về biển. Và, trong khi vừa bơi vừa cầu nguyện thần cá mập của mù che chở mù khỏi gặp những con cá mập thì mù cũng cầu mong cho cơn bão tan đi.

Nhưng đến gần ba giờ sáng, bão vẫn chưa tan làm mù mệt nhoài, gần như rơi vào trạng thái hôn mê. Gần sáu giờ sáng, cơn bão ngừng, mặt trời đã mọc. Mù bị sốc, ý thức trở lại khi đụng bãi cát. Mù bấu cả tay cả chân xuống cát ướt để cố bò lên vì sợ nước lại lôi mù xuống nữa.

Mụ biết mụ đang ở đâu. Cái đảo bé tí teo này không gì khác hơn là đảo Takokota. Nó chẳng có hồ và cũng chẳng có ai sống trên đó. Nó cách đảo Hikueru khoảng mười lăm dặm. Mụ không thể nhìn thấy đảo Hikueru nhưng mụ biết nó nằm ở phía nam.

Nhiều ngày trôi qua. Mụ sống nhờ những trái dừa đã vớ được trong lúc trôi giạt. Nhưng mụ không dám ăn đầy đủ như ý mụ muốn. Mụ không dám uống đầy đủ như ý mụ muốn. Việc cứu nạn là một vấn đề. Mụ nhìn thấy khói của những chiếc tàu cứu nạn ở nơi chân trời, nhưng làm sao người ta có thể nghĩ mụ đang ở đây, trên hòn đảo Takokota bé tí không người ở này?

Từ đầu mụ đã khốn khổ vì các xác chết. Biển nhất định ném chúng lên bãi cát bé tí của mụ. Mụ nhất định đẩy chúng trở ra. Ở đây, hàng đàn cá mập tha hồ đánh chén no nê. Nhưng mụ đẩy riết cũng mệt, không còn sức nữa mà nay cũng không kịp. Xác chết giăng mắc la liệt tới mức độ khủng khiếp. Mụ bèn rút lui vào trong, nhưng đâu có xa được bao nhiêu, hòn đảo quá nhỏ.

Đến ngày thứ mười thì dừa cũng hết. Người mụ tóp đi vì khát. Mụ lang thang trên bãi tìm dừa. Một điều lạ là xác chết thì nhiều nhưng lại không có dừa. Chắc chắn dừa phải nhiều hơn người chết chứ! Cuối cùng mụ chán nản bèn ngồi xuống thở vì kiệt quệ. Thế là hết, không còn cách chi ngoài việc chờ chết.

Bỗng, mụ để ý thấy cái đầu của một xác chết đang đập dình ở dưới mép nước. Mái tóc màu hung hung đỏ giống với màu cát trông rất quen. Cái xác nằm ngửa, không có mặt. Nhưng mụ đang chờ chết, xác người đàn ông đó là ai đối với mụ cũng chẳng quan trọng.

Một lúc sau, mụ uể oải đứng dậy, tự nhiên bước tới nhìn kỹ hơn. Đúng, mụ nghĩ đúng, cái xác tóc đỏ ấy không thể thuộc về dân Pomotus tóc đen. Đó là Levy, lão nhà buôn người Đức gốc Do Thái mập ú đã mua lại viên

ngọc và đem đi trên chiếc Hira.Ồ, vậy thì đã rõ: chiếc Hira đã tiêu tùng, vị thánh quan thầy nghề đánh cá và nghề trộm cắp đã quay mặt đi với lão.

Mụ cúi xuống xác chết. Chiếc áo sơ mi rách nát nên mụ trông thấy sợi dây nịt to bản bằng da có các ngăn đựng tiền của lão thắt ở trên bụng. Mụ bịt mũi lại, cố nín thở và tháo cái khóa ở đầu sợi dây. Nó mở dễ dàng hơn mụ trông đợi. Và mụ mau mau rời khỏi cái xác đã chường phình, bước vội lên bãi, kéo lê sợi dây nịt ở đằng sau. Từng ngăn một, mụ mở nút bấm, sục sạo, chỉ thấy tiền chứ không thấy "nó". Vậy "nó" ở đâu? Mãi tới ngăn cuối cùng mụ mới thấy nó, một cục, gói ghém cẩn thận: viên ngọc đầu tiên và duy nhất mà lão đã mua trong cuộc hành trình.

Mụ đi xa ra để tránh mùi xú uế từ sợi dây nịt và miếng khăn gói, đem rửa sạch rồi cân nhắc nặng nhẹ trên tay. Đó chính là viên ngọc Mapuhi đã mò được và bị lão Toriki tước đoạt. Mụ cứ ngắm nghía, ve vuốt nó mãi, quên cả đói khát. Từ viên ngọc ấy, mụ không thấy đẹp nhưng thấy ngôi nhà mà mụ, thằng Mapuhi và Tefara đã từng bàn tính với nhau, xây trong trí óc rất cẩn thận không thiếu một chi tiết nào tại đảo Fakarava. Cứ nhìn ngắm nó mụ lại thấy hiện rõ chiếc đồng hồ tám cạnh thật đẹp treo trên tường, bên dưới có cục tròn tròn lắc qua lắc lại. Trên mình mụ chẳng có gì hơn. Mụ cởi nốt cái ahu rồi xé lấy vải, cột viên ngọc thật cẩn thận đoạn quấn quanh cổ. Bây giờ thì mụ hăng hái lắm. Mụ đi khắp đảo tìm dừa. Mụ thấy một trái, và, nhìn chung quanh, mụ lại thấy thêm một trái nữa. Mụ đập một trái, uống nước. Nó đã có mùi chua nhưng vẫn tốt chán. Mụ ăn cơm dừa. Tự nhiên mụ mạnh mẽ hẳn lên. Chỉ một lát sau mụ tìm thấy một chiếc xuồng hỏng. Lái của nó đã mất nhưng mụ vẫn hy vọng. Quả nhiên đến chiều thì mụ tìm được. Những vật đó khiến mụ tăng thêm phần khởi. Viên ngọc thật đúng là lá bùa hộ mệnh.

Hôm sau mụ trông thấy một chiếc thùng gỗ mấp mé mặt nước. Kéo lên thấy bên trong còn sót mười hộp cá mòi. Mụ mở một hộp bằng cách đập lên thành xuồng. Hộp móp méo, chảy nước. Mụ hút lấy thứ nước béo ngậy đối

với mục là cao lương mỹ vị ấy. Mục dùng hàng tiếng đồng hồ để mở rộng lỗ thủng, moi từng chút cá một cách kiên nhẫn.

Tám ngày dài mục mong có sự cứu giúp. Nhưng tám ngày đó mục không ngồi yên. Mục bện dây thừng bằng xơ dừa, kể cả phần còn lại của chiếc ahu, dùng để cột chiếc lái mục đã tìm được vào xuồng. Khó nhất là làm bơi chèo. Mục phá chiếc thủng lấy mảnh gỗ ván tương đối vừa phải, dùng răng cạp từng chút ở một đầu cho nhỏ dần rồi cột lại với thanh gỗ lấy từ miệng thủng, vậy là mục đã có một chiếc bơi chèo tuy ngắn nhưng cũng xài tạm được. Một vài chỗ nứt trên xuồng thì mục chịu thua. Mục nhét đờ bằng xơ dừa và hy vọng sẽ dùng gáo dừa tát nước.

Vào ngày thứ mười tám, nửa đêm, mục "hạ thủy" chiếc xuồng, bắt đầu trở lại đảo Hikueru với lương thực gồm hai hộp cá mòi còn lại. Mục là một bà già gần sáu mươi tuổi. Sự cực nhọc đã lấy hết mỡ của mục chỉ để lại da bọc xương, nhăn nhúm như con ma đói. Chiếc xuồng quá lớn, đáng lẽ ít nhất phải ba người đàn ông chèo, bây giờ mục chỉ có một thân một mình với chiếc bơi chèo ngắn ngắn tự chế tạo lấy. Xuồng lại rò rỉ một cách tệ hại nên một phần ba thời gian mục phải dùng để tát nước. Vậy mà đến sáng mục đã lơ mơ nhìn thấy đảo Hikueru. Mặt trời thiêu đốt thân thể hoàn toàn trần trụi của mục, ép khô hết nước. Hai hộp cá mòi để đấy lâu lâu mục chỉ nhắm nháp bởi vì không có thì giờ moi cá. Dòng nước chảy về phía tây, mục xuôi theo phía tây, xem có cách nào đến được phía nam không.

Vào khoảng xế chiều, mục đứng thẳng người trong xuồng nhìn Hikueru. Cảnh sum xuê của những cây dừa cây banyan bây giờ không còn nữa. Đây đó, rải rác những thân cây cụt hoặc bị đổ gãy nằm hỗn độn, thê lương, tàn tạ. Cả đảo không còn lấy một ngôi nhà hoặc một chiếc chòi nguyên vẹn, chỉ có những chỗ người ta đào cát, khum lên, che đờ một miếng gì đó ở tạm. Dù sao hòn đảo thân yêu cũng làm mục phấn khởi, mục thấy mình đã gần với nó hơn so với dự đoán. Nhưng dòng nước cứ tiếp tục chảy xuôi về phía tây trong khi đảo ở phía nam. Mục vội vã chèo. Mảnh gỗ làm chèo xộc xệch rồi

bị tuột ra. Mụ mất thì giờ cột lại nhưng nó vẫn xộc xệch, chèo được vài nhát lại tuột. Một trong ba tiếng đồng hồ mụ phải ngừng tay để sửa bơi chèo, lo việc tát nước. Suốt thời gian đó xuống tiếp tục bị đưa về tây. Đến nhá nhem tối, mụ thấy Hikueru đã cách mình khoảng ba dặm về phía đông nam, vậy là mụ đã bị đưa xuống phía dưới, càng lúc càng xa với đảo. Trăng mọc. Mụ xa thêm hai dặm nữa.

Mụ cố gắng chống cự nhưng vô ích, nước vào quá nhiều, mụ lo tát nước thì chiếc xuống chỉ càng bị đưa về phía tây hơn nữa mà thôi. Không còn cách nào khác, mụ cầu nguyện thần cá mập che chở cho mụ rồi bỏ xuống, tụt xuống nước và bắt đầu bơi ngược lại, chênh chếch về hướng đông nam. Thân thể mụ mát mẻ. Mụ mau chóng bỏ xa chiếc xuống. Sau một tiếng đồng hồ, hòn đảo đến gần trông thấy. Nhưng bỗng mụ sợ hãi tột độ: ngay trước mặt mụ, cách khoảng năm sáu thước, vây một con cá mập lù lù xuất hiện, nhô trên mặt nước. Mụ lại đang bơi về phía nó mới chết. Nó cắt ngang qua trước mặt mụ một cách chậm chạp, đánh một vòng rộng và từ từ lượn chung quanh mụ. Lúc cái vây hình tam giác trằm xuống, mụ úp mặt dưới nước mở mắt ngó trộm nhưng chẳng trông thấy gì hết. Lúc nó nổi lên ở phía sau, mụ ra sức bơi nhanh hơn. Con quái vật này lười- mụ thấy rõ điều đó. Chắc nó đã no nê xác chết trên biển do trận cuồng phong gây ra. Nếu đói, nó đã không lờn gì mà không nhào vào mụ. Nó dài ít nhất năm thước, mụ hiểu chỉ một cái tộp của nó, thân thể mụ sẽ đứt đôi ngay lập tức. Nhưng mụ không có cách nào chọn lựa. Nếu không cố gắng bơi tiếp, nước sẽ kéo mụ lại – cũng thế cả thôi.

Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ quan sát, không thấy động tĩnh gì, con quái vật trở thành bạo dạn. Nó tiến lại gần mụ và lượn thành vòng hẹp hơn. Nếu cứ để như vậy đằng nào cũng chết, nó sẽ "đớp chơi" mụ dù bụng đã no. Mụ phải ra tay trước. Đó là một hành động liều lĩnh mà mụ đã suy nghĩ rất kỹ.

Mụ đã già, một mình ở trên mặt biển, kiệt sức vì đói khát và quá cực khổ; giờ đây, trong cơn nguy hiểm, đối diện với con quái vật, mắt nó đang tho ló nhìn mụ, lưỡng lự, thay vì nó xông vào mụ thì mụ sẽ xông vào nó trước. Nó cách mụ khoảng hai mét. Mụ bơi vòng vòng hơi xích về phía đuôi nó thật nhanh và làm ầm ầm giả bộ tấn công rồi liều mạng giơ bàn tay của một bà già, nắm tay đâm vào phía sau gần lưng nó một cái. Con quái vật giật mình, quấy đuôi, cứ thế lặn xuống, chuồn thẳng, lát sau biến mất. Cái đuôi như giấy nhám của nó quất mạnh đến nỗi làm mụ đau rất. Từ chỗ khuỷu tay tới cả vai mụ bị tuột da, lòi thịt.

Trong cái hũng đào dưới cát, bên trên che vài miếng gỗ và thiếc đã nhạt nhạch được, Mapuhi và Tefara đang nằm cãi cọ. Họ gây gỗ với nhau lần này là lần thứ một ngàn rồi.

- Nếu làm như lời tôi nói thì đâu đến nỗi. Tôi đã bảo phải giấu viên ngọc đừng cho ai biết. Nếu giữ kín bây giờ hãy còn.

- Nhưng Huruhuru nó rình mò khi tôi mở sò. Nó rình mò tất cả mọi người khi họ mở sò, tôi đã chẳng nói vậy nhiều lần, rất nhiều lần rồi sao.

- Bây giờ thì không có nhà, không có máy khâu, không có đồng hồ, không có gì cả. Sáng nay Raoul mới bảo tôi nếu đừng bán viên ngọc cho Toriki...

- Tôi không bán. Toriki ăn cướp của tôi.

- Raoul bảo nếu còn viên ngọc, cậu ấy có thể mua với giá năm ngàn đồng tiền vàng Pháp, tức mười ngàn đô la Chi Lê.

- Tại vì cậu ấy đã về bảo với mẹ cậu ấy. Mẹ cậu ấy bảo cậu ấy có thể mua viên ngọc với giá đó. Bà ấy muốn mua...

- Bây giờ nó mất..

- Nhưng tôi đã trả nợ được cho Toriki, nó là một ngàn hai trăm và hai trăm tiền tín phiếu, cộng một trăm tiền cho thêm.

- Toriki đã chết. Không ai nghe nói gì về tàu của ông ta. Nó đã mất cùng với chiếc Aorai và chiếc Hira. Toriki có trả cho anh ba trăm đô la tín phiếu như lời nói không? Không, bởi vì Toriki đã chết. Nếu anh không có viên ngọc, anh có phải trả nợ cho Toriki không? Không, bởi vì Toriki đã chết. Anh không phải trả nợ cho một người đã chết.

- Nhưng Levy chưa trả tiền Toriki. Ông ta viết cho Toriki một miếng giấy. Miếng giấy đó tốt ở Papitty vì có thể lãnh được tiền, mà không tốt ở Hikueru vì không lãnh được tiền. Miếng giấy ấy đã mất theo Toriki, và viên ngọc mất theo Levy.

- Mình nói rất đúng, Tefara. Tôi mất viên ngọc mà chả được gì cả. Bây giờ hãy để yên cho tôi ngủ.

Bỗng Mapuhi lắng tai nghe ngóng. Có tiếng người thở nặng nề và tiếng rên rỉ đau đớn. Một bàn tay quờ quạng sờ lên chiếc chiếu cứu trợ che tạm phía ngoài dùng thay cho cửa. Bàn tay đó gầy guộc, run rẩy khiến hấn sợ hãi:

- Ai đó?

- Mẹ đây. Mẹ là Nauri đây. Mapuhi phải không?

Tefara co dúm người lại, bám chặt lấy chồng, khe khẽ thì thầm nói không ra tiếng:

- Ma, ma đấy! Bà già chết rồi...

Mapuhi cũng run lập cập, giấu mặt vào lưng vợ:

- Mapuhi không có ở đây đâu. Nó ở ngoài hồ...

Có tiếng khóc rưng rức, năn nỉ:

- Mapuhi, con nỡ từ chối mẹ của con sao? Mẹ đã cực khổ, sống sót về đây...

- Không, không, Mapuhi không từ chối mẹ của nó. Nhưng tôi không phải Mapuhi. Linh hồn thiêng liêng, hãy đi nơi khác đi!

- Mẹ từ ngoài biển bơi về...

- Có, tôi biết, tôi biết, linh hồn từ ngoài biển bơi về...

"Linh hồn" vạch chiếc chiếu lết vào, trên mình ướt nước và không có cả lấy chiếc ahu nữa. Tefara chúm chặt người vào chồng, nhắm nghiền hai mắt, còn con bé N'gakura thì trùm kín chiếc mền mỏng lên đầu. Nó sợ quá nên khóc.

- Con đuổi mẹ đi nhưng ít nhất cũng phải cho mẹ già của con một miếng nước. Mẹ khát khô cổ họng...

Tefara run rẩy giục chồng:

- Lấy cho linh hồn miếng nước.

Mapuhi giục con bé N'gakura:

- Lấy cho linh hồn miếng nước.

Cả hai vợ chồng bèn giựt chiếc mền, đẩy con bé N'gakura ra ngoài.

Một lát sau, con N'gakura quay mặt đi, tay đưa gáo nước. "Linh hồn" uống lấy uống để nhưng vẫn còn khát. Mapuhi lấy thêm rồi đánh bạo sờ vào cánh tay "linh hồn" thì quả thấy có da bọc xương thật.

Đến lúc bà già kể lại chuyện phiêu lưu ở biển, gặp cái xác Levy và tìm thấy viên ngọc thì cả hai người cứ sát lại mà nghe, không còn sợ ma nữa. Bà cởi viên ngọc đeo trên cổ, bỏ vào trong tay Tefara, chị thấy bà đúng là bà Nauri, mẹ chồng của chị.

- Sáng hôm nay Raoul nói sẽ mua với giá năm ngàn đồng tiền vàng Pháp.

Bà Nauri ngạc nhiên:

- Thế còn cái nhà?

- Raoul bằng lòng xây nhà. Raoul bảo nó giá bốn ngàn tiền vàng, còn lại một ngàn cậu ấy sẽ trả bằng tín phiếu, đưa hàng trừ dần.

- Và cái nhà sẽ dài sáu sải?

- Đúng thế, sáu sải. - Mapuhi trả lời thay vợ.

- Trên tường có cái đồng hồ tám cạnh?

- Đúng thế, đồng hồ tám cạnh. Giữa phòng có chiếc bàn tròn.

Người con dâu nói thêm:

- Tất nhiên có cái máy khâu và đủ thứ hết, cộng thêm một ngàn đồng vàng tín phiếu.

Bà già kết luận:

- Bây giờ thì kiếm gì cho mẹ ăn cái đã, mẹ đói lắm. Mai sẽ nói tiếp suốt ngày về cái nhà. Nhưng tốt nhất là lấy một ngàn đồng vàng Pháp tức hai ngàn đồng Chi Lê bằng tiền mặt. Tiền mặt tốt hơn tín phiếu vì có thể mua mọi thứ của các tàu buôn. Họ thích được trả bằng tiền mặt.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Chúc Kẻ Lên Đường

Dốc cạn đi!"

"Có điều, Kid này, thế này có phải nặng quá không? Whisky với còn đã là tệ lắm, còn nói đến brandy với tương ớt, lại còn..."

"Dốc cạn đi. Không nhớ ai pha cái rượu này à?" Và Malemute Kid* mỉm cười hiền hòa sau đám hơi nước mù mịt. "Chú mà ở lâu tại đất này như ta, chú em, và phải sống bằng bẫy thỏ và cá hồi, chú sẽ biết là một năm chỉ có một lễ Giáng sinh. Và lễ Giáng sinh mà không có rượu punch cũng nhạt nhẽo như đồ ăn không muối."

"Cha này chỉ được cái nói đúng thôi," Jim Belden Bự con tán thưởng. Jim đã xuống đây từ phần đất của hấn ở Mazy Man để ăn lễ, sau khi, như mọi người đều biết, phải trải qua 2 tháng không có gì ăn ngoài thịt nai. "Còn nhớ cái mẻ rượu tụi mình pha cho bọn Tanana không, bác?"

"Khó quên lắm. Các cậu này, phải xem cả bộ lạc đó say khướt ầu đả với nhau mới biết khoái - tất cả chỉ vì phù phép của đường và bột chua lên tí men. Lúc đó cậu chưa về đây - Malemute Kid quay lại nhìn Stanley Prince, tay chuyên gia hầm mỏ trẻ tuổi đến đây được khoảng 2 năm. "Không có đàn bà da trắng ở vùng này, mà thằng Mason lại muốn lấy vợ. Cha của Ruth lúc đó là tù trưởng người Tanana; lão ngăn cản chuyện đó, rồi cả bộ lạc cũng vậy. Châm lắm, hả? Rồi sao, tôi phải dùng đến pound đường cuối

cùng của mình, lần đó là lần tôi pha rượu chiến nhất. Giá mà cậu được xem cuộc rượt đuổi, xuôi dòng sông rồi băng qua quăng đồng trống."

"Còn cô nàng da đỏ?" Louis Savoy, gã người Pháp cao kều hỏi, thích thú; gã đã nghe nói về trò chơi nông cuồng này ở vùng Forty Mile mùa đông trước.

Malemute Kid, một tay kể chuyện có duyên bẩm sinh, kể lại toàn bộ không thêm thắt câu chuyện của vùng đất phía Bắc Lochinvar. Trong bọn giang hồ sừng sỏ này vậy mà có bao nhiêu gã cảm thấy tim thắt lại và băng khuâng nhớ nhung, thèm muốn những cánh đồng nắng ấm miền Nam, nơi cuộc sống hứa hẹn nhiều hơn là một cuộc vật lộn trần trụi với giá lạnh và cái chết.

"Bọn tôi gặp sông Yukon ngay lúc tảng băng vỡ ra đầu tiên trôi qua," anh ta kết chuyện, "và cả bộ lạc đuổi theo sát lưng chỉ cách khoảng 15 phút. Cũng may thế là đủ; bọn tôi gặp được một tảng băng khác và bỏ rơi chúng. Đến lúc bọn họ đến được đồn Nuklukyeto thì cả đồn đã sẵn sàng đón tiếp rồi. Còn về hôn lễ, hỏi cha Rubeau kia kìa; cha làm lễ đấy."

Vị giáo sĩ dòng Tên nhắc tàu thuốc ra khỏi miệng nhưng cũng chỉ có thể cảm ơn bằng một nụ cười hiền từ với cả hai bọn Tin Lành và Công Giáo đều vỗ tay nồng nhiệt.

"Mị kíp!" Louis Savoy không kìm được sự xúc động vì câu chuyện lãng mạn. "Cô nàng da đỏ bé nhỏ, thằng Mason gan góc. Khá lắm, mị kíp!"

Sau đó, khi những ly rượu thiếc bắt đầu chuyền tay ra, Bettles Hũ chìm đứng lên và bắt vào bài hát nhậu nhẹt gã thích nhất:

"Có chàng Henry Ward Beecher

Và bọn thầy giáo lý nhà thờ,

Uống trà sắc từ rễ cây de

Nhưng chắc chắn cứ nói thật ra,

Thì đúng tên của nó chính là

Nước cốt lấy ra từ trái cấm đấy"

"Ô hô, nước cốt lấy ra từ trái cấm đấy," cả bọn say lúy túy cùng gào lên.

Thứ dung dịch kinh khủng của Malemute Kid đã bắt đầu thấm; bọn giang hồ tứ chiếng men bốc bùng bùng bắt đầu tuôn ra khắp vòng quanh bàn đủ kiểu tiểu lâm, hát hồng, và chuyện chiến tích ngày trước. Toàn người xa lạ đến từ hơn chục nước, bọn họ nâng ly chúc rượu lẫn nhau. Prince, người Anh quốc thì chúc cho "Chú Sam, đứa con đầy triển vọng của Tân Thế Giới"; gã Bettles người Mỹ chúc lại sức khoẻ của "Nữ Hoàng, cầu Chúa phù hộ bà"; và Savoy cùng với gã lái buôn người Đức Meyers thì cùng ly vì đất Alsace và Lorraine.

Rồi Malemute Kid đứng dậy, tay cầm ly, nhìn qua cửa sổ dán giấy dầu đóng một lớp băng dày tới 3 inch. "Chúc sức khoẻ kẻ đang lên đường; chúc cho lương thực của y không cạn sớm, bày chó vững chân, và diêm của y không bao giờ bị lép."

Crack! Crack! Vang lên âm thanh quen thuộc của chiếc roi đánh chó, tiếng bày chó tru thê thảm, và tiếng ken két của chiếc xe trượt tuyết đang tiến lại căn nhà nhỏ. Tiếng trò chuyện tạm ngưng để lắng nghe xem ai đang tới.

"Một tay kỳ cựu, sẵn sóc chó trước rồi mới lo cho mình," Malemute Kid thì thầm với Prince, khi nghe tiếng quai hàm bập, tiếng gặm gừ và kêu ăng ăng vì đau, tất cả cho những đôi tai kinh nghiệm biết rằng người lạ đang đánh và dồn bày chó của họ lùi lại để cho chó của hắn ăn.

Rồi tiếng gõ cửa mọi người chờ đợi, sắc và tự tin, rồi người lạ bước vào. Chói mắt vì ánh sáng, hắn khựng lại ở ngưỡng cửa, cho mọi người một phút để quan sát hắn. Hắn thuộc loại người rất ấn tượng, và trông sáng sủa trong bộ đồ vùng cực bằng len và lông thú. Đứng cao tới 6 feet 2 hay 3, vai rộng và ngực nở cân đối, bộ mặt cạo nhẵn của hắn đỏ bóng lên vì lạnh. Băng đóng đầy bộ lông mày dài và lông mi hắn, những dải vải trên phần tai và cổ dính vào chiếc mũ da sói thả lòng thòng xuống, hắn đúng thật là vua Băng Giá vừa bước ra khỏi đêm tối. Đeo bên ngoài chiếc áo khoác Mackinaw là một dây lưng gắn khuy sắt đeo hai khẩu Colt và một con dao săn, thêm vào trên tay ngọn roi đánh chó không thể thiếu, và một khẩu súng săn kiểu mới và lớn nhất, bắn không khói.

Một sự im lặng lúng túng rơi xuống, nhưng câu chào nồng nhiệt của hắn "Có gì vui không, các bác?" làm tình hình trở lại thoải mái, và ngay sau đó, hắn bắt tay với Malemute Kid. Tuy hai người chưa bao giờ gặp, nhưng cùng nghe nói về nhau và nhận ra người kia ngay. Một vòng giới thiệu quanh bàn rồi đến một cốc rượu punch được đẩy cho hắn trước khi hắn kịp giải thích chuyến đi của mình.

"Chiếc xe trượt tuyết kiểu rọ, ba người, tám con chó, qua đây bao lâu rồi?"

"Đã hai ngày nay. Bác đuổi theo tụi nó à?"

"Phải, bầy chó của tôi. Lùa hết đi ngay trước mũi tôi, lũ đểu. Hai ngày nay càng lúc tôi càng đến gần chúng - đợt nữa là đuổi kịp."

"Không ngăn tụi nó chơi lại sao?" Belden lên tiếng hỏi góp chuyện, trong khi Malemute Kid đặt ấm cà phê lên lò và mài chiên thịt mỡ với thịt nai.

Người lạ vỗ nhẹ hai khẩu súng, đầy ngụ ý.

"Bác đi khỏi Dawson hồi nào?"

"Mười hai giờ"

"Đêm qua chứ gì?" tất nhiên là thế.

"Trưa nay."

Tiếng rì rầm kính ngạc nổi lên khắp phòng. Đúng là kính ngạc thật, vì lúc đó mới đúng nửa đêm; chạy 75 dặm đường bờ sông gồ ghề đâu phải là chuyện đùa trong 12 tiếng đồng hồ.

Tuy nhiên câu chuyện rồi cũng nhãng ra, quay sang đề tài những chặng đường hồi nhỏ. Trong khi gã trẻ tuổi mới đến ăn bữa ăn qua quýt của mình thì Malemute Kid quan sát tỉ mỉ nét mặt hắn. Không cần lâu, gã cũng xác định được rằng đây là một khuôn mặt đàng hoàng, chân thật và cởi mở, và gã thấy ưa tay này. Tuổi vẫn còn trẻ mà các nếp nhăn đã hằn sâu nét nhọc nhằn và khổ cực. Mặc dù cặp mắt xanh của hắn đầy vẻ linh hoạt khi nói chuyện và hiền lành khi nghỉ, nó cũng sẵn sàng loé lên ánh thép nếu cần phải động thủ, đặc biệt là khi yếu thế. Quai hàm nặng nề và cằm vuông biểu lộ tính cách chai lì và bất khuất. Cũng không phải vì những đường nét của con sư tử mà khuôn mặt thiếu đi một sự mềm mại nào đó, một vẻ gì đó của nữ tính, nói lên một con người tình cảm.

"Đấy là chuyện tôi và bà lão nhà tôi lấy nhau," Belden kết thúc câu chuyện tình khá hào hứng của lão. "Chúng con về đây, thưa bố", cô ấy nói. "A, sao không chết mẹ mày đi," ông cụ bảo nàng, rồi bảo tôi "Jim, phải rồi, cởi ngay cái bộ đồ vớ của anh ra. Tôi muốn trước bữa tối anh phải cày xong một khoảnh coi được ngoài đám ruộng 40 mẫu kia." Rồi ông cụ quay sang cô ấy và nói: "Còn mày, Sal, đi vào rửa đám bát đĩa kia cho tao." Thế rồi ông cụ làm như có vẻ buồn ngủ và hôn nàng. Tôi đang sung sướng thì ông nhìn thấy và gầm lên "À, Jim! Cứ yên chí là tôi đã quét dọn chuồng ngựa cho anh ở rồi đấy."

"Ông có con cái gì còn ở Mỹ không?" Người lạ hỏi.

"Chẳng có gì. Sal chết trước khi sinh đẻ được đứa nào. Thế nên tôi mới sang đây." Belden lơ đãng châm tẩu thuốc của lão trong khi nó còn cháy, rồi tươi sắc mặt hơn, hỏi lại "Còn chú thì sao, lấy vợ chưa?"

Để trả lời, người lạ mở đồng hồ ra, gỡ sợi dây cột bằng da, đẩy sang cho Belden. Lão khơi ngọn đèn dầu, nhìn bên trong chiếc vỏ vẻ xét đoán, rồi chửi thề thán phục, chuyền sang cho Louis Savoy. Lão này "mị kíp" mấy lần rồi mới trao lại cho Prince, và ai cũng thấy tay lão hơi run và mắt lão có vẻ gì đó dịu lại. Cứ thế, chuyền qua những bàn tay chai đá, tấm hình được gắn vào đó của một thiếu phụ, kiểu người hiền thực mà đám đàn ông này mơ ước, âm đưa con thơ trước ngực. Ai chưa đến lượt được xem kỳ quan đó thì không giấu nổi vẻ tò mò; những người đã thấy thì ngồi yên để lòng về dĩ vãng. Bọn người có thể đương đầu với cơn đói lả người, bệnh hoại huyết khắc nghiệt, hay cái chết thảm trong chiến tranh và tai họa, lại có thể mềm lòng như đàn bà và trẻ con chỉ vì bức hình xa lạ một người đàn bà và con trẻ.

"Tôi cũng chưa gặp mặt đứa nhóc nữa; con trai, cô ấy nói, hai tuổi rồi." Người lạ vừa nói vừa nhận lại báu vật của mình. Hắn lưu luyến nhìn bức hình một lúc, rồi đóng cái vỏ lại và quay đi, nhưng cũng không kịp dấu được dòng lệ cố nén.

Malemute Kid dẫn hắn đến một chiếc giường, và chỉ cho hắn nằm nghỉ.

"Gọi tôi dậy sau đúng 4 tiếng. Nhớ kỹ giùm." hắn chỉ nói được có thế và ngay sau đó đã thở những nhịp nặng nề của một giấc ngủ vì mệt nhọc.

"Nói có quỷ thần, gã này cũng độc đáo thật," Prince bình luận. "Ngủ ba tiếng sau 75 dặm đi xe chó, rồi lại đi ngay. Ai đấy, bác Kid?"

"Jack Westondale. Ở đây cũng ba năm rồi, vẫn tay trắng chỉ được có cái tiếng là làm việc như trâu, và cả đồng chuyện xui xẻo. Tôi cũng không quen, nhưng Sitka Charley có nói chuyện về gã."

"Coi bộ cũng khổ, có vợ trẻ đáng yêu như vậy mà phải bỏ bao nhiêu năm ở cái chỗ quỷ tha ma bắt này; cứ một năm ở đây dài muốn bằng hai năm chỗ khác."

"Cái tội của hãn là hãn rất chất phác và cứng đầu. Hai lần hãn gom hết tiền để cá độ, cả hai lần đều thua sạch."

Đến đây câu chuyện bị gián đoạn vì cái mồm oang oang của Bettles, bởi vì tình cảm nhớ nhung gì cũng qua rồi. Cả bọn lại quên ngay những tháng năm ảm đạm trong nếp sống buồn tẻ và lao động khổ ải để nhập vào cuộc vui náo nhiệt. Chỉ có Malemute Kid là có chuyện gì trong lòng không bỏ qua được, và nhiều lần nhìn đồng hồ về bồn chồn. Một lần gã đeo bao tay và đội lên chiếc mũ da hải ly, rồi ra khỏi nhà đi loanh quanh nhà kho.

Gã cũng không chờ được tới lúc đã dặn, và đánh thức người khách lạ dậy sớm hơn 15 phút. Tay khổng lồ trẻ tuổi bị tê cứng khá chặt vật, và phải chà xát một lúc mới đứng dậy nổi. Hãn loạng choạng cách khổ sở ra khỏi căn nhà nhỏ, nhận thấy bầu chớ đã thẳng cương cẩn thận và mọi thứ đã sẵn sàng chỉ chờ lên đường. Cả hội ra chúc hãn may mắn và đến nơi sớm, còn Linh mục Roubeau vội vàng ban phúc cho hãn rồi dẫn đầu cả đoàn ùa trở vào nhà; dễ hiểu thôi vì dưới cái lạnh 74 độ âm (độ F) mà đứng để tai và tay phơi ra thì không tốt chút nào.

Malemute Kid tiễn người lạ đến con đường chính, xiết tay gã thật chặt và căn dặn:

"Trong xe đã có một trăm pound trứng cá hồi. Bầu chớ có thể cầm cự bằng số đó lâu ngang với 150 pound cá; cậu không mua được thức ăn cho chó ở Pelly, như cậu chắc đã trù tính đâu." Người khách lạ giật mình, mắt sáng quắc lên, nhưng vẫn không ngắt lời. "Không kiếm đâu được đồ ăn cho cả người lẫn chó trước khi tới trạm Năm Ngón Tay, và hai trăm dặm đường đó thật sự rất chậm. Coi chừng chỗ băng tan trên sông Ba Mười Dặm và nhớ đi vòng phía trên La Barge."

"Làm sao ông biết? Chắc hẳn tin tức không thể tới đây nhanh hơn tôi?"

"Tôi không biết, ngoài ra, tôi cũng không muốn biết. Nhưng cậu chưa bao giờ làm chủ bầy chó cậu đang đuổi theo hết. Sitka Charley bán lũ chó cho đám ấy từ mùa Xuân trước. Nhưng hẳn có bảo tôi cậu là người đang hòang, và tôi tin hẳn. Tôi đã nhìn kỹ mặt bạn, thấy bạn ưa được. Tôi cũng còn thấy - khốn nạn thật chứ- bỏ chỗ sung sướng như vậy tới đây, còn vợ, còn con..." Tới đây Malemute Kid tháo bao tay và rút túi ra.

"Không, tôi không cần đâu." Hai hàng lệ đóng thành băng giá trên đôi má người khách lạ, khi hẳn xiết chặt tay Malemute Kid.

"Vậy đừng có thương xót lũ chó, con nào gục phải gỡ ngay khỏi dây kéo, mua con khác, và nếu phải cân ký chó mỗi pound trả mười đô cũng còn rẻ. Đến Năm Ngón Tay, Cá Hồi Nhỏ, và Hootalinqua có thể mua chó được. Nhớ đừng để chân ướt," -lời khuyên cuối cùng -"Cứ đi khi nào còn trên 25 độ, nếu xuống thấp hơn thì phải nhóm lửa và thay bít tất."

Mười lăm phút chưa qua khỏi, thì tiếng chuông cửa báo hiệu người tới. Cửa mở, và một tuần cảnh miền Tây Bắc bước vào, cùng với hai tay đánh xe chó lai da đỏ. Giống như Westondale, họ đều vũ trang kỹ và có vẻ mệt mỏi. Bọn người lai sinh ra để làm nghề này nên chịu đựng một cách dễ dàng, còn tay tuần cảnh trẻ tuổi trông thật thảm hại. Nhưng tính ương bướng làm anh ta không chịu chậm bước, và sẽ thúc đẩy cho đến khi anh ta ngã gục trên đường.

"Westondale đi khỏi từ lúc nào?" Người tuần cảnh lên tiếng hỏi. "Hẳn có dừng lại đây, phải không?" Câu hỏi thật thừa, vì những vết xe đã trả lời rất rõ.

Malemute Kid bắt được cái nhìn của Belden, và lão này biết ý trả lời lảng đi, "Cũng khá lâu rồi."

"Nào, ông bạn, nói thật đi," người tuần cảnh cảnh cáo.

"Thầy có vẻ muốn tóm hãn dữ. Hãn gây gỗ gì ở dưới Dawson hay sao?"

"Cướp của sòng Harry McFarland 40,000; ra quày chuyển ngân đổi lấy check trả tiền ở Seattle, và nếu tôi không bắt được hãn thì ai đi mà cản hãn về đó lấy tiền? Hãn đi khỏi lúc nào?"

Bao nhiêu cặp mắt cố nén sự hào hứng, vì Malemute Kid đã ra hiệu ngầm, và người tuần cảnh trẻ nhìn quanh gặp toàn những khuôn mặt lầm lì.

Bước về phía Prince, người tuần cảnh tiếp tục hạch hỏi. Dù chàng khổ tâm khi nhìn thấy bộ mặt cương trực của người đồng bào, Prince đành phải trả lời ảm ố về cuộc hành trình.

Viên tuần cảnh nhận ra cha Roubau, người không thể nói dối. "Mười lăm phút trước," nhà tu hành trả lời, "nhưng hãn và lũ chó đã nghỉ ngơi 4 tiếng rồi."

"Đã đi 15 phút rồi, lại còn được nghỉ nữa chứ! Chúa ơi!" Người tuần cảnh lùi lại, gần như muốn quy vì kiệt lực và thất vọng, lăm bắm gì đó về cuộc rượt đuổi từ Dawson đến đây hết 10 tiếng đồng hồ và đàn chó cũng đã hết sức rồi.

Malemute Kid ấn vào tay người tuần cảnh cốc rượu punch; uống xong, gã quay ra cửa, ra hiệu cho hai người đánh xe đi theo. Nhưng hơi ấm và viễn ảnh được nghỉ ngơi thật quá quyến rũ, nên hai gã phản đối kịch liệt. Malemute Kid rất rành thứ tiếng Pháp bồi địa phương này, bõn chồn lắng nghe họ.

Hai gã thề sống thề chết rằng bầy chó đã hết sức rồi, rằng chưa được 1 mile thì đã phải bắn con Siwash và Babette, số còn lại cũng chẳng khá gì, tốt nhất hãy cứ để người và vật cùng nghỉ ngơi một lát.

Người tuần cảnh quay sang nhìn Malemute Kid "Cho tôi mượn năm con chó?"

Gã kia lắc đầu không đáp.

"Tôi sẽ ký cho ông một chi phiếu năm ngàn, dưới tên đại úy Constantine. Đây, giấy tờ của tôi đây, tôi có toàn quyền."

Lần nữa lời từ chối câm lặng.

"Vậy tôi sẽ trưng dụng nhân danh Nữ Hoàng."

Mỉm cười vẻ không tin, Kid liếc nhìn kho vũ khí đầy đủ của mình, và tay người Anh, nhận thấy mình bất lực, quay ra cửa. Nhưng vì bọn lái xe vẫn phản đối, anh ta quay ngoắt sang bọn họ, vẻ hung dữ, chửi chúng là đồ đàn bà và chó ghê. Bộ mặt bè bè của tên lai lớn tuổi đỏ bừng lên giận dữ và hăn nặng nề đứng dậy, hứa chắc như bấp là sẽ đưa vị trưởng đoàn của hắn đi cho đến lúc rã căng, và sẽ hoan hỉ chôn thây anh ta trong tuyết.

Người tuần cảnh trẻ - dùng hết ý chí của mình- bước vững vàng ra cửa, cứ như đã lại sức rồi. Nhưng ai cũng hiểu và thầm phục hành động kiêu hãnh của gã - cách nào thì gã cũng không thể che dấu nét thống khổ trên mặt mình. Bao phủ bởi giá buốt, lũ chó đang khoanh tròn trên tuyết, gần như không có cách nào buộc chúng đứng dậy nổi. Những con vật khốn khổ tru lên dưới làn roi sắc nhọn, vì bọn đánh xe đang tức giận và tàn bạo. Cả đến khi con Babette đầu đàn được gỡ ra khỏi xe, chúng cũng không sao nhúc nhích nổi.

"Đồ vô lại bần tiện, lại còn nói láo!" "Kẻ cắp!" "Không bằng một thằng da đỏ!" Rõ ràng là họ rất giận, thứ nhất vì đã bị lừa dối, thứ hai vì cái luân lý của miền Bắc này, nơi sự ngay thật được coi là đức tính quý báu nhất, đã bị xúc phạm. "Thế mà mình lại còn đi giúp nó nữa chứ, sau khi biết hết mọi chuyện." Mọi cặp mắt quay sang buộc tội Malemute Kid, trong khi gã đứng lên từ trong góc nhà chỗ gã đang sẵn sóc cho con Babette và lặng lẽ nốc cạn chén rượu cuối cùng.

"Đêm nay lạnh thật, các cậu, lạnh kinh đi ấy." Lời bào chữa bắt đầu nghe như chẳng ăn nhập vào đâu cả. "Các cậu đều đã đi đường trường, và hiểu rõ nó như thế nào. Đừng bỏ lại một con chó khi nó ngã gục. Các cậu mới nghe có một bên. Trong những kẻ đã ăn chung mâm, ngủ chung giường với các cậu hay tôi, chưa có ai trong sạch hơn Jack Westondale đâu. Mùa thu năm ngoái, hăn gom hết tiền bạc được 40,000, trao hết cho Joe Castell, để mua cổ phần Dominion. Đáng lẽ hôm nay hăn đã là triệu phú. Nhưng trong khi hăn ở lại thị trấn Circle để chăm sóc người bạn bị hoại huyết, thằng Castell đã làm gì? Nó vào sòng McFarlands, chơi quá tay và thua sạch. Ngày hôm sau người ta thấy xác nó trong đồng tuyết. Cậu Jack khốn khổ kia đã dự tính mùa Đông này trở về với vợ và đứa con chưa bao giờ thấy mặt. Các cậu cũng thấy là hăn chỉ lấy đúng số tiền tay đồng chí kia đã thua: 40 ngàn. Thế đấy, giờ hăn đã đi rồi; các cậu còn định làm gì nữa?"

Malemute Kid nhìn quanh các quan tòa, ghi nhận sự dụi lại của mọi bộ mặt, rồi nâng cốc lên: "Vậy thì chúc cho kẻ lên đường đêm nay, chúc cho lương thực của y không cạn sớm, bày chó vững chân, và diêm của y không bao giờ bị lép và..."

"Chúc cho bọn tuần cảnh lạc đường hết!" Bettles gào lên, giữa tiếng vỗ của những chiếc cốc rỗng.

* Đây là cách đặt tên đầy hình tượng nhưng phi ngữ pháp kiểu người Da đỏ. Có thể có nghĩa là Con dê con cầm hay Thằng nhóc cầm. Đây là 1 nhân vật xuất hiện trong 4 truyện ngắn của Jack London. Vì không bao giờ có một giải thích xuất xứ cái tên này.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Đánh Trống Bỏi

Trước kia El-Soo đã từng sống trong nhà chung. Nàng mồ côi mẹ ngay từ khi còn thơ ấu; vào một ngày mùa hạ, nàng được Bà Phước Albertra đón về Tu-Viện Thánh Giá như một kẻ lạc loài trong đám người sa ngã để hiến dâng cho Chúa. Tuy là một cô gái Da Đỏ thuần túy, nhưng El-Soo tỏ ra có nhiều năng khiếu hơn các cô gái khác có giòng máu lai dù nhiều hay ít. Chưa bao giờ các bà phước thấy một cô gái nhỏ có khả năng thích ứng và linh lợi như vậy.

El-Soo lanh lẹ, khéo léo, lại thêm thông-minh, nhưng có điều đáng nói hơn hết là nàng có một sức sống tiềm tàng mãnh liệt tạo thành một cá tính được hun đúc bằng ý chí, bằng sự dịu dàng và gan dạ. Thần phụ nàng là một tù trưởng và giòng máu của ông chảy trong huyết quản nàng. Đối với El-Soo, sự phục tùng là một vấn đề điều kiện và thỏa thuận. Nàng rất trọng lẽ công bằng hợp lý và có lẽ đó là lý do khiến cho nàng xuất sắc về môn toán học.

Nhưng El-Soo còn xuất sắc về nhiều thứ khác nữa. Nàng học đọc và viết tiếng Anh mau hơn bất cứ cô gái nào từng học từ trước tới nay trong nhà chung. Về hát nàng cũng dẫn đầu và nàng mang cả tinh thần công-bình vào trong bài hát. Nàng có tâm hồn nghệ sĩ và lòng nhiệt thành của nàng hướng về sự sáng tạo; Nếu như từ thuở mới chào đời, được sống giữa một khung cảnh thuận lợi hơn, thì hẳn nàng đã trở thành nhà văn hay nhà soạn nhạc.

Nhưng nàng chỉ là El-Soo, con gái của Klakee-Nah, một vị tù trưởng, và nàng sống trong Tu-Viện Thánh Giá, nơi không có nghệ sĩ mà chỉ toàn những bà phước với tâm hồn tinh trắng, chỉ chú trọng đến sự thanh tịnh ngay thẳng và sự cứu rỗi linh hồn thuộc thế giới bất diệt ở cao vút trên chín tầng mây xanh.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Khi bước chân đến tu-viện, nàng mới lên 8 tuổi; năm 16 tuổi, vừa lúc các bà phước liên lạc với các bề trên về việc gởi nàng qua Hoa-Kỳ để bổ túc công việc giáo dục cho nàng, thì một người đàn ông thuộc bộ lạc của nàng tới tu viện nói chuyện với nàng. Gã đàn ông đó làm cho El-Soo hơi kinh sợ. Trông hăn bần thiêu và giống như thẳng ngợm, dáng dấp thô bạo, mớ tóc rối bù có lẽ không bao giờ biết đến cái lược. Hăn nhìn nàng với cặp mắt dè bium và không chịu ngồi xuống.

Hăn nói cộc lốc:” Anh cô chết rồi!”

El-Soo không lộ vẻ quá xúc động khi hay tin này vì nàng chỉ còn nhớ mang máng tới anh nàng. Gã đàn ông mang tin nói tiếp: “Lúc này, cha cô già yếu, sống trơ trọi một mình trong một căn nhà rộng thênh thang vắng vẻ, cụ muốn cô về chăm sóc cho cụ.”

Nàng nhớ cụ ấy là Klakee-Nah, vị tù trưởng trong làng, người bạn của các nhà truyền giáo và các thương-gia. Vóc người cao lớn, trông ông vạm vỡ như một người khổng lồ với đôi mắt hiền từ và những cử chỉ oai phong, đi đứng bệ vệ như ý thức được cái quyền thế thô sơ của mình.

El-Soo đáp: “Hãy nói với cha tôi là tôi sẽ về”.

Các bà phước rất buồn bực, thực vậy, nay không khác nào khúc củi kéo ra khỏi đống lửa cháy lại trở về đống lửa cháy. Bao nhiêu lời khuyên dụ cũng không sao lay chuyển nổi El-Soo. Hết trình bày điều hơn lẽ thiệt, lại cản ngăn, rồi khóc lóc, Dì Alberta lại còn tiết lộ cả với nàng dự tính gởi nàng sang Hoa-Kỳ. El-Soo đăm đăm nhìn vào con đường dài trong sáng

đầy hoa thơm cỏ lạ mở ra trước mắt nàng, nhưng nàng lắc đầu vì trong mắt nàng còn có một con đường khác. Đó là khúc sông Yukon hùng vĩ uốn quanh Trạm Tanana, có nhà chung thánh George ở một bên, về phía bên kia là một thương xã, và nó ở giữa khoảng đường từ làng dân Da Đỏ và một căn nhà gỗ lớn rộng, nơi có một ông già đang sống nhờ sự săn sóc của nhóm nô lệ.

Tất cả dân chúng ở vùng Yukon đều cách xa hàng ngàn dặm cũng biết căn nhà lớn rộng ấy, ông già và những người nô lệ ấy. Cả các bà phước cũng biết rõ căn nhà ấy cùng các cuộc vui chơi bất tận, cảnh tiệc tùng hoan lạc diễn ra tại căn nhà ấy. Vì thế các bà phước đã khóc thương khi El-Soo rời bỏ Tu-Viện Thánh Giá.

Có một sự cải tổ quan trọng trong căn nhà lớn rộng này khi El-Soo trở về. Vốn chính mình cũng rất chuyên đoán, Klakee-Nah phản đối sự chuyển quyền củ cô con gái ông, nhưng rồi sau quá thiết tha mơ mộng về huy hoàng, Klakee-Nah đã nhất quyết tới vay lão giả Porpotuk, tay giàu có nhất vùng Yukon một ngàn Mỹ kim. Klakee-Nah mang số tiền vay được đi sắm sửa; El-Soo trang hoàng lại căn nhà lớn rộng đó. Nàng mang lại cho nó cảnh huy hoàng mới trong khi Klakee-Nah vẫn duy trì những truyền thống hiếu khách và hoan lạc xưa.

Đối với một người dân Da Đỏ ở Yukon mà có tất cả những điều ấy thật là bất thường, nhưng Klakee-Nah là một người da đỏ phi thường. Không những ông ưa chiêu đãi khách quá độ, nhưng phần vì tư cách một vị tù trưởng, phần vì kiếm được nhiều tiền, nên ông làm như vậy. Trong thời buôn bán đầu tiên, ông có một uy quyền đối với dân chúng của ông, và ông đã giao dịch một cách có lợi với các công ty thương mại của người da trắng. Về sau, ông đã cùng Porpotuk khai thác một mỏ vàng trên triền sông Koyokuk. Nhờ giáo dục và nhờ bản chất, Klakee-Nah là một người thuộc phần giai cấp quý tộc. Trong khi đó Porpotuk thuộc thành phần trưởng giả và đã bỏ tiền mua cả mỏ vàng. Porpotuk cần cù làm giàu còn Klakee-Nah

trở lại căn nhà lớn rộng và dẫn mình vào các cuộc hoan lạc. Nếu Porpotuk được tiếng là người Da Đỏ giàu nhất miền Alaska thì Klakee-Nah được tiếng là người hào hoa nhất vùng. Porpotuk là người chuyên cho vay tiền, một kẻ cho vay nặng lãi. Còn Klakee-Nah là một người bất phùng thời, một tàn tích của thời trung cổ, một tráng sĩ, và một người ưa thích yến tiệc linh đình, vui trong ly rượu và tiếng ca.

El-Soo thích ứng với căn nhà lớn rộng ấy cùng với các lễ thói của nó cũng như nàng đã từng sẵn sàng uốn theo nếp sống trong tu viện. Nàng không tìm cách cải tạo thân phụ nàng và hướng ông về với Chúa. Thật thì nàng có trách móc ông rượu chè quá độ nhưng đó là vì nàng muốn bảo vệ sức khỏe cho ông và muốn cho bước chân ông đi được vững chắc.

Then cửa căn nhà rộng lớn đó bao giờ cũng mở. Phần vì người ta lui tới tấp nập, nên căn nhà này không bao giờ yên tĩnh cả. Căn phòng khách lớn rộng rành những lời chúc và tiếng ca. Tân khách gồm những nhân vật từ khắp mọi nơi, nào các vị tù trưởng từ những bộ lạc xa xôi, nào người Anh, nào dân bản xứ, các thương gia Hoa-Kỳ dáng người dong dong, cùng những nhân viên người đẩy đà, thuộc những hội lớn các dân chăn bò từ những cảnh đồng cỏ miền Tây, những thủy thủ của trùng dương, những dân săn bắn, những người chuyên đi xe trượt tuyết. Tất cả thuộc tới hai mươi quốc tịch.

El-Soo sống trong bầu không khí tứ chiếng đó. Nàng nói được tiếng Anh thông thạo. Nàng biết rõ những nghi lễ cổ xưa của dân Da Đỏ, cùng những truyền thống nay đã mai một đi rồi. Nàng biết cách phục sức đúng tư cách ái nữ của một vị tù trưởng vào dịp cần đến. Nhưng hầu hết các lúc khác nàng ăn mặc như một phụ nữ da trắng. Công việc kim chỉ tại tu viện và khiếu thẩm mỹ bẩm thụ của nàng không phải là vô ích. Nàng phục sức như một phụ nữ da trắng và nàng may được những tấm áo rất đúng thời trang.

Với nếp sống riêng của nàng, nàng cũng phi thường như thân phụ nàng, và nàng cũng có địa vị độc đáo như ông. Nàng là người phụ nữ Da Đỏ độc nhất; về phương diện xã hội, được đối xử ngang hàng với nhiều phụ nữ da trắng tại trạm Tanana. Nàng là phụ nữ Da Đỏ độc nhất được đàn ông da trắng cầu hôn. Và nàng cũng là phụ nữ da đỏ độc nhất không bị đàn ông da trắng nào nhục mạ bao giờ.

Sở dĩ như vậy vì El-Soo đẹp - không phải cái đẹp thông thường của đàn bà da trắng hoặc của phụ nữ Da Đỏ. Cái đẹp của nàng không tùy thuộc vào khuôn mặt nhưng nó phát xuất từ tính tình thiết tha nồng nàn của nàng. Nếu chỉ xét dáng người thon thon, và khuôn mặt thanh tú, nàng là một phụ nữ Da Đỏ điển hình. Nàng có mái tóc đen, nước da bánh mật, cặp mắt đen lánh và sắc như dao của nàng tỏa ra một niềm tự tin, một ý chí cương quyết. Mũi nàng dọc dừa với đôi cánh mũi phập phồng, lưỡng quyền cao và đôi môi mỏng nhưng không đến nỗi quá mỏng. Nhưng điều đáng nói hơn hết là tất cả đều toát ra cái vẻ nồng nàn linh hoạt của nàng, một cái gì khó diễn tả và phân tích; nó biểu lộ sự nhiệt thành của tâm hồn nàng. Niềm thiết tha nồng thắm ấy phảng phất trên tất cả, từ ánh mắt đến làn môi.

El-Soo lại rất ranh mãnh; nàng ít khi chiêm biếm mất lòng người ta, nhưng hay tìm ra những khuyết điểm nhỏ để điều cợt. Tính vui vẻ của nàng như ngọn đuốc sáng bao quanh nàng, và mọi người xung quanh đều chia sẻ niềm vui đó. Tuy vậy, nàng không bao giờ tự cho mình là quan trọng. Nàng không muốn vậy. Căn nhà lớn đó, và tất cả những gì thuộc về nó là của cha nàng, và thân hình oai hùng đó di chuyển khắp căn nhà cho tới ngày cuối cùng của ông. Ông là chủ nhân ông, chủ tọa mọi tiệc hoan lạc và ông là người ban bố lệ luật. Thật vậy, sức mạnh của ông kém đi, thì nàng lại đỡ lấy trách nhiệm từ bàn tay suy yếu của ông. Nhưng bề ngoài, ông vẫn cai quản, có khi ông ngủ gục trên bàn ăn, thật là một thân hình tàn tạ của hoan lạc; tuy vậy, ông vẫn có vẻ chủ nhân ông của tiệc liên hoan.

Và lão Porpotuk đi đi, lại lại trong căn nhà lớn đó, vẻ bi quan, đầu lắc lư tỏ vẻ không tán thành, nhưng vẫn bỏ tiền ra trả tất cả. Không phải lão trả tiền thực sự đâu, lão đủ mảnh lối tính lời kếp vào số tiền đó, và cứ thế hết năm này qua năm khác, lão thu hút dần cả tài sản của Klakee-Nah. Có lần Porpotuk trách El-Soo về nếp sống lãng phí trong căn nhà lớn ấy - đó là lúc lão gần tiêu nốt phần chót của gia sản Klakee-Nah - nhưng lão không bao giờ dám mở miệng trách nàng lần nữa. El-Soo, cũng như cha nàng, là con người quý tộc, coi rẻ tiền như ông cụ vậy, và có ý thức về danh dự y như cha nàng.

Porpotuk tiếp tục ứng tiền ra một cách miễn cưỡng, và tiền của lão vẫn chảy ra như nước. Có một điều El-Soo cương quyết - thân phụ nàng sẽ phải qua đời như ông đã sống. Đối với ông không có chuyện ở bề vào ngôi, không có vấn đề tiết giảm những cuộc yến tiệc linh đình, giảm bớt những cuộc thù tiếp đôn hậu. Hồi trước khi trời làm đói kém, những người Da Đỏ tới kêu van ở căn nhà rộng đó đều được thỏa mãn khi ra đi. Lúc trời làm đói kém mà tiền đã hết thì phải vay của Porpotuk, nhưng những người Da Đỏ đến kêu xin cũng vẫn được thỏa mãn. El-Soo có thể bắt chước các người quý tộc ở thời đại khác và ở nơi khác, và nói rằng sau này tai họa có tới cũng mặc. Trong trường hợp của nàng, tai họa đó là lão Porpotuk. Cứ mỗi lần nàng xuất tiền ra lão lại nhìn nàng với con mắt ngụ ý là nàng dần dần thuộc về lão và lão cảm thấy lòng xuân lại rào-rạt.

Nhưng El-Soo không để ý gì tới lão. Nàng cũng chẳng để ý gì tới những người da trắng muốn cưới nàng tại nhà chung, nhẫn cưới, linh mục chủ lễ và sách kinh, vì ở trạm Tanana có một chàng trai trẻ tên Akoon, người đồng chủng, đồng hương với nàng. Dưới con mắt nàng, chàng là một tay đi săn lực lưỡng, đẹp trai và rất nghèo vì đã ngao du rất nhiều và rất xa. Chàng đã từng đặt chân tới những vùng hoang vu hẻo lánh, chàng đã tới Sith và Hoa-Kỳ, chàng đã vượt lục địa với Vịnh Hudson rồi trở lại, và trên một chiếc tàu săn hải cẩu, chàng đã tới Tây-Bá-Lợi-Á và Nhật Bản.

Khi từ mỏ vàng tại Klondike trở về, chàng thường tới căn nhà rộng lớn để tường trình cho ông già Klakee-Nah tất cả những điều chàng đã trông thấy và chính tại căn nhà đó, chàng đã gặp El-Soo lần đầu tiên, sau khi nàng đã từ tu viện trở về được ba năm tròn. Chính vì lý do này mà Akoon không còn muốn đi xa nữa. Chàng từ khước số lương hai mươi Mỹ-Kim một ngày để làm hoa tiêu trên các tàu thủy lớn. Chàng đi săn và đi câu chút ít nhưng không bao giờ đi xa khỏi trạm Tanana, nhưng chàng thường hay tới và lưu lại lâu ở căn nhà lớn rộng đó. Còn El-Soo khi so sánh chàng với nhiều đàn ông khác, nàng thấy chàng là người xứng đáng. Chàng ca những bài hát tặng nàng và thiết tha say đắm đến nỗi cả vùng trạm Tanana đều biết chàng yêu nàng. Trong khi đó, Porpotuk chỉ cười nhạt và xuất thêm tiền để duy trì nếp sống của căn nhà lớn rộng đó.

Rồi tới bữa ăn lâm chung của Klakee-Nah. Ông ngồi vào bàn tiệc, nhưng cổ họng nghẹn vì bệnh hoạn, ông không sao uống được nhiều rượu nữa. Trong khi đó tiếng cười đùa, tiếng ca hát vẫn vang lên và Akoon kể chuyện khiến mọi người cười rộ. Không có một giọt nước mắt hay một tiếng thở dài ở bàn tiệc này. Klakee-Nah phải được chết giữa cảnh nhộn nhịp vui vẻ như ông sống vậy, đó là một điều rất hợp lý và không ai hiểu rõ điều này hơn là El-Soo, một cô gái có tâm hồn nghệ sĩ. Như hồi xưa, cả đám người cũ ồn ào đều có mặt ở đó, và lại còn có ba thủy thủ dạn dày băng tuyết vừa vượt trùng dương từ miền Bắc băng trở về. Họ là những người sống sót trong số bảy mươi tư người thuộc thủy thủ đoàn của một chiếc tàu. Đứng phía sau Klakee-Nah là bốn người già, đó là những người còn sót lại trong số những nô lệ đã hầu hạ ông hồi ông còn trẻ. Những người này mắt kèm nhèm chăm chú chăm sóc ông, với bàn tay run run, họ rót rượu vào ly hoặc đấm lưng cho ông khi căn bệnh làm cho ông ho và thở hổn hển.

Đêm hôm đó là một đêm tương bình, trong khi giờ phút trôi qua và tiếng cười đùa vang lên, cổ họng Klakee-Nah bị đau đớn liên miên, trong khi Tử thần ra tay.

Tới lúc đó, ông cho kiểm Porpotuk. Từ ngoài giá lạnh bước vào, Porpotuk dè bủ nhìn thit và rượu bày trên bàn do chính tiền lão trả. Nhưng khi nhìn hết lượt những bộ mặt đỏ gay tới tận cuối phòng, lão thấy khuôn mặt El-Soo. Mắt lão bỗng sáng lên và nổi bực dọc trong lòng cũng lẳng nguôi đi.

Người ta dọn chỗ cho lão ngồi cạnh Klakee-Nah và đặt trước mặt lão một cái ly. Chính tay Klakee-Nah đã vồn vã rót rượu vào ly và mời, “Bác xơi đi, rượu có ngon không?”:

Porpotuk gật đầu và chép miệng, rượu nồng làm nước mắt lão trào ra.

Klakee-Nah hỏi: “Khi ở nhà, bác có uống rượu ngon như thế không?”

Porpotuk trả lời ngập ngừng như còn đợi nghĩ cho chính câu nói: “Tôi công nhận là rượu này rất tốt đối với người có tuổi như tôi.”

Klakee-Nah nói lớn để bổ túc thâm ý của Porpotuk: “Nhưng chỉ vì nó đắt quá”.

Porpotuk khó chịu trước tiếng cười của những người ngồi cùng bàn, cặp mắt của lão long lên vì bực bội. Lão nói: “chúng ta đều là chỗ bạn già với nhau. Cỗ hòng bác đau và thấy tử thần gần tới, chứ tôi vẫn còn khỏe mạnh và cường tráng chán.”

Trong bàn tiệc có tiếng thì thào phản đối; Klakee-Nah ho và ghen thờ, và mấy người nô lệ già vội dấm lưng cho ông. Nhưng ông lại tỉnh, thờ hỗn hển và vẫy tay để trấn tĩnh sự xô xao đe dọa.

Ông kêu lên: “Bác đã hà tiện cả đến việc nhóm lửa tại nhà riêng vì củi quá đắt! Bác đã không dám sống. Cuộc sống quá tốn kém nên bác đã khước từ không chịu tốn kém để sống. Kiếp sống của bác chẳng qua chỉ là căn phòng không lửa ấm, không có cả thảm trải dưới nền”. Rồi ông ra hiệu cho một tên nô lệ rót đầy rượu vào ly và ông nâng cao lên. "Nhưng tôi đã sống

một cuộc sống ấm áp có hương vị chứ không như kiếp sống tẻ nhạt của bác. Thật vậy, bác sẽ sống lâu, như những đêm dài nhất là những đêm giá lạnh khi một người rét mướt thao thức không chợp mắt được. Những đêm của tôi không dài, nhưng tôi được ngủ ấm áp”

Ông cạn hết ly rượu. Bàn tay run lẩy bầy của tên nô lệ không cầm kịp chiếc ly nên để rơi xuống sàn bể tan. Klakee-Nah lại ngồi dựa ra thở hổn hển, nhìn những chiếc ly dốc ngược trên môi của những người uống, trên môi ông thoáng một nụ cười trong khi mọi người tán thưởng ông. Nhận được dấu hiệu, hai tên nô lệ định giúp ông lại ngồi ngay người lại nhưng họ yếu sức và thân hình ông lại vạm vỡ. nên bốn người đó đều loạng choạng mãi mới nâng nổi ông ngồi thẳng lên.

Ông nói tiếp: “Nhưng ở đây không phải chỗ nói chuyện về lẽ lối sống của Porpotuk, đêm nay giữa chúng ta còn nhiều chuyện khác. Công nợ là điều bất hạnh và tôi đây chịu bất hạnh đối với bác. Công nợ của tôi ra sao, và lên tới bao nhiêu rồi?”

Porpotuk tìm trong túi và lôi ra mấy tấm giấy. Lão nhấp ly rượu, rồi kể lể:” Đây là biên lai tháng tám, năm 1889: ba trăm Mỹ-Kim. Chưa trả được đồng tiền lãi nào. Và biên lai hồi năm kể đó: năm trăm Mỹ-Kim. Biên lai này tính chung với biên lai hai tháng sau một ngàn Mỹ-Kim. Còn đây là biên lai...”

Klakee-Nah sốt ruột kêu lên: “Thôi, nhớ làm gì các biên lai ấy nữa! Nó làm đầu óc tôi rối cả lên. Tôi nợ tất cả bao nhiêu?”

Porpotuk nhìn tấm giấy ghi nợ và đọc một cách cẩn thận: “Mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy Mỹ-Kim, bảy mươi lăm xu”.

Klakee-Nah nói một cách khinh bỉ: “Tính chẵn mười sáu ngàn cũng được, cứ tính chẵn mười sáu ngàn. Những con số lẻ chỉ tổ làm cho mệt óc. Và sở dĩ tôi cho mời bác đến là để tính toán công nợ, vậy bây giờ bác biên

một giấy nợ mười sáu ngàn và tôi sẽ ký. Tôi không quan tâm gì đến lời lãi. Bác muốn tính bao nhiêu cũng được. và tiền sẽ hoàn trả ở thế giới bên kia khi tôi gặp bác bên đám lửa của Tổ Phụ tất cả các người Da Đỏ. Lúc đó nợ sẽ được hoàn toàn thanh toán. Tôi hứa với bác như vậy. Đó là lời hứa của Klakee-Nah.”

Porpotuk bối rối ra mặt, trong lúc tiếng cười rộ vang động cả căn phòng. Klakee-Nah giơ hai tay lên và nói lớn: “Này, tôi không nói đùa đâu, tôi nói thật đấy. Chính vì thế tôi mời bác tới đây. Hãy viết giấy nợ đi”.

Porpotuk trả lời chậm rãi: “Tôi không giao dịch chuyện tiền nong với thế giới bên kia”.

Klakee-Nah hỏi: “Thế bác không tin là sẽ gặp tôi trước Tổ Phụ sao? Chắc chắn là tôi sẽ có ở đấy mà”.

Porpotuk nhắc lại một cách chua chát: “Tôi không giao dịch gì với thế giới bên kia”.

Con người hấp hối nhìn ông, tỏ vẻ kinh ngạc thật sự.

Porpotuk giải thích: “Tôi không biết gì về thế giới bên kia! Tôi giao dịch làm ăn ở ngay thế giới này.”

Mắt Klakee-Nah sáng lên. Ông cười: “Sở dĩ bác có thái độ như vậy vì bác bị những đêm ngủ lạnh xúi giục”. Ông nghĩ ngợi một lúc rồi tiếp: “Phải thanh toán cho bác ở ngay thế gian này. Vậy tôi chỉ còn có cái nhà này. Bác hãy lấy căn nhà này và đốt các giấy nợ ở ngọn đèn cầy kia”.

Porpotuk trả lời: “Căn nhà này cũ kỹ không xứng với món nợ đó”.

“Còn những mỏ của tôi ở Twisted Salmon”.

“Những mỏ đó không bỏ công khai thác”.

“Còn cổ phần của tôi trong chiếc tàu Koyukuk. Tôi là sở hữu chủ một phần nửa chiếc tàu đó”.

“Hiện tàu đó đã chìm sâu dưới đáy sông Yukon”.

Klakee-Nah sửng sốt: “Đúng rồi, tôi quên khuấy đi. Vào mùa xuân vừa rồi khi tuyết băng tan”. Ông suy nghĩ một lúc, trong lúc đó những ly rượu vẫn chưa ai cạn và mọi người có ý đợi chờ ông lên tiếng.

“Vậy ra tôi nợ bác một món tiền mà tôi không thể trả nổi...trên thế giới này?”

Porpotuk gật đầu và liếc nhìn xuống bàn.

Klakee-Nah nói bằng một giọng ranh mãnh: “Này Porpotuk, vậy thì dường như bác là một nhà doanh thương vụng tính”.

Porpotuk trả lời một cách mạnh bạo: “Không, vẫn còn một thứ bảo đảm nguyên vẹn”.

Klakee-Nah kêu lên: “Cái gì? Tôi còn tài sản nào khác chẳng? Hãy kể ra và tôi sẽ trả cho bác để trừ cho hết nợ”.

“Kia kìa!” Porpotuk chỉ El-Soo.

Klakee-Nah không hiểu. Ông nhìn chăm chú xuống cuối bàn, dụi mắt rồi lại chăm chú nhìn.

“El-Soo, con gái ông, tôi sẽ lấy nàng và nợ sẽ xí xóa. Tôi sẽ đốt hết giấy nợ ngay ở ngọn đèn này”.

Bộ ngực nở nang vạm vỡ rung lên, Klakee-Nah cười một cách chua chát: “Hô! Hô! Một chuyện khôi hài - Hô! Hô! Hô! với cái giường lạnh giá của ông và những cô con gái ông tuổi đáng bậc mẹ El-Soo! Ha! Ha! Ha!”

Ông lại bắt đầu ho và nghẹn thở, và mấy tên nô lệ già lại vội dấm lưng cho ông. Ông lại cười: “Hô! Hô!” và phải ngừng vì cơn ho khác.

Porpotuk nhẫn nại đợi chờ, vừa nhấp ly rượu vừa quan sát những nét mặt ở hai bên bàn chạy suốt tới cuối phòng, lão nói: “Không phải chuyện khôi hài. Tôi nói thật đấy!”.

Klakee-Nah nghiêm nét mặt lại, nhìn Porpotuk, rồi với lấy chiếc ly, nhưng ông không với tới. Một tên nô lệ đưa ly rượu cho ông, ông hắt luôn cả ly rượu vào mặt Porpotuk.

“Tổng cổ nó ra” Klakee-Nah ra lệnh oang oang cho bọn người vây quanh bàn, nóng nảy chờ đợi như bầy chó săn bị hãm: “Vùi nó xuống tuyết”.

Khi đám người hung hăng kia đi ừa qua mặt ông và đã ra khỏi cửa, ông ra hiệu cho bốn tên nô lệ đi khắp khếnh đỡ ông đứng dậy để chào những tân khách đang trở lại. Ông đứng thẳng, chiếc ly trên tay mời họ xơi ly rượu mừng đêm ngắn ấy khi con người ta ngủ ấm áp.

Việc thanh toán tài sản của Klakee-Nah không cần nhiều thời giờ. El-Soo cho mời Tommy, một người Anh dáng bé nhỏ, làm thư ký ở thương xã, tới để phụ giúp vào công việc này. Tài sản chỉ gồm toàn khoản tiền nợ, những văn tự nợ quá hạn chưa thanh toán, những tài sản đã cầm cố và những tài sản cầm cho người ta nhưng vô giá trị, văn tự và giấy cầm cố tài sản đó đều do Porpotuk nắm giữ. Khi tính toán tổng kết tiền lời, Tommy đã nhiều lần kêu Porpotuk là một tên ăn cướp.

El-Soo hỏi: “Đó có phải là một món nợ không Tommy?”

Tommy trả lời: “Đây là một sự bóc lột”

El-Soo nhấn mạnh: “dù sao nó cũng là một món nợ”.

Mùa đông trôi qua, mùa xuân lại về mà El-Soo vẫn không trang trải được món nợ của Porpotuk. Porpotuk đến gặp El-Soo luôn và dài giòng giải thích với nàng, như trước kia lão đã từng giải thích với thân phụ nàng, cách xóa công xóa nợ. Lão còn mang theo những thầy phù thủy già để dẫn giải cho nàng rõ là linh hồn cha nàng sẽ bị giam cầm vĩnh viễn nếu không thanh toán món nợ đó. Một hôm, sau một cuộc dẫn giải như vậy, El-Soo nói dứt khoát quyết định của nàng cho Porpotuk hay.

Nàng nói: “tôi nói cho ông biết hai điều: thứ nhất tôi sẽ không bao giờ chịu làm vợ ông, ông nhớ kỹ điều ấy chứ? Thứ hai là tôi sẽ trả ông mười sáu ngàn Mỹ Kim không thiếu một xu nhỏ nào.”

Porpotuk sửa lại “mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy Mỹ Kim và bảy mươi lăm xu.”

Nàng đáp: “cha tôi bảo mười sáu ngàn. Tôi sẽ trả hết nợ ông.”

“ Trả bằng cách nào?”

“Tôi không biết, nhưng tôi sẽ tìm ra cách trả. Bây giờ ông đi đi và đừng có quấy rầy tôi thêm nữa. Nếu ông còn quấy rầy,” - nàng ngậm ngừng để nghĩ một cách trừng phạt thích đáng - “nếu ông còn quấy rầy, tôi sẽ sai người lái vùi ông xuống tuyết ngay khi có trận tuyết đầu tiên.”

Lúc ấy hãy còn vào đầu xuân, và sau đó ít lâu, El-Soo đã làm cả vùng ngạc nhiên. Tiếng đồn đại khắp vùng Yukon, từ Chilkoot tới Delta, từ trại này đến trại khác, tới những trại hẻo lánh nhất, rằng tới tháng Sáu khi con cá thu đầu tiên bơi ngược dòng để tìm nơi đẻ, thì El-Soo, con gái của Klakee-Nah, sẽ tự bán đấu giá mình để trả nợ Porpotuk. Bao nhiêu lời khuyên can nàng cũng đều vô ích. Vị giáo sĩ ở nhà thờ thánh George hết sức cản ngăn nàng, nhưng nàng trả lời:

“ Chỉ có nợ của chúa mới trả ở thế giới bên kia. Còn nợ của thế nhân thì phải thanh toán ở ngay thế gian này”

Akoon cố van nài, nhưng nàng trả lời: “Anh Akoon, em yêu anh tha thiết, nhưng danh dự còn trọng hơn tình yêu, và em là hạng người gì nếu em để xấu mặt cha em?”

Dì phước Alberta từ tu viện Thánh Giá vội đáp chuyến tàu đầu tiên tới gặp El-Soo để cố tìm lời khuyên răn nhưng cũng không lay chuyển nổi nàng.

El-Soo nói: “Linh hồn cha con đang vất vưởng trong một khu rừng rậm vô tận. Người sẽ vợ vẫn mãi ở đó với các linh hồn lạc lõng, kêu khóc tới khi nào trả xong món nợ đó. Vậy chỉ khi nào thanh toán xong nợ, người mới lên tới được điện Tố Phụ”.

Dì phước Alberta nhún vai một cách hoài nghi.

El-Soo tiếp: “Ai biết được những điều chúng ta tin tưởng lại sẽ không thành sự thực? Tại sao lại không? Đối với Dì, thế giới bên kia có thể là thiên đường và các thụ cầm...vì Dì tin tưởng vào thiên đường và thụ cầm; đối với cha con, thế giới bên kia có thể là một căn nhà nguy nga, nơi người sẽ mãi mãi ngồi dự tiệc với Thượng Đế”.

Bà phước Alberta hỏi: “Vậy đối với con, thế giới bên kia của con là gì?”

El-Soo ngập ngừng một lúc rồi nói: “con thích mỗi bên một chút. Con thích nhìn lại mặt Dì và cả mặt của Cha con nữa”.

Rồi ngày bán đấu giá tới. Người ta đổ xô đến trạm Tanana. Theo phong tục, các bộ lạc tập họp nhau lại để đợi cá thu xuất hiện và, trong khi chờ đợi, họ nhảy múa, đùa giỡn, mua bán và nói chuyện vãn vợ. Lẫn lộn trong đám dân bộ lạc có loáng thoáng đôi ba kẻ giang hồ, thương nhân và những người da trắng tìm mỏ. Ngoài ra, còn có một số đông người da trắng khác cũng kéo nhau tới vì tò mò hoặc vì quan tâm tới cuộc đấu giá đó.

Mùa xuân năm ấy thời tiết không thuận lợi và cá thu đẻ muộn. Sự chậm trễ này càng làm tăng hứng thú. Rồi vào ngày đấu giá tình hình trở nên căng thẳng vì Akoon. Chàng đứng lên long trọng loan báo với mọi người rằng bất kì ai mua El-Soo, sẽ bị giết tức khắc. Chàng múa cây súng Winchester trên tay, để ám chỉ cách hành động của chàng. El-Soo rất bất mãn về thái độ của chàng, nhưng chàng không chịu nói tới nàng mà lại tới thương xã đặt mua thêm đạn.

Vào lúc 10 giờ tối, người ta bắt được một con cá thu đầu tiên, và đến nửa đêm thì cuộc bán đấu giá bắt đầu trên một bờ đất cao cạnh sông Yukon. Mặt trời sắp hiện lên phía bắc ngay dưới chân trời và màn trời đỏ rực. Một đám đông bao quanh chiếc bàn và hai chiếc ghế đặt ở mé sông. Ở hàng đầu người ta thấy rất nhiều người da trắng và các tù trưởng. Nhưng đứng sừng sững ở hàng đầu là Akoon, khẩu súng lăm lăm trong tay. Theo lời yêu cầu của El-Soo, Tommy đứng chủ tọa cuộc bán đấu giá, nhưng chính nàng tuyên bố khai mạc và giới thiệu luôn món hàng được đem ra bán. Nàng vận y phục bản xứ, cách trang phục của một ái nữ một vị tù trưởng, trông rực rỡ và man dại. Nàng đứng trên một chiếc ghế để mọi người có thể nhìn thấy nàng dễ hơn.

Nàng hỏi: “ai muốn mua một người vợ? Hãy nhìn tôi. Năm nay tôi hai mươi tuổi, là gái tân. Tôi sẽ là một vợ hiền của người nào mua tôi. Nếu người đó là da trắng, tôi sẽ phục sức theo lối phụ nữ da trắng, nếu người đó là dân Da đỏ, tôi sẽ phục sức như - nàng ngập ngừng một lát - một hiền thê da đỏ. Tôi biết may y phục lấy, khâu vá và giặt giũ. Tôi đã được chỉ dạy làm những việc này trong tám năm trời tại tu viện Thánh Giá. Tôi biết đọc và viết tiếng Anh, và tôi biết sử dụng phong cầm. Tôi cũng biết số học và một ít đại số học. Tôi sẽ bán mình cho người nào trả giá cao nhất, và tôi sẽ tự tay ký giấy bán với người ấy. Tôi còn quên chưa kể hết là tôi hát rất hay và tôi chưa từng ốm đau bao giờ. Tôi cân nặng một trăm ba mươi hai bảng anh (56 ký), cha tôi đã qua đời và tôi không còn ai là thân thích cả. Ai muốn mua tôi?”

Nàng nhìn đám đông một lượt với vẻ hết sức bạo dạn rồi bước xuống ghế. Theo lời yêu cầu của Tommy, nàng lại bước lên ghế, trong khi hẳn cũng trèo lên một chiếc ghế thứ hai và khởi sự cuộc đấu giá.

Đứng chung quanh El-Soo là bốn tên nô lệ già của thân phụ nàng. Họ già nua tuổi tác và hầu như không còn sinh lực gì nữa, chỉ biết trung thành với sinh kế, họ thuộc một thế hệ đã và đang chứng kiến một cách bình thản những trò lố lăng của cuộc sống trẻ trung. Ở hàng đầu đám đông có vài vị tiểu vương Eldorado và Bonanza từ miền thượng lưu sông YuKon tới, và bên cạnh các nhân vật này là hai tay đi tìm mỏ đã thất bại, bị bệnh hoại huyết phải chống nạng. Giữa đám đông, một khuôn mặt thiếu phụ Da đỏ có đôi mắt man rợ đã nổi bật lên vì vẻ linh hoạt của nó, đó là người đàn bà từ một vùng xa xôi hẻo lánh thuộc miền thượng Tanana tới; rồi lại có một người Sitkan lạc lõng từ miền duyên hải đứng cạnh một người Stick ở vùng Hồ Le Barge, và xa hơn nữa là sáu du khách Gia nã đại thuộc khu ảnh hưởng Pháp đứng tụ một chỗ với nhau. Từ đàn gà vang lại những tiếng kêu yếu đuối của từng đàn chim rừng tìm nơi làm tổ. Những con nhạn từ mặt nước phẳng lặng của giòng Yukon bay lướt trên đầu và chim chào mào cất tiếng hót. Ánh nắng chênh chếch của mặt trời đang ẩn sau chân trời rọi qua làn khói từ những đám lửa rừng cách xa hàng ngàn dặm bốc lên và tản mát trên cao, làm cho nền trời biến thành màu đỏ xẫm trong khi mặt đất đỏ rực ánh sáng phản chiếu. Ánh lửa rọi sáng trên mọi khuôn mặt, khiến cho mọi vật có vẻ quái đản và hư ảo.

Cuộc đấu giá khởi sự một cách chậm chạp. Người Sitkan xa lạ đối với vùng này, vừa mới tới đây được nửa giờ, đặt giá một trăm mỹ kim, giọng nói đầy tin tưởng. Hẳn tỏ vẻ ngạc nhiên khi Akoon hướng cây súng về phía hẳn một cách đe dọa. Cuộc đấu giá có vẻ rời rạc. Một người da đỏ thuộc vùng Tozikakat, cũng là một hoa tiêu, trả giá một trăm năm mươi, và sau đó một lúc, một tay bạc bịp đã từng bị trục xuất khỏi miền thượng, nâng giá lên hai trăm. El-Soo lộ vẻ bi quan, lòng tự ái của nàng bị tổn thương, nhưng

hiệu quả duy nhất là nàg lại càng nhìn đám đông với một vẻ thách đố bạo dạn hơn.

Đám đông người đứng nhìn xôn xao khi Porpotuk rẽ lối tiến lên hàng đầu. Lão cao giọng trả giá: “Năm trăm Mỹ kim.” Rồi nhìn những người chung quanh một cách kiêu hãnh để nhận định phản ứng.

Lão ta cậy ở sản nghiệp to tát của mình như một thứ khí giới có tác dụng làm nản chí mọi sự cạnh tranh ngay từ đầu. Nhưng một trong những du khách, nhìn El-Soo với cặp mắt long lanh, đã nâng giá lên thêm một trăm.

Porpotuk trả tiếp ngay: “bảy trăm”

Du khách kia không kém, cũng trả tiếp tức thì “tám trăm”

Lúc đó Porpotuk lại sử dụng vũ khí của lão. Lão trả giá vọt ngay một lúc: “ngàn hai”.

Du khách kia nhìn lão một cách hoàn toàn thất vọng và chịu thua. Không có tiếng nào trả thêm nữa. Tommy cố công khích lệ mọi người, song cũng không thể tìm thấy ai trả giá hơn.

El-Soo nói với Porpotuk: “Porpotuk, tốt hơn ông nên cân nhắc việc trả giá của ông. Ông đã quên điều tôi từng nói với ông, rằng không bao giờ tôi lấy ông hay sao?”

Lão gắt lại: “đây là một cuộc bán đấu giá công cộng. Tôi sẽ mua cô bằng một văn tự đoạn mãi. Tôi đã trả cô ngàn hai mỹ kim, rẻ thật.”

Tommy kêu lên: “rẻ quá! Tôi là người đứng bán đấu giá, nhưng mặc kệ, không phải vì thế mà tôi không được trả giá. Tôi trả: “ngàn ba”

Porpotuk trả “ngàn tư”

Tommy nói thầm với El-Soo: “tôi sẽ mua cô để làm - làm em gái tôi.”
Rồi hăn lớn giọng: “ngàn rưỡi”

Tới giá hai ngàn, một trong số các vị tiểu vương Eldorado nhảy vào vòng và Tommy rút lui.

Lần thứ ba, Porpotuk lại dùng khí giới của lão, lão nâng cao giá lên thêm năm trăm mỹ kim ngay một tiếng. Nhưng lòng tự ái của vị tiểu vương Eldorado bị xúc phạm. Không ai có thể khuynh loát được ông. Và ông lại trả thêm tiếng nữa năm trăm mỹ kim.

El-Soo được đặt giá ba ngàn. Porpotuk nâng lên ba ngàn rưỡi, và giật mình khi thấy tiểu vương Eldorado trả thêm một ngàn mỹ kim. Porpotuk lại tăng thêm năm trăm và lại sững sốt khi vị tiểu vương nâng thêm một ngàn nữa.

Porpotuk phát cáu. Lòng tự ái của lão bị tổn thương. Lực lượng của lão bị thử thách, đối với lão, lực lượng đó thể hiện dưới hình thức tiền của. Lão sẽ không để bị xấu hổ vì thua kém trước mọi người. El-Soo trở thành một việc phụ. Những tiền tiết kiệm và chặt bóp trong những đêm lạnh lẽo suốt đời lão sẵn sàng được vung qua cửa sổ. El-Soo được đặt giá sáu ngàn. Lão nâng giá ấy lên bảy ngàn. Và từ đấy, mỗi tiếng trả tăng lên hàng ngàn. Liên tiếp, hai bên thi đua nhau trả, nên giá El-Soo tăng lên vòn vọt. Tới giá mười bốn ngàn thì hai người ngừng lại để thở.

Một sự bất ngờ đã xảy ra. Một thủ đoạn cao cường hơn nữa đã được mang ra áp dụng. Trong lúc cuộc trả giá tạm ngưng, tay cờ bạc đã cảm thấy có cơ kiểm soát vội thành lập một nhóm gồm nhiều bạn hữu của hăn để trả giá mười sáu ngàn mỹ kim

Porpotuk nói một cách yếu ớt: “mười bảy ngàn”

Vị tiểu vương nói: “mười tám ngàn”

Porpotuk vận dụng hết sức lực: “hai mươi ngàn”

Nhóm kia phải bỏ cuộc. Tiểu vương Eldorado lại tăng thêm một ngàn và đến lượt Porpotuk lại tố lên, và trong khi hai người mải mê trả giá thì Akoon hết quay về phía người này lại quay sang phía người kia, nửa như đe dọa, nửa như vì tò mò để xem kẻ mà anh sẽ phải giết chết thuộc loại người nào. Khi vị tiểu vương sắp sửa trả thêm một tiếng nữa, Akoon tiến sát tới gần hơn. Vị tiểu vương rút khẩu súng lục ra khỏi hông và nói:

“ Hai mươi ba ngàn.”

Porpotuk nói: “hai mươi bốn ngàn.” Lão cười hần học và tin tưởng rằng tiếng trả ấy hẳn làm cho vị tiểu vương phải bỏ cuộc. Nhưng vị tiểu vương tới gần El-Soo hơn. Ông quan sát nòng kỹ lưỡng trong một lúc.

Ông nói: “thêm năm trăm”

Rồi Porpotuk tố lên: “hai mươi lăm ngàn”

Vị tiểu vương trở mắt nhìn một lúc và lắc đầu. Ông lại nhìn và nói một cách miễn cưỡng: “thêm năm trăm nữa”

Porpotuk đáp cộc lốc: “hai mươi sáu ngàn”

Vị tiểu vương lắc đầu và từ chối con mắt mời mọc của Tommy. Trong khi đó Akoon đã tới gần Porpotuk. El-Soo nhìn thấy ngay và giữa lúc Tommy khẩn khoản mời tiểu vương Eldorado trả thêm một tiếng nữa thì nòng cúi xuống khẽ nói vào tai một tên nô lệ. Trong lúc tiếng Tommy vang lên: “trả thêm....xin trả thêm...trả thêm” thì tên nô lệ ra chỗ Akoon khẽ thì thầm vào tai chàng. Akoon không biểu lộ dấu hiệu nào chứng tỏ hẳn đã nghe ra, mặc dầu El-Soo nhìn hẳn một cách băn khoăn chờ đợi.

Tiếng Tommy vang lên: “ngã giá! Porpotuk mua được với giá hai mươi sáu ngàn.”

Porpotuk liếc nhìn Akoon như e ngại. Mọi con mắt đều đổ dồn vào Akoon, nhưng chàng không nhúc nhích.

El-Soo nói: “hãy mang bàn cân tới.”

Porpotuk nói: “tôi sẽ thanh toán tại nhà riêng”

El-Soo nhắc lại: “hãy mang bàn cân tới! Việc thanh toán phải được thực hiện ngay tại đây để mọi người có thể chứng kiến.”

Rồi cái cân vàng được mang từ thương xã tới trong khi Porpotuk đi rồi trở lại, dẫn theo một người vác trên vai những cái bị da thú đựng đầy vàng cát. Đi đằng sau Porpotuk còn một người đàn ông khác, mang một cây súng chỉ chuyên theo dõi Akoon.

Porpotuk: “đây là những văn tự nợ và giấy cầm cố gia sản trị giá mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy mỹ kim bảy mươi lăm xu.”

El-Soo cầm lấy những giấy ấy và bảo Tommy, “hãy tính tròn mười sáu ngàn.”

Tommy nói: “vậy còn mười ngàn mỹ kim phải trả bằng vàng.”

Porpotuk gật đầu và mở các túi da ra. El-Soo đứng ở mé bờ sông xé vụn các giấy nợ và ném tung trên giòng sông Yukon. Công việc cân vàng đã tiến hành nhưng bỗng ngưng lại.

Porpotuk nói với Tommy khi anh này điều chỉnh cân “dĩ nhiên giá vàng là mười bảy mỹ kim.”

El-Soo nói một cách cương quyết. “giá mười sáu mỹ kim”

Porpotuk trả lời. “thông lệ ở khắp mọi nơi đều tính vàng giá mười bảy mỹ kim một lượng. Đây là một cuộc mậu dịch”

El-Soo cười. Nàng nói “đây là một lệ mới. Nó mới có từ mùa xuân năm nay. Năm ngoái và những năm trước nữa giá vàng là mười sáu mỹ kim một lượng. Khi cha tôi vay nợ thì giá là mười sáu Mỹ kim. Khi người đem tiêu tại tiệm buôn số tiền mà người vay được thì cứ mỗi lượng chỉ được tính có mười sáu mỹ kim bột mì, chứ không phải mười bảy. Vì vậy, ông phải trả tôi mười sáu, chứ không phải mười bảy.”

Porpotuk căn nhắc và để cho công việc cân vàng tiến hành.

El-Soo nói “Tommy, anh hãy cân thành ba đồng, một ngàn Mỹ kim ở đây, ba ngàn ở đây và ở đây sáu ngàn”

Công việc cân vàng mất thì giờ và trong khi đó Akoon được mọi người hết sức theo dõi.

Một người nói: “hắn chỉ chờ đợi đến khi tiền nong được trả xong xuôi.” Người của Porpotuk lăm lăm khẩu súng cũng đợi chờ theo dõi Akoon.

Công việc cân lường đã hoàn tất, và vàng được đặt thành ba đồng vàng xấp xỉ trên bàn. El-Soo nói: “đây là số nợ cha tôi nợ thương hội, ba ngàn mỹ kim. Tommy hãy nhận nó cho công ty. Và đây là phần bốn người nô lệ già. Tommy, anh biết họ cả. Đây, một ngàn mỹ kim, anh cầm lấy. Hãy săn sóc mấy người già lão này, đừng để họ phải đói ăn hay thiếu thuốc lá hút”.

Tommy gạt số vàng vào mấy cái túi riêng biệt. Còn lại trên bàn sáu ngàn mỹ kim, El-Soo thọc cái muôi múc vào đồng vàng và khuấy mạnh một cái, nàng hất tung số vàng đó xuống sông Yukon như một đám mưa vàng vậy. Porpotuk nắm lấy cổ tay nàng khi nàng múc vàng lần thứ nhì

Nàng nói một cách bình thản, “vàng này là của tôi”. Porpotuk buông tay ra nhưng ông nghiêng rặng và căn nhắc tiếc rẻ, nhìn nàng tiếp tục xúc vàng đổ hết xuống sông.

Đám đông chỉ chăm chăm nhìn về phía Akoon và tên tay sai của Porpotuk lăm lăm cây súng trên tay, miệng súng cứ chĩa mãi về phía Akoon cách đó chừng một thước, ngón tay cái của người đó đặt sẵn nơi cò súng. Nhưng Akoon không hành động gì.

Porpotuk nói một cách nghiêm trọng: “hãy viết văn tự bán đi.”

Tommy thảo văn tự đoạn mãi, trong đó mọi quyền lợi về cá nhân El-Soo đều được giao cho Porpotuk. El-Soo ký vào văn tự đó, và Porpotuk gấp tờ giấy rồi cất vào túi áo. Bỗng nhiên mắt lão sáng lên và bất chợt ngỏ lời với El-Soo.

Lão nói: “đây không phải việc thanh toán món nợ của cha cô. Tiền tôi bỏ ra đó là để mua cô. Việc cô bán thân là chuyện ngày hôm nay chứ không phải việc năm ngoái và những năm về trước nữa. Những lượng vàng trả cho cô sẽ mua ở thương xã với giá mười bảy mỹ kim chứ không phải mười sáu. Tôi đã thiệt mỗi lượng một mỹ kim. Tôi đã mất tất cả sáu trăm hai mươi lăm mỹ kim.”

El-Soo nghĩ ngợi một lúc, và thấy rằng mình lằm. Nàng mỉm cười rồi cười lên tiếng.

Nàng nói: “ông có lý, tôi đã lằm. Nhưng bây giờ quá muộn rồi. Ông đã trả tôi và vàng đã được phân tán đi cả. Porpotuk, ông chậm nghĩ thì ông thiệt. Ít lâu nay ông chậm chạp trong việc tính toán. Ông đã già rồi”

Porpotuk không trả lời. Lão liếc mắt nhìn Akoon một cách e ngại nhưng lại vững lòng. Lão mím môi lại và vẻ hung dữ thoáng hiện trên nét mặt lão. Lão nói, “đi, chúng ta về nhà.”

Không nhúc nhích, El-Soo hỏi “ông có nhờ hai điều tôi đã nói với ông hồi xuân không?”:

Porpotuk trả lời: “nếu tôi lưu ý tới những điều đàn bà đã nói với tôi, thì đầu tôi không còn chứa cái gì khác nữa”

El-Soo đồng dạc tiếp lời: “tôi đã nói với ông là nợ ông tôi sẽ trả, và tôi cũng nói là tôi sẽ không bao giờ làm vợ ông”

Porpotuk dùng cái ngón tay làm sột soạt tờ giấy văn tự nằm trong túi áo và nói: “nhưng đó là chuyện xảy ra trước khi có văn tự này. Nay tôi đã mua được cô trước mặt mọi người. Bây giờ cô thuộc về tôi. Cô không thể chối cãi rằng cô thuộc về tôi “

El-Soo nói một cách mạnh dạn: “tôi thuộc về ông.”

“ Tôi là chủ cô”

“ Ông là chủ tôi”

Tiếng nói của Porpotuk hơi cao lên và nhuốm vẻ đắc thắng: “tôi là chủ cô như là chủ một con chó”

El-Soo nói tiếp một cách bình tĩnh: “ông làm chủ tôi như làm chủ một con chó. Nhưng ông quên điều tôi đã nói với ông. Bất cứ một người nào khác mua tôi, tôi sẽ là vợ người đó. Tôi sẽ là vợ hiền của người đó. Đó là ý muốn của tôi. Nhưng đối với ông, ý muốn của tôi là không bao giờ làm vợ ông. Vì thế, bây giờ tôi nhận làm con chó của ông”

Porpotuk biết rằng mình đã chơi với lửa và lão tỏ vẻ cương quyết. Lão nói “vậy tôi nói với cô, không như nói với El-Soo, mà như với một con chó, và tôi bảo cô đi với tôi”. Lão toan nắm lấy tay nàng, nhưng nàng ngăn lão lại.

“Đừng vội thế, Porpotuk. Ông mua một con chó, nếu nó chạy mất thì ông thiệt. Tôi là con chó của ông, nếu tôi chạy mất thì sao?”

“ Với tư cách là sở hữu chủ của con chó, tôi sẽ đánh cô.”

“ Khi ông bắt được tôi phải không”

“ Khi ta bắt được mi”

“ Vậy bắt tôi đi”

Lão tiến lệ đến chỗ nàng, nhưng nàng lẩn được. Nàng cười vang khi chạy quanh cái bàn. “Bắt lấy nó”. Porpotuk ra lệnh cho tên da đỏ cầm súng đứng cạnh nàng. Nhưng khi tên da đỏ vừa thò cánh tay ra định bắt nàng thì tiểu vương Eldorado đã đâm ngã nó bằng một trái dăm dưới mang tai. Khẩu súng của nó văng mạnh xuống đất. Đây là cơ hội Akoon có thể ra tay. Mắt chàng sáng lên, nhưng chàng không hành động gì.

Porpotuk đã có tuổi nhưng những đêm lạnh lùng đã giữ cho lão sức hoạt động. Lão không chạy quanh bàn mà bất chợt nhảy ngang qua bàn. Không kịp đề phòng, El-Soo vội nhảy lùi lại và sợ hãi kêu thét lên. Đáng lẽ Porpotuk đã bắt được nàng nếu không có Tmmy. Anh này ngáng chân ra khiến Porpotuk vấp ngã bổ xòai ra đất và nhờ thế El-Soo chạy thoát được.

Vừa chạy thoát, nàng vừa cười nói: “bắt ta xem nào”

Nàng chạy một cách nhẹ nhàng và dễ dàng, còn Porpotuk chạy nhanh và hung hăng. Lão chạy nhanh hơn nàng. Thuở thiếu thời, trong số những thanh niên, lão là người lanh lẹ nhất. Nhưng El-Soo chạy quanh co và tránh né dẻo dăng như một cây liễu. Vì mặc quốc phục nên chân nàng không bị lúng túng vì váy và thân hình mềm mại của nàng có thể tránh dễ dàng được bàn tay của Porpotuk.

Đám đông cười nói ồn ào rồi tản ra để xem cuộc rượt bắt. Cuộc rượt bắt xuyên qua khu cắm trại của dân da đỏ, và khi lẩn tránh, khi chạy vòng quanh và chạy ngược chạy xuôi. El-Soo và Porpotuk lúc ẩn lúc hiện giữa những chiếc lều. Dường như El-Soo lượn và giữ thẳng bằng trong không

khí với hai cánh tay, lúc né sang bên này lúc tránh sang bên kia, và đôi khi cả thân hình nàng nữa, nghiêng hẳn sang một bên mỗi khi chạy quanh một khúc quanh thật gắt. Còn Porpotuk lúc nào cũng cách nàng một quãng ngắn ở phía sau, hoặc qua bên này, hoặc qua bên kia; lão như một con chó săn ốm đuối theo sát nàng.

Hai người chạy ngang qua khu đất trống, đằng sau chỗ cắm trại, và khuất dạng trong rừng. Cả dân vùng Trạm Tanana đợi chờ họ xuất hiện nhưng càng đợi càng bật tin.

Trong khi đó, Akoon ăn, ngủ và đi vờ vẫn hoài tại bến tàu, bỏ ngoài tai những lời trách móc của dân chúng tại Trạm Tanana về việc chàng không chịu hành động gì. Hai mươi bốn giờ sau, Porpotuk trở lại. Lão mệt lử và căm tức. Lão chẳng nói với ai ngoài Akoon và tìm cách sinh sự với hắn. Nhưng Akoon nhún vai và bỏ đi. Porpotuk không bỏ phí thời giờ, lão lựa chọn sáu thanh niên điều luyện trong nghề săn và đi rừng, trang bị cho họ và chỉ huy họ xuyên rừng tìm kiếm El-Soo.

Ngày hôm sau, tàu Seattle rời bến về ngược dòng sông. Khi thường được buông ra và tàu bắt đầu chuyển dịch thì Akoon đang ở trong phòng hoa tiêu. Chỉ vài giờ sau đó, khi đến lượt cầm lái, chàng trông thấy một chiếc xuồng gỗ rời khỏi bờ và chỉ có một người trên đó. Chàng quan sát kỹ lưỡng, bẻ bánh lái sang một bên và cho tàu chậm lại.

Vị thuyền trưởng vào phòng hoa tiêu.

Ông hỏi “cái gì vậy? Nước chảy tốt mà?”

Akoon trả lời lầm bầm trong họng. Chàng trông thấy một chiếc xuồng nữa, lớn hơn, rời bờ và ở trên có một số người. Trong khi tàu Seattle chậm lại, chàng bẻ bánh lái thêm nữa.

Vị thuyền trưởng nổi xung. Ông gắt lên: “chỉ có một cô gái da đỏ, cái gì đâu?”

Akoon không đáp lại. Chàng nhìn đăm đăm về phía người con gái da đỏ và chiếc xuồng đuổi theo sau. Trên xuồng đó, sáu mái chèo bơi loang loáng, trong khi người thiếu nữ da đỏ chèo chậm chạp.

Vị thuyền trưởng dang lấy bánh tay lái và gắt: “anh làm tàu mắc cạn bây giờ.”

Nhưng Akoon giữ chặt lấy bánh tay lái và trừng mắt nhìn ông ta. Vị thuyền trưởng chầm chậm buông tay khỏi bánh lái.

Ông lẩm bẩm một mình: “đồ ăn mày quái dị”

Akoon để tàu Seattle nằm ở gần chỗ nước cạn và chờ đợi tới khi thấy thiếu nữ da đỏ bám tay vào đợc lan can ở phía trước mũi tàu. Sau đó, hắn ra lệnh mở hết tốc lực và quay bánh lái lại. Chiếc xuồng lớn tới rất gần, nhưng khoảng giữa nó và chiếc tàu xa dần mãi ra.

Thiếu nữ da đỏ cười và ngả người ra ngoài lan can nói lớn: “Porpotuk! Nào, bắt ta đi.”

Akoon rời chiếc tàu đó ở tỉnh Fort Yakon. Hắn trang bị một chiếc thuyền nan nhỏ và đi ngược dòng sông Porcupine. El-Soo cùng đi với hắn. Đó là một cuộc hành trình mệt nhọc, phải vượt qua núi đèo hiểm trở nhất, nhưng Akoon đã từng qua nơi này trước đây. Khi đến chỗ nước chảy rất ngược của con sông đó, hai người bỏ thuyền và đi bộ để vượt qua dãy Thạch Sơn.

Akoon hết sức thích thú được đi sau El-Soo ngắm dáng điệu của nàng. Chàng cảm thấy như có một thứ âm điệu trong đó mà chàng ưa thích. Chàng đặt biệt yêu đôi bắp chân tròn trĩnh của nàng trong những cái bao băng da thuộc mềm, đôi cổ chân thanh thanh và đôi bàn chân xinh xinh trong những chiếc giày da nai nhỏ nhắn, đi thoăn thoắt không biết mệt sau bao nhiêu ngày dài.

Nhìn nàng, hắn nói: “Em nhẹ như không khí, em đi không biết mệt. Em đi như lướt, chân bước lên bước xuống thoăn thoắt. Em giống như một con hoẵng, El-Soo, em giống như một con hoẵng và mắt em giống như mắt con hoẵng một đôi lúc khi em nhìn anh, hoặc khi em nghe thấy một tiếng động thoáng qua và em tự hỏi phải chăng có gì nguy hiểm sắp xảy ra. Và ngay lúc này em đang nhìn anh. Cặp mắt em giống như đôi mắt của con hoẵng”

El-Soo hân hoan và cảm động, nàng cúi xuống và hôn Akoon.

Sau đó, Akoon nói “khi tới Mackenzie, chúng ta không nên chần chừ. Chúng ta phải đi về miền nam trước khi mùa Đông tới. Chúng ta sẽ tới miền nắng ấm, nơi không có băng tuyết. Nhưng chúng ta sẽ trở về. Anh đã đi nhiều nơi rồi và không có nơi nào giống như Alaska, không có nơi nào mặt trời giống như mặt trời của chúng ta, và sau một mùa hạ dài, tuyết rơi xuống cũng thích thú”

El-Soo nói: “thế anh sẽ học đọc nhé”

Akoon đáp: “chắc chắn thế nào anh cũng học”

Nhưng khi tới Mackenzie, họ đã phải ngừng lại không đi ngay được. Tại đây họ nhập với một đoàn người da đỏ Mackenzie và cùng đi săn, chẳng may Akoon lại bị lạc đạn. Khẩu súng đó do một thanh niên sử dụng. Viên đạn làm gãy cánh tay phải của Akoon, còn theo đà đi xa hơn, làm gãy hai khúc xương sườn của chàng. Akoon biết cách giải phẫu qua loa, El-Soo lại đã học được thêm một vài cách săn sóc bệnh nhân trước kia ở Tu viện Thánh Giá. Những xương gãy rồi sau cũng lành. Và cần đặt chàng nằm cạnh lửa để nhờ khói đuổi muỗi bớt đi.

Khi đó, Porpotuk cùng sáu thanh niên bộ hạ tới. Akoon than vãn vì cảnh thế cô của mình và kêu gọi sự giúp đỡ của dân da đỏ Mackenzie. Nhưng trước lời yêu cầu của Porpotuk, dân Mackenzie lâm vào tình trạng khó xử. Porpotuk muốn bắt El-Soo, nhưng họ không chấp thuận điều này, Họ phải

phán xử. Vì đây là một vấn đề liên quan đến nam nữ, nên hội đồng các bô lão được triệu tập - cuộc phân xử về vấn đề này không thể giao cho những người trẻ tuổi, tính tình còn nông nổi.

Các vị bô lão ngồi thành vòng tròn quanh một đống lửa khói bay mù mịt. Khuôn mặt gầy guộc, nhăn nheo, họ thở hổn hển. Khói làm cho họ khó chịu. thỉnh thoảng, họ giơ những bàn tay khô héo đập những con muỗi coi thường cả khói. Sau mỗi lần như vậy, họ ho rũ rượi. Có người khạc ra máu, và một trong số những vị này ngồi riêng ra một chút, đầu cúi về phía trước, máu rỉ ra ở miệng, và cơn ho hành hạ họ. Họ như những người có xác không hồn, cuộc sống của họ chẳng còn bao lâu. Đây thật là cuộc phân xử của người chết

Porpotuk kết luận sự khiếu nại của lão:”và tôi đã trả một giá hết sức cao vì nàng. Một giá mà các ông chưa bao giờ biết đến. Dem bán hết tất cả gia tư của các ông - bán giáo mác, cung tên và súng ống; bán da và lông thú; bán cả lều, thuyền và chó; bán la bán liệt mọi thứ chưa để các ông đã có nổi một ngàn mỹ kim. Ấy thế mà tôi đã trả giá người thiếu nữ, El-Soo, hai mươi sáu lần giá các giáo mác, cung tên, súng ống, cùng da và lông thú, lều, thuyền và chó của các ông. Quả đó là một giá vượt mức”

Các vị bô lão gật đầu một cách nghiêm nghị, mặc dầu những con mắt nhăn nheo của họ mở to ra vì ngạc nhiên, tại sao một người đàn bà lại có thể lên tới giá đó. Vị miệng rỉ máu, lau môi, và hỏi sáu thanh niên bộ hạ của Porpotuk: “việc này có thật không?” Mỗi người được hỏi đều trả lời việc đó có thực.

Vị đó hỏi El-Soo “chuyện đó có thực không?” và nàng trả lời “điều đó có thực”.

Akoon nói “nhưng Porpotuk lại không nói rằng ông ta là một người đã già rồi và các con gái ông còn lớn tuổi hơn El-Soo”

El-Soo nói “thật vậy, Porpotuk là một người đã có tuổi”

Vị bô lão miệng rỉ máu nói “việc lượng tuổi tác là việc riêng của Porpotuk. Chúng ta đều là cảnh già cả. Những người già không suy lão như thanh niên thường nghĩ.”

Tất cả các vị bô lão ngồi thành vòng nghiêng lợi kêu chóp chép, gật đầu chấp thuận và ho lên khù khụ.

El-Soo nói “tôi đã nói với ông ấy là không bao giờ tôi chịu làm vợ ông ta”

Vị bô lão chột mắt hỏi “thế sao cô lấy của ông ta hai mươi sáu lần cơ nghiệp của chúng tôi?”

El-Soo không trả lời.

Và cặp mắt độc nhất của vị đó long lên sòng sọc và nhìn xói vào nàng như một chiếc khoan nóng bỏng, vị ấy hỏi “có thật vậy không?”

Nàng nói “đúng như vậy”

Một lát sau, nàng bỗng nói một cách hăng hái, “nhưng tôi sẽ lại bỏ đi, tôi sẽ bỏ đi mãi mãi”

Một vị bô lão khác nói: “việc ấy Porpotuk sẽ lo liệu. Còn công việc của chúng tôi là phân xử vụ này”

Người ta quay sang hỏi Akoon, “anh đã trả giá cho cô ta bao nhiêu?”

Hắn trả lời: “tôi không trả giá nào cho nàng cả. Nàng vô giá. Tôi không đánh giá nàng bằng tiền, bằng chó, hoặc bằng lều lông thú”

Các vị bô lão thảo luận riêng với nhau và nói lầm rầm. Akoon nói bằng tiếng Anh “những ông già này không có tình cảm. Tôi sẽ không tuân theo

phán quyết của họ. Porpotuk, nếu ông bắt El-Soo, chắc chắn tôi sẽ giết ông”

Các vị bô lão ngưng thảo luận, và nhìn chàng một cách ngờ vực. Một vị hỏi: “chúng tôi không hiểu anh nói gì?”

Porpotuk vội giải thích: “hắn nói hắn sẽ giết tôi. Vậy tốt hơn hết là tước súng của hắn và đặt một vài thanh niên ngồi cạnh cạnh chừng hắn để hắn không làm hại được tôi. Hắn là một thanh niên, và thanh niên dù có bị gãy xương thì có thấm gì!”

Akoon nắm đó vô phương kháng cự; súng, dao, đều bị tước hết, và ở mỗi bên vai đều có các thanh niên thuộc bộ lạc Mackenzie ngồi cạnh chừng. Vị bô lão chợt mắt đứng thẳng người lên rồi cất tiếng “chúng tôi lấy làm ngạc nhiên về giá tiền bỏ ra để mua có mỗi một thiếu nữ, nhưng giá ấy hớ hay hời không phải là việc chúng tôi. Chúng tôi tới đây để phân xử, và chúng tôi sẽ phân xử. Chúng tôi không có điều gì nghi ngờ cả. Mọi người đều thuận rằng Porpotuk đã trả thiếu nữ El-Soo một giá hết sức đắt. Vì lẽ đó, El-Soo là vật sở hữu của Porpotuk chứ không thể thuộc về bất cứ ai khác” Vị đó ngồi xuống một cách khó nhọc rồi lại ho. Các vị bô lão đều gật đầu chấp thuận và lại ho.

Akoon hét lên bằng tiếng Anh “tôi sẽ giết ông”

Porpotuk mỉm cười rồi đứng dậy. Lão ngỏ lời với hội đồng, “các vị đã phán xử một cách công minh và các thanh niên của tôi sẽ biểu các vị một số thuốc hút. Bây giờ hãy để người ta dẫn người đàn bà đến cho tôi”

Porpotuk bảo El-Soo: “ngồi đây, ở dưới chân tôi, để tôi nói hết lời”. Lão nói “thật vậy, tôi là một ông già. Ấy thế mà tôi có thể biết được nếp sống của thanh niên. Lửa yêu đương vẫn chưa tắt hẳn trong lòng tôi. Nhưng tôi không còn trẻ trung nữa và tôi cũng không nghĩ tới việc bắt đôi chân già này của tôi phải chạy không ngừng trong suốt những năm còn lại của đời

tôi. El-Soo có thể chạy nhanh và chạy giỏi. Nàng là một con hoẵng. Tôi biết như vậy vì tôi đã nhìn và chạy theo nàng. Một người vợ mà chạy nhanh như thế thì không tốt. Tôi đã trả nàng một giá đắt thế mà nàng bỏ tôi chạy đi. Akoon không trả một xu nhỏ nào, thế mà nàng lại chạy theo hẳn.

“ Khi tôi tới đây gặp các vị trong bộ lạc ở Mackenzie này, tôi chỉ có một ý định. Khi hội đồng họp, tôi nghe và nghĩ tới đôi chân nhanh nhẹn của El-Soo, tôi sinh ra hoang mang. Bây giờ tôi lại chỉ có một ý định khác với cái mà tôi giải bày với hội đồng lúc đầu. Tôi xin kể ý định ấy với các vị. Khi một con chó đã bỏ trốn khỏi chủ nó một lần, tất nhiên nó sẽ còn trốn nữa. Dầu có hoài công tìm kiếm nó bao lần đi nữa thì rồi nó cũng sẽ bỏ trốn đi. El-Soo chẳng khác nào một con chó hay bỏ chạy: tôi sẽ bán nàng. Liệu có ai trong hội đồng muốn mua nàng không?”

Các vị bô lão lại ho và im lặng.

Porpotuk nói tiếp: “Acoon muốn mua, nhưng hẳn không có tiền, vì thế tôi sẽ cho không hẳn El-Soo, như lời hẳn nói, không cần trả giá nào cả. Tôi sẽ cho hẳn nàng ngay bây giờ”

Lão cúi xuống cầm tay El-Soo và dắt nàng đi qua một khoảng trống tới chỗ Akoon đang nằm.

Để nàng ngồi ở chân Akoon, lão nói “nàng có một tật xấu, Akoon. Trước đây nàng lần trốn tôi, rồi đây, có thể nàng sẽ bỏ trốn anh. Nhưng, Akoon này, anh không phải sợ nàng sẽ chạy mất đâu. Tôi sẽ bảo đảm điều này. Đừng có e ngại gì nàng sẽ bỏ trốn - Porpotuk dám chắc như vậy. Nàng thông minh lắm. Tôi biết lắm, sự thông minh ấy thường làm tôi tê tái. Thế nên tôi tự nhủ phải biểu lộ trí thông minh của mình ra một lần. Và này Akoon, nhờ trí thông minh của tôi, tôi sẽ đảm bảo nàng dùm anh”

Porpotuk cúi xuống và bắt chéo chân của El-Soo cho cổ chân này đè lên cổ chân kia, rồi tiếp đó, trước khi người ta đoán biết được ý định của lão,

lão dùng súng bắn vào hai mắt cá chân của nàng. Khi Akoon cố vùng vẫy khỏi sức ghì giữ của mấy thanh niên kia, thì những chỗ xương gãy đã lành lại gãy ra.

Các vị bô lão nói với nhau: “như vậy rất công bằng”

El-Soo không thốt lên một tiếng kêu. Nàng ngồi nhìn hai mắt cá chân của nàng rã rời, nàng không bao giờ còn đi được nữa.

Akoon nói “đôi chân của anh khỏe lắm, nhưng không bao giờ nó sẽ đưa anh đi xa em”

El-Soo nhìn chàng và lần đầu tiên từ khi chàng quen nàng, Akoon thấy mắt nàng ngấn lệ.

Chàng nói “El-Soo, đôi mắt em giống như mắt con hoẵng”

Khi sắp lên đường, mặt nhăn khó chịu vì khói, Porpotuk hỏi “như thế công bằng chứ?”

Các vị bô lão đáp “thế là công bằng”. Rồi họ tiếp tục ngồi im lặng.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Đoạn Kết của Câu Chuyện Cổ Tích

Chiếc bàn gỗ bào nham nhở nên những người chơi bài Úýt chốc chốc lại phải khó khăn lắm mới thu bài về phía mình qua mắt bàn gỗ ghè. Họ mặc độc có áo lót mà mồ hôi vẫn lấm tằm trên mặt, trong khi đó chân lại đi giày da và nịt tất len cồng kênh đến thế vẫn thấy lạnh. Nhiệt độ trong căn phòng nhỏ giữa mặt sàn nhà và phía trên bàn cách nhau khoảng hơn 1m mà đã chênh lệch ghê gớm. Bếp lò I-u-côn bằng sắt lửa đỏ rực vậy mà cách đó có vài mét, thật để ở dưới thấp, trên cái giá cạnh cửa ra vào, lại đóng cứng.

Ván bài Úýt này rất quan trọng, vì cặp nào cũng thua, sẽ phải đi đào 1 lỗ câu cá qua lớp băng và tuyết dày hàng trên 3m phủ lấp mặt sông I-u-côn.

-Tháng 3 lạnh đến khủng khiếp - người đang chia bài nhận xét - Cậu nói là lạnh đến bao nhiêu độ Bớt?

-à, 55 hay 60 độ dưới 0 gì đó. Thế theo ông, lạnh độ bao nhiêu độ, bác sĩ?

Bác sĩ quay đầu liếc nhìn vào chân cửa ra vào, dẫn đo, tính toán:

-Dưới 50 độ 1 tý. Có lẽ khoảng 40 độ dưới 0. Cứ trông băng đóng ở cửa thì biết. Cũng đến 50 độ dưới 0 chứ còn gì.

Ông ta cầm bài lên, rồi mặc cho có tiếng gõ cửa, tay xáo bài, miệng nói với:

-Xin mời vào.

Người mới vào là 1 người Thụy Điển to lớn, vai rộng, tuy thế cũng không dễ gì mà nhận ra được ngay cho đến lúc anh ta bỏ mũ che tai và hơ cho tan lớp băng che kín cả râu và mặt.

-Tôi nghe nói có 1 bác sĩ dừng chân tại trạm này. - Người Thụy Điển nói như dò hỏi, băng khoăn nhìn hết người này đến người kia. Bộ mặt ông ta trông mệt mỏi do 1 cơn đau dữ dội, dai dẳng hành hạ - tôi từ xa đến mà.

-Tôi đây, có vấn đề gì thế?

Để trả lời, người đó giơ bàn tay trái lên, ngón tay thứ 2 bị sưng vù, miệng kể lại nhai về nguyên nhân và sự phát triển của vết thương.

-Đưa tôi xem nào - bác sĩ vội vã ngắt lời anh ta - Để tay lên bàn. Được rồi.

Người đó làm theo.

-Hừm - bác sĩ lẩm bẫm. Bị bong gân rồi, vậy là đi hàng trăm dặm đường đến đây để nắn gân bả. Tôi chỉ làm trong nháy mắt là được. Anh hãy xem tôi làm để lần sau có thể tự làm lấy nhé.

Bất thành linh, bác sĩ lấy cạnh bàn tay của mình chém mạnh xuống ngón tay bị sưng. Người kia kêu lên đau đớn.

-Ổn rồi - bác sĩ nói rành rọt và dứt khoát - Anh cảm thấy thế nào? Dễ chịu hơn chứ? Dĩ nhiên lần sau anh có thể tự làm được. Nào chia bài tiếp đi, Xơ-ro-dơ, đến lượt cậu mà.

Người Thụy Điển thở dài khoan khoái. Cơn đau đã hết, ngón tay cảm thấy dễ chịu hơn. Anh ta tò mò xem xét lại ngón tay, trợn tròn mắt kinh ngạc khi thấy nó co duỗi được. Anh ta thọc tay vào túi và rút ra 1 túi tiền vàng.

-Bao nhiêu, bác sĩ?

Bác sĩ lắc đầu quây quây:

-Có gì đâu. Tôi còn hành nghề nữa đâu. Nào, đến lượt cậu đi, Bốp!

Người Thụy Điển lê bước chân nặng nề, xem lại ngón tay, rồi quay nhìn bác sĩ 1 cách thán phục:

-Ông tốt bụng quá. Thưa, tên ông là gì ạ?

-Lin-đê, bác sĩ Lin-đê - Xtơ-ro-dơ trả lời như muốn cho đấu thủ của mình không bị quấy rầy.

-Đã quá trưa rồi - Lin-đê miệng nói với người Thụy Điển, tay vẫn xáo bài - Tốt hơn nên nghỉ ở đây qua đêm. Đi ngoài trời bây giờ lạnh chết được. Có 1 cái giường thừa đấy.

Bác sĩ dáng người mảnh khảnh, nước da ngăm đen, mặt dầy, môi mỏng, nhưng trông ông ta khoẻ mạnh. Bộ mặt nhăn nhui râu khoẻ mạnh. Các

động tác của ông ta nhanh và dứt khoát. Cặp mắt đen nhìn thẳng và xoi mói. 2 bàn tay thon thả, gầy và nổi gân, cứ như những bàn tay ấy sinh ra chỉ để làm những việc nhẹ, song đồng thời chúng cũng gây cho ta ấn tượng và sức mạnh.

-Ván bài quyết định ở chỗ này đây - ông ta tuyên bố rồi rút quân bài cuối cùng - Nào, kết thúc đi xem ai phải đào hố nào.

Tiếng gõ cửa làm cho ông ta bật kêu lên liền:

-Chúng mình đến không chơi xong ván bài này mất - ông phàn nàn khi cửa mở - Làm sao thế? - ông nói câu đó với người lạ mặt vừa mới bước vào.

Người mời đến đứng gõ những mảnh băng che kín hàm mãi không xong. Rõ ràng anh ta phải rong ruổi hàng bao ngày đường. Lốp da trên gò má thâm tím lại vì giá buốt thường xuyên.

-Tôi không sao cả. Quan trọng là ở đây có ai là bác sĩ không, tôi đang rất cần. Có 1 người qua thượng nguồn con sông Pê-cô nhỏ bị báo về, vết thương rất nghiêm trọng.

-Độ bao xa? - bác sĩ Lin-đê hỏi.

-Độ khoảng 300 cây số.

-Đi mất độ mấy ngày?

-Tôi xuống đây mất 3 ngày.

-Bị thương có nặng không?

-Bị trật khớp xương vai. Dứt khoát phải gãy vài cái xương sườn. Cánh tay phải bị gãy. Toàn thân hầu như bị thương trơ cả xương. Trừ có mặt là không. Chúng tôi có khâu tạm vài vết thương bị nặng và lấy sợi xe buộc mạch máu.

-Thế là tạm ổn - Lin-đê cười - Những vết thương đó ở đâu?

-ở dạ dày.

-Chắc bây giờ trông anh ta gớm guốc lắm nhỉ?

-Không đến nổi thế. Trước khi khám, chúng tôi bôi thuốc sát trùng. Dầu sao đây cũng chỉ là tạm thời, không có gì cả trừ có sợi xe, nhưng cũng sạch.

-Thế cũng coi như là toi rồi - Lin-đê phán đoán, bực tức búng những quân bài.

-Chưa chết hẳn. Anh ta chưa chết thật mà. Anh ta biết là tôi đi mời bác sĩ, thế nào anh ta cũng cố sống cho đến khi ông đến đây. Anh ta không chịu bó tay trước cái chết đâu. Tôi biết anh ta mà.

Lin-đê lắc đầu:

-Thật tiếc chuyến đi của anh uống công. Thôi cứ ở lại đây qua đêm.

-Không được bác sĩ ạ. 10 nữa chúng ta phải rời khỏi đây.

Sau đó Tòm Đô kể 1 câu chuyện quan trọng:

-Giả sử ông có phải mất hàng tuần để quyết định: anh là vẫn cứ phải sống để chờ ông đến. Và lại vợ anh ta ở bên, không than khóc 1 lời, ngược lại, chị ta phải giúp anh ta sống chờ ông đến. Họ rất yêu nhau nên chị ta đã

truyền tất cả tâm hồn bất tử của mình sang anh ta, mong anh ta sống. Anh ta không yếu lắm đâu, ông hãy tin vào điều đó. Tôi xin đánh cược với ông, 3 ăn 1 bằng tiền vàng đây, rằng ông đến mà anh ta vẫn sống đấy. Tôi có 1 đàn chó ở dưới bờ sông kia. 10 nữa chúng ta khởi hành, và chúng ta phải trở về sớm hơn 3 ngày vì đường sẽ khó đi. Tôi xuống xem lũ chó thế nào, độ mười phút nữa tôi sẽ quay lại đón ông.

Tòm Đô kéo sụp mũ che tai xuống, xỏ găng tay vào và đi ra ngoài.

-Rõ quý tha ma bắt! - Lin-đê kêu lên, nhìn giận dữ vào chiếc cửa đã đóng lại.

Đêm hôm đó, sau khi đi được tròn 60 cây số thì trời đã sẫm mặt người, nên Lin-đê và Tòm Đô đóng trại. Công việc thật đơn giản: nhóm 1 đồng lửa trên tuyết, bên cạnh đó làm 1 cái giường 1 bằng những cành cây trên trái những tấm lông thú. Đô cho chó ăn, chế củi, còn Lin-đê ngồi chồm chồm nấu ăn, 2 má nóng ran vì giá lạnh. Họ ăn no, hút tẩu rồi lăn ra ngủ như chết vì mệt mỏi.

Sáng ra trời trở nên lạnh khác thường. Lin-đê dự đoán phải đến 50 độ dưới 0 và nhiệt độ còn đang lạnh nữa. Đô lo lắng. Anh ta giải thích rằng ngày hôm đó sẽ đến được khe núi, mà bây giờ lại đến mùa xuân rồi, băng tan, nước sẽ trào đầy khe núi. Vách núi ở đó lại cao cheo leo hàng trăm, hàng nghìn mét như thế, dẫu có thể trèo qua được, cuộc hành trình sẽ bị chậm lại.

Từ xa vọng lại tiếng gầm yếu ớt. Đến gần họ mới biết nguyên nhân của nó. 1 cơn gió, mạnh và ẩm mỗi lúc 1 thổi mạnh, lùa qua họ. Đàn chó rùng mình, ngòi hếch mũi lên.

-Đó là cơn gió Chi-núc đấy - Đô nói.

-Có nghĩa là chúng ta phải đi dọc con sông phải không?

-Đúng thế. Đi hàng chục cây số trên con đường đó còn dễ dàng hơn đi 1 cây số qua đỉnh núi này - Đô nhìn Lin-đê 1 lúc lâu - Chúng ta vừa đi được 15 tiếng đồng hồ trên con đường mòn - anh ta nói át tiếng gió rít, rồi dừng lại đợi - Bác sĩ ơi! - cuối cùng anh ta nói - Ông không sợ chứ?

Lin-đê đáp lại bằng cách gõ chiếc tẩu thuốc cho râu rơi ra và đi đôi giày da thú ấm vào. Họ nhanh chóng nhổ trại, rồi buộc dụng cụ nấu nướng cùng những tấm chăn lông thú chưa dùng đến vào chiếc xe trượt tuyết, sau đó băng qua đêm tối, họ bắt đầu cuộc hành trình. Họ lặn lội đã được 12 tiếng, nên sau khi đi được cả thảy là 27 tiếng đồng hồ, 2 người dừng lại ăn sáng.

-Ta hãy ngủ độ 1 tiếng - Đô nói lúc 2 người ăn ngẫu nhiên hàng cân thịt nai rán và thịt lợn muối.

Đô để cho người bạn đồng hành của mình ngủ 2 tiếng đồng hồ, cứ thấp thỏm sợ mình lại chớp mắt mất. Sau đó anh ta đặt tay lên vai Lin-đê lay, mới đầu còn nhè nhẹ, sau thật mạnh.

-Bác sĩ - anh ta thì thầm - Nào đây, ta đi tiếp thôi.

Đôi mắt đen mê mải, dưới cặp mi nặng hùm hụp, trả lời tiếng "được". Thế là nó lại lên đường tiếp...

Cuộc hành trình bị chậm, 1h không đi quá 3 cây số, còn đàn chó cứ có dịp lại nằm dài trên tuyết ướt.

-Còn độ trên 30 cây số nữa là chúng ta sẽ đến trạm - Đô động viên. Nhưng băng mỗi lúc 1 trở nên khó đi hơn, tách khỏi bờ và dâng lên từng phân 1. Con sông Pê-cô nhỏ găm thét.

Đến giữa trưa, họ nhận ra những dấu hiệu đầu tiên của mùa đông đang kết thúc. Những tảng băng cuộn cuộn trôi trên dòng nước chảy xiết.

-Vậy là trôi đã tan giá, ấm lên ồi đấy - Đô giải thích.

Đến chỗ này khe núi hẹp vô cùng, vách núi cheo leo, rất nguy hiểm, vậy mà Đô và Lin-đê vẫn phải đi tiếp, mãi đến khi điều rui ro xảy ra. Đến trưa 1 tiếng nổ to vang lên, băng tách làm đôi ra ngay dưới chân đàn chó. 2 con chó đi giữa bị rơi xuống nước dưới băng, dòng nước chảy xiết cản chúng nên kéo giật lùi con chó đi đầu lại. 3 con bị kéo mấp mé đến chỗ 2 con kia. 2 người hoảng sợ cố giữ chiếc xe trượt tuyết, nhưng sau cũng từ từ bị lôi theo. Sự việc xảy ra trong nháy mắt, Đô lấy dao cắt ngay dây buộc đàn chó, thế là cả mấy con chó lộn nhào từ mép băng xuống nước, chìm ngấm.

Thịt và chăng lông thú được gói lại thành từng gói, còn chiếc xe trượt tuyết đành phải bỏ lại. Lin-đê không đồng ý để Đô mang gói nặng, nhưng anh ta cứ khăng khăng đòi mang.

-Đến đó bác sĩ còn phải làm việc mà. Thôi, ta đi tiếp thôi.

-Anh là người sắt đá lắm, Đô ạ - ông tỏ ra thán phục.

-Ai cơ? Tôi ấy à? Chao ôi! Ông phải gặp Róc-ki mới thấy ai sắt đá. Anh ta là người rắn như sắt, vững như đồng.

Sau đó Lin-đê được nghe kể lại chuyện Róc-ki bị thương:

-Tôi ở trong rừng, cách túp lều đó trên 1 cây số, tìm 1 khúc gỗ bu-lô để làm cán rìu. Lúc quay về tôi nghe thấy tiếng gầm vang lên gần chỗ bầy gấu của chúng tôi. Anh em nhà Róc-ki đang đùa nghịch. Ông thấy không, bọn họ ngốc đến thế, ai lại chơi đùa ở đó cơ chứ? Họ bầy được 1 con báo to. Tôi ra khỏi rừng bắt gặp đúng lúc Ha-ri, em của Róc-ki đang đánh con thú. Sau đó anh ta chặc cái gậy chọc ngăn bớt đi, rồi đưa cho Róc-ki. Cái gậy trông ngắn ngủn. Đánh con thú đó đâu phải dễ. Con báo nhảy lùi lại, cúi khom người phun phì phì, và lúc nó cúi đầu tránh cái gậy mới tuyệt chứ! Mà lúc nó nhảy chồm lên thì đến khiếp.

Thật là 1 trò chơi liều mạng, cái gậy mỗi lúc 1 ngắn đi, còn con báo mỗi lúc 1 điên cuồng hơn. Chẳng mấy chốc cái gậy không còn dài là mấy, chỉ còn độ vài phân, bấy giờ đến lượt Róc-ki. "Thôi đi, Róc-ki" - Ha-ri nói. "Để làm gì?" - Róc-ki hỏi. "Vì anh mà đánh nó tiếp, rồi còn lấy gậy đâu cho em nữa" - Ha-ri trả lời. "Thế là anh thắng nhé" - Róc-ki vừa cười vừa tiến lại.

Cứ nghĩ đến cái cảnh ấy, tôi lại không bao giờ muốn chứng kiến lần thứ 2. Con vật khom người, mà chiếc gậy của Róc-ki chỉ còn có vài phân. Nó đớp được anh ta. Người và thú, 2 bên vật lộn với nhau, không sao bắt được. Cuối cùng, chính Ha-ri đã đâm trúng cổ con báo.

-Tôi mà biết anh ta bị thương vì chuyện đó, tôi sẽ không đến đâu - Lin-đê nói.

Đô gậy đầu tán thành.

3 ngày sau, 2 người đến được túp lều dựng lọt thỏm bên cạnh con sông Pê-cô nhỏ bé đang gầm thét. Đang ở bên ngoài nắng rực rỡ, vào trong lều tối om, nên Lin-đê chẳng nhìn thấy ai cả, ngoài 2 người đàn ông và 1 người đàn bà. Nhưng ông ta không chú ý đến họ, mà đi thẳng đến chỗ cái giường có người bị thương nằm. Anh ta nằm ngửa, mắt nhắm, và Lin-đê nhìn thấy cặp lông mày thanh đẹp và bộ tóc nâu quăn. Bộ mặt gầy, nhợt nhạt dường như quá nhỏ so với cái cổ vạm vỡ, song những nét thanh tú được khắc lên nổi bật hơn cả.

-Dùng loại băng gì thế? - Lin-đê hỏi người đàn bà.

-Loại dung dịch thủy ngân clo-rua thông thường - có tiếng đáp lại.

Ông liếc nhanh người đàn bà đang đứng thờ mạnh, phóng mắt nhìn vào mặt người bị thương, rồi đứng thẳng người, quay lại phái những người đàn ông:

-Các anh đi ra, chặt củi hay làm cái gì đó. Đi ra đi.

1 người trong bọn họ do dự:

-Đây là 1 trường hợp nghiêm trọng - Lin-đê nói tiếp - Tôi muốn nói với vợ anh ta.

-Tôi là em anh ấy - người kia nói.

Người đàn bà đang nhìn người kia với cặp mắt cầu khẩn. Anh ta gật đầu 1 cách miễn cưỡng và quay đi ra cửa.

-Cả tôi nữa à? - Đô ngồi ở trên ghế băng, hỏi.

-Cả anh nữa.

Lin-đê tỏ ra tất bật khám qua quít cho bệnh nhân trong túp lều vắng tanh.

-Ra vậy? - ông ta hỏi - Vậy đó là Rếch Xơ-reng của cô!

Chị kia cặp mắt xuống nhìn người nằm trên giường như để xem có đúng anh ta không, rồi quay nhìn chăm chăm vào Lin-đê, không nói nửa lời.

-Sao cô không trả lời?

Chị ta nhún vai:

-Có ích gì? Anh biết đó chính là Rếch Xơ-reng rồi còn gì.

-Cảm ơn. Dầu sao tôi cũng lưu ý cô rằng đây là lần đầu tiên tôi gặp anh ta. Xin mời ngồi xuống nào - ông vẫy tay cho chị ngồi vào chiếc ghế đầu, còn mình ngồi trên ghế băng - Cô biết không, tôi mệt rũ người ra đây này. Từ sông I-u-côn đến đây, chẳng có 1 đoạn đường cái nào cả.

-Anh định làm gì bây giờ? - chị đợi 1 lát rồi cất tiếng hỏi.

-Ăn cơm xong, rồi nghỉ ngơi trước khi quay trở về.

-Anh định làm gì với... - chị hất đầu về phía người nằm mê man kia.

-Không định làm gì cả.

Chị tiến lại giường và lấy ngón tay vuốt nhẹ lên mái tóc xoắn xoắn.

-Anh định nói là anh muốn giết anh ấy à? - chị nói chậm rãi - Anh sẽ giết anh ấy bằng cách không chữa cho anh ấy, trong khi anh có khả năng cứu được anh ấy phải không?

-Cứ hiểu là như vậy - ông nghĩ 1 lát rồi cười 1 cách tàn nhẫn - Từ ngàn xưa trong cái thế giới già cỗi này phong tục tiêu diệt những kẻ đi cướp vợ của người khác đâu có gì là khác thường.

-Anh không cao thượng chút nào, Gơ-răng ạ - chị trả lời dịu dàng - Anh quên rằng em tự ý làm việc đó và em khao khát làm như thế sao? Không đời nào Réch lại đi cướp em, mà chính anh đã để mất em. Em đi theo anh ấy 1 cách tự nguyện và thiết tha, lòng tràn đầy niềm sung sướng. Chắc có lẽ anh sẽ kết án cả em đã cướp anh ấy. Em và anh ấy hợp tính nhau.

-Quan điểm hay đấy - Lin-đê công nhận - Tôi luôn hiểu cô là người có tầm suy nghĩ sắc sảo, Mét-giơ ạ. Chắc điều ấy cũng làm cho cậu ta bực mình lắm.

-1 người có đầu óc sắc sảo có thể là 1 người yêu tốt...

-Và không đến nỗi ngu xuẩn như vậy - ông ngắt lời.

-Vậy anh công nhận sự khôn ngoan trong việc xử sự đó của em chứ?

Ông giơ cả 2 tay lên:

-Rõ quái gở, ai lại đi nói chuyện với đàn bà khôn ngoan cơ chứ! Bản chất của đàn ông là dễ quên và bị mắc bẫy.

Câu trả lời của chị thể hiện trong cặp mắt xanh nhìn thẳng pha chút mỉm cười.

-Không, tôi sẽ giành lại cái đó, Mét-giơ ạ. Có lẽ như cô mới đi chinh phục hẳn hay bất cứ kẻ nào khác bằng dung nhan và vóc dáng của cô mà tôi đã quen. Tôi đã trải qua những thử thách gay go đó, mà rõ khi, đến giờ tôi vẫn chưa vượt qua nổi.

Ông nói nhanh, bực dọc và cau kỉnh, thành cái tính rồi, nhưng chị biết những lời nói đó bao giờ cũng thẳng thắn. Sau đó chị hỏi:

-Anh còn nhớ kỷ niệm ở hồ Giơ-ne-vơ không?

-Nhớ chứ, lúc đó chúng mình vui sướng đến là vô lý.

Chị gật đầu, đôi mắt long lanh:

-Vẫn có những kỷ niệm xa xưa như thế đấy, Mơ-răng ạ. Mong anh hãy nhớ lại, 1 chút, ôi 1 tý thôi, về những gì chúng ta dành cho nhau lúc đó, anh đồng ý không?

-Giờ đây cô đang lợi dụng đấy - ông mỉm cười, lấy tay rút cái gai ở ngón tay ra, xem xét kỹ 1 cách phán xét rồi kết luận - Không được, cảm ơn cô. Tôi không thể đóng vai người theo đạo Cơ đốc tốt bụng đâu.

-Anh đã lặn lội đến đây vì 1 người không quen biết - chị nói.

Ông tỏ ra khó chịu:

-Cô nghĩ tôi mà biết hẳn là người yêu của vợ tôi, tôi sẽ đi sao?

-Dẫu sao bây giờ anh đã đến đây rồi. Mà anh ấy thì năm kia. Anh sẽ xử lý sao đây?

-Chẳng làm gì cả. Tại sao tôi lại phải làm gì nhỉ? Tôi có phải là người hầu kẻ hạ của hắn đâu. Hắn là đồ ăn cướp!

Chị định nói thì có tiếng gõ cửa.

-Đi ra - ông kêu lên.

-Ông có muốn giúp gì không ạ...?

-Cút, đi đi! Đi lấy 1 thùng nước! Để ở bên ngoài ấy!

-Anh định...? - chị bắt đầu run.

-Định tắm!

Chị chùn lại trước sự tàn bạo đó, môi mím chặt.

-Nghe đây, anh Gơ-răng - chị bình tĩnh nói - Em sẽ gọi em trai anh ấy. Em biết những con người có dòng giống xa lạ đó. Nếu anh có thể quên những kỷ niệm cũ, vậy em cũng có thể quên được. Nếu anh không làm điều

gì để chữa chạy, em anh ấy sẽ giết anh. Thậm chí em mà yêu cầu, cả Tom Đô cũng sẽ giết anh.

-Đừng dọa tôi, cô biết rõ tôi là người thế nào rồi - Ông trả lời nghiêm nghị, rồi nói thêm mỉm cười khinh bỉ - Và lại, tôi không hiểu giết tôi đi thì làm thế nào cứu được Rếch Xtơ-reng của cô?

Chị cam bặt, mím chặt môi lại, rồi trước cặp mắt sắc sảo của ông ta, chị run lên sợ hãi.

-Em không cuồng loạn đâu Gơ-răng ạ - chị vội kêu lên lo lắng, rặng nghiêng ken két - Có bao giờ anh thấy em cuồng loạn đâu: không bao giờ em bị thế cả. Em không biết đó là gì nữa, nhưng em sẽ kiềm chế được. Em chỉ bực mình thôi. Đó là vì 1 phần em giận anh. Đó là sự lo lắng và sợ hãi. Em không muốn để mất anh ấy, Gơ-răng ạ. Anh ấy là ông hoàng của em, người yêu của em. Từ hôm đó đến nay em đã trải qua bao đêm hãi hùng bên anh ấy. Ôi anh Gơ-răng, em van anh.

-Đấy là bệnh thần kinh - ông nhận xét 1 cách cộc lốc - Nếu cô là đàn ông, tôi sẽ mời cô hút thuốc.

Chị ngồi lại ghế, nhìn ông chăm chăm và cố kiềm chế mình. Từ chỗ bếp lửa nham nhở gõ ghè vang lên tiếng đế mèn. Ngực của nườ bị thương

phập phồng dưới bộ áo lông thú. Chị nhìn thấy nụ cười không lấy gì làm vui lắm, trên đôi môi của Lin-đê.

-Cô yêu hẳn đến thế sao? - ông hỏi.

Ngực chị căng phồng, đôi mắt rục lên ánh sáng ngạo nghễ. Ông gật đầu tỏ ra mình đã nhận được câu trả lời.

-Nếu tôi muốn kể 1 câu chuyện, cô có khó chịu không? - ông nói, nghĩ xem nên bắt đầu như thế nào.

-Tôi nhớ mình có đọc 1 truyện, hình như của Hơ-bớt Sô thì phải. Tôi muốn kể cho cô nghe. Có 1 phụ nữ trẻ và đẹp yêu 1 người đàn ông tuyệt diệu, 1 người yêu cái đẹp và là 1 kẻ lang thang. Tôi không biết là giống Réch Stơ-reng của cô là bao, nhưng tôi tưởng tượng là có giống. Ồ, người đó là 1 họa sĩ, dân Bô-hê-miêng, 1 kẻ lang thang. Anh ta hôn chị ta, ồ, nhiều lần trong nhiều tuần, rồi bỏ đi. Chị ta dành cho anh ta những gì mà theo tôi nghĩ nó cũng giống như cô đã dành cho tôi... ở hồ Giơ-ne-vơ. Trong 10 năm, chị ta than khóc cho đến khi sắc đẹp bị tàn phai.

Rồi điều không may đã xảy đến, người đàn ông đó bị mù, và 10 năm sau đó, người ta dắt anh ta đi như dắt đứa trẻ trở về với chị ấy. Không còn gì cả. Anh ấy không vẽ được nữa. Còn chị ấy vô cùng sung sướng và mừng 1 nỗi anh ấy không nhìn thấy dung nhan của mình. Nên nhớ ở đây 1 điều là anh

ta tôn thờ sắc đẹp. Rồi anh ta lại được ôm ấp người yêu của mình trong tay và tin rằng chị ấy vẫn đẹp như ngày nào. Trí nhớ về vẻ đẹp còn mạnh mẽ trong anh ta. Anh ta luôn miệng nói về cái đó, và cứ phàn nàn là bây giờ không được nhìn thấy nó.

1 hôm anh ấy vờ chị ấy vẽ 5 bức tranh mà anh ấy muốn vẽ. Ước gì mắt anh sáng lại để vẽ, chắc những bức tranh ấy sẽ là những kiệt tác... Thế rồi, bỗng nhiên chị ta nhận được liều thuốc tiên. Chỉ việc bôi thuốc lên mắt là chúng sẽ sáng lại hoàn toàn...

Lin-đê nhún vai:

-Cô biết không, chị ta phải đấu tranh ghê gớm. Có ánh sáng cho đôi mắt, anh ấy có thể vẽ những bức tranh đẹp. Và chắc chắn anh ta sẽ bỏ chị ta. Anh ta tôn thờ sắc đẹp mà. Giờ mà nhìn thấy bộ mặt già nua của chị ta, chắc anh ta không sao chịu nổi. Chị ta vật lộn trần trở trong 5 ngày. Song cuối cùng chị ta vẫn xoa thuốc lên mắt anh ta...

Lin-đê ngừng lời, nhìn vợ 1 cách tò mò, 2 con người đen lánh rục lên ánh lửa.

-Vấn đề là cô có yêu hẳn đến như thế không?

-Nếu thế thì sao? - chị hỏi vặn lại.

-Có không?

-Có.

-Cô có thể hy sinh được không? Cô có thể từ bỏ hẳn được không?

Và từ từ miễn cưỡng, chị trả lời:

-Có!

-Và cô đi theo tôi chứ?

-Vâng! - lần này giọng chị nghe nhỏ như thì thầm.

-Vâng, khi anh ấy khoẻ hẳn.

-Cô đã nghe ra. Chúng ta sẽ trở về những kỷ niệm bên hồ Giơ-ne-vơ. Cô sẽ lại là vợ tôi.

Chị dường như co rúm lại, rũ người xuống, nhưng đã gật đầu đồng ý.

-Rất hay! - ông vội đứng dậy tiến lại cái gói tháo dây ra - Gọi mọi người lại đây. Đi đun nước đi, đun nhiều vào. Tôi cần người giúp 1 tay. Gọi em trai hẳn vào. Tôi có mang băng theo đây, nhưng cho tôi xem các người xử lý thế nào đã. Đổ đây rồi, nhóm lửa lên và đun thật nhiều nước vào. Đây, còn anh này - ông nói với 1 người khác - Mang cái bàn này ra để ở dưới cửa sổ kia kìa, rửa đi, kỳ cọ cho kỹ vào: rửa nhé, anh bạn nhớ chưa, vì có bao giờ anh bạn rửa ráy đâu. Còn bà, bà Xơ-reng, sẽ là người giúp việc của tôi. Chắc không có khăn trải bàn, không sao. Vẫn tiến hành được thôi. Còn anh là em trai của anh ta hả? Tôi sẽ gây thuốc mê, còn sau đó, anh phải tiếp tục gây mê. Nào, tôi bảo gì phải nghe theo nhé. à, mà này, anh có biết bắt mạch không?

Vốn nổi tiếng là 1 nhà phẫu thuật can đảm và đạt được nhiều thành công, nên những ngày qua, Lin-đê tỏ rõ sự vượt ực của lòng can đảm và sự thành công đó. Giờ đây trước mặt ông ta là 1 hình hài khoẻ mạnh của 1 con người tàn phế.

Có những ngày Xơ-reng sốt cao và mê sảng, có những ngày tim đột nhiên ngừng đập, không sao bắt mạch cho anh ta được. Có những ngày anh ta nằm tỉnh táo, đôi mắt mệt mỏi và nhức nhối, mặt đẫm mồ hôi vì đau đớn. Lin-đê làm việc không biết mệt mỏi, đầy năng lực, can đảm và may mắn,

cuối cùng ông đã chiến thắng. Cứu giúp cho Xơ-reng sống, ông đâu có vui lòng. Ông đã tận tụy hết sức mình trước 1 vấn đề khó xử và mạo hiểm là làm thế nào cứu cho Xơ-reng hoàn toàn lành lặn và khoẻ mạnh lại.

-Anh ấy có bị tàn phế không? - Mét-giơ hỏi.

-Hắn sẽ đi đứng và nói năng được, nhưng so với con người hắn trước đây có phần bị khập khiễng, trông như tranh đá kích đấy - Lin-đê nói với chị - Hắn sẽ chạy nhảy, bơi trên sông, đánh nhau với hổ báo và làm tất cả những gì theo ý muốn điên rồ nhất của hắn. Và tôi cũng xin báo trước để cô hay, hắn sẽ quyến rũ đàn bà như trước đây hắn từng làm. Cô thích thế chứ? Cô vui lòng chứ? Nhưng mà nhớ điều này: Cô không còn là của hắn đâu!

-Hãy cứu tiếp anh ấy, cứu tiếp đi - chị thở mạnh - Hãy làm cho anh ấy lành lặn, nguyên vẹn như trước.

Rất nhiều lần, bất cứ lúc nào tình hình sức khoẻ của Xơ-reng cho phép, Lin-đê lại gây mê cho anh ta, và làm những điều khủng khiếp, như cắt rời lại khâu vào, rồi nối những bộ phận bị thương trong cơ thể.

-Ông sẽ giết anh ấy mất - người em trai than vãn - Cứ để mặc anh ấy như thế. Lạy Chúa, hãy để anh ấy yên. Sống mà có bị tàn tật thì còn tốt hơn là chết mà nguyên vẹn.

Lin-đê nói giận:

-Cút ra ngay! Cút ra ngay khỏi đây cho đến lúc quay lại đây phải nói được 1 điều là ta đã làm cho anh ta sống lại. Tính mạng của người anh anh như ngàn cân treo sợi tóc. Anh có hiểu không? Nào hãy đi ra đi, lúc nào trở lại phải bình tĩnh, tin rằng anh ta sẽ sống và sẽ nguyên lành như trước, rồi 2 anh em lại làm trò điên rồ với nhau. Nào, đi ra ngay!

Người em trai, nắm chặt tay, mắt nhìn đe dọa, quay về phía Mét-giơ như mong được lời khuyên của chị.

-Đi ra đi chú - Chị ta van vãn - Ông ấy nói đúng. Chị biết ông ấy nói đúng đấy.

1 lần khác, khi điều kiện sức khoẻ của Xơ-reng dường như có hứa hẹn hơn, người em nói:

-Thưa bác sĩ, ông là 1 con người kỳ diệu, vậy mà suốt cả thời gian qua tôi quên không hỏi tên ông.

-Không việc gì đến anh. Đừng quấy rầy tôi. Đi ra đi.

Cánh tay phải bị thương lại mở ra toang hoác, trông đến khủng khiếp.

-Đó là sự chết hoại - Lin-đê nói.

-Thế là hết - người em than khóc.

-Câm mồm đi! - Lin-đê hét lên - Đi đi! Cả Đô, cả Bin nữa, đi bắt những con thỏ rừng, phải bắt sống đấy, bắt những con to khoẻ ấy. Hãy đánh bẫy. Đánh bẫy khắp nơi vào.

-Cần bao nhiêu con, hả ông? - người em hỏi.

-40 con, 40 000 con, 40 000, bắt với tất cả khả năng của mình. Còn bà sẽ giúp tôi, bà Xơ-reng. Tôi sẽ khoét sâu vết thương trên cánh tay để xem xem mức độ tai hại ra sao. Nào, các anh đi ra đi, ra bắt thỏ đi!

Sau đó loáng 1 lúc, ông đã khoét vết thương 1 cách chính xác, cạo chiếc xương rời ra đó.

-Chắc chẳng bao giờ điều này xảy ra nếu lúc đầu đừng cho hăn ăn nhiều thức quá bổ. Tôi có theo dõi, nhưng phải đợi và thử xem đã. Khúc xương

ấy phải bỏ đi thôi. Không có nó cũng không sao, nhưng xương thỏ sẽ giúp làm cho cánh tay được nguyên vẹn.

Trong số hàng trăm con thỏ người ta mang đến, ông chọn, rồi thử, làm đi làm lại, cuối cùng mới chọn được con vừa ý. Ông đã dùng đến giọt thuốc mê cuối cùng và đã hoàn thành việc ghép xương, xương tươi ghép với xương tươi, người sống ghép với thỏ sống, bó vào nhau thật chắc và bất động.

Rồi trong suốt cả thời kỳ thử thách, đặc biệt là khi Xơ-reng khoẻ lại, giữa Lin-đê và Mét-giơ diễn ra 1 cuộc trao đổi. Lin-đê chẳng tỏ ra thân mật, mà Mét- giơ cũng không chống đối.

-Thật là phiền toái - ông nói với chị - Nhưng luật pháp vẫn là luật pháp, nên cô cần phải li dị trước khi chúng ta cưới nhau lại. ý kiến cô thế nào? Chúng ta sẽ đi chơi hồ Giơ-ne-vơ chứ?

-Tuỳ anh - chị nói.

Và 1 lần khác, ông nói:

-Cớ sao cô lại gặp hẳn? Tôi biết hẳn có tiền. Nhưng tôi và cô cũng sống đầy đủ, chứ có đến nỗi nào. Tôi kiếm trung bình 4 vạn 1 năm chứ có ít ỏi

gì, rồi sau đó tôi chúi đầu vào sách vở, cung điện và những chiếc tàu thủy nên đã không thoả mãn được cô.

-Có thể anh giải thích thế là đúng - chị trả lời - Có thể anh quá say sưa với công việc. Có thể anh đã quên em.

-Hừm - ông mỉm cười - Và ước gì Rếch của cô đừng có say sưa với hồ báo và những mẫu gậy đó chứ gì?

Đến hôm người ta đưa Xơ-reng và cả cái giường ra ngoài trời để hóng nắng, chị mới nói với Lin-đê:

-Để em nói cho anh ấy hay nhé?

-Không, phải đợi đã - ông trả lời.

Sau đó Xơ-reng có thể ngồi dậy bên mép giường, có thể đi được vài bước, có người đỡ 2 bên.

-Để em nói cho anh ấy biết - chị nói.

-Không được. Tôi muốn công việc chữa chạy phải hoàn hảo. Tôi không muốn có hậu quả.

Mùa hè đến. Tuyết đã tan, chỉ còn vương lại trên các đỉnh núi xa xa tận phía trời đông. Ngày dài ra cho đến khi không có bóng đêm nữa, vì đến nửa đêm mặt trời mới lặn trong giây lát nơi chân trời phía bắc. Lin-đê nghe ngóng bước đi của Xơ-reng, sự vận động của cơ thể anh ta, cởi, rồi lại mặc quần áo cho anh ta bao lần với mục đích cho cơ bắp được mềm mại và co rút được. Anh ta được xoa bóp liên tục không ngơi tay cho đến khi Lin-đê tuyên bố rằng Tôm Đô, Bin và người em trai của anh ta từ nay đã lành nghề, có thể đảm đương việc tắm hơi và nắn xương. Nhưng Lin-đê chưa thoả mãn. Ông coi Xơ-reng tập toàn bộ bài thể dục riêng của mình nhằm theo dõi xem còn có điểm yếu nào tàng ẩn trong người anh ta không.

-Em nói cho anh ấy biết nhé? - Mét-giơ van xin.

-Chưa được! - ông trả lời - Cô chỉ được nói khi tôi đã chuẩn bị sẵn sàng.

Tháng 7 trôi qua, rồi tháng 8 gần hết, lúc ấy ông ra lệnh cho Xơ-reng đi ra ngoài con đường mòn để bắt nai, Lin-đê theo sát gót anh ta, nghiên cứu rất kỹ và theo dõi sát sao. Anh ta mảnh khảnh, nhanh như 1 con báo, và anh ta đi mà Lin-đê cứ ngỡ là không có ai đi, cả thân hình anh ta uyển chuyển, lẹ làng. Tôm Đô đã từng than vãn về tốc độ đi ghê gớm đó của anh ta, Lin-đê đi phía sau, thở hồng hộc, mồ hôi nhễ nhại, chốc chốc đến chỗ băng

phẳng ông lại chạy gần cho kịp. Đi hết trên chục cây số, ông đứng lại rồi ngã quật xuống bãi cỏ.

-Đủ rồi! - ông kêu lên - Tôi không sao theo kịp được anh đâu.

Ông lau bộ mặt nhễ nhại mồ hôi. Còn Xơ-reng ngồi trên 1 cây gỗ, mỉm cười nhìn bác sĩ.

-Có thấy đau, hay dấu hiệu nào tỏ ra là đau không? - Lin-đê hỏi.

Xơ-reng lắc bộ tóc quăn và vươn mình, từng đường gân thớ thịt cuộn cuộn đầy sức sống.

-Xơ-reng ạ, độ 1, 2 mùa đông có thể những vết thương cũ của anh vẫn còn cảm thấy tê buốt. Nhưng rồi cái đó sẽ qua đi và có thể chúng sẽ lành hẳn.

-Trời, bác sĩ, ông đã làm nên điều kỳ diệu cho tôi, tôi không biết lấy gì đền đáp công ơn ông. Thậm chí tôi chưa biết tên ông.

-Không sao, tôi đã cứu sống anh, vấn đề chính là ở chỗ đấy.

-Nhưng đây là 1 tên tuổi mọi người trên thế giới chắc phải biết đến - Xơ-reng năn nì - Tôi tin là nếu tôi mà nghe thấy, tôi sẽ nhận ra ngay.

-Chắc là anh sẽ nhận ra thôi - Lin-đê trả lời - Nhưng có hệ trọng gì. Tôi muốn thử lần cuối cùng, và thế là xong chuyện với anh. ở chỗ rẽ ngay đầu con sông con này là ngã ba của 1 con sông lớn. Đô có kể cho tôi nghe là năm ngoái anh có đến đó, tận giữa sông rồi lại quay về mất 3 ngày. Anh ấy còn nói tý nữa thì anh giết cả anh ấy. Đêm nay anh đóng trại ở đây nhé. Tôi sẽ bảo Đô mang đồ cắm trại lại cho anh. Sau đó anh sẽ lại đi đến giữa dòng sông và quay trở về cùng 1 thời gian mà năm ngoái anh đã đi.

-Nào - Lin-đê nói với Mét-giơ - Cô chỉ còn 1h để gói ghém hành lý thôi đây. Tôi sẽ đi chuẩn bị thuyền. Bin còn đi bắt hươu nên phải đến tối mới về. Chúng ta sẽ dựng lều đêm nay, và trong vòng 1 tuần chúng ta sẽ có mặt ở Đô-xơn.

-Em hy vọng... - bỗng nhiên chị dừng lại 1 cách kiêu hãnh.

-Rằng, tôi sẽ không đòi tiền công chứ gì?

-Ồ, hợp đồng là hợp đồng, nhưng anh không cần phải căm thù đến thế. Anh không cao thượng chút nào. Anh bảo anh ấy đi những 3 ngày, và cướp đi của em cả câu chào tạm biệt cuối cùng với anh ấy.

-Hãy để thư lại.

-Em sẽ kể cho anh ấy biết tất cả.

Lúc ông từ dưới thuyền quay lại, quần áo của chị đã được gói lại và thư đã viết xong.

-Đưa tôi đọc nào! - ông nói - Nếu cô thấy có thể được.

Chị do dự 1 chút, rồi đưa lá thư cho ông đọc.

-Khá thẳng thắn - ông nói sau khi đọc xong lá thư.

-Nào, xong xuôi cả chưa?

Ông mang gói quần áo của chị xuống bờ sông, lấy 1 tay giữ chiếc thuyền, còn tay kia giơ ra cho chị vịn vào mà leo lên. Ông nhìn chăm chăm vào chị, nhưng không 1 chút lưỡng lự, chị giơ tay cho ông nắm lấy và chuẩn bị bước lên thuyền.

-Khoan tý đã - ông nói - 1 lát thôi. Cô có nhớ câu chuyện tôi kể cho cô nghe về liều thuốc tiên không? Tôi chưa kể phần kết thúc. Khi chị ta xoa thuốc lên mắt cho anh ta và sắp sửa định bỏ đi, tình cờ nhìn vào gương, chị ta thấy sắc đẹp của mình đã được hoàn lại như xưa. Sau đó, anh ta mở mắt ra, kêu lên sung sướng trước vẻ đẹp kiều diễm của người yêu, ôm chầm lấy nàng trong tay.

Căng thẳng nhưng kiềm chế được, chị đợi ông kể tiếp, trên gương mặt và trong khoé mắt của chị loé lên đôi chút ngỡ ngàng.

-Em rất đẹp, Mét-giơ ạ - ông dừng lại rồi noi thêm, giọng cụt lủn - Phần cuối câu chuyện đã quá rõ. Tôi nghĩ, cánh tay của Rếch Xtơ-reng sẽ không còn trống trải nữa. Tạm biệt nhé!

-Anh Gorăng...! - chị kêu lên khe khẽ, nhưng trong giọng nói đã thể hiện tất cả những gì không cần phải nói ra mới hiểu.

Ông bật cười:

-Tôi muốn chứng minh cho cô thấy tôi không phải là loại người tồi như thế. Lấy điều thiện trả điều ác, cô biết chứ?

-Anh Gơ-răng...?

Ông bước lên thuyền và giơ bàn tay gầy nổi gân.

Chị giơ cả 2 bàn tay ra nắm lấy bàn tay đó.

-Ôi, bàn tay thân yêu, bàn tay đầy sức mạnh! - chị thì thầm rồi cúi xuống hôn.

Ông rút mạnh tay lại, đẩy thuyền ra xa bờ, khua mái chèo xuống dòng sông chảy xiết và lái ra đến giữa sông, nơi đây nước chảy phẳng lặng như mặt gương trước khi nó cuồn cuộn thành những đám bọt trắng xoá.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Gã Mặt Tròn

John Claverhouse là một gã có khuôn mặt tròn như mặt trăng; loại khuôn mặt ấy, hẳn bạn cũng biết: đôi gò má phẳng lì, cằm và trán lấn vào đó làm cho nó đã tròn lại càng thêm tròn vạnh; cả cái mũi cũng vậy vừa thấp, vừa to, nằm chính chệch ngay giữa khuôn mặt trông cứ như một cục bột được gắn trên mặt thớt; có lẽ bởi vậy mà tôi ghét gã; đối với tôi sự có mặt của gã đã làm cho trái đất này trở nên chật chội, và gã đã thật sự trở thành một cái gai trong mắt tôi; Người nào khác may ra còn có thể bàng quan coi loại người có khuôn mặt kiểu ấy chẳng có gì là bất thường, chứ tôi thì tôi ghét cay ghét đắng cái gã John Claverhouse ấy, không phải chỉ vì gã ta đã làm cho tôi trở nên kém cạnh trước mắt bàn dân thiên hạ; còn hơn vậy nữa kia; cái ác là một cái gì đó bí hiểm, khôn lường, nó mơ hồ, lằng đằng, không làm sao tách bạch ra cho thật rạch ròi được; trong cuộc sống hình như nó vẫn thường tiềm ẩn đâu đó trong lòng mỗi chúng ta. Lần đầu tiên gặp một người nào đó, một người mà chúng ta hoàn toàn không nghĩ tới, nhưng ngay trong lần gặp đó, chúng ta có ngay ấn tượng là không ưa loại người đó, không biết vì sao, chỉ có thể nói không ưa là không ưa: vậy thôi. Đối với tôi, John Claverhouse chính là một con người như vậy.

Một con người như vậy thì có quyền gì mà sống sung sướng cơ chứ? Trông gã lúc nào cũng phờ phơ, cười cợt, mặt mũi lúc nào cũng tươi hơn hơn; mẹ gã chứ, đối với gã, mọi việc lúc nào cũng cứ suôn sẻ, thuận buồm xuôi gió! Bất cứ người nào khác cười cợt, tôi chẳng bận tâm; ngay cả tôi,

cũng có lúc tôi vẫn thường cười cợt, vui đùa, nhưng đó là trước lúc gặp John Claverhouse kia.

Coi cười của gã kia, nó làm tôi phát điên phát khùng lên được, như thể trên thế gian này không còn cái gì khác có thể làm tôi phát khùng phát điên lên như vậy; cái tiếng cười của gã, nó cứ lớn vồn bên tôi, bám riết lấy tôi; giống như một cái giũa khổng lồ, nó chà xát trái tim tôi cả lúc thức cũng như trong lúc ngủ. Ngay lúc bình minh vừa rạng, xuyên qua cánh đồng cỏ nó đã lồng lộng ủa tới xua tan giấc ngủ nán sáng khoái của tôi; giữa trưa nắng chói chang trong khi đám cây cối rũ xuống và lũ chim đã rút sâu vào rừng, vạn vật trở nên im ắng, tiếng cười hô hố của gã lại vang lên như muốn thách thức cả mặt trời; cả lúc đêm đã khuya, từ trên phố vừa về tới lối rẽ vào nhà, gã lại phá lên cười rộ; tiếng cựa của g. dựng ngược tôi dậy, làm tôi trăn trọc không sao ngủ lại được.

Ban đêm, đã nhiều lần tôi len đến, mở cổng chuồng xua đàn gia súc của gã ra đồng; đến sáng, lại nghe tiếng cười rộ của gã và trông thấy gã ta lùa ra đồng luôn những con còn, sót lại; "Tội nghiệp" - gã nói - "mấy con quái này lại thềm cỏ tươi đây mà!".

Gã có nuôi một con chó, đặt tên là Mars; đó là một con chó đực cao to, dáng điệu hung vĩ, thuộc nòi chó săn. Gã rất khoái con vật, đi đâu cũng dắt theo. Tôi rình mãi, cho đến một hôm gặp dịp, tôi dụ con chó ra ngoài và ném cho nó một miếng thịt bò tẩm mỡ thơm. Điều đó cũng chẳng làm John Claverhouse động tâm; mặt gã vẫn cứ tươi hơn hơn và do đó, trông lại càng tròn vành vạnh.

Tiếp đó, tôi đốt cả chuồng gia súc và cả cánh đồng cỏ của gã. Sáng hôm sau, nhằm ngày chủ nhật, trông gã vẫn cứ phờ phạc, vui vẻ.

"Ông tính đi đâu vậy?" - tôi hỏi khi thấy gã vừa ra đến chỗ ngã rẽ.

"Đi làm một mẻ cá hồi; tôi khoái cái kiểu đánh cá hồi này lắm!" - gã đáp, mặt gã tròn vành vạnh cứ như mặt trăng đêm rằm.

Có ai như gã không cơ chứ? Đồng cỏ, chuồng trại cháy rụi, huê lợi đi doong, vậy mà, đối diện với cái đói và mùa đông khắc nghiệt sắp tới, gã vẫn cứ phờn phơ - mẹ kiếp - "đi làm một mẻ cá hồi", chỉ vì "khoái" cái kiểu đánh bắt cá ấy! Phải chi trên khuôn mặt gã lộ ra một chút gì đó có vẻ u ám làm nó chảy dài ra cho bơn bớt tròn đi một chút, phải chi gã bớt ngoác miệng cười đi được một lúc, may ra tôi còn có thể động tâm và để yên cho gã; đã chẳng vậy, sau bao nhiêu tai họa, trông gã lại còn có vẻ phờn phơ tới hơn bao giờ hết.

Tôi sầm mặt lại; gã chăm chú nhìn tôi rồi phá ra cười, vẻ ngạc nhiên:

- Sao, bộ tôi làm ông khó chịu à? - Chưa dứt lời, gã lại cười rộ lên, rồi mới nói tiếp: - Ông tức cười thật đấy! Hô... hô... ha... ha... Ông làm tôi tức cười đến chết mất! Hi... hi... hô... hô... hà... hà...

Gặp trường hợp như vậy, nếu là bạn, bạn thấy sao? Còn tôi, nói có qui thần hai vai chứng giám, không hiểu sao tôi lại thấy ghét thậm ghét tệt cái gã John Claverhouse ấy. Lại còn cái họ nữa chứ! Họ quái gì mà lại là Claverhouse! Claverhouse, cái họ sao mà ngớ ngẩn! Lạy Chúa, sao họ của gã lại là Claverhouse nhỉ? Câu hỏi ấy cứ lớn vồn trong đầu tôi; thà cứ là Jones, là Smith, là Brown đi, có sao đâu, đằng này lại là Claverhouse! Đâu, bạn hãy thử đọc to cái họ ấy lên xem sao: Cla-ver-house, nghe có đần không cơ chứ! Một con người mà lại có thể sống với một cái họ như vậy được à? Hẳn bạn cũng đồng ý với tôi là không, không thể nào sống với một cái họ như vậy được!

Bất chợt, nhớ đến người chủ nợ vẫn thường cho gã vay vốn làm mùa, biết chắc rằng gã chẳng thể nào đến gặp người đó để vay tiếp được nữa vì đồng cỏ chuồng trại đã cháy rụi, tôi liền tìm một người cho vay lãi khác - sắc sảo, kín đáo hơn - chỉ cho y ta đến gặp gã. Tôi không ra mặt, chỉ thông

qua người đó, buộc gã ta phải đi đến chỗ phá sản, phải bán tổng bán tháo tất cả cơ ngơi của gã. Vài ngày sau, tôi rảo đến, coi xem gã ta ứng phó với hoàn cảnh thế nào, vì từ hơn hai mươi năm nay, gã vẫn sống gắn bó với cơ ngơi đó. Gặp tôi, gã tròn xoe mắt nhìn, mặt giãn ra cho đến khi nó lại tròn vành vạnh như mặt trăng đầy.

"Ha,ha, ha - Gã phá lên cười: - Ông xem, cái thằng bé, con tôi ấy, nó có ngộ không; tôi kể ông nghe nhé, nó chạy chơi ở bờ sông, bắt đờ một khoảng bờ sụp xuống làm nước bắn tung toé lên người nó, vậy là nó hét toáng lên: Ôi ba ơi, nước bay lên đánh con kìa!..."

Gã dừng lại, đợi tôi hưởng ứng câu chuyện; tôi nhăn mặt, nói cộc lốc: "Chuyện như vậy thì có gì đáng để cười đâu cơ chứ!"

Gã ngạc nhiên trở mắt nhìn tôi, rồi khuôn mặt lại giãn ra, lại sáng rờ rờ như mặt trăng đêm rằm, rồi cười phá lên: "Hi, hi... hà hà... chuyện như vậy mà ông bảo không cười cho được à? Hà hà... Ông thấy đấy, cả một khối nước chứ chơi à!..."

Đến nước như vậy thì làm sao mà còn chịu được, tôi tức tối quay lưng bỏ đi; mẹ gã chứ, phải kết thúc chuyện này ngay thôi; lẽ ra, gã đừng nên ra đời mới phải...

Lên đến tận đỉnh đồi, tôi vẫn còn nghe tiếng cười quái gở của gã lồng lộng trong bầu trời. Chính lúc đó, tôi đã quyết định là phải khử ngay cái gã John Claverhouse đó mới được, và giờ đây, tôi có cảm giác thỏa mãn vì đã thực hiện được điều đó một cách hoàn hảo. Lúc đó, tôi đã cố toan tính phải làm cách nào để lương tâm không bị cắn rứt, nhưng kết quả phải thật chắc chắn mới được. Tôi không thích kiểu làm hấp tấp, cũng không thích kiểu làm tàn bạo; đối với tôi, bắn cho gã một phát, đâm cho gã một dao, đập cho gã một gậy,... những cách đó, sao mà tởm! Phải thật khéo léo, phải thật gọn gàng, và điều cốt tử là phải làm thế nào để mình đừng bị mảy may nghi ngờ. Ở suốt một tuần, cuối cùng tôi cũng tìm ra cách. Bắt tay vào việc,

trước hết tôi tìm mua một con chó cái nòi spaniel giỏi lội nước mới non năm tháng tuổi; tôi đặt tên nó là Bellona và ra sức huấn luyện nó.. Ai để ý hẳn sẽ thấy tôi chỉ dạy cho nó mỗi một việc là tìm mang về những đồ vật mà tôi ném đi. Ném một cái gậy xuống nước, tôi sụt nó lội xuống tìm, không những chỉ mang về, mà phải mang về ngay lập tức, không được gặm hay đùa nghịch với chiếc gậy đó. Mục tiêu nó phải đạt là đem gậy về ngay, càng nhanh càng tốt, không được dừng lại. Tôi tập cho nó chạy đuổi theo tôi, miệng vẫn ngậm chặt chiếc gậy cho đến khi nào đuổi kịp mới thôi. Vốn thuộc nòi chó sáng ý, chẳng mấy khó khăn, nó đã nhanh chóng thành thục trò chơi đó.

Đợi đến lúc thuận tiện, tôi đem Bellona tặng cho John Claverhouse. Vì đã phần nào nắm được điểm yếu của gã, tôi biết tôi phải làm thế nào.

Lúc tôi đưa sợi dây buộc cổ chó cho gã, gã đẩy ra:

- Ông... ông thật lòng không đấy? Tôi biết... tôi biết là ông đâu có ưa gì tôi - Gã nhăn nhó cười: -Nhận quà tặng của ông... hóa ra... tôi...

Ngắm nghía con chó, mặt cố lập nghiêm, gã hỏi:

- Ông đặt cho nó tên gì vậy?

- Bellona. - Tôi đáp.

Mặt giãn ra, gã cười rộ lên:

- Ha... ha... Bellona... Cái tên hay thật đấy!

Giữ vẻ mặt bình thản, đợi gã nín cười, tôi nói:

- Chắc ông cũng biết, Bellona là vợ của Mars 1 đấy.

Mặt sáng rỡ, mắt một lúc gã mới buột miệng reo lên:

- Vậy ra... ông cho tôi thật à? Tội nghiệp, nếu vậy thì giờ đây nó góa bụa mất rồi, hà, hà...

Tôi xoay lưng, rảo bước lên đồi.

o o o

Một tuần trôi qua nhanh, chiều thứ bảy, gặp gã, tôi hỏi:

- Thứ hai ông đi rồi, phải không?

Gã gật đầu, miệng lại toác ra cười.

- Vậy là ông hết còn dịp đi "làm một mẻ cá hồi" rồi nhỉ?

Không để ý đến giọng điệu móc máy của tôi, gã đáp:

- Không chừng ngày mai tôi sẽ ra đó làm một mẻ cuối cùng nữa đó!

Vậy là chắc ăn; tôi quay về nhà, nôn nao đợi.

Sáng sớm hôm sau tôi thây gã xách vợt và túi "đồ nghề" đi về hướng dòng suối, con Bellona lúc thúc chạy một bên. Đã biết chỗ gã thường đánh cá, tôi đi tắt qua cánh đồng cỏ, xuyên qua các lùm cây bụi, leo lên tận đỉnh núi; để khỏi bị người nào đó tình cờ trông thấy, tôi đi vòng gần hai dặm đường rồi men xuống chỗ lùm cây rậm rạp bên sườn núi, gần chỗ con suối đổ vào lòng hồ có các tảng đá bao quanh. Lòng hồ đó là nơi gã vẫn thường đến đánh cá. Chọn một hốc đá kín đáo nhưng từ đó có thể quan sát toàn cảnh bên dưới, tôi ngồi xuống, lấy ống tẩu nhồi thuốc hút.

Thời gian chậm rãi trôi, mãi một lúc sau mới thấy John Claverhouse đi ngược dòng suối lên tới chỗ lòng hồ, Bellona chạy quần dưới chân gã. Đến nơi đã chọn, gã thả vợt và túi "đồ nghề" xuống tảng đá cạnh bờ hồ, rồi móc túi lấy ra một thỏi trông giống như thỏi nển nhưng khá to; tôi biết ngay đó là cốt mìn, loại phương tiện gã vẫn thường dùng để đánh cá hồi. Dùng một

sợi dây, gã quấn chặt dây cháy chậm vào thỏi cốt mìn rồi châm lửa, ném mạnh vào hồ.

Như một tia chớp, Bellona phóng vào hồ về hướng thỏi cốt mìn vừa rơi xuống; tôi muốn cười phá lên khi nghe tiếng Claverhouse réo đến thất thanh nhưng cũng chẳng ăn thua, gã vợ đá ném theo nhưng Bellona đã ngụp xuống ngoạm lấy thỏi cốt mìn rồi quay mình bơi vào bờ. Ý thức được mối nguy, Claverhouse co giò chạy. Đúng như tôi tiên liệu, Bellona vọt lên bờ đuổi theo. Từ lùm cây trên cao, tôi nín thở theo dõi. Trên bờ đá ngổn ngang phía dưới, Claverhouse quỳnh quáng chạy, ngay dưới chân y, Bellona chạy theo sát nút. Một chớp sáng, một búng khói bùng lên, cùng lúc đó là một tiếng nổ kinh hồn. Khói tan, ở chỗ người và chó chạy đuổi nhau giờ đây chỉ còn lại một hõm lớn.

Thật hoàn hảo, cái cách gọn, đẹp mà tôi đã nghĩ ra để khử John Claverhouse; biên bản điều tra ghi nhận: "Chết do tai nạn trong khi đánh cá bằng phương thức bất hợp pháp". Đâu, hẳn bạn cũng đồng ý với tôi là giải quyết như vậy thì có gì để có thể nói là tàn nhẫn, là ác độc, là đáng xấu hổ đâu phải không nào? Sẽ không còn tiếng cười khùng khục vang vọng khắp không an, sẽ không còn khuôn mặt tròn vành vạnh làm tôi gai mắt; giờ thì tâm trí tôi đã có thể yên ổn, đêm đêm tôi có thể ngủ thẳng một giấc được rồi.

1 Theo thần thoại La Mã, Mars là thần chiến tranh, Bellona là nữ thần chiến tranh một trong những người vợ của Thần Mars.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Kẻ Bỏ Đạo

Nay thức dậy đi làm

Cầu Chúa sao cho mình đừng bỏ việc

Nếu có chết vào lúc hoàng hôn.

Cầu Chúa sao công việc được yên lành

A men"

- Giôn (Johnny) ơi, con mà không dậy, mẹ không cho con ăn đâu!

Câu dọa đó cũng chẳng có tác dụng gì với cậu bé. Nó cứ nằm lì, chân tay quờ quọ như người nằm mơ. Hai bàn tay cứ nắm lỏng rồi đột nhiên vùng lên đấm yếu ớt trong không khí. Những quả đấm đó nhắm vào người mẹ, nhưng bà ta tránh được, lấy tay lắc mạnh vai nó.

- Mặc con!

Mới đầu mới là tiếng kêu ú ớ vì ngại ngủ, rồi vút lên thành tiếng khóc, càu nhàu, rồi lại lắng xuống dần thành tiếng rên ư ử. Tiếng khóc nghe đã man, của một tâm hồn bị day dứt khổ đau, chứa chất muôn vàn sự phản kháng và đau đớn.

Nhưng nào bà mẹ có bận lòng. Là một phụ nữ có đôi mắt buồn và bộ mặt khắc khổ nên bà cũng đã quen với nhiệm vụ đó, hết ngày này qua ngày khác trong cả cuộc đời của mình. Bà ta giăng lấy cái chăn và kéo tuột xuống, cậu bé ngừng tay đấm và giữ chặt lấy. Cậu ta nằm cuộn tròn trong đồng chăn lộn xộn ở cuối giường. Thế là bà mẹ lôi tuột cả cái chăn xuống sàn nhà. Cậu bé chống lại, bà mẹ ra sức giữ. Rồi vì bà mẹ to lớn hơn, nên cậu bé và cái chăn cũng phải chịu thua, nhưng theo bản năng, bà lại che vội cho con mình khỏi lạnh giá.

Lúc nằm mấp mé giường cứ ngỡ cậu ta phải ngã chúi đầu xuống sàn nhà. Nhưng rồi ý thức làm cậu ta bừng tỉnh, loạng choạng một lát rồi lấy lại được thăng bằng. Nó dậm chân thành thịch xuống sàn. Bà mẹ lanh lẹ nắm lấy vai nó và lắc mạnh. Cậu ta lại vung tay đấm nhưng lần này mạnh và nhắm thẳng hơn. Cùng lúc ấy cậu ta mở mắt. Bà mẹ buông ra. Cậu ta tỉnh ngủ.

- Vâng, con dậy đây rồi – cậu lẩm bẩm.

Bà mẹ vớ lấy cái đèn và đi vội ra, để cho cậu trơ khấc trong bóng tối.

- Con sẽ bị trừ lương đấy, - bà mẹ nhắc với lại.

Cậu bé không sợ bóng tối. Mặc xong quần áo, cậu đi vào nhà bếp. Người thì gầy và nhẹ như cái bấc, vậy mà đi nghe thành thịch. Hai cẳng chân gầy guộc kéo lê được cái thân trông đến là vô lý. Cậu ta kéo cái ghế đã thủng vào sát bàn.

- Giôn! – Bà mẹ gọi sảng giọng.

Cậu ta đứng phắt dậy, rồi lẳng lặng đi đến chậu rửa bát bẩn nhầy nhựa. Chỗ kê nứt ở chậu bốc ra một mùi khó chịu. Cũng mặc, vì cái mùi ấy đối với cậu là tất nhiên chẳng khác gì nước rửa bát cáu bọt xà phòng, khó mà đánh cho sạch được. Mà hơi đâu lại đi mất sức vì chuyện đó. Lấy vòi nước xối vài lần vào đấy là ổn thôi. Cậu không đánh răng, vì vậy mà chẳng bao

giờ cậu nhìn thấy cái bàn chải đánh răng, cũng chẳng bao giờ thèm biết trên đời này lại có những kẻ mắc phải tội nghiệt nghiệt là đã biết đánh răng.

- Đáng nhẽ ngày nào con cũng phải rửa ráy một lần chứ đâu lại cứ phải để mẹ nhắc thế, - bà mẹ phàn nàn. Tay bà cứ phải đỡ lấy cái nắp vỡ khi rót cà-phê ra hai cái cốc. Cậu không nói gì, vì đây là điều xung khắc thường xuyên giữa hai mẹ con, điều bà mẹ cương quyết bắt buộc cậu phải rửa mặt mỗi ngày một lần. Cậu lấy khăn cáu ghét và rách như xơ mướp ra lau khô, trên mặt còn vương lại những sợi vải.

- Mẹ cũng muốn ở gần, chứ đâu phải xa xôi thế này, - bà mẹ nói lúc cậu bé ngồi xuống. - Mẹ cố gắng hết sức. Con biết đấy. Đỡ một đồng thuê nhà là đỡ tốn kém bao nhiêu rồi con ạ, vả lại, mẹ con mình ở đây rộng hơn. Rõ là như thế.

Cậu hầu như không nghe mẹ nói. Đã chán nghe như thế rồi. Tầm suy nghĩ của bà mẹ chỉ có giới hạn, lúc nào nói chuyện y như rằng lại quay về vấn đề khó khăn, vất vả vì phải sống xa nhà máy.

- Dành dụm chả thấy đâu, chỉ thấy vất vả hơn thôi, - cậu nhận xét, giọng cụ non. – Không khéo lại đi ăn xin sớm.

Cậu ăn vội, vừa nhai bánh, vừa nhúng những miếng rắn không nhai được vào cà-phê. Đó là một chất lỏng như bùn nhão và nóng mang tên cà-phê. Giòn cho đấy đúng là cà-phê, mà lại là loại thượng hảo hạng. Đó là một trong những ảo tưởng lúc nào cũng lảng vảng trong óc cậu. Chưa bao giờ trong đời cậu bé được uống cà-phê thật sự cả.

Ngoài bánh mì ra, còn một miếng thịt lợn lạnh tanh. Bà mẹ rót thêm cà-phê vào cốc cho con. Ăn gần hết miếng bánh, cậu bèn nhìn xem có còn được ăn thêm. Bà mẹ ngắt ngay cái nhìn dò hỏi đó.

- Nào, đừng có ăn uống tham lam, tục tằn, con, - bà mẹ nhận xét. – Con có phần của con, các em con được phần nhỏ hơn rồi còn gì.

Cậu bé không đáp lại sự quở trách của mẹ. Cậu vốn ít nói. Mà cậu cũng không tỏ ra muốn ăn nữa. Không ca thán một lời, với lòng kiên nhẫn ghé gớm không kém gì ngôi trường nơi cậu đã được dạy dỗ như thế. Uống xong cà-phê, cậu lấy mu bàn tay quệt miệng, rồi đứng dậy.

- Đợi mẹ một tý, - bà mẹ vội nói – Thôi này, mẹ cho con một khoanh nữa, mỏng thôi nhé.

Hành động của bà mẹ thật khéo léo. Trông bà như đang cắt khoanh bánh mì, nhưng thật ra bà để bánh mì vào trong hộp rồi mang lại cho cậu ta một trong hai khoanh của mình. Bà tin là mình đã đánh lừa được cậu con, nhưng nào ngờ cậu đã nhìn thấy sự đánh tráo của mẹ mình. Dẫu sao, cậu vẫn cầm lấy bánh một cách trơ tráo. Cậu lại lý lẽ rằng do mẹ mình ốm yếu luôn thế nên ăn bánh mì sao được.

Thấy con ăn bánh mì khô, bà mẹ với cái chén của cậu và rót hết chỗ cà-phê của mình sang đấy.

- Sáng nay không hiểu sao mẹ không muốn ăn, - bà mẹ giải thích.

Tiếng còi rít lên từ xa, kéo dài hồi lâu làm cho hai mẹ con bật đứng dậy. Bà mẹ kéo khăn quàng quần quanh vai và đội trên đầu một chiếc mũ bần thiu, méo mó và cổ lỗ.

- Mẹ con mình phải chạy mất, - bà mẹ nói, vịn bậc đèn và thối tắt đi.

Hai mẹ con mò mẫm đi xuống cầu thang. Trời sáng và lạnh, cơn gió đầu tiên ùa từ ngoài đường vào làm Giôn rùng mình. Các vì sao vẫn còn sáng tỏ trên bầu trời và thành phố vẫn im lìm trong bóng tối. Hai mẹ con Giôn kéo lê chân trên đường phố. Các cơ bắp ở chân cũng không buồn nhấc khỏi mặt đất.

Sau mười lăm phút im lặng, bà mẹ rẽ ngoặt sang bên phải.

- Đừng đến muộn con nhé, - tiếng nhắc nhở lần cuối cùng vọng ra từ bóng tối đang nuốt chửng lấy bà.

Cậu bé không trả lời, vẫn bước tiếp đều đều. Trong khung nhà máy, cửa đã mở khắp nơi và loáng một cái cậu đã hòa vào dòng người đang chen lấn trong bóng tối. Bước vừa tới cổng nhà máy, còi lại hú lần nữa. Cậu bé liếc nhìn về hướng đông, thấy một vệt sáng nhợt nhạt đang trườn trên những nóc nhà nhấp nhô nơi đường chân trời. Cảnh này ngày nào cậu cũng nhìn thấy khi bắt đầu quay lưng lại và hoà vào dòng người đi làm.

Cậu đứng vào chỗ làm việc trong những dãy dài các máy. Phía trước, trên một cái thùng đựng đầy những ống chỉ nhỏ, là những suốt chỉ to đang quay tít. Công việc cậu phải làm là xe sợi đay từ những suốt chỉ nhỏ. Động tác cũng đơn giản, chỉ cần mau lẹ mà thôi. Những cuộn suốt nhỏ được cuốn đi rất nhanh vào những suốt chỉ to, nên chân tay không được ngơi một lúc nào

Cậu làm rầm rập như máy. Khi có cuộn suốt nhỏ nào hết sợi, cậu dùng bàn tay trái hãm máy, ống suốt to dừng lại, cùng lúc ấy ngón tay cái và trở nắn đầu sợi dây xe đang xoắn ra. Đồng thời bàn tay phải nắm lấy đầu sợi xe rời của suốt chỉ nhỏ. Những động tác khác nhau này được hai tay thực hiện cùng một lúc và nhanh nhẹn. Hai bàn tay của cậu thoăn thoắt vung lên nối sợi và thả suốt chỉ ra. Nối sợi không có gì khó. Có lần cậu còn khoe là mình có thể vừa ngủ, vừa nối được sợi. Nên cũng vì lý do đó mà đôi lúc cậu đã làm quần quật một công việc kéo dài hàng thế kỷ ấy trong một đêm, liên tiếp nối vô vàn những nút chỉ.

Có một số cậu bé bỏ việc, lãng phí thời gian và để máy nghỉ vô ích do đã không thay những suốt chỉ nhỏ khi chúng hết sợi. Tuy vậy, luôn có một đốc công theo dõi ngăn chặn. Hẳn nắm lấy tay một cậu bé đứng cạnh máy với Giôn vì bắt quả tang cái trò bịp bợm đó, và bạt tai cậu ta.

- Hãy trông thẳng Giôn đây này. Sao mà không làm việc được như nó hả? – Tên đốc công giận dữ nói.

Các suốt chỉ của máy Giôn chạy hết tốc độ nhưng trước lời khen gián tiếp đó, cậu cũng không tỏ ra vui sướng. Cũng có một lần... nhưng đã từ lâu lắm rồi. Bộ mặt lãnh đạm của cậu ngậy ra khi thấy người ta nêu gương mình. Cậu là một công nhân hoàn hảo. Cậu biết điều đó và cũng đã thường xuyên nghe người ta nói thế về mình. Đó là lẽ thường tình. Và lại điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với cậu nữa. Từ một công nhân hoàn hảo, cậu sẽ biến thành một cái máy hoàn hảo. Khi công việc bị hỏng do vật liệu không tốt, cả cậu và máy đều phải chịu trách nhiệm. Thánh nhân còn có lúc mắc sai lầm nữa là cậu bé. Mà cũng đến lạ, cậu bé chẳng bao giờ thấy rời cái máy. Nó như đã ăn sâu vào con người cậu, nhưng dẫu sao chẳng nữa nó cũng nuôi sống cậu.

Cách đây mười hai năm, ngay trong chính phòng máy dệt của nhà máy này đã xảy ra một câu chuyện lý thú. Mẹ của Giôn bị ngã. Họ đặt bà ta nằm duỗi thẳng trên sàn nhà, giữa những chiếc máy đang gầm rú. Một vài chị đứng tuổi đang đứng máy được gọi lại. Tên đốc công giúp cho một tay. Và thế là trong dăm ba phút, một linh hồn đã nghiêm nhiên xuất hiện trong phân xưởng máy dệt. Đó là cậu bé Giôn, ra đời trong tiếng máy gầm rú đình tai nhức óc, quyện hơi thở đầu tiên của cậu là hơi nóng ngọt ngọt ấm thấp vương đầy những bụi sợi bay. Chính ngày đầu tiên đó cậu đã ho vì bụi sợi; và cũng vì lý do đó mà cậu đã bị mắc bệnh ho từ ngày đó.

Cậu bé đứng cạnh Giôn khóc thút thít và khụt khịt mũi. Mặt cậu ta nhăn lại căm phẫn nhìn tên đốc công vẫn còn đứng từ xa hăm dọa: song các suốt chỉ vẫn đang cuộn đầy. Cậu bé hét lên những tiếng chửi tàn bạo vào những suốt chỉ xoay tít trước mặt, nhưng căn phòng như một bức tường ngăn tiếng chửi lại, không vang xa hơn là mấy.

Giôn chẳng để ý. Những việc như thế cậu đã quen cam chịu. Và lại, chúng lặp đi lặp lại đều đều, hơn nữa, sự việc đặc biệt ngày hôm nay cậu

cũng đã chứng kiến nhiều lần. Theo cậu, có chống lại tên đốc công thì cũng chỉ vô ích, chẳng khác gì chống lại ý muốn của máy móc. Người ta sản xuất ra máy móc là để cho nó chạy theo ý muốn của nó và làm những nhiệm vụ mà nó phải làm. Cả tên đốc công cũng chẳng khác gì cái máy.

Đến mười một giờ cả phòng máy dật xôn xao nhốn nháo. Sự náo động trong nháy mắt đã lan ra khắp phòng một cách bí hiểm. Một cậu bé một chân đang làm ở máy đối diện với Giôn vội chạy thẳng đến cái xe thùng đựng suốt để không, lao vào và mất hút trong đó, mang theo cả cái nặng. Viên giám thị của nhà máy đang đi lại, theo sau là một người mặc sang trọng, áo sơ-mi cổ cồn – theo như sự đánh giá của Giôn thì ông ta là một nhà quý phái, một "viên thanh tra".

Ông ta vừa đi vừa nhìn chăm chăm vào các cậu bé. Đôi lúc ông ta dừng lại hỏi chuyện. Mỗi lần như thế, ông ta buộc lòng phải hét to, mặt mũi nhăn nhúm đến buồn cười, để cho các cậu bé nghe thấy mình. Cặp mắt lạnh lợi của ông ta phát hiện ra một chiếc máy không có người làm bên cạnh máy của Giôn, nhưng ông ta không nói gì. Giôn cũng bắt gặp cặp mắt của ông ta, thế là ông ta quay lại, nắm lấy tay Giôn kéo lại một bước. Sau đó ông ta bật lên một tiếng kinh ngạc và thả tay cậu ra.

- Khá gầy, - viên giám thị cười, tỏ ra lo lắng.

- Như ống sậy, - người kia trả lời. – Ông hãy nhìn cẳng chân này xem, cậu ta bị còi xương, nhưng mới chớm thôi, dầu sao cũng đã bị rồi. Cuối cùng mà không mặc chứng động kinh, thì thế nào cũng bị bệnh lao trước mà xem.

Giôn lắng nghe, nhưng không hiểu gì. Hơn nữa cậu đâu có quan tâm đến những bệnh tật phát sinh trong tương lai. Trước mắt có một bệnh hiểm nghèo đang đe dọa cậu dưới hình thức là viên giám thị (thanh tra?).

- Này cậu bé, ta muốn chú mày nói lên sự thật cho ta nghe đây, - viên giám thị (thanh tra?) nói, ghé sát tai cậu bé mà hét lên cho cậu nghe thấy. – Chú mày mấy tuổi?

- Mười bốn, - Giôn nói dối, lấy hết gân sức căng lồng ngực lên để nói. Cậu ta hét to quá đến nỗi phát ra những tiếng ho khô khốc, làm lay động những sợi bông đã đọng lại trong phổi cậu ta suốt sáng nay.

- Trông ít nhất cũng đến mười sáu tuổi, - viên giám thị nói.

- Hay sáu mươi tuổi, - viên thanh tra ngắt lời.

- Lúc nào trông nó cũng thế đấy.

- Đã bao lâu rồi? – Viên thanh tra hỏi nhanh.

- Bao năm nay vẫn thế. Trông nó chẳng già đi chút nào.

- Có lẽ lại trẻ ra ấy chứ. Chắc nó làm ở đây đã lâu?

- Cũng có lúc đi làm, có lúc nghỉ việc, nhưng đây là trước khi luật mới được thông qua, - viên giám thị nói thêm.

- Máy này nghỉ hả? – Viên thanh tra hỏi, chỉ vào chiếc máy không có người đứng bên cạnh Giôn, với những suốt sợi mới cuộn được một nửa đang quay cuồng điên loạn.

- Này, hãy coi này, - viên giám thị gọi tên đốc công lại. Ông ta vừa quất vào tai hấn ta vừa chỉ vào chiếc máy đứng không. – Thưa ông, máy không có ai làm, - ông ta lại báo cáo với viên thanh tra.

Họ đi tiếp, còn Giôn tiếp tục làm việc, thờ phào vì đã tránh được cái bệnh ấy. Nhưng cậu bé một chân không may lắm. Viên thanh tra có cặp mắt cú vọ đã phát hiện ra cậu ta cách cái xe thùng suốt chỉ có một sợi tay. Môi ông ta run lên, và mặt ông ta mang một nét thể hiện thảm họa, giáng xuống

kẻ nào thì thật sâu sắc và không thể nào phục hồi được. Tên đốc công nhìn ngờ ngàng cứ như lần đầu tiên hẳn mới nhìn thấy thằng bé đó, còn bộ mặt của viên giám thị thì tỏ ra sững sốt và khó chịu.

- Tôi biết thằng bé này, - viên thanh tra nói – Nó mới mười hai tuổi. Trong một năm tôi đã ra lệnh đuổi nó ba lần ra khỏi ba nhà máy. Lần này là lần thứ tư.

Ông ta quay lại phía cậu bé một chân:

- Mi đã hứa với ta, thề sống thề chết là mi phải đi học cơ mà.

Cậu bé òa lên khóc:

- Cháu xin ông thanh tra, hai đứa em cháu đã chết. Nhà cháu nghèo quá.

- Sao mà ho nghe lạ thế? – viên thanh tra hỏi cứ như kết tội nó.

Cậu bé chối phăng, nói:

- Không sao ạ. Cháu vừa bị cảm lạnh tuần trước, thưa ông thanh tra. Không sao đâu ạ.

Cuối cùng, chú bé một chân bước ra khỏi phòng cùng viên thanh tra và viên giám thị, mặt mày lo lắng và bất bình. Tiếp theo đó, công việc đơn điệu lại lặp lại. Buổi sáng dài đằng đằng, rồi đến buổi chiều dài hơn nữa trôi qua, còi nhà máy rú lên báo hết giờ làm việc. Giôn đi qua cổng nhà máy, ngoài trời đã tối. Đó đây còn tia nắng mặt trời như cái thang màu vàng nổi trái đất với bầu trời, tỏa khắp một hơi ấm dễ chịu, rồi lặn dần và biến mất ở phía tây sau những nóc nhà nhô lên xơ xác nơi chân trời. Trong ngày, bữa ăn tối là bữa ăn có đông đủ mọi người trong gia đình – một bữa ăn Giôn có thể gặp các em của mình. Đối với cậu, điều đó có phần nào mang tính chất gặp gỡ vì cậu đã quá già, còn các em mình lại còn quá trẻ. Cậu không còn sự kiên nhẫn trước tính hoạt bát quá mức và đến kỳ lạ của

chúng. Cậu không hiểu điều đó. Quãng đời thơ ấu của cậu đã lui vào dĩ vãng từ lâu. Cậu như một người đàn ông già và hay bần tính, khó chịu trước sự nhộn nhạo của bọn em mà theo cậu, chúng thật là bọn đại hâm. Cậu im lặng nhìn chăm chú vào thức ăn của mình, trong lòng thấy đôi chút được đền bù vì bọn chúng chẳng bao lâu nữa cũng sẽ phải đi làm. Có thể bọn chúng mới bớt nghịch ngợm đi, điềm đạm và nghiêm túc hơn, như cậu chẳng hạn. Vậy là theo khuôn mẫu của thuật làm người, Giôn tự cho mình là khuôn vàng thước ngọc để cho cả thiên hạ noi theo. Trong bữa ăn, bà mẹ luôn mồm giải thích bằng đủ mọi cách rằng bà đã cố gắng hết sức mình, và thế là bữa ăn đạm bạc đã trôi qua một cách nhẹ nhõm. Giôn đẩy lùi ghế lại và đứng dậy. Cậu đứng càu nhàu một lúc giữa cái giường và cửa ra vào, rồi sau đó bỏ đi. Mới ra đến hiên, cậu đã ngồi xuống, co đầu gối lại và đôi vai hẹp rũ xuống phía trước, hai khuỷu tay

chống lên đầu gối và lòng bàn tay đỡ lấy cằm.

Cậu ngồi đó mà tỏ ra không suy nghĩ gì, chỉ ngồi nghỉ thôi. Tâm trí cậu đã ngủ từ lâu rồi, nếu xét về mặt đó mà nói. Mấy đứa em của cậu ùa ra chơi đùa âm ỉ với mấy đứa em quanh cậu. Một bóng đèn điện rọi sáng chỗ bọn trẻ đang chơi đùa. Cậu tỏ ra căm kính và bọn trẻ cũng biết thế nhưng chúng đánh bạo trêu cậu. Bọn chúng nắm tay nhau và đung đưa trước mặt cậu, rồi cất tiếng hát những câu về khó hiểu, nghe đến bực mình. Lúc đầu cậu còn văng những câu chửi mà cậu học được ở những tên đốc công. Rồi do thấy chửi thề cũng vô ích và chợt nhận ra mình đã là con người chững chạc, nên cậu trở lại im thin thít.

Thằng em Uyn-lơ (Will) sát ngay cậu, vừa mới lên mười, là thằng đầu trò. Giôn chẳng có cảm tình một tí nào với nó. Cậu đã sớm thấy chua xót trước việc phải hy sinh cho Uyn-lơ. Cậu vĩnh viễn có cảm giác là Uyn-lơ nợ cậu một món nợ lớn mà nó lại vô ơn. Trong cái ký ức xa xưa, cậu chỉ nhớ lơ mờ rằng trong khi chơi đùa, phần lớn thời gian cậu dành để trông Uyn-lơ. Lúc đó thằng em cậu còn bé, và cũng như hiện nay, mẹ cậu còn

phải đi làm ở nhà máy dệt. Cậu trở thành một phần là người bố bé nhỏ và một phần là người mẹ bé nhỏ.

Trông Uyn-lơ thì biết nó đã từng hưởng sự hy sinh đó. Nó mập mạp, hơi thô, cao bằng anh mình, thậm chí còn nặng hơn là đấng khác, cứ như dòng máu sống của người này truyền sang người kia. Cả về mặt tinh thần cũng vậy. Giôn thì mệt mỏi, tiêu tụy, không còn sức dẻo dai thì thằng em thì tỏ ra tràn trề sức sống.

Tiếng hát nhạo báng mỗi lúc một to hơn. Uyn-lơ nhảy ngã nghiêng người, lưỡi thè ra. Giôn giơ tay trái ra tóm lấy cổ thằng em, nắm tay gầy đến thảm hại là thế mà nghe tiếng kêu đau la lối mới biết nó thật là mạnh. Những đứa trẻ kêu hoảng hốt, còn cô em gái Gien-ni (Jennie) của nó chạy thục mạng về nhà.

Cậu đẩy thằng Uyn-lơ ra, đá một cách độc ác vào cẳng chân, rồi với lấy thằng em và đánh nó dúm dúm xuống đất, cho đến lúc mặt mũi thằng em vùng vẫy mãi trong đám bụi nó mới thả ra. Một lát sau bà mẹ chạy đến, mặt tái xanh, hốt hoảng và tức giận.

- Tại sao nó không để con yên! – Giôn trả lời mẹ khi bà quở mắng nó. - Thế nó không thấy là con mệt sao?

- Tao bây giờ lớn bằng mày rồi, - Uyn-lơ tức giận lao vào cánh tay mẹ, mặt nó dính đầy nước mắt, bụi và máu. - Giờ tao lớn bằng mày rồi, mà tao còn lớn hơn nữa cơ. Lúc ấy tao sẽ cho biết tay, tao mà không làm được cứ gọi là...

- Mày cứ phải đi làm đi rồi mới thấy lớn như thế nào, - Giôn vặc lại, - Vấn đề với mày là ở chỗ đó. Mày phải đi làm. Mà mày có phải đi làm hay không là tùy mày*.

- Nhưng em nó còn bé quá, - bà mẹ nói lại. – Nó hãy còn bé nhóc con.

- Lúc con bắt đầu đi làm, con còn bé hơn nó.

Giôn trở môi, ra điều cậu cảm thấy như thế là không công bằng, nhưng rồi lại cụp môi xuống ngay. Cậu buồn thiu quay gót, đi thẳng vào trong nhà và leo lên giường ngủ. Cửa phòng của cậu để ngỏ đón hơi ấm từ dưới bếp phả lên. Trong bóng nửa tối nửa sáng, cậu cởi quần áo và nghe thấy tiếng mẹ mình nói chuyện với bà hàng xóm rẽ vào ngôi nhà chơi. Bà mẹ khóc, ngắt quãng bởi những tiếng xì mũi nghe yếu ớt.

Tôi không hiểu đầu óc thằng Giôn ra sao nữa, - cậu nghe rõ tiếng mẹ mình nói. – Trước đây cháu nó không thế đâu. Nó hiền lành như bụt ấy. - Dẫn sao cháu nó cũng ngoan bà ạ, - bà mẹ vội bênh con. – Cháu làm việc chăm chỉ, mà thật ra cháu nó đi làm lúc còn bé quá. Nhưng đâu có phải lỗi tại tôi. Xin dám chắc với bà là tôi cũng đã cố gắng hết sức mình rồi.

Tiếng xì mũi cứ tiếp tục mãi không thôi, và cậu bé Giôn lẩm bẩm trong miệng cho đến lúc hai mí mắt nhắm lại:

- Bắt người ta làm việc chăm chỉ để cho mình sướng chứ gì?

Sáng hôm sau còn đang say sưa cậu lại bị mẹ gọi giật dậy. Ăn qua bữa ăn sáng rau dưa xong, cậu lại thất thểu bước qua bóng tối, đến khi cậu xây lưng lại và đến qua cổng nhà máy, ánh sáng nhợt nhạt của ban ngày đã xuất hiện trên những nóc nhà. Lại một ngày nữa trôi qua, và cứ như thế tiếp diễn triền miên, chẳng có ngày nào khác ngày nào.

Dẫu sao cuộc đời của cậu cũng có nhiều vẻ, đó là vào những lúc cậu thay đổi công việc hay lúc ốm đau. Lúc mới lên sáu tuổi, cậu đã là cha, là mẹ bé của thằng em Uyn-lơ và của những đứa em bé hơn. Lên bảy tuổi đi làm ở nhà máy dệt, đánh ống suốt chỉ. Khi lên tám, cậu vào làm ở một nhà máy khác. Công việc mới thật vô cùng dễ làm. Cậu chỉ việc ngồi xuống cầm lấy cái gậy nhỏ và giữ cho cuộn vải dệt tuôn ra từ miệng một cái máy để vải không chạy chệch ra ngoài, mà phải chạy qua chỗ cậu ngồi, theo một

cái ống lăn nóng, và cứ thế vải tuôn đều đặn ra chỗ khác. Nhưng cậu lúc nào cũng phải ngồi yên một chỗ, tối như bưng mắt, một luồng hơi đốt lóe lên phía trên cậu, vì cậu cũng là một bộ phận của máy.

Cậu rất sung sướng được làm công việc đó dù cho nó có nóng bức, âm thấp, chẳng qua là vì cậu còn trẻ vẫn còn những mơ mộng hảo huyền. Và khi nhìn thấy những dòng vải dệt tuôn ra khỏi máy dường như vô tận ấy, đã là cả một giấc mơ tuyệt vời. Dầu sao công việc không được đi lại vận động chân tay, đầu óc lười suy nghĩ, rồi mỗi ngày một ít mơ mộng đi, làm cho óc trở nên trì độn, mệ mỏi. Tuy thế, cậu cũng kiếm được hai đô-la một tuần, mà hai đô-la đủ để nói lên sự khác nhau giữa cái đói rũ người với việc ăn uống thường xuyên bị đói.

Nhưng khi lên chín tuổi, cậu mất việc. Nguyên nhân là do bệnh sởi. Sau khi khỏi bệnh cậu kiếm được việc làm ở nhà máy thủy tinh. Tiền công có hậu hĩnh hơn, nhưng công việc đòi hỏi phải khéo tay thì tiền công càng cao. Đó là sự khuyến khích, và chính có chế độ khuyến khích đó mà cậu đã phát triển thành

một công nhân xuất sắc.

Công việc thật đơn giản, chỉ việc ngồi buộc những nút dây thủy tinh vào những cái chai nhỏ. Cậu cầm một nắm sợi dây ngang lưng. Hai đầu gối kẹp lấy cái chai để rảnh hai tay làm. Cậu phải ngồi ở tư thế lom khom trên đầu gối, đôi vai hẹp trông rũ xuống và bộ ngực co rúm lại suốt mười tiếng đồng hồ một ngày. Như vậy là không có lợi cho phổi, vậy mà cũng buộc được hơn ba trăm chiếc chai mỗi ngày.

Viên giám thị rất hãnh diện về cậu, và đưa khách đến tham quan. Trong mười tiếng đồng hồ, hơn ba trăm chiếc chai đã qua tay cậu, như vậy trình độ đã đạt mức hoàn hảo của một chiếc máy. Tất cả những động tác thừa đã bị loại trừ. Từng động tác của cánh tay gầy guộc, của từng thớ thịt ở những ngón tay khẳng khiu di chuyển nhanh và chính xác. Do làm việc ở cường

độ cao, nên kết quả là cậu trở nên lúc nào cũng hoảng sợ. Đêm đêm, những thớ thịt co giật trong giấc ngủ, ban ngày cậu lại không sao nghỉ ngơi được. Đầu óc luôn luôn căng thẳng và các cơ bắp vẫn cứ tiếp tục co giật. Cậu trở nên xanh xao, và bệnh ho vì bụi sợi mỗi ngày một tồi tệ. Sau đó cả hai lá phổi yếu ớt nằm trong lồng ngực co rúm rỏ bị viêm, thế là cậu mất việc trong nhà máy thủy tinh.

Giờ đây cậu trở lại làm việc trong nhà máy đay, ban đầu bằng việc cuộn suốt... Là một công nhân giỏi nên cậu có triển vọng được đề bạt. Có thể cậu sẽ chuyển lên đứng máy hồ vải rồi sau đó sẽ đứng máy dệt. Tất cả đòi hỏi một hiệu suất lao động ngày càng tăng.

Máy chạy nhanh hơn ngày đầu cậu mới đi làm mà đầu óc cậu lại chậm hơn máy. Cậu hoàn toàn không còn mơ mộng nữa, dù có những năm mới đi làm chưa chan bao ước mơ đã có lần cậu mang lòng yêu. Đó là vào hôm lần đầu tiên cậu ngồi dẫn giường vải dệt qua ống cuộn nóng, lại làm cùng với cô con gái viên giám thị. Cô ta hơn cậu nhiều tuổi, có thể gọi là phụ nữ được, mà cậu chỉ nhìn thấy cô ta ở xa vền vện có dăm sáu lần. Song thế đã có sao. Trên mặt vải cuộn cuộn tuôn ra trước mặt, cậu hình dung ra những tương lai rực rỡ, trong đó cậu đã làm nên những chiến tích kỳ diệu bằng lao động cực nhọc, đã sáng chế ra những chiếc máy phi thường, đã giành được chức ông chủ nhà máy, và cuối cùng ôm nàng trong tay và hôn dịu dàng lên đôi lông mày của nàng.

Nhưng chuyện đó đã xảy ra từ lâu, chứ bây giờ đã quá già nua, và sức đâu mà yêu với đương. Vả lại cô ấy đã đi lấy chồng và đi nơi xa rồi, còn tâm hồn cậu cũng đã sao nhãng. Dầu sao đấy cũng là thời kỳ tuyệt diệu, và cậu vẫn thường hồi tưởng lại kỷ niệm đó như người ta thường nhớ đến thời kỳ mình hay tin vào câu chuyện thần tiên hay ông già Nô-en, nhưng cậu lại hoàn toàn tin vào tương lai rạng rỡ mà trí tưởng tượng của cậu đã làm nên trên mặt những tấm vải cuộn cuộn tuôn ra từ khung cửi.

Cậu trở thành những con người đỉnh đạc quá sớm trong đời. Lên bảy tuổi, khi nhận được đồng lương đầu tiên, cậu đã bắt đầu tuổi thanh niên. Một cảm giác về sự tự lập lan khắp người, do thế mà mối quan hệ giữa cậu và bà mẹ cũng thay đổi. Tuy nhiên, là lao động chính trong gia đình, đi làm một mình không cần nhờ vả ai, cậu không những ngang hàng mà còn hơn cả mẹ. Tuổi trưởng thành, độ thanh xuân đến với cậu vào lúc mười một tuổi khi đó cậu làm ca đêm trong sáu tháng. Chẳng có đứa trẻ nào đi làm ca đêm mà vẫn còn trẻ con cả.

Trong đời cậu có rất nhiều những sự kiện trọng đại. Một trong những sự kiện đó là vào một hôm bà mẹ mua mấy quả mận khô vùng Ca-li-pho-ni-a. Hai lần kia là khi bà mẹ nấu món sữa trứng. Đó là những sự kiện. Cậu nhớ tới chúng mà trong lòng thấy rạo rức. Và cũng trong thời gian ấy mẹ cậu hay kể cho nghe về một món ăn tràn trề niềm vui mà bà thường nấu, gọi là món "đảo trôi", còn ngon hơn cả món "sữa trứng". Đã bao năm cậu ngóng đợi đến ngày được ngồi ăn món "đảo trôi" cho đến khi rút cuộc cậu đành để nó rơi vào quên lãng cùng với những lý tưởng xa vời.

Có một lần cậu nhặt được một đồng 25 xu trên vỉa hè. Đó là một sự kiện trọng đại trong đời cậu, đồng thời cũng là một sự kiện bi đát. Cậu có ý thức được nhiệm vụ của mình ngay khi đồng xu đó lóe lên trước mắt, thậm chí trước khi cậu nhặt nó lên. Thường ở nhà chẳng bao giờ được ăn đủ, đáng lẽ cậu phải mang về nhà như vẫn thường mang lương vào tối thứ bảy. Một cử chỉ đúng đắn lúc này là hiển nhiên, nhưng chưa bao giờ cậu được tiêu tiền, mà cậu lại thèm ăn kẹo đến chết được. Cậu thèm kẹo, nhưng lại chỉ đến những ngày lễ mới được nếm.

Cậu không muốn lừa mình. Cậu biết làm thế là có tội, rồi cố tình phạm tội vì quá bị cám dỗ bởi cái kẹo mười lăm xu. Còn mười xu để dành đến lần liên hoan khác; thế rồi do không quen giữ tiền, nên cậu đánh mất mười xu. Điều đó xảy ra vào lúc lương tâm cậu bị dày vò đau đớn, và theo cậu, đấy là đòn trừng phạt của Chúa. Cậu cảm thấy sợ hãi trước hình ảnh Chúa oai

ng nghiêm và giận dữ. Chúa nhìn thấy, thế nào Chúa cũng trừng phạt ngay, không cho cậu một đồng lương tội lỗi nào nữa.

Trong ký ức, cậu luôn nhớ đến sự kiện đó, coi đây là một hành động tội ác lớn trong đời mình, và cứ nhớ đến nó là lương tâm lại bùng tỉnh và cắn rứt. Đó là vết nhơ trong đời. Cũng do được hư cấu trong tình huống đặc biệt nên cứ nhớ lại hành động đó, cậu lại thấy hối tiếc. Cậu không thấy thỏa mãn với cung cách xử lý việc tiêu số tiền đó. Đáng ra cậu tiêu toàn bộ số tiền đó một lúc. Nhớ lại, cậu cứ thấy mình tiêu đồng xu đó hàng nghìn lần, và mỗi lần tiêu một cách có lợi hơn.

Còn một kỷ niệm nữa về thời quá khứ, không rõ và đã phai nhòa, nhưng nó khắc sâu vào tâm hồn cậu không bao giờ quên được. Đó là đôi bàn chân tàn bạo của ông bố. Nó là cơn ác mộng hơn là một hình ảnh ghi nhớ về một điều cụ thể, một kỷ niệm thoáng qua về con người làm cho cậu rơi vào giấc ngủ và trở về với tổ tiên ở trên cây của mình.

Kỷ niệm đặc biệt này không bao giờ đến với Giôn vào lúc ban ngày, vào lúc cậu còn tỉnh như sáo. Nó đến vào ban đêm lúc đã lên giường, vào lúc ý thức của cậu đã đắm chìm trong giấc ngủ. Nó luôn làm cho cậu hoảng hốt, mắt ráo hoảnh, rồi trong giây lát cảm giác ớn lạnh ban đầu khi thấy mình nằm thẳng cứng, giang tay chân ra như cây thập tự ở cuối chân giường. Trên giường là những hình thái lơ mờ của bố mẹ cậu. Chưa bao giờ cậu được thấy hình dáng người bố ra sao. Cậu chỉ có một ấn tượng là ông có đôi bàn chân man rợ và tàn bạo.

Những kỷ niệm thời thơ ấu còn bàng lảng quanh cậu chứ những kỷ niệm về sau này thì cậu đâu có. Ngày tháng giống hệt nhau. Hôm qua hay năm ngoái, cũng chẳng khác gì như thiên nhiên vạn đại hay trong giây lát. Chẳng có gì xảy ra. Chẳng có một sự kiện nào để đánh dấu bước tiến của thời gian. Thời gian không tiến bước. Nó đứng yên một chỗ. Chỉ có những chiếc máy quay cuồng chuyển động, mà cũng chẳng chuyển động đến chỗ nào cả, dù thực tế là chúng chuyển động rất nhanh.

o O o

Khi mười bốn tuổi, cậu đi làm ở bên máy hồ bột. Đó là một sự kiện khổng lồ. Cuối cùng đã có điều gì đó xảy ra để ghi nhớ vượt ra khỏi giấc ngủ ban ngày hay lĩnh lương hàng tuần, nó đánh dấu một thời đại. Đó là cái máy O-lim-pi-át, một vật để đánh dấu ngày đó. Cậu thường luôn miệng nói "khi tôi đi làm bên máy hồ bột", hay là "sau khi", hoặc "trước khi tôi đi làm bên máy hồ bột".

Cuối năm thứ hai đứng bên máy dệt, cậu dệt được nhiều vải hơn bất cứ một thợ dệt nào, còn đối với những người thợ dệt không khéo tay hơn, cậu dệt được gấp đôi họ. Tại gia đình, cậu ngày càng tỏ ra có tư thế và quyền lực hơn vì mọi thứ bắt đầu sinh sôi nảy nở. Tuy vậy, không phải vì thế mà tiền cậu kiếm được đã vượt hơn hẳn nhu cầu. Bọn em ngày càng lớn hơn, nên chúng ăn khoẻ hơn. Hơn nữa, chúng còn được đi học, mà sách học lại đắt tiền. Ấy thế mà cậu càng làm việc bao nhiêu, giá cả lại càng tăng bấy nhiêu. Thậm chí tiền thuê nhà cũng tăng vọt, mặc dù nhà cửa mỗi ngày một tồi tàn hơn.

Cậu cao hơn, nhưng càng cao, trông lại càng lêu đêu, càng gầy hơn. Cậu cũng càng hoảng sợ hơn, cho nên lại càng hay cáu gắt. Bọn đàn em đã học được nhiều bài học cay đắng nên đều tránh xa cậu. Bà mẹ tôn trọng cậu vì quyền lực ngày càng nằm trong tay cậu, nhưng không hiểu sao sự tôn trọng đó vẫn đượm chút sợ hãi.

Cuộc đời cậu không có lấy chút vui thú. Cậu không bao giờ được nhìn thấy diễn biến của ban ngày. Ban đêm cậu ngủ trong những giấc mơ hoảng loạn. Thời gian còn lại cậu làm việc và ý thức của cậu là ý thức của một cái máy. Ngoài cái đó ra, đầu óc cậu trống rỗng. Cậu không có lý tưởng, mà chỉ có một ảo tưởng; đó là việc cậu được uống món cà-phê thượng hảo hạng. Cậu là một con vật biết làm việc. dù gì chẳng nữa, cậu vẫn không có cuộc sống tinh thần; vậy mà sâu thẳm trong nỗi u uất của tâm hồn, mà cậu có biết, công việc nặng nhọc từng giờ, từng sự chuyển động của đôi tay, từng

cơ co giật của cơ bắp cho quá trình hoạt động trong tương lai chắc sẽ làm cho cậu và cả cái thế giới nhỏ bé kinh ngạc, vẫn đang được tiến hành.

Đó là vào đêm cuối xuân cậu đi làm về, không hay biết rằng mình đã mệt rũ người. Lúc ngồi xuống bàn, có một cái gì đó sắp xảy đến với cậu hãy còn lơ lửng trên trời, nhưng cậu không hề biết. Cậu ngồi ăn, suốt bữa im lặng buồn rầu. Ăn những gì bày ra trước mắt như một cái máy. Bọn em hăng giọng rồi làm những tiếng động lộp bộp trong miệng, nhưng cậu như bị điếc chẳng nghe thấy gì.

- Con có biết con đang ăn gì không? – Bà mẹ đã hỏi vậy một cách tuyệt vọng.

Cậu nhìn trừng trừng vào món ăn ở trước mặt, rồi lại lơ đãng nhìn bà mẹ.

- Món đảo trôi đấy con ạ, - bà mẹ thông báo một cách đặc thảng.

- Ồ, thế hả mẹ? – Cậu hỏi.

- Đảo trôi! - Bọn em đồng thanh nói to.

- Ôi chao! – Cậu nói.

Ăn độ đôi ba miếng nữa, cậu nói thêm:

- Tối nay con không đói.

Cậu thả cái thìa xuống, đẩy ghế ra sau và uể oải đứng lên khỏi bàn:

- Con phải đi nằm đây.

Hai chân cậu lê nghe nặng nề hơn mọi ngày qua sân nhà bếp. Cởi quần áo mà nặng nhọc như vác búa tạ, một việc làm hoàn toàn vô ích. Cậu trườn người vào giường, miệng khóc thút thít, một bên chân vẫn để nguyên giầy.

Cậu nhận ra một cái gì đó đang sưng lên trong đầu làm cho trí óc cậu mơ mơ màng màng, nặng chình chịch. Ngón tay gầy như to ra bằng cả cổ tay, còn ở đầu ngón tay như xa vời, lờ mờ như đầu óc cậu vậy. Cái lưng nhỏ bé đau dữ dội. Tất cả các khớp xương đau dần. Toàn thân nhức nhối. Còn trong đầu vang lên luôn và tiếng máy dẹt nghe găm thét đình tai nhức óc. Khắp nơi thoi bay chi chít, phóng vun vút rối loạn giữa những vì sao. Bản thân cậu đã đứng hàng nghìn máy dẹt, và chúng tăng tốc độ, mỗi lúc một nhanh để cuộn đầy hàng nghìn cái thoi đang lao như bay kia.

Sáng hôm sau cậu không đi làm. Cậu còn bận dẹt hàng nghìn cái máy dẹt đang chạy trong đầu. Bà mẹ đi làm, nhưng trước khi đi, bà mời bác sĩ. Bác sĩ nói cậu bị cúm nặng. Gien-ni đóng vai y tá và làm theo mọi chỉ dẫn của bác sĩ.

Bị cúm nặng nên sau một tuần cậu mới mặc quần áo và loạng choạng đi qua phòng. Bác sĩ bảo phải mất một tuần nữa cậu mới có thể đi làm được. Tên đốc công của phòng máy dẹt đến thăm cậu vào chiều chủ nhật, ngày đầu tiên cậu hồi phục. Hắn ta nói chuyện với bà mẹ rằng cậu là một thợ dẹt giỏi nhất. Công việc vẫn để dành cho cậu nên cứ nghỉ nốt một tuần nữa kể từ thứ hai rồi đi làm cũng được.

- Sao con không cảm ơn ông đây, con? – Mẹ cậu bắn khoắn hỏi con. – Cháu hãy còn yếu quá nên không nói được như thế. – Bà trình bày với khách, tỏ ý xin lỗi.

Giôn ngồi co ro nhìn chăm chăm xuống sàn nhà. Tên đốc công đã ra về từ lâu mà cậu vẫn ngồi yên như vậy. Bên ngoài trời ấm áp, đến chiều cậu lại ngồi ngoài hiên, chốc chốc môi lại mấp máy, cứ như cậu đang đắm mình trong những tính toán miên man.

Sáng hôm sau, khi trời đã trở nên ấm áp, cậu lại ra ngồi ngoài hiên. Lần này cậu mang theo một cái bút chì và một mẫu giấy để tiếp tục tính toán. Cậu tính một cách vất vả và đến là kinh ngạc.

- Sau một triệu là đến bao nhiêu nhỉ? – Cậu ta hỏi Uyn-lơ khi cậu em đi học trưa về. - Làm thế nào mà tính được hả?

Chiều hôm đó cậu kết thúc công việc tính toán. Ngày ngày cậu trở lại mái hiên mà không mang bút chì và giấy. Cậu say sưa ngắm nhìn cái cây mọc bên đường. Mới đầu ngồi ngắm như thế hàng giờ, và khi gió lay động cành cây làm cho lá cây kêu xào xạc, là lúc cậu thích thú vô cùng. Suốt cả tuần cậu hầu như chỉ sống với mình. Vào ngày chủ nhật ngồi trên hiên nhà, cậu nhiều lần cười lớn, làm bà mẹ thấy sợ, vì đã bao năm nay bà có thấy con trai mình cười đâu.

Sáng hôm sau, trời hãh còn nhá nhem tối, bà mẹ đã vào giường đánh thức cậu dậy. Cả một tuần cậu được ngủ no say nên cậu tỉnh ngủ ngay. Cậu không vùng vằng gì, cũng không giữ lấy cái chăn bà mẹ kéo ra khỏi người cậu. Cậu nằm im lặng, và nói khẽ:

- Vô ích thôi, mẹ ạ.

- Muộn mất con ạ, - bà mẹ nói, tưởng con mình hãh còn ngái ngủ.

- Con thức đấy mà, mẹ ạ, mà con đã bảo với mẹ là con làm thế cũng vô ích thôi. Mẹ cứ mặc con thì hơn. Con không dậy được đâu.

- Nhưng con sẽ mất việc! – Bà mẹ kêu kên.

- Con không dậy được, - cậu nhắc lại bằng một giọng kỳ lạ, nghe đuối sức.

Bà mẹ không đi làm sáng hôm đó. Bệnh này là bệnh vượt ra khỏi kiến thức của bà, chưa từng thấy bao giờ. sốt và mê sảng là những bệnh bà có thể hiểu được, nhưng đây là bệnh điên. Bà mẹ kéo chăn đắp cho con và bảo Gien-ni đi gọi bác sĩ.

Khi bác sĩ đến, Giôn đang ngủ yên lành, rồi cậu khẽ tỉnh giấc, đưa tay cho bác sĩ bắt mạch.

- Cháu không sao cả đâu, - bác sĩ nói. - Bị suy nhược nghiêm trọng thôi. Người gầy đét như thế này mà.

- Tặng người cháu nó như thế đấy, bác sĩ ạ. – Bà mẹ buột miệng nói.

- Thôi đi, để cho con ngủ nào. – Giôn nói dịu dàng và bình thản, rồi cậu nhẹ nhàng xoay nghiêng người nằm ngủ.

Đến mười giờ, cậu tỉnh giấc và mặc quần áo. Cậu đi vào nhà bếp, thấy mẹ cậu đứng đó mặt hoảng sợ.

- Con đi đây, mẹ ạ, - cậu tuyên bố. – Thôi tạm biệt mẹ nhé.

Bà mẹ quàng cái khăn tạp dề trùm đầu, ngồi phịch xuống khóc. Cậu đứng đợi, người trông yếu ớt.

- Mẹ cũng đoán ra điều đó, - bà khóc nức nở.

- Nhưng đi đâu cơ con? - Cuối cùng bà hỏi, cời tạp dề ở trên đầu ra và nhìn chăm chăm vào cậu ta với bộ mặt đau khổ, không có gì tỏ ra là tò mò.

- Con cũng không biết nữa, đi bất cứ đâu.

Lúc cậu nói, cái cây bên kia đường sáng rực rỡ trong trí tưởng tượng thầm kín, như bảng lảng dưới mi mắt, rồi cậu có thể nhìn thấy nó bất kỳ ở đâu tùy ý mình muốn.

- Thế còn công việc của con thì sao? - Bà mẹ run run hỏi.

- Con sẽ không bao giờ đi làm nữa.

- Ôi, lạy chúa, Giôn, con! – Bà rên rỉ.- Đừng nói thế, con.

Những điều cậu nói nghe mới báng bố làm sao. Là một người mẹ, khi nghe thấy con mình lảng mạ chúa, bà đã xúc động:

- Đầu óc con làm sao thế, con? – Bà mẹ hỏi, cố tỏ ra như một mệnh lệnh.

- Những con số, - cậu trả lời. – Đúng, những con số. Tuần qua con làm rất nhiều những con tính, và đến là kinh ngạc.

- Thế những con số đó có liên quan gì đến điều đó? – Bà mẹ khụt khịt mũi.

Giôn mỉm cười một cách bệnh tật, còn bà mẹ xúc động khi nhận thấy rõ là con mình không còn tỏ ra cáu kỉnh, bần tính nữa.

- Con sẽ chỉ cho mẹ xem. Con mệt mỏi rã rời. Cái gì làm cho con mệt mỏi hả mẹ? Những chuyển động! Con chuyển động ngay từ khi con mới lọt lòng. Con chán cái chuyện chuyển động lắm rồi, nên con sẽ không chuyển động nữa. Mẹ có nhớ thời kỳ con làm ở nhà máy thủy tinh không? Một ngày con thường làm được ba trăm chiếc chai. Giờ con mới nhận ra mỗi chai con làm mất mười động tác. Một tháng mất một triệu tám mươi nghìn động tác. Cứ bỏ bằng đi 80.000 động tác, - cậu nói giọng có vẻ thỏa mãn, thương người. - Cứ trừ đi 80.000 động tác, như vậy là chỉ còn một triệu động tác trong một tháng, mười hai triệu động tác trong một năm.

Đứng bên những chiếc máy dệt, con chuyển động nhanh gấp đôi thế. Như vậy phải là 25 triệu động tác một năm, và con thấy như mình chuyển động theo kiểu đó hàng triệu năm.

Suốt tuần này con hoàn toàn không chuyển động được nữa. Con phải nằm lỳ không sao cử động được, mẹ ạ. Nó sưng ở đây này, không làm ăn gì được nữa rồi. Đồi con chưa bao giờ có một chút rỗi rãi. Con phải luôn chân luôn tay. Còn đâu thời gian mà sung với sướng cơ chứ. Con không làm việc được nữa. Chỉ việc ngồi mà nghỉ, nghỉ thêm nữa, nghỉ mãi, mẹ ạ.

- Thế còn em Uyn-lơ và các em khác của con thì sao đây? – Bà mẹ hỏi đầy tuyệt vọng.

- Thế đấy, Uyn-lơ và các em nữa, - cậu nhắc lại.

Nhưng trong giọng của cậu không pha chút cay đắng. Đã từ lâu cậu hiểu được khát vọng của mẹ đối với thằng em trai, nhưng suy nghĩ đó không còn làm day dứt lòng cậu. Chẳng có gì hệ trọng nữa, hoàn toàn không có gì, ngay cả chuyện đó.

- Con biết mẹ ạ, con biết mẹ dự định cho Uyn-lơ làm nghề gì rồi, mẹ định cho nó học tiếp để làm kế toán. Nhưng vô ích thôi mẹ ạ, con đã thôi việc rồi. Nó phải đi làm thôi.

- Công lao mẹ nuôi nấng dạy dỗ con thế là hết.- bà mẹ khóc, lại lấy cái tạp dề che đầu.

- Mẹ nuôi nấng gì con nào? - câu trả lời đượm buồn- con đã tự nuôi con và nuôi cả thằng Uyn-lơ nữa. Nó to lớn hơn, béo tốt hơn con, cao hơn con. Khi con là một thằng bé, con chẳng bao giờ được ăn no. Khi nó là một thằng bé, con đi kiếm ăn nuôi nó. Nhưng thôi thế là chấm dứt. Cũng như con, Uyn-lơ có thể đi làm được rồi, bằng không, mặc xác nó, con không cần biết. Con mệt lắm. Con đi đây. Thế mẹ không có ý định chào tạm biệt con sao?

Bà mẹ không trả lời. Chiếc tạp dề đã trùm lấy đầu bà. Bà đang khóc. Cậu dừng lại một lát bên lối cửa.

- Mẹ đã làm hết sức mình rồi còn gì... - Bà mẹ khóc thốn thức.

Cậu đi qua nhà và xuôi xuống phố. Một niềm vui loé lên yếu ớt trên khuôn mặt cậu khi nhìn thấy cái cây lẻ loi đơn chiếc đó.

"Đúng, mình không làm gì nữa", cậu tự nhủ, khẻ khàng như ngâm nga. Cậu nhìn đăm chiêu lên bầu trời, những tia nắng rực rỡ loé lên làm hoa mắt.

Cậu đi một đoạn đường dài, đứng đĩnh bước. Cậu đi qua nhà máy dệt đay. Tiếng máy dệt nghe như nghẹt cổ họng đến tai làm cậu mỉm cười. Đó là nụ cười hiền lành. Cậu không căm ghét một ai, thậm chí cả những tiếng máy chát chúa kia. Trong lòng cậu không vương lại một chút cay đắng, không gì cả, trừ lòng khao khát thiết tha được nghỉ ngơi.

Nhà cửa và nhà máy nhòa dần, và khoảng trống mênh mông trải ra khi cậu đi về miền quê. Cuối cùng thành phố đã ở lại phía sau, còn cậu đang đi xuống một con đường làng phủ đầy lá cây bên cạnh con đường sắt. Cậu không bước đi bình thường, con người cậu trông cũng không bình thường, lê lét như một con đười ươi ốm yếu, hai tay thông xuống, hai vai xo vào, ngực lép trông đến kỳ quái và đáng sợ.

Cậu đi qua một ga xe lửa nhỏ, ngồi xuống một bãi cỏ dưới gốc cây. Cậu nằm ở đó suốt cả buổi chiều. Đôi lúc cũng chớp mắt được một tý, tay cậu cứ giật thon thót. Tỉnh dậy, cậu nằm đấy, bất động, nhìn chim muông hay nhìn bầu trời qua kẽ lá cành cây. Đôi lúc cậu cười lớn, nhưng không phải cười vì cái cậu nhìn hay cảm thấy.

Khi bóng hoàng hôn đổ xuống trong đêm đầu tiên** một con tàu hàng xình xịch vào ga. Khi đầu máy chuyển các toa vào con đường nhánh, Giôn bò dọc theo con tàu. Cậu đẩy được chiếc cửa của toa chở súc vật bỏ không, lúng túng và vất vả mới leo được lên. Cậu đóng cửa lại. Còi tàu húyt vang. Giôn đang nằm, nhoèn miệng cười trong bóng tối.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Kẻ Vô Tín Ngưỡng

Lần đầu tiên tôi gặp hấn trong một trận bão và mặc dầu cùng nhau trải qua trận bão đó trên một chiếc thuyền buồm, mãi tới lúc chiếc thuyền ấy bị vỡ tan ra từng mảnh vụn tôi mới chú ý tới hấn. Tất nhiên tôi có trông thấy hấn cùng với đoàn thủy thủ người Kanaka trên thuyền; nhưng lúc ấy tôi không lưu tâm tới hấn vì chiếc Petite Jeanne chở quá đông người. Ngoài số tám hay mười thủy thủ người Kanaka, viên thuyền trưởng người da trắng, viên phó thuyền trưởng và người quản lý hoá vật cùng sáu hành khách hạng nhất, chiếc Petite Jeanne còn lấy thêm tại Rangiroa chừng 85 hành khách chở trên boong - toàn dân bản xứ Paumotus và Tahiti: đàn ông, đàn bà, lẫn trẻ con. Người nào cũng mang theo một cái rương đồ nghề, đó là chứa kế những bọc mùng màn, chăn chiếu và quần áo của họ.

Mùa mò ngọc trai ở Paumotus đã hết, và mọi người đều trở về Tahiti. Sáu hành khách hạng nhất chúng tôi đều là dân buôn ngọc trai cả. Có hai người Mỹ, một người Trung Hoa trắng nhất tôi chưa từng gặp tên là Ah Choon, một người Đức, một người Do Thái Ba lan, và cả tôi là vừa chăn nửa tá.

Mùa này thật là toàn hảo. Không một ai trong chúng tôi có điều chi phàn nàn, cả 85 hành khách trên boong cũng vậy. Ai ai cũng đều kiếm được khá và mọi người đều mong được về nghỉ ngơi thoả thích tại Papeete.

Tất nhiên chiếc Petite Jeanne đã chở quá nặng. Trọng tải của nó chỉ có 70 tấn, và nó không được phép chở tới một phần mười số người trên boong. Dưới hầm thuyền chất chứa đầy vỏ trai và dừa khô. Ngay trong phòng máy cũng nhét đầy vỏ trai. Thế mà thủy thủ vẫn còn có chỗ làm việc được, kể cũng là một phép lạ. Ở trên boong, không còn cách nào đi lại được. Mọi người chỉ qua lại bằng cách trèo men theo các lan can.

Ban đêm, họ dẫm lên cả những người nằm ngủ chồng chất lên nhau khắp boong tàu như một tấm thảm. Tôi xin thề là tôi nói đúng sự thực. Chao ôi, lại có cả gà, vịt, heo, và những túi khoai mỡ, còn chỗ nào thừa có thể gọi là trống thì lại treo đầy những xâu dừa và những buồng chuối. Ở hai bên sườn, khoảng giữa các dây cột buồm có nhiều sào gác ngang, vừa đủ thấp để chiếc cần mắc buồm xoay trở không bị vướng víu thôi. Và cứ mỗi sào lại có treo lủng lẳng ít nhất là 50 buồng chuối.

Quang cảnh hứa hẹn một cuộc hành trình vô trật tự, dù chỉ trong hai ba ngày nếu gió đông nam thổi đều. Nhưng nào gió có thuận gì đâu. Sau năm giờ đồng hồ đầu tiên, gió yếu dần phụt lên chừng chục bận rồi lặng hẳn. Thế rồi biển lặng suốt đêm đó và sang tới ngày hôm sau, mặt biển phẳng lặng như một tấm kính và phản chiếu ánh nắng chói loà, chỉ mới nghĩ đến hé mắt nhìn cũng đủ phát nhức đầu.

Sang ngày thứ nhì có một người chết - một dân bản xứ đảo Phục Sinh - một trong những thợ lặn giỏi nhất mùa đó trong vùng san hô. Người ấy mắc bệnh đậu mùa, đích thị vậy; mà đậu mùa làm sao lại có thể lan lên thuyền này được khi mà không có một trường hợp nào xảy ra ở Rangiroa lúc thuyền rời bến; đó quả là chuyện ngoài sức hiểu biết của tôi. Vậy mà nay bệnh đậu mùa đã phát sinh, đã có một người chết, và thêm ba người nữa đang nằm liệt.

Không có thể làm gì được. Chúng tôi không thể tách những người đau ốm ra một nơi riêng, mà cũng không thể chữa chạy cho họ. Chúng tôi chen chúc nhau như cá hộp. Không thể làm gì được hơn là cứ đợi thối lên rồi

chết cả nút - nghĩa là chúng tôi đành bó tay ngay sau đêm có người chết đầu tiên. Đêm hôm ấy, viên phó thuyền trưởng, người quản lý hàng hoá, người Do Thái Ba Lan và bốn người thợ lặn bản xứ lên trốn bằng chiếc xuồng đánh cá voi lớn. Sau đó, chúng tôi không bao giờ nghe nói đến họ nữa. Đến sáng, vị thuyền trưởng vội ra lệnh đục thủng hết những chiếc xuồng còn lại, thế là chúng tôi đành phó mặc may rủi.

Hôm ấy có hai người chết, hôm sau có 3 người, rồi 8 người, cách xử trí của chúng tôi trong hoàn cảnh này kể cũng khá lạ kỳ. Những thổ dân chẳng hạn lo sợ quá thành ra lì. Vị thuyền trưởng người Pháp tên là Oudouse, trở nên nóng như lửa, hay la hét. Ông ta đã sinh ra cả chứng giật gân. Chẳng bao lâu, thân hình to lớn mập mạp, cân nặng ít ra tới 200 bảng (ngót 100 ký) của ông biến thành một khối mỡ run rẩy kỳ lạ.

Người Đức, hai người Mỹ và tôi liền mua hết số rượu uyt-ki trên thuyền và bảo nhau uống cho say. Lý luận của chúng tôi là cứ nốc đầy rượu như vậy thì tất cả mầm mống đậu mùa nào lây sang chúng tôi cũng sẽ bị đốt cháy thiêu thành than. Vậy mà chúng tôi thành công đấy; nhưng tôi cũng phải thú nhận rằng cả thuyền trưởng Oudouse lẫn Ah Choon, chẳng người nào bị nhiễm bệnh cả. Vị thuyền trưởng người Pháp không uống chút rượu nào, còn Ah Choon nhất định giới hạn là mỗi ngày chỉ uống một ly thôi.

Thời tiết khá đẹp. Mặt trời đi nghiêng về hướng Bắc, đang đứng bóng ngay trên đỉnh đầu chúng tôi. Gió không thổi đều, mà chỉ thổi từng cơn dữ dội trong khoảng từ năm phút tới nửa giờ, kéo theo một trận mưa trút nước xuống chúng tôi. Sau mỗi cơn như vậy, mặt trời lại hiện ra nóng bỏng làm cho boong tàu ướt đầm lại bốc hơi ngùn ngụt.

Hơi đó thật chẳng thích thú chút nào cả. Đó là hơi của tử thần mang theo hàng triệu mầm bệnh. Chúng tôi luôn luôn uống thêm một ly mỗi khi trông thấy làn hơi đó bốc lên từ những thân người chết hay những người đang hấp hối, và thường khi chúng tôi lại uống thêm hai ba ly là khác và pha thật mạnh. Chúng tôi còn đặt một lệ nữa là uống thêm vài ly mỗi khi họ

xô một thầy ma xuống biển làm mồi cho đàn cá mập đang quần quanh thuyền.

Qua được một tuần như thế, chúng tôi hết rượu. Cũng vừa hay, vì nếu không, tôi đã chẳng sống đến nay. Phải tỉnh táo, một người mới có thể qua được các biển cổ tiếp theo đó, và các bạn sẽ đồng ý với tôi khi tôi nói là chỉ có được hai người đã qua khỏi được cơn tai biến ấy. Người thứ hai là kẻ vô thần - ít ra tôi cũng đã được nghe thuyền trưởng Oudouse mệnh danh hẳn như thế khi tôi mới chợt để ý đến hẳn. Nhưng thôi, bây giờ tôi xin kể tiếp câu chuyện đó đã.

Hôm đó là ngày cuối tuần, rượu uyt-ki đã cạn mà bọn buôn ngọc trai chúng tôi đã tỉnh rượu. Tôi chợt nhìn lên chiếc phong vũ biểu treo ở lối đi vào ca bin. Thường thường ở Panmotus nó chỉ 29'90; và vẫn lên xuống giữa khoảng 20'85 và 30'00 hoặc 30'05. Nhưng hôm đó tôi thấy nó sụt xuống tới 29'062. Điều đó đủ làm kẻ buôn hạt trai say sưa nhất đã giết vì trùng độ mùa bằng rượu uyt-ki phải tỉnh lại.

Tôi chỉ cho thuyền trưởng Oudouse coi, nhưng ông ta cho biết là vẫn theo dõi nó sụt xuống từ mấy giờ đồng hồ rồi. Chẳng có thể làm gì để đối phó với sự việc đó, nhưng thuyền trưởng đã cố gắng rất nhiều. Ông ta cho gỡ các cánh buồm nhẹ, hạ nó thấp hẳn xuống thành những vải che bão, căng giây cấp cứu, rồi đợi gió đến. Cái lỗi lầm của ông là việc đó ông đã thi hành sau khi gió nổi lên. Ông cho thuyền ngừng lại khi buồm hạ xuống ở phía trái, một biện pháp thích ứng khi thuyền ở phía dưới đường xích đạo nếu - đây mới là điều rắc rối - nếu ta không ở vào hướng đi trực tiếp của trận bão biển.

Nhưng chúng tôi lại đang ở ngay đúng hướng bão. Tôi biết thế vì nhận thấy gió thổi dữ dội đều đều và chiếc phong vũ biểu cứ sụt xuống đều đều. Tôi muốn bảo ông ta quay thuyền và cho nó chạy theo hướng gió chếch một phần tư hông thuyền về bên tả, cho tới khi phong vũ biểu không còn sụt xuống nữa mới dừng lại. Chúng tôi cãi nhau mãi làm ông ta nổi cơn

thịnh nộ điên cuồng, nhưng ông vẫn không chịu nhượng bộ. Cái khổ hơn nữa là tôi không thể làm cho những tay buôn ngọc trai kia hưởng ứng lời đề nghị của tôi. Vì dù sao, tôi là cái gì mà biết về biển cả với cách đi biển rành hơn một viên thuyền trưởng đã tốt nghiệp hàng hải, Tôi biết đó là điều họ đang nghĩ trong óc họ.

Tất nhiên sóng biển dâng lên dữ dội theo trận cuồng phong, và tôi không tài nào quên được ba đợt sóng đầu tiên mà chiếc Petite Jeanne phải chịu đựng. Nó ngừng hẳn lại như các tàu bè khác khi phải đi ngược chiều gió, và đợt sóng đầu tiên dâng tràn hẳn lên thuyền. Những dây cáp cứu chỉ có ích cho người khỏe mạnh, nhưng lần này chúng cũng chẳng hiệu nghiệm mấy khi đàn bà, con nít, chuối dứa, heo và các hành lý cùng những người ốm, người đang hấp hối đã bị sóng đánh dạt đi, xô cả vào nhau thành một khối vừa rên la, vừa kêu khóc.

Đợt sóng thứ hai đánh gãy hết những lan can tàu, quăng chúng nằm bừa bãi trên boong, và khi mạn đuôi tàu chìm xuống, mũi tàu chống ngược lên trời thì tất cả đám người khốn nạn và hành lý của họ đều bị tuôn xuống phía lái. Thật là một trận bão người. Thôi thì người nằm ngược, kẻ nằm xuôi, người nằm nghiêng, lẫn lộn hàng bao nhiêu vòng, xoắn vào nhau lúc nhúc, loi nhoi, và giãy giụa. Thịnh thoảng có người nắm được cái cột hay vớ được sợi dây thừng, nhưng sức đẩy của khối người phía sau quá mạnh làm họ phải tuột tay.

Tôi thấy một người nhào đầu ngay vào trụ cột dây buồm bên mạn. Đầu hẳn đập ra như một quả trứng. Tôi biết chuyện gì đang sắp xảy tới, nên vội nhảy lên nóc ca bin rồi leo lên cánh buồm lớn. Ah Choon và một người Mỹ định chạy theo tôi, nhưng tôi đã nhảy trước họ một bước. Người Mỹ liền bị lớp sóng người quét về phía đuôi và trôi ra khỏi tàu như một cọng rơm. Ah Choon vớ được một cái tay quay của bánh lái và nấp sau đó. Nhưng một người đàn bà to béo - ít ra mục ta cũng phải cân nặng tới hai trăm năm mươi bảng (hơn trăm ký), lẫn xuống đúng vào người hẳn rồi ôm ghì cổ hẳn. Hẳn

liền giơ tay kia bám chặt lấy người tài công, và đúng lúc đó, chiếc Petite Jeanne chìm nghiêng về bên hữu.

Cái khối người và nước biển lúc này bị xô dồn xuống theo lối đi bên tả giữa chiếc ca bin và bao lơn tàu đột nhiên lại đổ tràn về bên hữu mạn. Cả mụ đàn bà to béo, Ah Choon, và người tài công đều bị trôi tuột xuống biển; và tôi xin thề là tôi trông thấy Ah Choon nhe răng cười, nhìn tôi với vẻ chịu đựng của một triết gia khi hấn lợt qua bao lơn và lăn tùm xuống nước.

Đợt sóng thứ ba - đợt lớn nhất - lại không gây nhiều thiệt hại. Lúc nó ập đến, hầu hết mọi người đã chuẩn bị đề phòng rồi. Trên boong còn khoảng độ mười, mười hai người xấu số, đang thở rốc, nửa bị ngộp nước, nửa bất tỉnh, lăn lộn hoặc bò lết tìm chỗ trốn. Họ bị hắt qua mạn thuyền xuống biển cùng với những mảnh vỡ của hai chiếc xuồng còn sót lại. Những người buôn ngọc trai và tôi, trong thời gian giữa các đợt sóng, đã cố gắng đưa được chừng 15 người vừa đàn bà vừa con nít vào trong cabin và đóng ập cửa xuồng. Nhưng rất cuộc, họ cũng chẳng được yên.

Gió? Theo kinh nghiệm, tôi không thể tưởng tượng được gió lại có thể thổi mạnh đến thế. Không có bút nào tả xiết được. Bạn có thể nào tả được một cơn ác mộng không? Tả trận gió này cũng thế. Gió xé nát, và tước hết quần áo trên người chúng tôi. Tôi nói tước hết là rất đúng. Tôi không đòi hỏi các bạn phải tin tôi. Tôi chỉ kể lại những gì tôi đã được mục kích và cảm thấy thôi. Có những lúc chính tôi cũng không tin đó là gió nữa. Nhưng tôi đã trải qua những sự kiện đó, và thế cũng đủ. Người ta không thể chịu đựng được gió đó mà sống nổi. Đó là một cái gì kinh khủng và cái kinh khủng nhất là nó cứ tăng mạnh và càng tăng mạnh lên mãi.

Xin các bạn thử hình dung ra hàng triệu triệu tấn cát. Và các bạn lại tưởng tượng luồng cát ấy bay vù đi với tốc độ 90, 100, 120 hải lý một giờ, và còn hơn thế nữa. Rồi các bạn lại thử tưởng tượng chỗ cát ấy vô hình, không sờ thấy được, nhưng vẫn giữ nguyên cái trọng lượng và sức nặng

của cát. May ra các bạn sẽ có thể có một ý niệm mơ hồ về trận gió ấy mạnh như thế nào.

Nhưng có lẽ vì gió đó với cát cũng chưa đúng. Xin các bạn hãy thử nghĩ đến bùn, thứ bùn vô hình, không sờ thấy được, nhưng nặng như bùn thật. Hơn thế nữa, bạn thử hình dung sự va chạm của hàng hà sa số bùn đặc như thế. Không, tôi không làm sao tả cho đúng được. Ngôn ngữ chỉ có thể đủ để diễn đạt những trạng thái sinh hoạt thông thường, nhưng không thể diễn đạt bất cứ một tình trạng nào của trận gió vĩ đại kinh khủng ấy. Có lẽ tốt hơn tôi nên cứ giữ ý kiến nguyên thủy là đừng cố tả nó ra làm gì.

Tôi chỉ nói thế này cũng đủ: biển thoát đầu dâng lên cao bây giờ bị gió đè bẹp xuống. Và hình như toàn thể đại dương đã bị trận cuồng phong hút lên và tung ra ngập đầy cả khoảng không gian bên trên, trước đó còn toàn là khí trời.

Tất nhiên, bao nhiêu buồm trên tàu chúng tôi bị cuốn đi mất từ lâu rồi. Nhưng thuyền trưởng Oudouse có mang theo trên chiếc Petite Jeanne một vật tôi chưa từng thấy bao giờ trên các thuyền buồm ở vùng Nam Hải: một cái neo. Đó là cái túi vải hình nón, có một đai sắt lớn căng miệng túi ra. Cái túi hay cái neo đó có buộc dây như một cái điều, và lúc thả xuống nước, nó hứng nước vào y như cái điều hứng gió trên không trung vậy, nhưng khác ở chỗ là cái neo nằm ngay dưới mặt nước theo hình thước thợ. Rồi một sợi dây dài buộc nó vào chiếc thuyền. Nhờ đó chiếc Petite Jeanne quay đầu thẳng về hướng gió, và đối diện với các luồng sóng to hay nhỏ.

Thực ra, tình hình đáng lẽ được khả quan hơn nếu chúng tôi không đi theo đúng hướng tiến của trận bão. Thật vậy, gió đã thổi bay cả buồm, làm đổ cả cột, long cả bánh lái, nhưng lẽ ra chúng tôi vẫn có thể thoát nạn nếu không nhắm ngay chính hướng mà trung tâm trận bão đang tiến tới. Chúng tôi gặp cảnh tuyệt lộ là vì thế. Tôi điếng người như bị tê liệt vì phải chịu đựng sức tàn phá quá mạnh của trận gió. Tôi cảm thấy sắp sửa phải hàng phục và sẵn sàng chịu chết lúc chính trung tâm trận bão giáng xuống chúng

tôi, nhưng sức giáng này lại do một sự yên lặng tuyệt đối, sự yên lặng hình như báo trước một cảnh kinh khủng. Trời không một hơi gió. Ảnh hưởng của trạng thái này thật hãi hùng.

Xin các bạn nhớ là đã bao nhiêu tiếng đồng hồ qua chúng tôi phải vận dụng sức lực một cách kinh khủng để chống lại áp lực ghê hồn của trận gió. Thế rồi, cái áp lực ấy bỗng nhiên tan biến mất. Tôi nhớ lúc đó có cảm giác như người tôi sắp sửa nổ tung ra từng mảnh vụn mà bay ra tứ phía. Hình như mỗi nguyên tử cấu tạo nên thân hình tôi đang ra sức đẩy lui sự tràn lấn của một nguyên tử khác và sắp sửa phát tung trong không gian. Nhưng trạng thái đó chỉ lâu trong khoảng khắc, rồi sự Tàn Phá vồ lấy chúng tôi.

Giữa lúc trời không gió và áp lực tự nhiên biến mất, bỗng nhiên biển dâng lên. Nước trào lên, tung lên, phóng thẳng lên tận mây xanh. Xin các bạn nhớ là từ khắp bốn phương tám hướng, cùng những luồng gió phi thường đó thổi dồn về cái trung tâm yên lặng ấy. Kết quả là sóng biển nổi lên tứ tung, không có gió để trấn áp chúng nữa. Các đợt sóng vọt tung lên như những chiếc nút chai nhận chìm dưới đáy thùng nước rồi bùng ra. Các đợt sóng nổi lên hỗn loạn, cuồn cuộn như điên cuồng, tung lên cao ít ra đến ngót ba chục thước, không thể còn gọi là sóng được nữa. Chưa ai từng được mục kích những cây nước cao như vậy.

Đó là những khối nước, những khối nước khổng lồ bị hất tung lên, thế thôi. Hất lên cao ngót ba chục thước! Không phải chỉ ba chục thước đâu! Có khi cao hơn thế, vượt quá cả những ngọn cột buồm. Chúng rít lên âm âm, như say, như điên, đổ xuống khắp mọi chỗ, và vào nhau đổ ụp lên nhau, hoặc tẽ ra và rơi xuống, như hàng ngàn thác nước cùng dội xuống một lúc. Ở trung tâm trận bão lúc đó, không còn ai tưởng tượng nổi đó là đại dương nữa. Trời, nước, là cả một sự đảo lộn hỗn loạn, một thứ biến ngược nổi cơn cuồng điên giận dữ.

Còn chiếc Petite Jeanne ra sao? Tôi không biết nữa. Về sau kẻ vô thần đó có bảo tôi là hẳn cũng không biết nốt. Chiếc thuyền bị vỡ tan ra từng

mảnh, xé ra từng miếng, nghiền nát ra như cám, chẻ nhỏ ra như củi nhóm bếp, tóm lại, nó hoàn toàn bị hủy diệt. Khi tỉnh lại, tôi thấy tôi trôi ở dưới nước, tay chân vẫn cố bơi mặc dầu tôi đã chết đuối tới hai phần ba rồi. Tôi không còn nhớ sao lại trôi tới đó được. Tôi chỉ còn nhớ trông thấy chiếc Petite Jeanne tung ra từng mảnh đúng lúc tôi bị ngất đi. Nhưng tôi vẫn còn sống và chẳng biết làm gì hơn là cố bơi, tuy chẳng có mấy hy vọng. Gió lại thổi lên, nhưng sóng đánh nhỏ hơn nhiều và điều hoà hơn, và tôi biết là tôi đã qua khỏi nơi trung tâm bão. May thay quanh đó không có cá mập. Trận bão đã đánh tan tác bầy cá háu đói vẫn vây quanh chiếc thuyền của tử thần và ăn no thịt người chết.

Lúc chiếc thuyền Petite Jeanne bị tan tành là vào khoảng giữa trưa, và cũng phải mất tới hai tiếng đồng hồ sau đó tôi mới vớ được một cái nắp hầm tàu. Lúc đó mưa đổ như trút, và cũng may mà trời khiến nắp hầm đó giạt lại gần tôi. Còn một mẩu dây bám vào, sợi dây thường làm tay nắm, và tôi biết là ít nhất tôi sẽ cầm cự được một ngày nếu đoàn cá không trở lại. Ba tiếng đồng hồ sau, có lẽ lâu hơn thế, trong khi tôi bám chặt lấy cái nắp hầm, nhắm mắt lại để tập trung tinh thần vào công tác hít lấy đủ khí trời cho khỏi chết ngạt, và đồng thời cố tránh nuốt phải quá nhiều nước để không đến nỗi phải chết đuối, bỗng hình như tôi nghe thấy có tiếng người. Mưa đã tạnh, sóng gió đã yên. Cách tôi không đầy sáu thước, có một cái nắp hầm tàu nữa đang trôi, có hai người bám vào nó. Đó là thuyền trưởng Oudouse và kẻ vô thần. Hai người đang tranh nhau tấm ván, hay ít ra thuyền trưởng cũng đang cố tranh lấy tấm ván ấy.

“Ồ mọi đên vô tín ngưỡng!” Tôi nghe thấy ông la lớn, và đồng thời trông thấy ông đập cho tên Kanaka một cái.

Thuyền trưởng Oudouse mất hết quần áo, chỉ còn đôi giày, loại giày đế đinh nặng. Thật là một cái đập tàn nhẫn vì nó trúng ngay mồm và cằm kẻ kia, làm y gằn ngất lịm đi. Tôi đợi xem y trả miếng như thế nào, nhưng y lại chịu nhẫn nhục, bơi một cách tuyệt vọng ra chừng ba thước. Mỗi khi có

đợt sóng nhỏ đưa y lại gần, viên thuyền trưởng, tay vẫn bám lấy tấm ván, lại dùng cả hai chân đạp y ra. Và cứ mỗi cái đạp ông lại gọi hăn là đồ mọi đen vô thần.

“Cứ cho tao hai xu thôi, tao cũng bơi tới đìm chết mà, đồ da trắng man rợ!” Tôi réo lên như vậy.

Lý do độc nhứt của tôi không bơi tới gần hăn vì tôi mệt quá. Nguyên nghĩ đến sự cố bơi lại gần chỗ hai người đó cũng đủ làm tôi nôn mửa rồi. Vì vậy tôi mới gọi tên Kanaka lại phía tôi, và chia sẻ tấm ván với hăn. Hăn xưng tên là Otoo, sanh quán ở Borabora, hòn đảo xa nhất về hướng tây trong quần đảo Société. Về sau hăn cho tôi biết là chính hăn đã vớ được tấm nắp hầm ấy trước tiên, rồi hăn mới gặp thuyền trưởng Oudouse. Hăn đã cho ông ta bám vào với hăn, rồi sau lại bị ông ta đạp đuổi hăn ra.

Otoo và tôi gặp nhau trong trường hợp đó. Hăn không phải là một tay hiếu chiến. Trông hăn hiền lành và rất đáng mến, mặc dầu hăn cao tới gần hai thước và gân guốc như một kẻ giác đấu. Hăn không phải là một tay thích sinh sự, nhưng cũng không phải là một thằng hèn. Hăn rất can đảm, và trong những năm sau này, tôi thấy hăn từng có những cử chỉ liều lĩnh mà chính tôi không hề bao giờ dám mơ tưởng tới. Tôi muốn nói là giả sử hăn không là một kẻ hiếu chiến và hăn luôn luôn tránh sinh sự, thì hăn lại không hề bao giờ trốn tránh nếu có gặp gian nguy. Và một khi hăn đã nhập cuộc thì “Liệu Hồn”, như hăn vẫn hô mỗi khi ra tay. Tôi không tài nào quên được câu chuyện xảy ra giữa hăn và tên Bill King trên đảo Samora thuộc Đức. Bill King vẫn thường được tôn làm quán quân về hạng “nặng cân” trong Hải Quân Mỹ. Gã là một thứ súc vật được làm người, một con đười ươi thực sự, một gã hắc búa có đôi cánh tay rất mau lẹ. Gã gây sự, đá Otoo hai cái và thoi hăn một chùy, trước khi Otoo cảm thấy cần phải chiến đấu. Cuộc đánh lộn có lẽ chỉ diễn ra trong bốn phút mà sau đó Bill King đã phải ôm hận vì bị gãy mất bốn xương sườn, một cánh tay và tẹo mất một xương bả vai. Otoo không biết chút gì về quyền anh, hăn chỉ đâm đá lung tung,

vậy mà dường như anh chàng Bill King cũng phải mất toi ba tháng điều trị mấy miếng đòn gã được ăn buổi chiều hôm đó ở bờ biển Apia.

Nhưng tôi kể chuyện nhanh quá rồi. Chúng tôi chia cho nhau cái nắp ấy, cứ lần lượt kẻ này nằm lên nghỉ ngơi thì người kia lại xuống nước ngập tới cổ, tay búa vào tấm ván. Liên trong hai ngày hai đêm, thay phiên nhau, người này trên ván thì người kia dưới nước, chúng tôi trôi dạt trên đại dương. Cuối cùng, tôi hầu như luôn luôn mê sảng và cũng nhiều lần tôi nghe thấy Otoo mê sảng nói lấp bắp bằng thổ ngữ của hã. Vì chúng tôi luôn chìm mình dưới nước nên không bị chết khát, mặc dầu nước biển và ánh mặt trời làm cho da thịt chúng tôi vừa đỏ rực vừa cháy nắng vừa bạc phếch vì muối đọng trông kỳ quặc không thể tưởng tượng được.

Sau cùng Otoo đã cứu sống tôi, vì lúc tôi tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trên bãi biển cách nước chừng 6,7 thước, được hai cái lá dừa phủ lên người để che nắng. Ngoài Otoo ra còn có ai khác để kéo tôi lên đây và lấy lá che cho tôi? Hã đang nằm bên cạnh tôi. Tôi lại mê thiếp đi, khi tỉnh lại thấy trời về đêm đầy sao và mát mẻ. Otoo đang dốc nước dừa đổ lên miệng tôi.

Chỉ có chúng tôi là những người trên chiếc Petite Jeanne còn sống sót. Thuyền trưởng Oudouse chắc đã chết vì mệt lả, vì nhiều ngày sau, cái nắp hầm tàu của ông ta trôi dạt vào bờ biển mà tôi không thấy ông ta. Otoo và tôi sống trên đảo với thổ dân được một tuần rồi được một chiến hạm Pháp đến cứu đưa về Tahiti. Tuy nhiên trong thời gian đó, chúng tôi có làm lễ kết nghĩa trao đổi tên họ với nhau thân hơn ruột thịt. Sáng kiến đó của tôi, và Otoo đã vô cùng hoan hỉ khi nghe tôi đề nghị.

“Tốt lắm” hã nói bằng tiếng Tahiti, “vì chúng ta từng trải qua hai ngày với nhau trong tay Tử Thần rồi”

“Nhưng Tử Thần đã run tay!” Tôi mỉm cười.

“Thưa thầy, thầy đã có một cử chỉ cao thượng” hấn trả lời, “và Tử Thần đã không nở ra tay”

“Tại sao anh lại gọi tôi là thầy?” Tôi tỏ vẻ phật lòng và hỏi hấn. “Chúng ta đã làm lễ kết nghĩa trao đổi tên họ với nhau. Với anh, tôi là Otoo của anh, và với tôi, anh là Charley của tôi rồi. Giữa anh và tôi cho đến muôn đời, anh sẽ là Charley và tôi sẽ là Otoo. Đó là theo tục lệ. Và khi chết, nếu trên Thiên Đường chúng ta còn được gặp nhau thì với tôi, anh vẫn còn là Charley và với anh, tôi vẫn là Otoo của anh”.

“Thưa thầy, vâng” hấn trả lời, đôi mắt long lanh đầy vẻ hoan hỉ.

“Đấy, anh lại thề rồi.” Tôi gắt.

“Miệng tôi nói thì có nghĩa lý gì” hấn bào chữa. “Đó chỉ là miệng tôi nói, nhưng óc tôi vẫn luôn nghĩ đến Otoo. Mỗi khi tôi nghĩ đến tôi, tôi lại nghĩ đến thầy, Mỗi khi người ta gọi tên tôi, tôi lại nghĩ đến thầy. Và sau này, mãi mãi, dù ở trên trời cao, dù trên các vi tinh đầu, tôi vẫn luôn nhớ đến thầy là Otoo của tôi. Thầy nghe có được không?”

Tôi dẫu một nụ cười và trả lời được.

Chúng tôi chia tay nhau ở Papeete. Tôi nghỉ tại bờ biển để hồi lại sức, còn hấn đáp một chiếc xuồng máy để về Borabora, sanh quán của hấn. Sáu tuần sau, hấn trở lại. Tôi ngạc nhiên vì hấn có kể cho tôi nghe về vợ hấn, và hấn bảo là lần này hấn trở về vui cảnh gia đình không đi biển nữa.

“Thầy đi đâu bây giờ?” hấn hỏi tôi ngay sau khi chào hỏi xong.

Tôi nhún vai. Thật là một câu hỏi hắc búa. “Tôi đi khắp chân trời, góc biển, đến khắp các hòn đảo trên mặt biển này.” Tôi trả lời.

“Tôi sẽ đi với thầy.” hấn thân nhiên nói, “Vợ tôi mất rồi.”

Tôi không có anh, nhưng thấy anh em người ta, tôi không chắc cò người em nào được một người anh tốt với mình bằng Otoo đối với tôi. Hãn đối với tôi như một người anh, một người cha, một người mẹ vậy. Điều này tôi biết lắm, vì có hãn, tôi đã sống thành người ngay thẳng hơn, đức hạnh hơn. Tôi thường ít để ý đến người khác, nhưng đối với Otoo, tôi phải sống cho đúng mực. Vì hãn, tôi phải giữ gìn, không dám làm gì hại đến danh dự tôi cả. Hãn luyện tôi thành con người lý tưởng của hãn, điều hoà tính tình tôi bằng tình thương và lòng ngưỡng mộ của hãn. Có những lúc tôi đã đứng trên bờ vực thẳm và đã sa ngã nếu không có những ý nghĩ về hãn kìm hãm tôi lại. Sự hãnh diện của hãn về tôi như thâm nhập vào tôi cho đến khi ý nghĩ không làm điều gì có thể giảm mất cái hãnh diện của hãn trở thành một điều luật quan trọng trong cách xử thế của tôi.

Dĩ nhiên, tôi không thể biết ngay được hãn đã nghĩ gì về tôi. Hãn không bao giờ chỉ trích, không bao giờ khiển trách tôi cả, và dần dần tôi thông cảm rằng hãn quý trọng tôi, tôi mới bắt đầu hiểu sự phiền muộn mà tôi sẽ gây ra cho hãn nếu tôi làm điều gì hạ nhân phẩm tôi.

Chúng tôi sống với nhau trong 17 năm, và suốt 17 năm ấy, hãn ở bên cạnh tôi, săn sóc tôi từ giấc ngủ, chăm nom tôi những khi đau ốm hay bị thương tích, và lại còn đánh nhau đến nỗi bị thương tích vì tôi nữa. Hãn trưng mộ phu lên đi cùng những chuyến tàu với tôi, và chúng tôi cùng ngao du giang hồ với nhau trên Thái Bình Dương, từ Hạ Uy Di xuống tới thành phố Sydney, từ eo biển Torres qua quần đảo Galapazos. Chúng tôi đáp những chuyến tàu chở dân phu da đen đi từ Nouvelle Hebrides đến quần đảo Line ở miền Tây Thái Bình Dương qua dãy Louisiades, New-Britain, New Ireland và New Hanover. Chúng tôi bị ba lần đắm tàu, giữa quần đảo Gilbert, trong vùng Santa Cruz và vùng quần đảo Fijis, và tới chỗ nào thấy kiếm tiền được là hãn lại mua bán ngọc trai, vỏ trai, dừa, hải sản, vỏ đồi mồi, những bộ phận của tàu đắm trôi dạt vào bờ.

Tôi bắt đầu tu tỉnh ngay tại Papeete, sau khi hăn tuyên bố sẽ theo tôi đi khắp chân trời góc biển, đến các quần đảo ở giữa đại dương. Hồi đó tại Papeete có một hội quán, và thợ mò ngọc trai, lái buôn, những thuyền trưởng và cả bọn giang hồ lưu manh ở Nam Hải thường về tụ tập. Mọi người cờ bạc ăn thua to, rượu chè say sưa bí tỉ và tôi e rằng tôi thường ra về khá trễ lúc những người đàn ông hoảng tử tế đáng lý về đã lâu rồi. Nhưng mỗi khi tôi rời hội quán là đã có Otoo chực sẵn đó để đưa tôi về nhà yên ổn

Thoạt đầu tôi còn cười, rồi tôi gắt với hăn. Sau tôi nói thẳng với hăn là tôi không cần vú em. Sau đó mỗi khi ra về, tôi không thấy hăn đâu nữa. Rồi tình cờ chừng một tuần lễ sau đó, tôi khám phá ra là hăn vẫn đón tôi về, nhưng âm thầm đứng ở bên kia đường, trong bóng tối của những cây xoài, để canh chừng tôi. Tôi phải làm sao bây giờ? Tôi biết tôi đã làm sao.

Tôi bắt đầu đi về có chừng mực hơn. Vào những đêm mưa gió, giữa cái vui tưng bừng sôi nổi, tôi vẫn cứ nghĩ đến Otoo đang buồn rầu đứng canh chừng tôi, dưới bóng cây xoài. Thật quả hăn đã làm tôi trở thành một người khá. Nhưng chính hăn thì lại không có đạo nghĩa gì cả. Và hăn chẳng biết chút gì về đạo đức thông thường của Thiên Chúa Giáo. Tất cả dân Borabora đều theo đạo Thiên Chúa, nhưng hăn lại là kẻ tà giáo, kẻ vô tín ngưỡng độc nhất trên đảo, một người hết sức duy vật, cho rằng chết là hết. Hăn chỉ tin ở sự đối đãi, ăn ở ngay thẳng với mọi người. Theo hăn những việc tầm thường ở đời cũng quan hệ như một hành động sát nhân, và tôi tin rằng hăn sẽ kính nể một kẻ sát nhân hơn một kẻ có những cử chỉ ti tiện bẩn thỉu.

Còn riêng đối với tôi, hăn phản đối mọi hành động có hại cho tôi. Đánh bạc không sao, Chính hăn đánh bạc rất dữ. Nhưng hăn giải thích là thức khuya có hại cho sức khỏe sau này. Hăn đã thấy có những kẻ vì không giữ mình nên đã chết vì bệnh sốt. Hăn không phải người phản đối tứ đồ tưng, và hăn cũng nhăm nháp luôn mỗi khi phải làm việc ướt át trên tàu. Đàng

khác, hẳn tin vào nguyên tắc điều độ trong việc rượu chè. Hẳn đã từng thấy nhiều người chết hay sa đọa vì rượu trắng hoặc uýt ki.

Otoo luôn luôn nghĩ đến lợi ích của tôi. Hẳn đi trước các ý tưởng của tôi, cân nhắc, suy tính các chương trình làm việc của tôi và còn lưu tâm đến hơn tôi nữa. Thoạt tiên, khi tôi chưa biết là hẳn rất lưu tâm các công việc của tôi, hẳn còn phải đoán các ý định của tôi. Ví dụ như lúc ở Papeete, khi tôi dự định công ty với một tên đồng hương gian ngoan trong vụ săn kỳ đà chẳng hạn. Tôi không biết y là một tên gian manh. Cũng chẳng một người da trắng nào biết cả. Otoo cũng không. Nhưng hẳn thấy chúng tôi quá thân nhau, nên mới tìm hiểu kẻ kia dùm tôi, không cần đợi tôi yêu cầu. Những thủy thủ thổ dân từ khắp bốn phương đổ về Tahiti, và Otoo trà trộn với họ tìm được đủ mọi bằng cứ chứng minh mỗi hoài nghi của mình. Những điều người ta kể về tên Randolph Waters đó thật là quái gở. Tôi không thể tin được khi Otoo mới kể cho tôi nghe, nhưng khi tôi hỏi vắn tên Waters, thì gã im thin thít, không hé răng đáp nửa lời và lên ngay chuyến tàu đầu tiên bỏ về Auckland

Thú thực, thoạt tiên, tôi không thể không bực mình vì Otoo cứ xen vào công việc của tôi. Nhưng tôi biết là hẳn hoàn toàn vô tư, và sau đó tôi phải công nhận hẳn khôn ngoan và kín đáo lắm. Luôn luôn hẳn để ý tìm cho tôi những cơ hội tốt, mà hẳn lại có cặp mắt tinh đời, nhìn xa thấy rộng. Sau đó, hẳn trở thành cố vấn của tôi, cho tới khi hẳn biết tỏ tường công việc của tôi hơn chính cả tôi nữa. Quả thật hẳn đã để tâm đến quyền lợi của tôi hơn chính tôi. Tôi có tính hoang đàng cầu thả của tuổi trẻ, vì tôi thích lãng mạn hơn tiền, và thích phiêu lưu mạo hiểm hơn sống cảnh giường êm nệm ấm. Bởi vậy có người lo lắng cho cũng là điều hay. Bây giờ tôi mới biết rằng nếu hồi ấy không có Otoo, tôi chẳng còn ở đây hôm nay.

Tôi xin thuật lại một trong muôn vàn thí dụ. Xưa kia, tôi cũng có chút kinh nghiệm về việc buôn nô lệ da đen trước khi đi buôn ngọc trai ở Paumotus. Tôi và Otoo đang ở trên bờ Samôa - đang lúc chúng tôi không

kiếm nổi một việc trên tàu nào cả - thì tôi may mắn được nhận làm người đi mộ phu da đen cho một chiếc thuyền hai buồm đi buôn hắc nô. Otoo đăng tên làm thủy thủ, và trong vòng 6 năm sau đó, luân chuyển trên các tàu, Otoo và tôi đã đặt gót hải hồ khắp vùng Mélanésie hoang dại. Otoo luôn luôn thu xếp để được điều khiển những tay chèo trên thuyền của tôi. Theo tục lệ tuyển lựa nhân công của chúng tôi, người phụ trách việc tuyển mộ được phái lên bờ để giao dịch. Chiếc xuồng hậu vệ thì phải sẵn sàng đợi cách bờ vài chục thước, còn xuồng chở người đi mộ cũng phải sẵn sàng chèo lái chực sẵn ngay trong bờ. Khi tôi buông tay lái xuống để lên bộ, mang theo các thứ hàng hoá để đổi chác, thì Otoo cũng thôi chèo, và chạy về phía sau xuồng, chỗ đặt sẵn khẩu súng Winchester phủ dưới tấm vải dày. Đoàn thủy thủ trên xuồng cũng được võ-trang bằng súng Snider bố trí dưới lằn mép vải căng dọc quanh mạn xuồng, chỗ có lỗ xỏ mài chèo. Trong khi tôi bận bàn cãi và thuyết phục bọn ăn thịt người để chúng đi làm ở các đồn điền tại Queensland, thì Otoo canh chừng cho tôi. Nhiều lần hăn khẽ gọi để báo tôi biết là bọn mọi có những hành động đáng nghi ngờ hay sắp ra tay làm điều gì hiểm độc. Thình thoảng, chính khi phát súng bắn vôi của hăn nổ rồi, tôi mới biết là có biến. Và khi tọt chạy về xuồng, thì luôn luôn có hăn chia tay kéo tôi lên xuồng. Tôi nhớ có lần đi chiếc tàu Santa Anna, biển cổ vừa xảy ra thì chiếc xuồng mắc cạn. Chiếc tàu lớn vôi chạy tới yểm hộ chúng tôi, nhưng hàng mấy chục tên mọi có lẽ đã quét sạch chúng tôi trước khi đó, nếu không có Otoo kịp nhảy vút lên bờ, vục cả hai tay vào đồng hàng hoá mà vứt tung ra tứ phía nào thuốc lá, riêu, hạt trai, dao và vải vóc.

Bọn mọi đen tóc quăn không cưỡng lại nổi sự thèm muốn. Trong khi chúng đổ xô lại để cướp hàng thì chúng tôi vôi vãi lên xuồng và lẹ làng chuồn ra khỏi bờ hàng mấy chục thước. Bốn tiếng đồng hồ sau, ở chính bờ biển này, tôi lại mộ được ba chục tên hắc nô.

Câu chuyện đặc biệt nhất tôi còn nhớ là ở Malaita, hòn đảo man rợ nhất ở miền đông quần đảo Solomons. Thổ dân ở đây đặc biệt niềm nở, nên chúng tôi làm sao mà biết được rằng cả làng, từ hơn hai năm nay vẫn chung

tiền để treo giải mua một cái đầu người da trắng? Bọn ăn xin đó toàn là bọn săn đầu người cả, và chúng đặc biệt đánh giá cao người da trắng. Tên nào lấy được một đầu người da trắng là lãnh trọn số tiền thưởng. Và như tôi đã nói, chúng tỏ ra rất niềm nở. Bữa đó, tôi lên bộ đi cách xa xuống tới ngót trăm thước Otoo đã dặn dò tôi phải cẩn thận, và như thường lệ, hễ tôi không nghe lời hăn, y như là gặp chuyện rầy rà.

Đầu tiên một loạt gió mác từ các lùm bụi phóng ra tua tủa về phía tôi. Ít ra cũng có hơn mười mũi găm vào tôi. Tôi bỏ chạy nhưng vấp phải một mũi giáo găm chặt vào bắp chân, và vì thế tôi ngã xoài ra. Bọn tóc xoắn liền hè nhau chạy đến bắt tôi, đứa nào cũng cầm rìu dài cán để chặt đầu tôi. Chúng ham lãnh tiền thưởng đến nỗi xô cả vào nhau. Trong lúc lộn xộn ấy, tôi đã tránh được nhiều lưỡi rìu bổ xuống bằng cách lăn sang phải, sang trái trên bãi cát.

Rồi Otoo chạy tới - cái anh chàng đó tay không địch được trăm người. Hăn loay hoay thế nào mà đoạt ngay được một cái trùy nặng; những lúc đánh giáp lá cà, cây trùy lại là thứ vũ khí lợi hại hơn cả súng trường. Hăn xông ngay vào giữa đám đông, làm cho chúng không thể dùng dao đâm được, mà sử dụng rìu lại càng khó nữa. Otoo chiến đấu để bảo vệ tôi, và hăn lộn lộn như một con thú dữ. Cách dùng cây trùy của hăn thật là tài tình. Đầu bọn kia cứ vỡ nát như trái cam chín mùi. Đến khi đánh tan bọn chúng, hăn vực tôi lên và cầm đầu chạy về xuống, hăn mới bị vết thương đầu tiên. Khi về đến xuống hăn đã bị đâm bốn mũi giáo, nhưng hăn lấy khẩu Winchester ra, và mỗi phát đạn là hạ được một tên. Rồi chúng tôi chèo xuống về thuyền và được điều trị lành vết thương.

Chúng tôi ở với nhau được 17 năm. Hăn đã đào tạo tôi. Nếu không có hăn, chắc ngày nay, tôi hoặc đang quản đốc hàng hoá trên một tàu nào đó, hoặc vẫn đi mộ phu, hoặc đã chết từ lâu rồi cũng nên.

Một hôm, hăn bảo tôi “Anh cứ làm đến đâu là tiêu đến đó. Bây giờ anh dễ kiếm tiền lắm. Nhưng khi về già, anh tiêu hết tiền rồi, anh không thể đi

kiếm được nữa đâu. Tôi biết lắm. Tôi đã quan sát lối sống của người da trắng. Dọc theo các bờ biển, có rất nhiều người già xưa kia đã có một thời thanh xuân kiếm ra tiền như anh bây giờ. Nay họ về già, tay trắng, nên phải ngồi châu chực bọn trẻ như anh lên bờ để xin vài ly rượu.”

“Người da đen làm nô lệ trong các đồn điền, lương bổng hàng năm có 20 mỹ-kim, mà phải làm việc cực nhọc. Còn bọn chủ nhân thì an nhàn; cưỡi ngựa đi trông coi phu làm việc mà lương hàng năm lại tới 1200 mỹ-kim. Tôi là một thủy thủ trên thuyền buồm, mỗi tháng được 15 đồng. Đây là tôi thủy thủ hạng giỏi, và tôi làm việc cực nhọc. Còn thuyền trưởng có lẽu hai mái che khỏi nắng, uống rượu bia trong chai dài ngon lành. Chưa hề bao giờ tôi thấy ông ta cuốn một sợi dây thừng hay sờ tới cái mái chèo cả; vậy mà ông ta ăn những 150 đồng một tháng. Đây vì tôi chỉ là thủy thủ còn ông ta thì lại là nhà hàng hải. Thầy à, tôi thiết tưởng thầy nên biết thêm về hàng hải thì hơn”.

Otoo thúc giục tôi. Rồi hấn trở thành phụ tá của tôi trên chiếc thuyền buồm đầu tiên của tôi. Hấn còn hãnh diện hơn chính tôi về tài chỉ huy của tôi. Về sau, hấn lại nói:

“Thầy ạ, làm thuyền trưởng lương cao lắm, nhưng thuyền trưởng phải luôn bận rộn trông coi không được rảnh. Làm chủ thuyền lương cao hơn nữa, và chủ thuyền chỉ việc ngồi trên bờ với nhiều người hầu hạ mà thu tiền thôi.”

“Đúng đây, nhưng một chiếc thuyền buồm giá những 5000 đồng, đó là giá một chiếc cũ,” tôi cãi lại. “Đợi đến già đời tôi mới để dành được số tiền đó.”

“Người da trắng có cách kiếm tiền nhanh hơn.” Hấn vừa nói, vừa chỉ tay về phía dãy dừa mọc dọc theo bờ biển.

Lúc đó chúng tôi đang ở giữa quần đảo Salomons, bện chắt lên thuyền một lô hạt ngà ở dọc theo bờ biển phía đông đảo Guadalcanal.

Otoo bảo tôi:” Giải đất giữa vàm sông này và vàm sông kia rộng tới hai dặm, và chạy sâu vào nội địa. Bây giờ nó không có giá trị gì cả, nhưng biết đâu, đến sang năm hay sang năm nữa người ta lại chẳng trả giá cao mà mua. Chỗ này tàu buông neo rất tốt. Các tàu buôn lớn có thể vào gần được. Anh có thể tậu đất của người chủ cũ vào sâu tới 4 dặm với giá mười ngàn điều xì gà, 10 chai rượu đế, một khẩu Snider, tất cả chỉ đáng trăm bạc. Rồi anh cầm lại cho người mới, và chỉ sang năm hay sang năm nữa, anh bán nó đi là có thể có một chiếc tàu chạy rồi”.

Tôi làm theo lời hăn, và quả hăn tiên đoán rất đúng, tuy phải ba năm sau tôi mới bán được đất. Kế đó là vụ cánh đồng cỏ ở Guadalcanal, một cánh đồng cỏ rộng 20 ngàn mẫu, thuê của chính phủ trong 999 năm bằng một số tiền tượng trưng. Tôi thuê được vừa đúng 90 ngày thì nhượng lại cho một công ty để lấy một số tiền bằng nửa gia tài của người ta. Luôn luôn tôi nhớ có Otoo lo xa và biết nhìn thấy cơ hội cho tôi. Chính hăn đã có công trong vụ mua vớt chiếc tàu Doncaster, mua đấu giá lại được với giá 100 Anh kim, và tới lúc sửa chữa xong thì bán lại còn được lời đến 3000 đồng, sau khi đã trừ mọi chi phí. Hăn chỉ cho tôi tậu đồn điền ở Savaii và đi buôn dừa ở Upolu.

Chúng tôi không đi biển nhiều như xưa nữa. Tôi trở nên giàu có. Tôi lập gia đình, mức sống mỗi ngày lên cao, nhưng Otoo vẫn là Otoo của thuở xưa, ngày ngày quanh quẩn trong nhà hay ra nơi văn phòng, miệng phì phà ống điếu, mình mặc một chiếc áo may ô giá chừng một đồng, và vẫn một cái chăn giá chừng bốn đồng.. Tôi không tài nào làm cho hăn tiêu tiền được cả. Không có cách nào để trả ơn hăn, ngoại trừ bằng tình thương mến, và đã có Trời chứng cho là chúng tôi thương yêu hăn đến mức nào. Lũ con của tôi tôn sùng hăn, và giả sử hăn được chiều chuộng quá mà hư hỏng đi được, thì vợ tôi đã làm hư hỏng hăn mất rồi.

Còn về lũ con tôi, hẳn mới thực là người đã dạy cho chúng biết bước chân vào đời. Hẳn bắt đầu bằng dạy chúng bước đi. Hẳn thức sáng đêm khi chúng đau ốm. Khi chúng mới biết chập chững vài bước, hẳn đã đem từng đứa một ra vũng dạy chúng bơi và chúng bơi giỏi như nhái. Hẳn dạy bảo chúng biết rõ hơn tôi về thói quen của loài cá và cách thức bắt cá. Về rừng rú cũng vậy. Mới lên bảy tuổi, thằng Tom đã biết về rừng rú thạo hơn cả tôi. Lên sáu tuổi, con bé Mary đã biết đi trên Hòn Trượt mà không run, trong khi bao người lớn khỏe mạnh đành chịu thua. Rồi khi thằng Frank mới vừa 6 tuổi, nó đã biết lội xuống nước mò được những đồng tiền ở dưới sâu sáu thước

“Dân tôi ở trên đảo Borabora không ưa những người vô tín ngưỡng. Họ toàn theo đạo cả; mà tôi lại không ưa dân Borabora đi đạo” Một hôm Otoo đã bảo tôi như vậy, đó là bữa tôi muốn cho hẳn phải tiêu tiền do chính công hẳn làm ra: tôi đã cố thúc giục hẳn phải lấy một trong bốn chiếc thuyền buồm của chúng tôi để về thăm quê hương một chuyến, một chuyến đi đặc biệt mà tôi mong sẽ phá kỷ lục về việc tiêu tiền xa xỉ.

Tôi gọi nó là thuyền buồm của chúng tôi, mặc dầu theo pháp lý, lúc đó nó là thuyền của tôi. Tôi đã phải thúc giục mãi, hẳn mới chịu đứng ra công ty với tôi.

“Chúng ta đã hùn hạp với nhau kể từ ngày chiếc Petite Jeanne chìm rồi,” Sau hẳn nói “nhưng nếu tâm anh muốn thì được, chúng ta sẽ hùn với nhau trên pháp lý. Tôi không làm việc gì mà ăn xài lại nhiều đấy. Tôi ăn uống, hút rất nhiều, tốn lắm, anh cũng biết. Tôi không phải trả tiền chơi bi da vì tôi chơi trên bàn bi da của anh, nhưng vẫn tốn tiền. Câu cá ngoài ghềnh là thú vui của riêng kẻ giàu có. Tiền lưỡi câu và dây câu cũng tốn lắm. Vâng, chúng ta cần phải là những người hùn hạp với nhau trên pháp lý. Khi tôi cần tiền, tôi sẽ bảo viên quản lý đưa tiền.”

Thế là chúng tôi làm giấy tờ. Một năm sau, tôi buộc lòng phải phàn nàn với hẳn:

“Anh Charley này, anh thật là một kẻ lường gạt gian ngoan, một anh hà tiện, một con cua đồng khốn khổ nhé - Coi này phần của anh trong năm qua trong công ty chúng ta lên tới hàng ngàn đô la. Viên quản lý đưa cho tôi mảnh giấy này: trong năm qua anh chỉ mới lấy ra có 87 đồng 20 xu!”

“Vậy tôi còn được bao nhiêu?” “Hắn lo ngại hỏi tôi.

“Hàng ngàn đồng!” tôi đáp

Mặt hắn tươi lên, hắn nói:

“Tốt lắm! anh hãy bảo quản lý cứ làm kế toán cho đúng. Khi nào cần là tôi sẽ đòi, tôi sẽ không cho thiếu một xu nào đâu.”

Giọng đe dọa, hắn nói tiếp:” Hễ thiếu là tôi cứ trừ vào lương lão quản lý!”

Về sau, tôi được biết là hắn đã lập chúc thư để tôi làm kẻ thừa kế duy nhất của hắn, và tờ chúc thư nằm trong tủ sắt của toà lãnh sự Hoa Kỳ.

Nhưng rồi chúng tôi cũng phải ly biệt, vì luật thiên nhiên đã định rằng có tụ phải có tan. Việc xảy ra ở quần đảo Salomons, nơi mọi công việc khó khăn nhất của chúng tôi đã được tiến hành từ những ngày sơ khởi lao khổ, và lần này chúng tôi vô tình lại tới thăm một lần nữa nhân dịp nghỉ hè, để kiểm soát lại đất đai của chúng tôi ở đảo Florida và để xem có thể kiếm được ngọc trai ở eo biển Mboli không. Chúng tôi neo thuyền ở Savu, lên bộ để kiếm ít đồ vật lạ hiếm có.

Biển Savu đầy cá mập. Tục lệ vớt người chết xuống biển của thổ dân ở đây càng làm loại cá này thích ở gần quần gần bờ. Tôi không may ngồi một chiếc xuồng của thổ dân, vừa nhỏ, vừa chở quá đông người, nên bị lật. Có bốn thổ dân và tôi bám vào xuồng. Chiếc thuyền của chúng tôi còn đậu cách xa một trăm thước. Tôi vừa lên tiếng hò gọi phái xuồng khác tới thì một thổ dân đang bám ở xuồng chột thét lên một tiếng lớn. Hắn bám vào

đuôi xuống, và cả người hẳn lẫn phần đuôi chiếc xuống bị nhấn chìm xuống dưới nước nhiều lần. Rồi hẳn buông tay ra và chìm lìm: một chú cá mập vừa đớp hẳn xong.

Ba thổ dân kia cố leo lên ngồi trên đáy chiếc xuống còn nổi trên mặt nước. Tôi là hét và nguyên rửa rồi đâm cho tên bên cạnh tôi một cái, nhưng vô ích, chúng khiếp đảm mất rồi. Chiếc xuống chỉ có thể chịu được một đứa, cả ba đứa leo lên làm nó lật nghiêng, hất cả ba đứa xuống nước lần nữa.

Tôi rời xuống và cố bơi về thuyền, hy vọng sẽ gặp xuống tới đón. Một tên thổ dân cố bơi theo tôi và chúng tôi lạng lẽ bơi bên nhau, thỉnh thoảng lại hụp mặt xuống nước nhìn xung quanh xem có cá mập không. Tiếng kêu của người còn ở lại chiếc xuống báo cho chúng tôi biết là y vừa bị cá mập đớp. Tôi cố nhìn xuống nước và thấy một con to lớn bơi qua ngay bên dưới tôi. Nó dài tới 5 thước. Tôi nhìn thấy rõ mọi sự xảy ra, nó ngoạm một cái ngang người kẻ bơi cạnh tôi, và hẳn vùng vẫy; đầu, vai, tay còn cứ ngoi mãi lên mặt nước, tiếng hẳn kêu la thảm thiết. Hẳn bị con cá cứ thế lôi đi hàng mấy chục thước rồi chìm mất.

Tôi bơi như điên, hy vọng đó là con cá mập cuối cùng chưa có mồi. Nhưng một con khác đã đến. Không biết có phải con này vừa đớp xong mấy tên thổ dân kia không, hay là nó vừa ăn no mồi ở đâu đến. Nó không vội vàng hấp tấp như những con kia. Lúc này tôi không còn bơi nhanh được nữa, vì phải cố gắng theo dõi nó và đề phòng. Nó tấn công lần thứ nhất. May thay cả hai tay tôi nắm được mũi nó, và mặc dầu sức quẫy của nó gần quất tôi nhào xuống bên dưới, tôi cũng đuổi được nó bơi ra xa tôi. Nó vùng ra xa rồi lại trở lại quanh tôi. Lần thứ nhì này, tôi lại thoát nạn nhờ ngón đòn như trước. Lần thứ ba nó hụp, mà tôi cũng hụp. Nó ngoi ngược lên trong khi hai tay tôi suýt nắm được mũi nó, và đa sườn nó rập như giấy nhám làm trầy xước hẳn da cánh tay tôi, từ vai tới khuỷu (tôi mặc áo sơ mi ngắn tay).

Lúc đó tôi mệt quá và hết hy vọng rồi. Chiếc thuyền còn ở xa đến hơn 50 thước. Tôi lại hụp mặt xuống nước, đang đợi nó tấn công nữa thì chợt thấy một thân hình nâu nâu bơi qua. Đó là Otoo.

“Thầy hãy bơi nhanh về thuyền đi”. Hắn nói và còn tiếp thêm như chuyện chỉ là một trò đùa:” Tôi hiểu cá mập lắm, anh em bà con với tôi đấy.”

Tôi nghe lời hắn, từ từ bơi đi, trong khi hắn bơi quanh tôi, trong khoảng giữa tôi và con cá mập, ngăn không cho nó nhào đến, và khuyến khích tôi.

“Những móc sắt treo xuống đã bị mang đi chỗ khác, họ đang sửa soạn dây trục rồi đấy.” Một phút sau hắn giải thích cho tôi biết, rồi lặn xuống để ngăn một cuộc tấn công khác của con cá.

Lúc đó, chiếc thuyền còn cách tôi hơn mười thước và tôi đuối sức quá rồi. Tôi gần như không nhúc nhích được nữa. Trên thuyền quãng dây xuống, nhưng dây cứ bị hụp hoài. Con cá mập thấy không ai làm gì nổi nó, nên bạo dạn hơn. Nhiều lần nó xuýt đớp trúng tôi, nhưng lần nào cũng có Otoo cứu tôi thoát trong gang tấc. Lẽ dĩ nhiên, riêng hắn thì hắn có thể thoát đi lúc nào cũng được. Nhưng hắn đeo sát lấy tôi.

“Thôi Charley ơi, ở lại nhé, tôi chết mất thôi!” Tôi cố bảo hắn qua hơi thở hỗn hển.

Tôi biết là cái chết đã đến, và chỉ chút xíu nữa là tôi buông tay để chìm xuống.

Nhưng Otoo cười với tôi, nói:

“Để tôi cho anh xem một miếng đòn mới. Tôi sẽ làm cho con cá này ốm đòn.”

Hắn bơi về phía sau tôi, chỗ con cá đang lăm le nhào vào tôi.

“Thầy bơi sang bên trái một chút,” hăn lại gọi tôi “có sợi dây ở đó, bên trái đó.”

Tôi đổi chiều bơi và tung tay ra nắm đạp. Lúc đó tôi chỉ còn hơi tỉnh. Khi tay tôi nắm được sợi dây, tôi nghe thấy trên thuyền kêu lớn. Tôi quay lại nhìn thì không thấy bóng Otoo đâu cả. Một lát sau, hăn mới ngoi lên, hai bàn tay hăn đã bị cụt lùn, máu me ở cổ tay phun ra.

“Otoo ơi!” hăn khẽ gọi. Tôi nhìn thấy trong khóe mắt của hăn một tia sáng yêu thương, giọng hăn run lên.

Tới lúc đó, và chỉ lúc đó, lúc chấm dứt bao năm gần gũi, hăn mới chịu gọi tôi bằng cái tên này.

“Otoo ơi! Vĩnh biệt nhé!” Hăn gọi tôi.

Rồi hăn chìm lìm, và tôi được kéo lên thuyền, ngã ngất đi trong tay viên thuyền trưởng.

Thế là Otoo đã qua đời - Otoo, người đã cứu sống tôi, đã luyện cho tôi thành người, rồi đến phút cuối cùng lại cứu sống tôi lần nữa. Chúng tôi gặp nhau trong giây phút hiểm nghèo của một trận phong ba, và lìa nhau trong hàm răng của một con cá mập, sau mười bảy năm chung sống trong tình bạn, một tình bạn mà tôi dám quả quyết không bao giờ có thể có giữa hai người, một đen, một trắng! Nếu Thượng Đế từ trên ngời chí tôn nhìn xuống mỗi sinh vật tử biệt, thì ít ra Otoo cũng được gọi về hầu nơi Thiên Đàng của người - Otoo, một kẻ vô thần ở Borabora.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Luật Đời

Lão Koskoosh chăm chú nghe hau háu. Tuy mắt lão đã mờ từ lâu, nhưng tai lão còn thính lắm, và một tiếng động khẽ cũng thấu tới cái trí thông minh suy kém vẫn còn nằm sau vầng trán khô héo, nhưng không còn để ý đến việc đời nữa. À! Đó là Sitcum-to-ha đang the thé nguyên rửa đàn chó mà nàng đánh đập và vỗ về để buộc vào dây cương. Sitcum-to-ha là cháu ngoại lão. Nhưng nàng quá bận nên chẳng thềm nghĩ tới ông ngoại già nua ngời tro tro trên tuyết, tuyết vọng và yếu đuối. Phải nỗ trại cho xong. Con đường dài đang chờ đợi trong khi những đoạn ngày ngắn ngủi không chịu chậm lại. Cuộc sống và những bổn phận của cuộc sống chứ không phải của cái chết, giục giã nàng. Mà bây giờ lão gần với cái chết lắm rồi.

Ý nghĩ đó làm lão già hoảng hốt trong một lúc. Lão đưa bàn tay tê liệt run rẩy sờ soạng đồng củi khô nhỏ bé bên cạnh lão. Chắc chắn là đồng củi năm đó, bàn tay lão lại rút về và nằm ẩn dưới những tấm da thú rách rưới bẩn thỉu, và lão lại chăm chú nghe ngóng. Tiếng sột sọat của những tấm da cho lão biết rằng căn lều bằng da hươu của viên chúa bộ lạc đã được dỡ xuống và đang được nén gọn lại cho dễ mang đi. Viên chúa tể là con lão, hăn cao lớn, lực lưỡng, cầm đầu bộ lạc và là một tay thiện xạ. Trong khi phụ nữ vất vả lo liệu hành trang của trại, giọng hăn vang lên, quở trách họ chậm chạp. Lão Koskoosh lắng tai. Đây là lần cuối cùng lão còn nghe giọng đó. Túp lều của Geehow đã dỡ rồi! Và nhà của Tusken cũng dỡ rồi! Bảy, tám, chín; chỉ còn lều của lão phù thủy còn đứng mà thôi. Kìa! Bây giờ họ dỡ đến túp lều đó rồi. Lão nghe thấy tiếng lão phù thủy căn nhắc

trong khi hẳn xếp lều lên xe trượt tuyết. Một đứa nhỏ lè nhè khóc và một thiếu phụ cất tiếng hát ru trầm trầm trong họng để dỗ dành nó. Lão già nghĩ, thằng Koo-tee, một đứa bé hay quấy như vậy là vì nó không được khoẻ lắm. Có lẽ nó cũng chẳng sống được bao lâu nữa, người ta sẽ đốt lửa để khoét một cái hố trong tuyết và xếp đá lên trên để giữ cho chó sói khỏi bới xác ra. Chà, chuyện ấy có gì là quan hệ. Nhiều lắm thì nó cũng chỉ sống được ít năm nữa, mà bữa đói bữa no. Và rốt cuộc Tử Thần đã chực sẵn, luôn luôn đói và đói hơn ai hết, sẽ dang tay đón đợi.

Tiếng gì đó? À, mọi người đang buộc xe và gióng dây cương. Lão lắng nghe vì lão sẽ chẳng còn bao giờ được nghe nữa. Tiếng roi vun vút giáng xuống giữa đàn chó. Hãy lắng nghe chúng rít! Chúng ghét công việc nặng nhọc và những đoạn đường dài biết bao! Lần lượt, xe trượt tuyết chuyển động chậm chạp để rồi biến dần trong im lặng. Chúng đã đi hết. Chúng đã khuất khỏi đời lão, và lão đứng cô đơn trước giờ phút cay đắng cuối cùng của cuộc đời. Không. Tuyết lạo xạo dưới đôi giày da, một người đứng bên lão, một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên đầu lão. Con lão quả thực tử tế lắm mới đối xử như thế. Lão nhớ lại những ông lão khác mà con trai không chịu đợi nán lại sau khi bộ lạc đã đi hết. Nhưng con trai lão đã ở lại. Lão thả hồn về quá khứ, cho đến khi tiếng của chàng trai trẻ lôi kéo lão trở về hiện tại.

“Cha thấy bằng lòng chứ?” Chàng hỏi.

Lão trả lời: “Cha bằng lòng!”

“Bên cạnh cha có củi đó,” chàng trai nói tiếp, “và lửa cháy mạnh. Buổi sáng trời u ám và đã bớt lạnh rồi. Tuyết sắp rơi. Ngay bây giờ tuyết cũng đang rơi rồi.”

“Phải, ngay lúc này tuyết đang rơi!”

“Các người trong bộ lạc vội lắm. Hành lý của họ nặng nề mà bụng họ lại lép xẹp vì thiếu ăn. Đường dài nên họ phải đi cho mau. Thôi con đi đây.

Cha bằng lòng chứ?”

“Bằng lòng. Cha như chiếc lá năm ngoái còn sót lại, dính vất vương một chút ở cuống. Làn gió đầu tiên thổi là cha rụng. Tiếng của cha giống như tiếng một bà lão. Mắt cha không còn dẫn đường cho chân cha đi, chân cha nặng nề, người cha mệt mỏi, cha bằng lòng.”

Lão cúi đầu mãi nguyện cho đến khi tiếng tuyết lạo xạo biến hết trong không gian, và lão biết rằng con lão đã đi xa không còn gọi lại được nữa. Tay lão vội vàng quờ quạng sờ đồng củi. Chỉ còn đồng củi này đứng giữa lão và cõi vĩnh cửu đang há miệng chờ đón lão. Như vậy là đời lão chỉ còn đo bằng một mớ củi. Lăn lượt từng thanh củi một sẽ tiếp thêm vào ngọn lửa, và cứ như thế, thần chết sẽ lần từng bước tiến tới lão. Khi thanh củi cuối cùng đã cháy hết, sương tuyết lạnh lẽo sẽ trở nên khốc liệt. Hai chân lão sẽ chịu khuất phục trước, rồi đến hai tay lão, và sự tê cứng sẽ dần dần chuyển từ ngoài vào đến giữa cơ thể lão. Đầu lão sẽ gục về phía trước, tỳ vào hai đầu gối, và lão sẽ nghỉ giấc ngàn thu, thật là dễ dàng. Người đời ai cũng chết một lần.

Lão không than vãn. Đó là lẽ lối của kiếp sống mà, có gì bất công đâu? Lão ra đời gắn với đất, lão đã sống gắn với đất, và luật lệ phát nguyên ở đó không có gì mới lạ đối với lão. Đó là luật lệ đối với tất cả mọi thể xác. Tạo hóa không nương tay với thể xác. Tạo hóa không hề chú ý tới cái vật cụ thể mà người ta mệnh danh là cá nhân. Tạo hóa chỉ chú ý tới chủng loại, tới nòi giống. Đó là điều trừu tượng sâu xa nhất mà đầu óc man rợ của lão Koskoosh có thể hiểu được, nhưng lão hiểu một cách thấu đáo. Lão đã trông thấy nó thể hiện trong mọi cuộc sống. Nhựa cây tràn ứa, màu xanh rờn của mầm liễu, lá vàng rụng – chỉ một sự kiện này cũng đủ để diễn tả tất cả lịch sử. Nhưng tạo hóa đều đặt cho cá nhân một nhiệm vụ. Nếu hẳn không làm tròn nhiệm vụ đó, hẳn sẽ chết. Mà nếu làm tròn nhiệm vụ đó, thì cũng vậy, hẳn vẫn phải chết. Tạo hóa không hề quan tâm, có rất nhiều người đã tuân chịu và chính sự tuân chịu, – chứ không phải người tuân chịu

– mới sống và sống mãi mãi. Bộ lạc của Koskoosh đã có từ lâu đời lắm rồi. Những ông già mà lão biết khi còn là một đứa trẻ, đã biết những ông già khác sinh trước họ. Như vậy, sự thực là bộ lạc đã tồn tại, bộ lạc là tượng trưng cho sự tuân chịu của tất cả những người thuộc bộ lạc, những người đã chìm sâu trong quá khứ và mờ mịt không còn nhớ được ở đâu. Họ không đáng kể, họ là những giai đoạn. Họ khuất đi như những đám mây tan trong một chiều mùa Hạ. Lão cũng chỉ là một giai đoạn, và lão sẽ chết. Tạo hóa không đếm xỉa. Tạo hóa chỉ đặt ra một nhiệm vụ, ban ra một luật lệ cho kiếp sống. Nhiệm vụ của cuộc đời là vĩnh truyền nòi giống, và luật lệ của tạo hóa là chết. Một thiếu nữ là một sinh vật trông đẹp mắt, ngực căng phồng, thân thể mạnh mẽ, chân bước uyển chuyển, cặp mắt sáng trong. Những nhiệm vụ của nàng đang chờ đợi nàng. Tia sáng trong mắt nàng bùng lên, bước chân nàng nhanh nhẹn hơn. Lúc bạo dạn, lúc bền lên đối với các thanh niên, nàng làm cho họ lây sự bồn chồn của nàng. Nàng càng ngày càng đẹp hơn cho đến khi một chàng đi săn không còn tự kìm hãm được, đem nàng về lều của hắn để lo việc bếp núc, làm lụng cho hắn và để làm mẹ đàn con của hắn. Một khi có con cái, những vẻ duyên dáng rời bỏ nàng. Chân tay nàng chậm chạp và ngượng ngịu, mắt nàng mờ đi và chỉ còn những đứa trẻ là thấy sung sướng khi kề bên má người đàn bà da đỏ già nua bên ngọn lửa. Nhiệm vụ của nàng đã hoàn tất. Chỉ một thời gian sau, khi chớm có nạn đói hoặc phải đi xa, nàng sẽ bị bỏ lại, giống như lão đã bị bỏ lại, giữa cảnh tuyết phủ trắng xóa, với một đồng củi nhỏ. Đó là luật lệ.

Lão cẩn thận đặt một thanh củi lên đồng lửa và tiếp tục suy nghĩ. Đó là luật lệ chung cho tất cả mọi vật, mọi nơi. Muỗi biến đi hết khi giá đóng lần đầu. Con sóc nhỏ cũng bỏ đi để chết ở một nơi xa. Khi năm tháng đã đè nặng lên con thỏ, nó sẽ trở nên chậm chạp, nặng nề và không chạy thoát được móng vuốt của kẻ thù nữa. Cả gấu to lớn cũng trở thành vụng về, mù lòa và hay cáu kỉnh để đến nỗi sau cùng vài con chó cũng hạ được nó. Lão nhớ lại cảnh lão bỏ cha lão ở lại phía thượng ngạn sông Klondike vào mùa Đông, trước khi vị mục sư* tới với những cuốn sách kinh và chiếc hộp đựng thuốc men. Đã nhiều lần lão Koskoosh chép miệng khi nghĩ tới cái

hộp đó, mặc dầu ngày nay lão không còn nước bọt để chép miệng nữa. Môn thuốc trừ đau đớn thật là hay. Nhưng rốt cuộc ông mục sư chỉ làm phiền cho họ vì ông ta chẳng mang lại chút thịt thà nào cho bộ lạc mà ăn lại khoẻ, nên các tay săn lên tiếng cầu nhàu. Nhưng ông ta chết vì bệnh lạnh phổi ở chỗ đường ranh giới gần Mayo, và sau đàn chó đã lấy mồm bới những hòn đá ra để tranh cướp năm xương tàn.

Koskoosh đặt một thanh củi khác vào đống lửa và thả hồn đi sâu hơn nữa về quá khứ. Có một thời trời làm đói kém, những ông già bụng lép xẹp nằm co quắp bên ngọn lửa và miệng thều thào kể lại những tục lệ ngày xưa khi miền Yukon bị bỏ hoang suốt ba mùa Đông, rồi lại bị tuyết phủ liền ba mùa Hạ. Lão đã mất bà mẹ trong nạn đói đó. Mùa Hè đó cá thu** không xuất hiện, bộ lạc ngóng chờ mùa Đông, mong mỗi hươu rừng sẽ tới. Nhưng tới mùa Đông hươu rừng cũng chẳng thấy. Đó là một tình trạng chưa hề bao giờ xảy ra và ngay những ông già bà cả cũng chưa gặp cảnh đó. Hươu rừng không tới, và năm đó là năm thứ bảy. Thỏ rừng không sinh sôi nảy nở kịp và chó thì gầy gò chìa bộ xương ra. Suốt mùa Đông đen tối dài dặc, đám trẻ khóc lóc và lăn ra chết, rồi đến đàn bà, rồi đến những ông già, trong mười người ở bộ lạc không có lấy một người sống sót để đón ánh mặt trời khi nó trở lại vào mùa Xuân. Thật là một vụ đói kinh hồn.

Nhưng lão cũng đã thấy những thời dư dật, thịt thừa thãi đến nỗi thiu thối không kịp ăn, chó mập mà không buồn chạy nữa vì ăn quá nhiều – những thời mà người ta trông thấy thú vật cũng không buồn giết, phụ nữ đua nhau sinh đẻ, và những căn lều chật ních những tiếng trẻ con vừa trai vừa gái nằm dài ra đùa nghịch. Thế rồi đàn ông no cơm ấm cật lại gọi ra những cuộc tranh chấp xưa lên, họ vượt qua đường ranh giới về phía Nam để giết những người Pelly, và về phía Tây để được ngồi bên những ngọn lửa tàn của người Tanana. Lão nhớ lại thời lão còn nhỏ, trời cho dư dật, lão trông thấy một con hươu rừng bị đàn sói hạ. Zing-ha nằm trên tuyết với lão cùng xem cảnh đó – Zing-ha, mà sau này thành tay săn khôn ngoan nhất và sau cùng đã ngã vào một lỗ không khí ở Yukon***. Một tháng sau, người

ta tìm thấy hãn trong dáng điệu đang bò được nửa chừng thì bị băng giá làm cón lại.

Lại nói đến con hươu rừng. Hôm đó Zing-ha cùng lão bắt chước đi săn bắn theo lối người lớn. Ở lòng suối, chúng bắt gặp vết chân mới của một con hươu rừng cùng với vết chân của nhiều chó sói. “Một con hươu già”, Zing-ha xem vết chân mau hơn và nói, “Một con hươu già, không theo kịp đàn. Đàn sói chặn nó rời khỏi những con khác và chúng sẽ theo riết đến cùng.” Và đúng như vậy. Đó là đường lối của chúng. Suốt ngày đêm không lúc nào nghỉ, chúng sẽ theo sát gót, chặn đầu mũi, chúng sẽ theo liền con hươu cho đến cùng. Zing-ha và lão đã cảm thấy lòng ham muốn xem cảnh máu rơi rừng rục nổi lên. Lúc sói hạ sát hươu sẽ là một cảnh đáng xem lắm!

Hai người rảo bước theo vết chân. Vết chân rõ đến nỗi ngay Koskoosh, nhìn chậm và không thạo về gót chân, cũng có thể nhắm mắt theo được. Họ theo sát gót cuộc săn đuổi, mỗi bước lại đọc thêm cái thảm cảnh hung bạo mới vừa diễn ra. Bây giờ họ tới chỗ con hươu rừng đứng lại để chống cự; tuyết đã bị giày xéo và xáo trộn tứ phía, mỗi bề dài vào khoảng bề cao của ba người lớn. Ở giữa là những vết chân hãn sâu của con vật bị săn đuổi, và khắp chung quanh là dấu chân nông hơn của đàn sói. Trong khi những con khác lo giết, thì một vài con sói nằm nghiêng một bên để nghỉ. Mình chúng in hãn xuống tuyết trông rõ ràng như chúng mới nằm trước đó một chút. Một con sói đã bị con vật điên cuồng kia húc trúng và dẫm lên cho đến chết. Một vài cái xương nhẵn nhụi chứng tỏ điều đó.

Một lần nữa họ lại ngưng bước ở chỗ dừng lại thứ nhì. Tại đây con vật to lớn đã chiến đấu một cách tuyệt vọng. Nó đã bị vật ngã hai lần, như những vết trên tuyết cho họ thấy, và hai lần nó đã đánh tan được những con sói hung hăng, rồi gượng đứng lên. Nó đã hoàn tất nhiệm vụ từ lâu, nhưng vẫn còn thiết tha với cuộc sống. Zing-ha nói rằng một con hươu rừng đã gục ngã mà còn đứng lên được thì thật là lạ, nhưng rõ ràng con này đã đứng

lên được. Nghe họ kể lại chuyện này chắc lão phù thủy sẽ nhìn thấy những triệu chứng và điềm kỳ lạ.

Đi nữa, họ tới chỗ con hươu rừng trèo lên bờ để toan thoát vào rừng cây. Nhưng kẻ thù của nó đã từ phía sau chồm tới, đến nỗi nó phải lùi lại và ngã ngửa lên chúng, đè lên hai con sâu xuống tuyết. Rõ ràng là sắp đến giờ phút hạ sát, vì những con khác đã bỏ mặc hai con kia lại không đụng tới. Họ đi qua hai chặng dừng lại nữa, hai chỗ rất gần nhau. Bây giờ dấu chân có pha màu đỏ và những vết chân đều đặn của con vật to lớn trông đã xiêu vẹo và ngắn hơn. Thế rồi họ nghe thấy những tiếng động đầu tiên của cuộc chiến đấu – không phải những tiếng tru dài của cuộc săn đuổi, mà những tiếng sủa ngắn nhát gừng báo hiệu một trận xáp lá cà và tiếng răng cắn vào thịt. Bò ngược chiều gió, Zing-ha nắm sát bụng xuống tuyết, và cùng với hãn là Koskoosh, người mà sau này làm chúa tể dân trong bộ lạc. Hai người cùng gạt những cành cây gỗ bách lòa xòa và nhìn về phía trước. Họ được chứng kiến cảnh cuối cùng.

Giống như tất cả những cảm tưởng của thời trẻ, cảnh tượng hãy còn rõ rệt trong trí nhớ lão, và cặp mắt mờ của lão nhìn cảnh cuối cùng hiện ra linh động như trong thời xa xưa ấy. Koskoosh ngạc nhiên về điều này; vì trong những ngày theo sau, khi lão là người lãnh đạo và đứng đầu hội đồng bộ lạc, lão đã thực hiện những thành tích lớn lao và đã làm cho người Pelly luôn miệng nguyện rửa tên lão, đó là chưa nói tới người da trắng kỳ dị**** mà lão đã giết trong một cuộc đấu công khai, mỗi người một con dao cầm tay.

Lão nghĩ một hồi lâu về thời trai trẻ của lão, cho đến khi ngọn lửa tàn xuống và khi cái lạnh cắt sâu hơn vào da lão. Lần này lão tiếp thêm hai thanh củi vào ngọn lửa và đo lại xem cuộc sống của lão còn được bao lâu với những thanh còn lại. Nếu Sitcum-to-ha chịu nhớ lời ông ngoại của nó và nhặt ôm củi lớn hơn, thì những giờ sống của lão sẽ dài hơn. Thật là một chuyện dễ dàng. Nhưng nó vẫn là một đứa bé vô tâm. Nó không nghĩ gì

đến người tiền bối từ khi Hải Ly, cháu nội Zing-ha, bắt đầu để mắt tới nó. Chà, điều đó có gì quan trọng? Lúc còn trẻ trung, lão đã chẳng hành động như thế là gì? Có một lúc lão đã lắng nghe trong im lặng. Có thể con trai lão đã mềm lòng, và nó cùng đàn chó quay lại để đưa cha già của nó cùng với bộ lạc tới chỗ nhiều hươu nai béo mập.

Lão đóng tai nghe ngóng, trí óc đang bối rối của lão lắng đi trong chốc lát. Không một tiếng động nhẹ. Không có gì cả. Một mình lão thờ phì phào giữa cảnh êm lặng hoang vu. Thật là cô độc. Im nghe! Cái gì đó? Lão rùng mình. Tiếng rống dài quen thuộc phá vỡ khoảng không, và nó ở ngay kế bên. Thế rồi, trong cặp mắt tối sầm của lão hiện lên hình ảnh con hươu rừng – con hươu rừng già nua – sườn bị cắn nát và hai bên hông ròn máu, cái bờm bị xâu xé, và cặp sừng nhiều gạc cúi sát xuống đất còn cố húc cho tới cùng. Lão thấy những hình thù màu xám vụt qua vụt lại, những cặp mắt long lanh, những cái lưỡi thè lè, những hàm răng nhọn hoắt lòng ròn nước dãi. Lão thấy cái vòng tròn xấp gần lại cho đến khi chỉ còn là một chấm đen giữa đám tuyết bị dày xéo.

Một cái mồm lạnh chạm vào má lão làm đầu óc lão quay về hiện tại. Tay lão đưa vội vào đồng lửa rút ra một thanh củi đang cháy. Bàn hoàng một lát vì cái sợ truyền thống đối với loài người, con vật kia lùi lại, hú lên một tiếng dài để gọi đồng bọn; những con này trả lời ngay, cho đến khi một vòng những con vật đầu xám, miệng rớt rãi, quây quần xung quanh. Lão lắng nghe những tiếng gầm gừ tiến lại gần; những con vật thờ hồn hển không chịu tản đi. Bây giờ một con đưa ngực ra phía trước, rồi lết mình tới gần, đến con thứ hai, rồi đến con thứ ba, nhưng không con nào lùi lại cả. Lão còn bầu vú lấy cuộc đời làm gì? Lão tự hỏi, rồi bỏ thanh củi đang cháy xuống tuyết. Thanh củi lèo xèo tắt ngấm. Cái vòng tròn gầm gừ một cách bồn chồn nhưng vẫn giữ nguyên vị trí. Một lần nữa lão thấy chỗ đứng cuối cùng của con hươu già, và Koskoosh mệт mỗi gục đầu lên hai đầu gối. Nói cho cùng, sống chết có nghĩa lý gì? Đó chẳng phải là luật đời sao?

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Mất Mặt

Thế là hết. Subienkow đã trải qua một đoạn đường dài đầy cay đắng và hãi hùng, mong trở về các thủ đô Âu Châu như một con bò cưa trở về tổ ấm, và tới đây, một nơi xa xôi hơn bao giờ hết, tại một địa hạt trên Mỹ Châu thuộc Nga, con đường đã tận cùng. Chàng ngồi trên tuyết, hai tay bị trói dật cánh khủy sau lưng, chờ đợi đến lượt bị tra tấn. Gã tò mò chậm chậm nhìn người lính Cossack to lớn nằm sấp trên tuyết đằng trước mặt; miệng rên rĩ vì đau đớn. Bọn đàn ông đã hành hạ hẳn xong, rồi giao hẳn cho đám phụ nữ. Cứ nghe tiếng kêu thét của người Cossack đó thì rõ. Bọn này còn tàn ác hơn bọn đàn ông nhiều.

Subienkow tiếp tục nhìn và rùng mình vì kinh tởm. Chàng không sợ chết. Chàng đã dùng đôi tay tự bảo vệ đời mình trên con đường gian nan suốt từ Warsaw đến Nulato trong một thời gian dài dặc nên cái chết không làm chàng rùng mình được. Nhưng chàng rất ghét lối tra tấn đó. Nó xúc phạm tâm hồn chàng. Tâm hồn chàng bất bình không phải vì sự đau đớn chàng phải chịu đựng, mà vì cái cảnh thảm thương do nỗi đau đớn gây trên thân thể chàng tạo ra. Chàng biết rằng chàng sẽ cầu khẩn, van xin, lạy lục, như là Hộ Pháp Ivan và các kẻ khác đã làm. Điều này không đẹp đẽ chút nào. Chết can đảm và đàng hoàng, miệng mỉm cười, diều cợt.. như thế mới

là đúng cách. Còn để mất tự chủ, tâm hồn rối loạn vì đau đớn của xác thịt, miệng kêu choe choé và rên khừ khừ như con khi đột để trở thành thú vật thật sự - ôi, đó thật là một điều khủng khiếp!

Không còn hy vọng gì thoát thân được. Ngay từ buổi đầu, khi chàng mơ giấc mộng nồng nhiệt về nền độc lập của Ba Lan, chàng đã trở thành một tên bù nhìn đặt trong tay của định mệnh. Từ buổi ban đầu, ở Warsaw, ở St. Petersburg, trong miền hăm mả Tây Bá Lợi Á, ở Kamchatka trên những chiếc thuyền ba chìm bảy nổi của bọn hải tặc chuyên cướp da thú, định mệnh đã xô đẩy gã đến bước đường cùng này. Hiển nhiên trên nền tảng của thế giới bước đường cùng này cho đời chàng đã được khắc rồi, một con người tế nhị và đa cảm, mà những dây thần kinh nằm sát ngay dưới làn da, một người vốn mơ mộng, có tâm hồn thi sỹ, và một nghệ sỹ. Trước khi mơ tưởng tới gã, tạo hóa đã định rằng cái mớ cảm giác sắc sảo dễ rung động tạo thành chàng sẽ bị đày đọa trong cảnh dã man khủng khiếp, và bỏ xác tại mảnh đất xa xôi tối tăm này, ở cái nơi tối âm u này, vượt quá những ranh giới cuối cùng của thế giới.

Gã thở dài. Vậy ra con người trước mặt gã là Hộ Pháp Ivan - Hộ Pháp Ivan, người khổng lồ, con người không cảm giác, con người bằng sắt, chàng Cossack quay ra theo nghề cướp biển, con người lạnh lùng bình thản, với bộ thần kinh hệ chai tới mức một sự đau đớn đối với người thường chỉ gãi ngứa cho hẵn. Phải, cứ tin ở những tên mọi da đỏ Nulato này đi, hãy xem chúng tìm ra những dây thần kinh của Hộ Pháp Ivan và theo dõi những dây thần kinh này tới gốc rễ của tâm hồn run rẩy của hẵn. Chắc chắn là chúng đang làm công việc ấy. Người ta không thể tưởng tượng được là một người lại có thể chịu đựng nhiều đau đớn như thế mà còn sống được. Hộ Pháp Ivan đang phải trả một giá đắt vì bộ thần kinh chậm xúc cảm của hẵn. Hẵn đã sống lâu gấp đôi bất cứ kẻ nào khác.

Subienkow cảm thấy chàng không thể chịu đựng nổi những cảnh đau đớn của tên Cossack hơn nữa. Tại sao Ivan lại không chết quách đi? Chàng

sẽ nổi điên mất, nếu những tiếng thét kia không kết thúc. Nhưng khi tiếng thét chấm dứt thì lại đến lượt chàng. Ngoài ra lại còn tên mọi Yakaga đang chờ chàng nữa, ngay lúc này hắn đã nhìn chàng mà cười khóai trá. Yakaga, mà tuần trước chàng đã tống cổ ra khỏi đồn và đã lấy roi đánh chó quất vào mặt nó. Yakaga sẽ ra tay tra tấn chàng. Chắc hẳn Yakaga đang sửa soạn dành cho chàng những cách tra tấn tinh vi hơn, làm thần kinh đau buốt hơn. Ôi! Cứ nghe cách thức Ivan kêu thét lên cũng biết là họ vừa dùng một đòn tra tấn tinh vi lắm. Những mụn đàn bà da đỏ bu chung quanh hắn bước lùi lại, vừa cười vừa vỗ tay. Subienkow trông thấy rõ sự tàn ác mà họ đã thi hành, chàng phá lên cười như điên dại. Bọn da đỏ nhìn chàng và ngạc nhiên là tại sao chàng lại còn cười được. Nhưng Subienkow không sao nín được.

Như vậy không chu đâu. Chàng tự kiểm chế, tiếng cười làm rung rinh người chàng dần dần im bật. Chàng cố gắng nghĩ tới những điều khác, và bắt đầu hồi tưởng lại những việc đã xảy ra trong đời chàng. Chàng nhớ tới cha mẹ, nhớ tới con ngựa nhỏ bé có chấm lốm đốm, tới ông thầy dạy tư người Pháp đã dạy chàng khiêu vũ và dúai cho chàng cuốn sách cũ nát của triết gia Voltaire. Một lần nữa chàng thấy Paris, rồi thành phố London âm đạm, rồi Vienna tưng bừng, và La Mã cổ kính, và một lần nữa, chàng lại thấy nhóm thanh niên bông bột mơ tưởng, như chàng đã mơ tưởng, giấc mơ về một nước Ba Lan độc lập có hoàng đế Ba Lan trên ngai vàng ở Warsaw. Ôi! đoạn đường dài khởi đầu chính từ đó. Chàng đã sống lâu nhất. Lần lượt từng người, bắt đầu là hai người bị xử tử ở St. Petersburg, chàng tiếp tục đếm những con người có tâm hồn can đảm đã mất. Chỗ này một kẻ bị tên cai ngục đánh đập cho đến chết, rồi chỗ kia, trên con đường loang lổ máu của những kẻ tù đầy, nơi họ đã đi hàng tháng trời bất tận, đã bị những tên lính gác người Cossack đánh đập, một kẻ khác đã bị bỏ lại bên đường. Luôn luôn họ bị đối xử dã man hung bạo như thú vật vậy. Họ đã chết vì bị nóng lạnh trong những hầm mỏ, dưới ngọn roi da. Hai người cuối cùng đã chết sau khi trốn thoát, trong cuộc ẩu đả với bọn Cossack, và duy có chàng tới được Kamchatka với những giấy tờ ăn cắp được và tiền bạc của một du khách mà chàng đã bỏ nằm ngắc ngoài trên tuyết.

Chỉ toàn là cảnh dã man. Suốt bao năm trường, với tâm hồn gửi vào những phòng làm việc*, những rạp hát và những triều đình, chàng lại bị bao vây trong cảnh dã man. Chàng đã mua cuộc đời chàng bằng máu. Người nào cũng đã từng là kẻ sát nhân. Chàng đã giết người du khách để lấy giấy thông hành. Chàng đã tỏ ra là một người có can trường qua hai cuộc đấu kiếm với hai sỹ quan Nga cùng trong một ngày. Chàng phải tỏ ra là người thế nào thì mới dành được một địa vị trong bọn cướp da thú. Chàng phải dành bằng được chỗ đó. Đằng sau chàng là con đường đã có từ hàng ngàn năm xuyên qua Siberia và nước Nga, chàng không thể trốn theo con đường đó được. Con đường duy nhất là tiến về phía trước, vượt qua biển Bering tới tận băng giá để tới Alaska. Con đường đó đưa từ cảnh dã man tới cảnh dã man hơn. Trên những con tàu hôi thúi mùi bệnh hoại huyết, thiếu thức ăn, thiếu nước uống, bị những trận bão bất tận của biển cả quất lên quất xuống, con người đã trở thành thú vật. Đã ba lần chàng đáp tàu từ Kamchatka đi về phía đông. Và cả ba lần, sau khi trải qua đủ cảnh gian truân khổ sở, những kẻ sống sót lại trở về Kamchatka. Ở đó không có lối thoát nào để trốn cả; và chàng lại không thể trở về đường cũ được, vì hầm mỏ và roi da có buộc cục sắt vẫn chờ đợi chàng.

Một lần nữa, lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng, chàng đã đáp thuyền đó về hướng đông. Chàng đã sống chung với những người đầu tiên đầu tiên đã tìm ra những đảo Hải Cầu thần kỳ; nhưng chàng không quay lại với họ để chung hưởng cảnh giàu có phong túc do những tấm da thú mang lại, trong những bữa tiệc đầy hoan lạc tại Kamchatka. Chàng đã thề rằng không bao giờ quay trở lại. Chàng biết rằng muốn đặt chân trở lại những thủ đô thân mến ở Âu Châu, chàng phải tiếp tục tiến. Vì thế mà chàng thấy cần phải chuyển sang tàu khác và ở lại vùng đất tối tăm đó. Bạn bè của chàng là những thợ săn người Slovenia, những tay giang hồ Nga, người Mông Cổ, người Thát Đát, thổ dân Siberia; họ đã mở đường máu qua những cảnh hoang dã của Tân Thế Giới. Họ đã tàn sát những làng không chịu cung phụng da thú; và sau đó đến lượt họ bị những công ty hàng hải tàn sát. Chàng cùng với một người Phần Lan là hai kẻ còn sống sót. Họ đã trải qua

một mùa đông cô quạnh và đói khát trên hòn đảo chơ vơ Aleutian; một chiếc tàu chở da thú khác đã cứu họ vào mùa xuân năm ấy, và đó là một chuyện tình cờ quả thật hãn hữu.

Những khung cảnh man rợ khủng khiếp luôn luôn bao vây chàng. Vì không chịu quay trở lại, và cứ chuyển tàu này sang tàu khác, chàng đã tới chiếc tàu đến thám hiểm miền Nam. Suốt dọc bờ biển Alaska, họ toàn gặp những toán người man rợ. Mỗi lần bỏ neo, dù là ở một hòn đảo cheo leo hay tại những bờ biển lởm chởm đá của đất liền, là một lần xung đột hoặc một lần gặp bão tố. Hoặc gió thổi mạnh như muốn phá tan tành chiếc tàu; hoặc thổ dân, miệng hò hét, mặt vẽ sơn khi xuất trận, chèo những chiếc thuyền ra khơi để thử thách sức tàn sát của thuốc súng của những tay cướp biển. Họ cứ đi dọc theo bờ biển xuống tận miền Nam, tới mảnh đất thần bí của vùng California. Người ta nói rằng những kẻ phiêu lưu Tây Ban Nha đã từ Mexico tiến lên tới đây sau nhiều trận tranh hùng. Chàng nuôi hy vọng là sẽ gặp được những tay hảo hán Tây Ban Nha đó. Chỉ cần trốn thoát được để tới gặp họ, là hết khó khăn - một năm hay hai năm, chậm hay nhanh một chút, nào có quan hệ gì? - chàng sẽ tới Mexico, rồi lên một chiếc tàu, thế là chàng sẽ về tới Âu Châu. Nhưng họ không gặp người Tây Ban Nha nào. Họ chỉ gặp bức tường man rợ vững chắc. Bọn thổ dân ở bên lề thế giới, mặt bôi những vết sơn khi xuất trận, đã đánh lui họ khỏi bờ biển. Sau cùng, khi một chiếc thuyền bị phá hủy và các người trên thuyền bị giết chết hết, viên thuyền trưởng liền bỏ dở cuộc thám hiểm rồi cho quay trở về hướng Bắc.

Nhiều năm tháng trôi qua. Chàng đã làm việc dưới quyền của Tebenkoff trong khi đồn Michaelovski đang được xây cất, và chàng đã sống hai năm tại xứ Kuskowin. Liền hai mùa hạ, vào tháng Sáu, chàng tìm cách để tới mũi eo biển Koizebue. Vào dịp này các bộ lạc hợp nhau để trao đổi hàng hóa; tại đây người ta thấy những tấm da hươu sao từ Siberia đem lại, ngà voi của xứ Diomedes, da hải mã từ những miền duyên hải Bắc Cực, những chiếc đèn bằng đá lạ lùng, được trao đổi từ bộ lạc này sang bộ lạc khác, nhưng không ai rõ xuất xứ, và có lần cả một con dao chế tạo tại Anh;

Subienkow biết rằng đây là chỗ tiện lợi nhất để tìm hiểu về địa dư. Vì chàng đã gặp những người Eskimo ở eo biển Norton, Đảo King và đảo St. Lawrence, Mỏm Hoàng Tử Wales và Mỏm Barrow. Những nơi đó còn có những tên khác nữa, và khoảng cách phải tính bằng ngày đi đường.

Những người man rợ tới đổi chác hàng hóa tại đây đã từ một vùng rộng bao la tới, và những cây đèn bằng đá và con dao bằng thép kia lại từ một vùng rộng lớn hơn nữa tới sau khi được trao đổi qua tay nhiều người. Subienkow đã dùng đủ cách, hăm dọa, tán tỉnh, đút lót. Chàng gặp tất cả những người đã từng đi xa hay thuộc những bộ lạc lạ. Chàng được nghe kể nhiều chuyện hiểm nguy không kể xiết, được nghe người ta kể lại về những thú rừng, những bộ lạc không ưa người lạ, những khu rừng không sao vào được, những dãy núi cao hùng vĩ; nhưng ngoài những chuyện đó, chàng còn được nghe đồn đại về những người da trắng, mắt xanh, tóc vàng, chiến đấu dữ tợn như quý và luôn luôn chỉ lo tìm dã thú. Họ ở về phía đông, tuốt mãi về phía đông xa tắp. Chưa ai gặp họ. Người ta chỉ khát như vậy mà thôi.

Thật là một ngôi trường khó học. Người ta không thể hiểu rõ ràng về địa dư qua những thổ âm kỳ lạ, theo lời nói của những kẻ có đầu óc tối tăm coi chuyện hoang đường là chuyện thật và đo những khoảng đường xa bằng những "giấc ngủ" dài ngắn tùy theo đường đi khó hay dễ. Nhưng sau cùng có một câu chuyện phong thanh làm cho Subienkow phấn khởi. Những người mắt xanh đó sống tại một vùng ở về phía Đông bên một con sông lớn. Con sông đó tên là Yukon. Phía Nam đồn Michaelovski cũng có một con sông lớn chảy ra, sông ấy người Nga mệnh danh là Kwipak. Theo lời người thuật chuyện thì hai con sông này chỉ là một.

Subienkow trở lại Michaelovski. Suốt một năm trời, gã hồi thúc mở một cuộc thám hiểm ngược dòng sông Kwipak. Thế rồi Malakoff, người lai Nga, đứng lên dẫn đầu những tên man dã và hung bạo nhất trong đám dân lai phiêu lãng từ Kamchatka tới. Subienkow làm phụ tá. Họ len lỏi qua

những con đường ngoằn ngoèo trong miền trung châu sông Kwikpak, leo lên những quả đồi thấp đầu tiên trên bờ phía Bắc, và suốt năm trăm dặm, trên những con thuyền độc mộc bọc da chở hàng hóa và đạn dược đầy đến tận mạn, họ chống cự lại guồng nước chảy xiết của con sông rộng từ hai đến mười dặm chảy trong một khe sâu hàng mấy sải tay. Malakoff quyết định xây một đồn trại ở Nulato. Subienkow thúc dục lão tiến xa hơn, nhưng rồi chàng cũng vội vàng đồng ý ở lại Nulato. Mùa Đông dài đặc sập tới. Tốt hơn là hãy chờ. Mùa Hạ tới, khi tuyết tan hết, chàng sẽ trốn đi ngược dòng sông Kwikpak và tiến tới những trạm mậu dịch của Công ty Vịnh Hudson. Malakoff chưa từng nghe nói rằng chính Kwikpak là sông Yukon và Subienkow cũng dấu không cho lão biết chuyện đó.

Công cuộc xây đồn lũy bắt đầu. Đồn đó xây bằng lao công cưỡng bách. Những lớp tường bằng gỗ được dựng lên trong những tiếng thở dài và rên xiết của dân da đỏ Nulato. Lưng họ hứng chịu những ngọn roi da, và những ngọn roi đó do bàn tay sắt của quân cướp biển quất lên họ. Có một vài thổ dân da đỏ bỏ trốn, và khi bị bắt, họ bị đem về và căng nọc trước đồn, rồi họ và những dân trong bộ lạc được ném mùi hiệu lực của chiếc roi da đầu buộc cục sắt. Hai người chết dưới ngọn roi đó; nhiều kẻ khác phải mang thương tích suốt đời, những người còn lại nhớ đời bài học đó và không còn dám trốn đi nữa. Tuyết bay tả tơi trước khi pháo đài được hoàn thành, thậm chí thoát tới mùa kiếm da thú. Các bộ lạc được lệnh phải cống hiến một số lớn da thú. Dân bộ lạc tiếp tục bị đánh đập, bị roi quất lên lưng; và để buộc họ phải cống hiến, đàn bà và con trẻ bị giữ làm con tin và bị đối xử rất dã man mà chỉ riêng có bọn cướp da thú mới biết làm mà thôi.

Ở đời ác giả ác báo, gieo gió thì gặt bão. Những kẻ đã gieo máu thì bây giờ lại phải gặt kết quả bằng máu. Đồn bị thiêu hủy. Trong khi đồn cháy, bọn cướp da thú đã bị sát hại hết một nửa. Nửa sống sót kia đã chết dần mòn vì tra tấn. Chỉ còn sót có Subienkow, hoặc Subienkow và gã Hộ pháp Ivan, nếu cái hình thù đang ngắc ngoai rên xiết nằm trên tuyết kia còn có thể gọi là Hộ pháp Ivan. Subienkow bắt gặp Yakaga đang nhe răng cười với

chàng. Nói với Yakaga cũng chẳng ăn thua gì. Vết roi hầy còn in hằn trên mặt hăn. Nói cho cùng, Subienkow chẳng thể trách hăn được, nhưng chàng không thích nghĩ tới những cách thức mà Yakaga sẽ áp dụng để tra tấn chàng. Chàng nghĩ tới giải pháp van xin tên Chúa tể Makamuk; nhưng suy đi nghĩ lại, chàng thấy là van xin cũng vô ích. Chàng còn nghĩ tới chuyện đứt đứt dây trói để được chết trong khi xung đột. Chết như thế sẽ mau chóng. Nhưng chàng không thể đứt dây trói được. Dây da hươu khoẻ hơn chàng. Đang suy mưu tính kế thì một ý nghĩ khác chợt hiện trong óc chàng. Chàng ra hiệu gọi Makamuk, và làm hiệu để cho gọi một người thông ngôn biết thổ âm miền Duyên Hải.

"Này, Makamuk", chàng nói: "Ta không định chết đâu. Ta là một siêu nhân, ta không điên rồ gì mà chết. Thật thế, ta sẽ không chết. Ta không giống những cái xác hèn kém này đâu."

Gã nhìn cái đồng thịt đang rên rỉ mà trước kia là Hộ pháp Ivan, rồi lấy ngón chân hất nhẹ một cách khinh bỉ.

"Ta quá khôn nên không chết được. Nghe này, ta có một môn thuốc thần bí truyền không ai biết. Vì ta không chết, nên ta sẽ đổi môn thần dược này cho mi."

"Thuốc đó là thuốc gì?" Makamuk nói.

"Nó là một môn thuốc kỳ lạ."

Subienkow tần ngần suy nghĩ một lát làm như tiếc rẻ không muốn lộ bí quyết.

"Ta sẽ bảo mi. Một chút thuốc đó xoa lên da sẽ làm cho da cứng như đá, cứng như sắt, đến nỗi không có khí giới nào cắt đứt được. Một võ khí dù chém mạnh đến đâu cũng không ăn thua gì cả. Một con dao bằng xương đối với nó cũng chỉ là cục bùn, thuốc này sẽ làm cho những con dao sắt của

bọn ta mang tới đây phải cong lưỡi. Mi sẽ cho ta gì để đổi lấy cái bí quyết của môn thuốc này?"

"Ta sẽ để cho mi sống." Makamuk trả lời qua tên thông ngôn.

Subienkow phá lên cười với một giọng khinh bỉ.

"Và mi sẽ làm nô lệ trong nhà ta cho đến chết."

Người Ba Lan cười bằng giọng khinh bỉ hơn.

"Cởi tay chân cho ta rồi chúng ta sẽ nói chuyện", chàng nói.

Viên chúa tể ra dấu hiệu; sau khi được thông thả, Subienkow quẩn một điều thuốc rồi châm lửa hút.

"Nói chuyện thế này là điên". Makamuk nói: "Làm gì có thứ thuốc như thế, không thể có được. Lưỡi dao sắc là mạnh hơn bất cứ môn thuốc nào cả."

Viên chúa tể không tin nhưng vẫn còn hồ nghi trong bụng. Hãn đã chứng kiến nhiều phép thuật quỷ quái của bọn cướp da thú. Hãn không thể hoài nghi hoàn toàn được.

"Ta sẽ để cho mi sống; và mi khỏi phải làm nô lệ". Hãn tuyên bố.

"Thế chưa đủ."

Subienkow đóng vai trò một cách bình tĩnh như là chàng đang điều đình đánh đổi một tấm da cáo.

"Nó là một thần dược kỳ diệu. Nó đã cứu sống ta bao nhiêu lần. Ta muốn một cái xe trượt tuyết, một đàn chó, sáu tay săn của mi để đi xuôi dòng sông cùng với ta và đưa ta an toàn tới chỗ còn một ngày ngủ nữa thì tới đồn Michaelovski.

"Mi phải sống ở đây, và dạy chúng ta tất cả các phép thuật của mi." Hãn trả lời.

Subienkow lặng lẽ nhún vai. Chàng phà khói thuốc vào làn không khí lạnh buốt, mắt tò mò nhìn thân mình tên Cossack to lớn.

"Vết sẹo kia!" Makamuk bỗng thốt lên, tay chỉ vào cổ anh chàng Ba Lan, chỗ một vết sẹo đỏ hơn ghi lại một nhát dao chém trong một cuộc xung đột tại Kamchatka. "Môn thuốc không công hiệu. Lưỡi dao mạnh hơn thuốc của mi."

"Người chém đó mạnh lắm." (Subienkow dẫn đo nói) "Mạnh hơn mi, mạnh hơn tay săn khoẻ nhất của mi, mạnh hơn thằng này."

Một lần nữa, chàng lấy ngón chân đung vào mình tên Cossack - một hình thù gớm ghiếc đã mất tri giác - tuy nhiên, cái sống đau đớn còn bám lấy như luyến tiếc không muốn rời cái thân hình tàn tạ kia.

"Hơn nữa thuốc lại yếu. Vì ở nơi đó thiếu một vài loại trái cây mà ở xứ này ta thấy nhiều lắm. Món thuốc ở đây sẽ mạnh."

"Ta sẽ cho phép mi xuôi dòng sông". Makamuk nói. "Ta sẽ cho mi xe trượt tuyết, đàn chó, sáu tay thợ săn để giữ an ninh cho mi."

"Mi chậm chạp quá," chàng trả lời. "Mi đã xúc phạm môn thần dược của ta vì mi không chịu nhận các điều kiện ngay. Vậy ta phải đòi hỏi thêm nữa. Ta muốn một trăm tấm da hải ly." (Makamuk cười khẩy.) "Ta muốn năm chục ký cá khô" (Makamuk gật đầu, vì cá nhiều và rẻ) "Ta muốn hai chiếc xe trượt tuyết một để ta đi và một để chở da thú và cá khô. Mi phải trả lại ta khẩu súng. Nếu mi không muốn trả ta giá này, thì lát nữa nó sẽ lên nữa."

Yakaga ghé lại thì thăm với vị chúa tể.

"Nhưng làm cách nào ta biết được rằng thuốc của mi là thuốc thực?"
Makamuk hỏi.

"Điều đó dễ lắm. Trước hết ta sẽ đi vào rừng."

Một lần nữa Yakaga lại thì thầm với Makamuk và Makamuk tỏ vẻ nghi ngờ không đồng ý.

"Mi có thể cử hai chục người theo ta" Subienkow nói tiếp. "Mi biết chứ, ta phải kiếm những trái cây và rễ cây để chế thuốc. Sau đó, khi mi đã sửa soạn hai chiếc xe trượt tuyết đã chất lên đó cá, da hải ly và súng, và đã ra lệnh cho sáu tay săn đi theo ta - khi tất cả đều sẵn sàng, ta sẽ thoa thuốc lên cổ rồi để cổ lên khúc cây kia. Bấy giờ tay săn khỏe nhất của mi có thể cầm rìu chém lên cổ ta ba lần. Chính mi cầm rìu chặt cũng được."

Makamuk đứng há hốc mồm, như muốn nuốt cái pháp thuật kỳ diệu và mới mẻ nhất này của bọn cướp da thú.

"Nhưng trước hết," gã Ba Lan vội nói thêm, "ta cần nhắc là cứ sau mỗi lần chém, ta phải bôi thuốc mới. Chiếc rìu nặng và sắc, vậy ta muốn ăn chắc".

"Tất cả những điều mi yêu cầu ta sẽ cho cả," Makamuk vội la lớn nhận lời. "Mi hãy lo chế thuốc đi."

Subienkow cố dấu vẻ khoái trí. Gã đang đi một nước cờ tuyệt vọng, không thể sơ sẩy một chút nào cả. Gã ngạo mạn nói:

"Mi đã chậm chạp làm cho môn thần dược của ta bị xúc phạm. Để xóa bỏ sự xúc phạm này mi phải cho ta con gái mi."

Gã chỉ cô gái, một con bé dơ bẩn, một mắt lé và có một cái răng nhọn như răng chó sói. Makamuk tức giận lắm, nhưng gã Ba Lan điềm nhiên quăn một điếu thuốc lá khác và châm lửa hút.

"Mau lên," chàng dọa. "Nếu mi không mau, ta sẽ đòi thêm nữa."

Trong bầu không khí im lìm, quang cảnh nơi đất Bắc đìu hiu tan biến trước mắt chàng, và một lần nữa chàng lại nhìn thấy quê hương, và nước Pháp, và trong khi nhìn cô gái răng sói chàng lại nhớ tới một cô gái khác, một ca sỹ kiêm vũ nữ, mà chàng đã quen biết khi còn là một thanh niên sang thăm Paris.

"Mi muốn dùng con bé làm gì?" Makamuk hỏi.

"Để cùng xuôi dòng sông với ta." Subienkow nhìn bằng cặp mắt thâm định. "Nó sẽ là người vợ tốt, hơn nữa được kết hôn với dòng máu của mi là một vinh dự xứng đáng với môn thần dược của ta."

Một lần nữa, chàng lại nhớ tới cô ca sỹ kiêm vũ nữ và hát lớn một bài ca mà cô ta đã dạy chàng. Chàng sống lại với dĩ vãng, nhưng một cách rời rạc và vô tư, nhìn những hình ảnh của chính cuộc đời chàng như những tấm hình trong một cuốn sách nói về đời một kẻ khác. Tiếng nói của viên chúa tể bất chợt phá tan bầu không khí làm chàng giật mình.

"Mi sẽ được thỏa nguyện." Makamuk nói, "Con bé sẽ xuôi dòng sông cùng với mi. Nhưng mi phải biết rằng ta sẽ đích thân cầm rìu chém mi ba nhát."

"Nhưng sau mỗi lần ta sẽ bôi thuốc," Subienkow trả lời, làm bộ như áy náy mà vẫn cố giấu.

"Mi sẽ bôi thuốc sau mỗi lần chém. Đây là những tay săn có phận sự đi cùng để trông chừng mi khỏi trốn. Mi hãy vào rừng lo kiếm thuốc đi."

Makamuk đã tin tưởng giá trị của môn thuốc đó vì thấy gã Ba Lan tham lam đòi hỏi đủ thứ. Chắc chắn phải là môn thuốc thần diệu lắm mới có thể làm cho một người dưới bóng tử thần đứng lên mặc cả ráo riết như một bà già.

"Vả lại," Yakaga thì thầm, trong khi chàng Ba Lan cùng với những tên canh chừng chàng khuấy bóng giữa đám cây tùng. "Khi ông đã biết được môn thuốc đó rồi, ông có thể trừ khử hẳn dễ dàng."

"Nhưng làm thế nào tao giết nó được?" Makamuk cãi lại. "Thuốc của nó sẽ không để tao giết nó đâu."

"Làm gì chẳng có chỗ nó không bôi thuốc." Yakaga trả lời. "Chúng ta sẽ giết hẳn bằng chỗ đó. Có thể như tai hẳn chẳng hạn, chúng ta sẽ dùng cây lao đâm suốt từ tai bên này qua tai bên kia. Hoặc giả mắt nó cũng được. Chắc chắn là thuốc này sẽ mạnh nên không thể bôi vào mắt được."

Viên chúa tế gật đầu: "Yakaga, mày khôn lắm. Nếu nó không còn pháp thuật nào khác nữa, chúng ta sẽ giết nó."

Subienkow không phung phí thì giờ để thu thập những món dùng để chế thuốc. Chàng lượm lặt bất kỳ cái gì gần tay chàng như những lá tùng dài, vỏ cây liễu, một mảnh vỏ cây phong, và một nắm dâu dại mà các tay săn đã đào dưới tuyết lên cho chàng. Thêm một ít rễ cây khô là đủ, và chàng dẫn đường trở về trại.

Makamuk và Yakaga ngồi xõm bên chàng, chú ý nhớ nhấm từng món thuốc, loại, và số lượng bao nhiêu khi chàng bỏ những món ấy vào trong nồi nước đang sôi sùng sục.

"Các người cẩn thận cho dâu vào trước nhất." Chàng giải thích.

"Và... Ồ, phải rồi, một món nữa - một ngón tay người. Đây rồi, Yakaga, mi để cho ta cắt một ngón tay đi."

Nhưng Yakaga vội thu hai tay lại sau lưng, mặt nhăn nhó.

"Chỉ một ngón nhỏ thôi mà," Subienkow nài nỉ.

"Yakaga cho nó ngón tay đi," Makamuk ra lệnh.

"Xung quanh đây thiếu gì ngón tay," Yakaga nhăn nhó nói, tay hăn chỉ hàng chục xác nằm ngổn ngang trên tuyết đã chết vì bị tra tấn.

"Nhưng phải là ngón tay của một người sống mới được." Chàng Ba Lan nói.

"Nếu vậy mi sẽ có ngón tay của một người sống." Yakaga bước lại phía người Cossack và xẻo luôn một ngón tay.

"Nó chưa chết," hăn nói, tay ném ngón còn ròn ròn máu lên trên tuyết bên chân chàng Ba Lan. "Hơn nữa ngón tay này lại lớn nên càng tốt."

Subienkow ném ngón tay đó vào lửa dưới chiếc nồi và bắt đầu cất tiếng hát. Đó là một bài tình ca Pháp nhưng chàng hát bằng một giọng trịnh trọng.

"Không có những lời thần chú của ta thêm vào thì môn thuốc sẽ không còn hiệu nghiệm," gã giải thích. "Những lời thần chú đóng vai trò cốt yếu trong môn thuốc. Này này! Thuốc được rồi!"

"Mi hãy đọc những tiếng này chậm chậm để ta nhớ với," Makamuk ra lệnh.

"Sau khi thí nghiệm mới được. Sau khi chiếc rìu bật khỏi cổ ta ba lần ta sẽ dạy cho mi những tiếng bí truyền này."

"Nhưng nếu môn thuốc không hiệu nghiệm thì sao?" Makamuk hỏi bằng giọng lo lắng.

Subienkow giận dữ quay lại nhìn hăn.

"Thuốc của ta bao giờ cũng hiệu nghiệm. Tuy nhiên, nếu nó không hiệu nghiệm thì người sẽ hành hạ ta như những người kia. Hãy xẻo ta ra từng

miếng, dù như tên kia cũng được!" Chàng chỉ tên Cossack. "Thuốc nguội rồi đó. Ta chỉ việc bôi nó lên cổ và đọc thêm lời thần chú này nữa."

Hết sức trịnh trọng, chàng chậm chạp hát một đoạn trong bài quốc ca Pháp, đồng thời xoa thứ nước kinh khủng ấy lên khắp cổ.

Một tiếng hét làm gián đoạn màn trò của chàng. Người Cossack không lồ, trong một lúc hồi dương, đã quỳ được hẳn lên. Những tiếng cười, những tiếng kêu kinh ngạc và những tiếng hoan hô từ miệng đám dân Nulato vang dậy, trong khi Hộ pháp Ivan bắt đầu giẫy dựa trên tuyết.

Subienkow bị nôn nao vì cảnh này, nhưng chàng cố dẫn cho khỏi nôn mửa và làm bộ giận dữ.

"Thế này không được". Chàng nói. "Kết liễu nó đi, rồi chúng ta sẽ thí nghiệm. Này Yakaga, giết nó chết hẳn đi."

Trong khi lệnh này được thi hành, Subienkow quay về phía Makamuk.

"Mi nhớ là phải chém cho thật mạnh. Đây không phải là công việc trẻ con. Này, hãy cầm lấy chiếc rìu và bổ khúc cây này để ta xem mi chém có đàng hoàng không."

Makamuk vâng lời, vung rìu chém hai nhát, thật đúng và thật mạnh, chặt rời một miếng gỗ to lớn.

"Khá lắm". Subienkow nhìn quanh, ngó vào những khuôn mặt đã man đứng thành vòng tròn như tiêu biểu cho bức tường man rợ đã bao vây gã suốt từ khi cảnh sát Nga Hoàng bắt gã lần đầu tiên tại Warsaw. "Makamuk, mi hãy cầm rìu và đứng như thế này. Ta sẽ nằm xuống. Khi ta giơ tay thì mi chém, chém hết sức. Phải cẩn thận đừng để cho ai đứng đằng sau mi. Môn thuốc thần hiệu lắm, chiếc rìu bặt từ cổ ta ra có thể vượt tay mi đó."

Gã nhìn hai chiếc xe trượt tuyết, với đàn chó đã đóng dây cương, chở đầy da thú và cá khô. Khẩu súng của gã nằm trên chốc đồng da hải ly. Sáu tay săn làm vệ sỹ cho gã đứng hai bên cỗ xe.

"Còn con bé đâu?" Chàng Ba Lan hỏi. "Mang nó lại bên mấy chiếc xe rồi cuộc thí nghiệm mới tiến hành."

Khi lời yêu cầu này đã được thi hành, Subienkow nằm dài trên tuyết, đầu gối lên khúc cây như một đứa trẻ mệt mỏi sắp sửa đi ngủ. Chàng đã trải qua quá nhiều năm bi thảm đến nỗi chàng thấy mệt mỏi thật.

"Này Makamuk, ta cười mi và sức mạnh của mi," chàng nói. "Chém đi, chém mạnh."

Chàng giơ bàn tay lên. Makamuk vung chiếc rìu, chiếc rìu lưỡi rộng dùng để đốn cây. Ánh thép lấp lánh trong không khí lạnh lẽo, ngừng giây lát trên đầu Makamuk, rồi giáng xuống cổ Subienkow. Chiếc rìu cắt ngọt qua thịt và xương, cắm sâu vào khúc cây bên dưới. Những tên man rợ ngạc nhiên nhìn chiếc đầu bắn ra xa chừng một thước rời khỏi thân mình đang phun máu.

Mọi người ngạc nhiên, im lặng, đầu óc họ dần dần nhận ra rằng chẳng có thuốc men quái gì cả. Tên cướp da thú đã đánh lừa được họ. Trong cả đám tù nhân có mỗi một mình chàng đã thoát khỏi sự tra tấn. Chàng đã đánh nước bài đó để giành được điều này. Mọi người ò lên cười. Makamuk ngượng ngùng cúi đầu. Tên cướp da thú đã lừa hãn. Chúng vẫn tiếp tục hét cười rữ rợ. Makamuk quay mình bỏ đi, đầu cúi gằm. Hãn biết rằng từ nay trở đi người ta sẽ không gọi hãn là Makamuk nữa. Gã sẽ được mệnh danh là Mất Mặt; và nỗi nhục của hãn sẽ theo hãn mãi cho tới khi hãn lìa cõi đời; và khi các bộ lạc họp nhau vào mùa Xuân để đánh cá hồi, hoặc vào mùa Hạ để trao đổi hàng hóa, câu chuyện sẽ được truyền từ chỗ này qua nơi khác, qua những đám lửa trại, kể lại chuyện tên cướp da thú đã chết yên ổn do tay của Makamuk như thế nào.

"Ai là Mất Mật?" Hãn có thể hình dung trước khi nghe thấy một gã thanh niên hỗn hào lên tiếng hỏi. Và người ta sẽ trả lời, "À, Mất Mật, trước khi hãn chặt đầu tên cướp da thú, vẫn được thiên hạ gọi là Makamuk."

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Miếng Bít Tết

Tôm Kinh dùng miếng bánh mì cuối cùng lau sạch chỗ bột còn lại trong đĩa sốt bột, rồi anh vừa chậm rãi nhai vừa ngẫm nghĩ. Anh đứng dậy, rời bàn ăn, cái cảm giác đói vẫn dần vạt. Tuy thế, chỉ có một mình anh được ăn. Hai đứa con đã được đưa đi ngủ sớm ở buồng bên để chúng có thể quên việc chưa được ăn tối. Vợ anh không động đến một tí gì, chị ngồi lặng lẽ, đưa cặp mắt buồn bã nhìn anh. Chị là một người phụ nữ gầy gò, héo hon, thuộc tầng lớp lao động; tuy vậy, trên khuôn mặt chị, những nét xinh đẹp xưa kia vẫn còn in lại. Bột để nấu sốt là do chị vay của bác hàng xóm ở gian bên kia. Hai hào cuối cùng dùng để mua bánh mì.

Tôm Kinh ngồi trên ghế xích đu, bên cửa sổ. Cái ghế oằn xuống dưới sức nặng thân thể anh; hoàn toàn máy móc, anh đưa cái tẩu lên miệng, rồi nhét vào túi áo bên. Trong tẩu không có thuốc lá, anh nhận ra được cái động tác máy móc của mình, anh nhăn nhó vì dăng trí, bèn bỏ cái tẩu đi. Động tác của anh chậm rãi, hầu như nặng nề tựa như anh phải chịu đựng sức nặng những bắp thịt của chính bản thân mình. Tôm Kinh là một người chắc nịch, trông vẻ dễ ưa. Bộ quần áo vải thô cũ kĩ và nặng nề. Cái mu giày không còn đủ độ bền để mang cái đế nặng đã được đóng lại từ lâu. Chiếc sơ-mi vải, loại rẻ tiền, giá hai đồng bạc, đã sờn cổ, có nhiều vết bẩn không thể nào tẩy sạch được nữa.

Nhưng chính bộ mặt của Tôm Kinh mới quảng cáo rõ nghề nghiệp của anh, không làm vào đâu được. Đó là bộ mặt của một võ sĩ nhà nghề điển

hình, bộ mặt của một người đã lăn lộn những năm trường trên cái võ đài hình vuông, và đã khiến cho trên bộ mặt ấy in rõ thêm những nét của một con thú dữ chiến đấu. Rõ ràng đó là một bộ mặt xấu, bất kì một nét nào cũng làm người ta phải chú ý, bộ mặt lại được cạo nhẵn nhụi. Đôi môi không thành hình thù gì cả, tạo thành một cái miệng quá xù xì trông như một vết rách hằn trên mặt. Cái hàm nhô ra, dữ tợn, man rợ, nặng nề. Cặp mắt lờ lờ, mí mắt dày cộp, cặp mắt hầu như lạnh lùng dưới hàng lông mày rậm, thụt sâu vào. Anh có vẻ đích thực là một con thú, trên con người anh thì cặp mắt lại có vẻ động vật nhất. Đó là cặp mắt lim dim buồn ngủ, giống như mắt sư tử, cặp mắt của một con thú dữ chiến đấu. Trán dốc hẳn lên phía trên; mái tóc cắt ngắn làm lộ rõ từng cái bướu một trên cái đầu trông như đầu của một tên vô lại. Mũi đã hai lần bị vỡ và đã thay đổi hình dạng nhiều lần khác nhau do bị đâm không biết bao nhiêu lần. Tai rách như lá bắp cải, thường xuyên bị sưng và bị vụn gập làm đôi. Cái mũi và cái tai ấy hoàn chỉnh việc tô điểm khuôn mặt; thêm vào đó là bộ râu mới cạo, đã hơi nhú lên in trên khuôn mặt một vết xanh đen.

Nói chung, đó là một bộ mặt làm cho người ta sợ hãi, nếu bắt gặp trong ngõ tối hoặc ở nơi vắng vẻ. Tuy vậy, Tôm Kinh không phải là một kẻ phạm tội ác, anh cũng chẳng làm điều gì gây ra tội ác cả. Ngoài những trận đấm nhau ra – việc bình thường trong đời anh, – anh không hề làm hại ai cả. Người ta cũng chẳng bao giờ thấy anh gây ra một cuộc cãi cọ nào. Tôm Kinh là một võ sĩ chuyên nghiệp, tất cả những sự tàn bạo đánh đấm chỉ biểu lộ ở cái bề ngoài nghề nghiệp của anh. Ngoài võ đài, anh là một người có động tác chậm rãi, bản tính dễ dãi. Những ngày xưa, khi mà đồng tiền trong tay dồi dào, Tôm Kinh là một người rất hào phóng. Anh chẳng hề thù hằn ai, và anh cũng có rất ít kẻ thù. Đấm nhau là nghề nghiệp của anh. Trên võ đài, anh đấm thật đau, đấm cho thành thương tật, đấm để huỷ diệt đối thủ, nhưng hoàn toàn không mang một chút thù hằn nào cả. Đó là một yêu cầu đơn giản trong công việc làm ăn. Khách giả tụ tập lại, mất tiền để xem đấm nhau đến đo ván. Người thắng sẽ được phần chia lớn. Hai mươi năm trước, lúc Tôm Kinh gặp Gaogior Ulumulu, anh biết rằng hàm của Gaogior

mới chữa khỏi được bốn tháng, sau khi bị vỡ trong một trận đấu ở Niucaxơn. Thế là, anh nhắm vào cái hàm đó, đấm nó vỡ một lần nữa ở hiệp chín, chẳng phải vì anh có chút ác ý nào đối với Gaogio, mà chỉ vì đó là một cách chắc chắn nhất để hạ Gaogio, chiếm được phần chia lớn. Về chuyện đó, Gaogio cũng chẳng mang chút thù hằn nào đối với Tôm Kinh. Đó là một ván bài, cả hai người đều hiểu rõ ván bài này, họ cùng tham gia vào.

Tôm Kinh vốn là một người ít nói, anh ngồi lặng lẽ buồn bã bên cửa sổ, nhìn hai bàn tay mình. Những mạch máu lộ rõ trên mu bàn tay, chúng đều to xù, nổi hẳn lên, những khớp xương ngón tay bị giập nát, méo mó, chứng minh rõ công dụng mà chúng đã đảm đương. Tôm Kinh chưa bao giờ nghe nói rằng cuộc đời của một con người là cuộc đời của các mạch máu trên cơ thể người đó, nhưng anh biết rất rõ ý nghĩa của những mạch máu to, nổi hẳn lên này. Trái tim anh đã đẩy, với một áp lực lớn, quá nhiều máu qua những mạch máu đó. Chúng không còn hoạt động tốt được nữa. Anh đã cố gắng quá sức đến nỗi làm chúng mất tính co giãn, và tình trạng quá căng của chúng đã làm anh mất cả sức bền bỉ. Hiện nay, anh rất dễ bị mệt nhọc. Anh không thể nào bền bỉ đấu được hai mươi hiệp nữa, thi nhau giáng những cú đấm, dồn ép nhau, đấm, đấm, đấm, từ tiếng cồng này đến tiếng cồng khác, hết đợt cố gắng mãnh liệt này đến đợt cố gắng mãnh liệt đợt khác, chịu đánh bật vào dây thừng rồi lại đánh bật đối thủ vào dây thừng, và đợt cố gắng mãnh liệt nhất, tốc độ nhất trong hiệp thứ hai mươi làm cho toàn bộ khán giả đứng hẳn lên la hét, còn bản thân anh lao mạnh, giáng mạnh, né tránh, tung ra tới tấp hết trận mưa đấm này đến trận mưa đấm khác và cũng chịu những trận mưa đấm đánh trả lại, suốt trong những giây phút đó, trái tim anh vẫn trung thành đẩy những dòng máu sôi sục chảy qua các mạch máu thích ứng. Các mạch máu căng phồng lên lúc đó, nhưng rồi lại xẹp xuống, mặc dù không hoàn toàn xẹp xuống hết, mỗi lần như thế, lúc đầu không nhận ra được, mạch máu lại hơi to hơn lần trước một chút. Anh nhìn các mạch máu và những khớp ngón tay giập nát, lúc này Tôm Kinh chợt nhìn thấy sự tuyệt mỹ trẻ trung của hai bàn tay đó trước

lúc khớp xương ngón tay đầu tiên bị giập nát vì dấn vào đầu Bênì Giônơ, được mệnh danh là Oenơ khủng khiếp.

Cái cảm giác đó lại trở lại.

- Em Blaimi, anh không thể có được một miếng bít-tết! – Tôm Kinh nói khá to, nắm chặt hai quả dấm to tướng và bật ra một lời nguyên rủa đã âm ỉ mãi trong lòng.

- Em đã cố hỏi ở cả hiệu Bơơ lẫn hiệu Xoli, – vợ anh đáp, nửa như có vẻ xin lỗi.

- Thế họ không bằng lòng?

- Không có lấy một hào nào. Bác Bơơ bảo..., – chị ngập ngừng.

- Hừ! Hửn bảo sao?

- Vì bác ấy cho là tối nay Xendơn sẽ thắng anh, và số tiền nợ của anh đã khá lớn.

Tôm Kinh làu bàu, nhưng không trả lời. Anh đang nghĩ tới con chó săn anh nuôi vào thời anh còn trẻ, anh đã cho nó ăn biết bao nhiêu là bít-tết. Lúc đó, Bơơ đã tin và bán chịu cho anh một nghìn miếng bít-tết. Nhưng thời thế đã thay đổi rồi. Tôm Kinh đã già đi, những võ sĩ nhiều tuổi, đấu ở câu lạc bộ loại hai, không thể hi vọng thanh toán được những hoá đơn, dù nhiều tiền, dù ít tiền, cho những người bán hàng.

Buổi sáng, lúc dậy khỏi giường, anh đã khao khát được ăn một miếng bít-tết, niềm khao khát đó vẫn còn dẫn vật. Anh không được tập luyện đầy đủ chuẩn bị cho trận đấu này. Đó là một năm hạn hán ở châu Úc, thời thế khó khăn, ngay cả những việc làm trái nghề nhất đối với anh cũng khó tìm được. Anh không có người cùng tập, đồ ăn thức uống của anh không phải là những thứ ngon lành, mà lại luôn luôn thiếu. Anh đã đi đào đất thuê

trong ít ngày, lúc có thể kiếm được việc, và vào những buổi sớm tinh mơ, anh đã chạy quanh khu Đômêơ để luyện đôi chân. Nhưng luyện tập mà không có người cùng tập, và lại còn phải nuôi một vợ, hai con là một việc rất khó khăn. Anh sẽ đấu với Xendơ, nên anh rất khó mua chịu được thêm chút ít nữa ở các cửa hàng. Anh thư kí của câu lạc bộ Gâyoti đã ứng trước cho Tôm Kinh ba bảng – phần chia của người thua – không cho vay thêm nữa. Đôi khi anh vay mấy người bạn cũ được dăm hào, họ lẽ ra có thể cho vay nhiều hơn đôi chút, nhưng vì năm nay là năm hạn hán, bản thân họ cũng đã vất vả lắm rồi. Không, che giấu sự thật thực là vô ích, việc tập luyện của anh chẳng ra gì. Lẽ ra, anh phải có đồ ăn thức uống khá hơn và không phải lo lắng nghĩ ngợi. Hơn nữa, khi một người đã bốn mươi tuổi thì cũng khó được sung sức bằng lúc mới hai mươi.

Tôm Kinh hỏi:

- Mấy giờ rồi, em Lidi?

Vợ anh đi qua hành lang, sang nhà bên cạnh hỏi giờ, rồi quay lại:

- Tám giờ kém mười lăm, anh ạ.

- Trận đấu đầu tiên sẽ bắt đầu trong ít phút nữa. Chỉ là một trận “dọn võ đài”. Rồi đến trận đấu bốn hiệp giữa Đilơ Oen và Gritli, và trận mười hiệp giữa một tay mới nổi với một gã thủy thủ nào đó. Anh không thể đấu được hơn một giờ.

Đã mười phút lặng lẽ trôi qua, Tôm Kinh đứng dậy:

- Sự thật là, em Lidi ạ, anh không được luyện tập đầy đủ.

Anh với cái mũ, rồi đi ra phía cửa. Anh không định hôn vợ – anh không bao giờ làm thế vào những lúc ra khỏi nhà, – nhưng tối nay, Lidi lại liềm ôm hôn chồng. Chị quàng hai tay ôm lấy anh, ép anh cúi xuống sát mặt chị.

Đứng sát vào cái thân hình to lớn của người đàn ông này, trông chị lại càng nhỏ bé. Chị nói:

- Anh Tôm, chúc anh may mắn, anh phải thắng hẳn nhé.

- Ờ, anh phải thắng hẳn, – anh nhắc lại. – Tất cả những việc phải làm chỉ có thể thôi. Anh phải thắng hẳn.

Anh cố cười chân thật trong lúc Lidi nép chặt vào anh hơn nữa. Tôm Kinh đưa mắt qua vai vợ, nhìn xung quanh căn phòng trống rỗng. Đó là tất cả những thứ anh có trên cõi đời này, cùng với tiền nhà chưa trả, người vợ và hai đứa con. Anh phải rời căn buồng, đi vào trong đêm tối để kiếm miếng thịt cho vợ và hai con nhỏ, nhưng không giống như người công nhân thời hiện đại đến làm những công việc đều đều như máy, mà cách kiếm ăn của anh thật như trong thời cổ, rất nguyên thủy, rất ngoạn mục, như thú vật, đó là cách đánh nhau để kiếm được miếng thịt.

- Anh phải thắng hẳn, – Tôm Kinh nhắc lại một lần nữa, giọng nói có vẻ tuyệt vọng. – Nếu thắng, đó là ba mươi bảng... anh có thể trả được nợ và còn lại một ít tiền. Nếu thua, anh chẳng còn được gì cả, ngay cả năm xu để đi xe điện về nhà cũng không. Anh thư kí đã đưa cho anh tất cả phần của người thua cuộc rồi. Anh đi nhé, em yêu. Nếu thắng, anh sẽ về thẳng nhà.

- Em sẽ thức đợi anh, – Lidi nói với theo qua hành lang.

Quãng đường đến câu lạc bộ Gâyoti dài trọn hai dặm, vừa đi, Tôm Kinh vừa nhớ lại những ngày xưa tươi đẹp (một lần, anh đã đoạt chức vô địch hạng nặng miền Niu Xao Uên), khi đó anh đi xe ngựa đến dự đấu, và hầu hết các lần đó những tay hâm mộ thể thao đều trả tiền xe để được ngồi cùng với anh. Còn Tômi Bơn và gã người Mỹ Giéc Giônxon, hai tay đó đi ô tô cơ. Giờ thì anh đi bộ! Ai mà chẳng biết: lê bộ hai dặm đường ngay trước trận đấu chẳng phải là tốt lắm đâu. Anh là một đấu thủ lớp cũ, cuộc đời chẳng hề vỗ tay tán thưởng những người lớp cũ. Anh chẳng còn được tích

sự gì, ngoài việc đi đào đất, cái mũi bị vỡ và cái tai sưng vù gây cho anh khó khăn ngay cả trong việc xin đi đào đất thuê. Tôm Kinh ước mong giá anh đã học lấy một nghề. Như thế rút cục sẽ tốt đẹp hơn. Nhưng nào có ai là người bảo cho anh hay, từ thâm tâm, anh hiểu rằng giá họ có bảo thì anh cũng chẳng nghe. Chẳng là dễ dàng mà. Những món tiền lớn... những trận đấu vinh quang, sôi nổi... thời gian nghỉ ngơi, rồi rãi giữa hai trận đấu... một đoàn những tay tán dương say mê đi theo, những cái vỗ vào lưng ca ngợi, những cái bắt tay, các tay giàu có vui vẻ mua rượu mời uống để được hưởng năm phút trò chuyện với anh... và niềm vinh quang của môn quyền Anh, toàn bộ khán giả la hét vang trời, đợt tấn công cuối cùng như gió lốc, lời tuyên bố của trọng tài: “Kinh thắng!”. Và tên tuổi anh trong các trang thể thao trên báo ngày hôm sau.

Huy hoàng thay thời đó! Nhưng bây giờ, Tôm Kinh nhận ra, theo cái kiểu chậm rãi, nghiền ngẫm của anh, rằng anh đã từng loại biết bao đấu thủ lớp cũ. Anh là Tuổi trẻ, đang nổi lên, họ là Tuổi già, đang chìm xuống. Thật là dễ dàng, chẳng đáng ngạc nhiên: họ mang trên người những mạch máu sưng phồng và những khớp xương ngón tay giập nát, đau đớn từng đốt xương một do những trận đấu kéo dài mà họ đã trải qua. Anh nhớ lại: lúc anh đã hạ anh bạn già Xtôơ Bin tại vịnh Rắt Cắtơ, trong hiệp thứ mười tám, anh bạn già Bin sau đó đã khóc trong buồng thay quần áo như một đứa trẻ con. Có lẽ anh bạn già Bin cũng còn nợ tiền thuê nhà. Có lẽ anh ấy cũng có một người vợ và hai đứa con nhỏ ở nhà. Và có lẽ, anh Bin, đứng vào ngày lên võ đài, cũng đã đói, đã khao khát được ăn một miếng bít-tết. Bin, đã xuất trận và đã nhận lấy sự thất bại bất ngờ không thể tin được. Bây giờ, sau khi bản thân đã trải qua nhiều thử thách, Tôm Kinh đã có thể nhận ra là vào tối đó cách đây hai mươi năm, Xtôơ Bin đã chiến đấu vì một mục đích lớn lao hơn anh chàng trai trẻ Tôm Kinh chiến đấu vì vinh quang và cả vì đồng tiền dễ dãi. Vậy sau đó, Xtôơ Bin đã khóc trong buồng thay quần áo cũng chẳng phải là điều đáng ngạc nhiên.

Phải, một con người đã trải qua nhiều trận đấu trong đời sẽ tất nhiên như thế. Đó là định luật thép của đấu trường. Người này có thể trải qua được một trăm trận đấu gay go, người khác chỉ hai mươi trận. Mỗi người tùy theo sự cấu tạo và chất lượng của cơ thể, chỉ trải được một số trận đấu nhất định nào đó, khi anh ta đã xuất trận đủ số lượng thì tất yếu phải chấm dứt. Đúng thế, so với tất cả bọn họ, bản thân Tôm Kinh đã trải qua số lượng trận đấu nhiều hơn, anh đã đi qua cái phần chiến đấu gay go kinh người của mình – những trận căng đến vỡ tim, vỡ phổi làm các mạch máu phồng quá mức đàn hồi, làm các thớ thịt mềm mại của tuổi trẻ biến thành những múi rắn đanh, làm thần kinh và sức chịu đựng mòn mỏi đi, và làm cho não, cho xương mệt mỏi vì phải cố sức quá mức, chịu đựng quá mức. Phải, anh đã chiến đấu xuất sắc hơn tất cả bọn họ. Những đấu thủ cũ cùng thời với anh không còn ai nữa. Anh là người đấu sĩ già cuối cùng. Anh đã nhìn thấy sự kết thúc của tất cả bọn họ và anh cũng đã góp một tay để kết thúc cuộc đời võ sĩ của một vài đấu thủ.

Người ta đã đưa anh ra thử sức với những đấu thủ lớp cũ; anh đã lần lượt hạ hết người này đến người khác, và anh đã cười, khi họ, như Xtôơ Bin chẳng hạn, đã phải khóc trong buồng thay quần áo. Và bây giờ, anh là một đấu thủ lớp cũ, họ lại đưa những tay trẻ ra thử sức với anh. Đó là anh chàng Xendơn. Anh ta từ Niu Dilân tới, mang theo một kỉ lục đã lập được. Nhưng chẳng có ai ở châu Úc biết một điều gì về tên tuổi anh ta cả, thế là người ta sắp xếp Xendơn đấu với anh bạn già Tôm Kinh. Nếu Xendơn chơi được, anh ta sẽ được gặp các tay cứng hơn với những giải thưởng lớn hơn, vậy Xendơn sẽ đấu một trận quyết liệt. Nếu thắng trận này, anh chàng sẽ có mọi thứ: tiền tài, danh vọng và sự nghiệp; còn Tôm Kinh là một tảng đá cũ, mốc xám, đang rạn nứt, đứng lù lù trên con đường dẫn đến tiền tài và danh vọng. Nếu Tôm Kinh thắng, anh chẳng được gì, ngoài ba mươi bảng để trả chủ nhà và các người bán hàng. Vậy thì, khi Tôm Kinh ngẫm nghĩ, những hình ảnh lạnh lùng lại hiện lên, những biểu hiện của tuổi trẻ, tuổi trẻ vinh quang, sôi nổi, tươi vui, không gì thắng nổi, sự mềm mại của bắp thịt, vẻ mịn màng của da dẻ, cùng với trái tim, bộ phổi không hề biết mệt mỏi, đau

đón, trái tim bộ phổi cười khinh thường ý nghĩ giới hạn của sự nỗ lực. Phải rồi, tuổi trẻ là nữ thần Nê-mê-dit (1). Tuổi trẻ tàn phá những người thuộc lớp cũ, và cũng chẳng hề lo ngại gì, nó cứ tiếp tục tàn phá, rồi lại tự tàn phá chính mình. Nó làm những mạch máu trẻ trung giãn thêm ra, nó làm giập nát những khớp xương ngón tay, và rồi đến lượt, nó lại bị tuổi trẻ lớp kế tiếp tàn phá. Bởi vì, tuổi trẻ vĩnh viễn là sức trẻ. Chỉ có tuổi già mới chính là già nua.

Đến phố Caxơ-rây, Tô-m Kinh rẽ trái, đi qua ba dãy nhà nữa, anh tới câu lạc bộ Gây-ô-ti. Một đám đông những tay trẻ hâm mộ thể thao đang xúm ở ngoài cửa, kính trọng đứng dẹp thành một lối cho anh đi; anh nghe thấy một gã bảo với bạn:

- Anh ấy đấy! Tô-m Kinh đấy!

Ở trong câu lạc bộ, trên đường đi đến phòng thay quần áo, Tô-m Kinh gặp người thư kí – một tay thanh niên có bộ mặt láu lỉnh, cặp mắt sắc sảo. Anh ta bắt tay Tô-m Kinh và hỏi:

- Ông thấy trong người thế nào, ông Tô-m?

- Sung sức lắm, – Tô-m Kinh trả lời, mặc dù biết rằng mình đã nói dối, rằng nếu có một bảng, anh nhất định đã mua một miếng bít-tết ngon.

Anh từ buồng thay quần áo bước ra. Những tay săn sóc của anh theo sau. Anh bước dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế, đi tới các võ đài hình vuông đứng ở giữa phòng. Khán giả đang ngồi đợi thi nhau vỗ tay hoan nghênh, chào mừng anh. Anh nghiêng bên trái, nghiêng bên phải chào đáp lại, tuy vậy anh cũng chỉ quen mặt một số ít. Hầu hết khán giả là những tay trẻ, chưa ra đời lúc anh giành được trên cái võ đài hình vuông vòng hoa nguyệt quế đầu tiên. Anh nhẹ nhàng nhảy lên võ đài cao và luồn qua dây thừng, vào góc của mình. ngồi xuống chiếc ghế gấp. Giéc Bon, trọng tài trận đấu, bước đến gần bắt tay anh. Bon là một võ sĩ đã mất sức mà đã hơn

mười năm không bước lên võ đài với tư cách một đấu thủ nữa. Tôm Kinh rất vui mừng thấy Bon là trọng tài. Hai người đều là những đấu thủ lớp cũ. Nếu anh có chơi dữ với Xendơn, hơi phạm luật đôi chút, anh tin là Bon sẽ bỏ qua.

Những võ sĩ hạng nặng trẻ tuổi, đầy cao vọng, lần lượt hết tay này đến tay khác, nhảy vào trong võ đài và được trọng tài giới thiệu với khán giả. Trọng tài tuyên bố những lời thách thức của họ.

- Anh thanh niên Prontô, – Bon tuyên bố, – ở Bắc Xítni, thách đấu với người thắng trận này năm mươi bảng.

Khán giả vỗ tay, và lại vỗ tay một lần nữa lúc Xendơn nhảy qua dây thừng, ngồi vào góc võ đài của mình. Tôm Kinh đưa mắt ngang qua võ đài, tò mò nhìn anh ta; bởi vì, chỉ trong ít phút nữa, họ sẽ cùng nhau bị cột vào một cuộc chiến đấu tàn nhẫn, mỗi người đều cố dốc hết sức lực của bản thân để đấm cho đối thủ gục xuống bất tỉnh. Nhưng anh chẳng nhìn thấy được bao nhiêu, bởi vì, cũng như anh, Xendơn mặc quần dài và áo nịt ra ngoài bộ quần áo dự đấu. Xendơn có khuôn mặt đẹp, khoẻ khoắn, đóng khung trong mái tóc vàng, xoăn, xù lên; cái cổ to. đầy bắp thịt gợi ra vẻ tuyệt đẹp về hình thể.

Anh chàng trai trẻ Prontô bước đến một góc võ đài. rồi đi sang góc kia, lần lượt bắt tay hai đấu thủ, rồi nhảy xuống khỏi võ đài. Những cuộc thách thức vẫn tiếp tục. Bao giờ tuổi trẻ cũng nhảy qua dây thừng – tuổi trẻ vô danh, nhưng chẳng bao giờ thoả mãn – kêu to với nhân loại rằng với sức mạnh và tài năng mang trong mình, tuổi trẻ thách đấu với người thắng trận. Một vài năm trước, trong những ngày lầy lừng, bách chiến bách thắng của bản thân anh, Tôm Kinh thường được giải trí và bị làm phiền bởi những khúc dạo đầu như thế này. Nhưng lúc này anh lại như bị mê đi, không sao rũ bỏ được những hình ảnh của tuổi trẻ đang diễn ra trước mặt. Trong môn quyền Anh. những chàng thanh niên như thế luôn luôn nổi lên. nhảy qua dây thừng, hét to thách thức và các đấu thủ lớp cũ luôn luôn gục xuống

trước lớp trẻ. Lớp trẻ trèo qua thân thể của lớp già để bước tới đài thành công. Họ xuất hiện không ngừng, ngày càng nhiều – tuổi trẻ không bao giờ tàn lụi, không gì ngăn lại được, – và lớp trẻ bao giờ cũng gạt những lớp già ra, rồi chính cái lớp trẻ đó lại trở thành lớp già và gục xuống cùng theo một con đường dốc ấy, trong khi đó ở đằng sau họ, luôn luôn thúc ép họ là tuổi trẻ bất diệt – bọn trẻ sơ sinh, lớn lên mạnh mẽ và kéo lớp hơn tuổi xuống, đồng thời đằng sau chính cái lớp trẻ này lại là lớp trẻ sơ sinh khác, cứ thế chẳng bao giờ dứt, – tuổi trẻ phải thực hiện bằng được ý chí của mình, tuổi trẻ là bất diệt.

Tôm Kinh hết nhìn khu vực các nhà báo, anh gật đầu chào Mogơn, phóng viên tờ Nhà thể thao, và Cobít, phóng viên tờ Trọng tài. Rồi anh giơ tay ra. Xít Xalivơ và Chali Bâytơ, hai người săn sóc của anh, lồng đôi găng vào tay anh và buộc chặt lại, trong khi đó, một trong những tay săn sóc của Xendơn quan sát chăm chú, đó là người đầu tiên xem xét những dải băng vải cuốn các khớp xương ngón tay của Tôm Kinh. Một tay săn sóc của Tôm Kinh đứng ở góc võ đài của Xendơn cũng tiến hành thủ tục như thế. Người ta kéo quần dài của Xendơn ra, anh ta đứng dậy, chiếc áo nịt được kéo qua đầu. Tôm Kinh đưa mắt nhìn, thấy đúng là hiện thân của tuổi trẻ, bộ ngực nở, những đường gân săn, những bắp thịt cuộn cuộn, đầy sinh lực nằm dưới lớp da trắng mịn như xa-tanh. Toàn bộ cơ thể tràn trề sức sống. Tôm Kinh biết rằng đó là một sức sống chưa hề bị ép một chút sinh lực nào ra khỏi những lỗ chân lông đau đớn trong những trận đấu kéo dài, trong những trận đấu mà tuổi trẻ phải trả bằng sức trẻ của mình, và lúc ra khỏi trận đấu thì không còn hoàn toàn trẻ trung như lúc bắt đầu bước vào nữa.

Hai đấu thủ tiến lên gặp nhau, khi tiếng cồng vang lên và các tay săn sóc kéo mạnh hai cái ghế gấp ra khỏi võ đài, hai người liền chạm găng và tức khắc chuyển ngay sang tư thế chiến đấu. Cũng tức khắc, như một bộ máy bằng thép và lò xo lắp sẵn vào bộ phóng bằng lò-xo đã nén lại, Xendơn xông vào, lao ra, rồi lại xông vào giáng một cú tay trái vào mắt, bổ

một cú tay phải vào sườn, né một cú phản công, nhẹ nhàng nhảy tránh, rồi lại nhảy bổ vào đe dọa. Anh ta rất linh hoạt và khéo léo. Một cuộc biểu diễn loá mắt. Khán giả hét âm lên tán thưởng. Nhưng Tôm Kinh không bối rối. Anh đã đấu rất nhiều trận, với rất nhiều các tay trẻ. Anh hiểu rõ những cú đấm, hiểu rõ tác dụng của những cú đấm đó: nhanh quá, đẹp mắt quá, nên không nguy hiểm. Rõ ràng Xendơn đã mở đợt tấn công tới tấp ngay từ đầu. Đúng như mọi người mong đợi. Đó là kiểu cách của tuổi trẻ, phô trương sự rực rỡ, tuyệt mỹ của mình trong sự vùng dậy điên cuồng, trong cuộc công kích sục sôi, dùng niềm vinh quang vô hạn của sức mạnh và ham muốn của mình để áp đảo đối phương.

Xendơn xông vào, lùì ra, lao vào chỗ này, nhảy sang chỗ khác, khắp võ đài, đôi chân nhẹ nhàng, linh hoạt, trái tim đầy nhiệt huyết, sục sôi, thật là một sức sống tuyệt diệu bao gồm những thớ thịt trắng hồng, những bắp thịt nhức nhối đòi hoạt động, đã hợp thành một bộ máy tấn công kì diệu; anh ta lướt, nhảy như một con thoi đang bay, từ động tác này đến động tác khác cho tới một nghìn động tác, tất cả mọi thứ đó đều tập trung để tàn phá Tôm Kinh, người đứng chặn giữa anh ta và tiền tài, danh vọng. Tôm Kinh kiên nhẫn chịu đựng. Anh biết rõ công việc của anh, anh hiểu rõ tuổi trẻ, cái tuổi trẻ mà bây giờ không còn là của anh nữa. Không thể làm thế nào được, phải chờ cho đến khi anh chàng này mất bớt đôi chút sức lực, Tôm Kinh nghĩ như vậy, anh cười gằn với mình khi anh cố tình né người để cho một cú đấm nặng đồng cân giáng vào đỉnh đầu. Đó là một ngón chơi ác, nhưng hoàn toàn hợp luật quyền Anh. Nếu một võ sĩ muốn bảo vệ những khớp xương ngón tay của mình mà lại cứ nhất định đấm vào đỉnh đầu đối thủ thì thật là tự mua lấy nguy hiểm. Tôm Kinh có thể cúi xuống thấp hơn để cú đấm bay vụt qua đầu, nhưng anh nhớ lại những trận đấu đầu tiên của mình, và nhớ lại lần đầu tiên những khớp xương ngón tay của anh đập vào đầu Oensơ khủng khiếp đã bị giập nát như thế nào. Anh vẫn chơi đúng luật. Cú né vừa rồi của anh để tàn phá một trong những khớp xương ngón tay của Xendơn. Lúc này, Xendơn chưa chú ý đến điều đó. Anh ta vẫn tiếp tục, bất chấp đến tuyệt đỉnh, giáng rất mạnh suốt cả cuộc đấu. Nhưng sau đó, khi

các trận đấu kéo dài trên võ đài đã bắt đầu ngấm, anh ta không khỏi thương tiếc cái khớp xương ngón tay đó, nhìn lại dĩ vãng, nhớ ra vì đập vào đầu Tôm Kinh nó đã bị giập nát như thế nào.

Xendon hoàn toàn làm chủ hiệp thứ nhất. Tốc độ tấn công tới tấp như gió lốc của anh ta làm khán giả hét âm lên. Anh ta áp đảo Tôm Kinh bằng vô vàn những cú đấm. Tôm Kinh không tấn công. Chẳng lần nào anh đánh trả lại cả, anh vui lòng phòng thủ, ngăn chặn, né tránh và ôm ngoặc để tránh những cú đấm mạnh. Đôi khi, anh làm động tác giả, lắc đầu khi một quả đấm mạnh lao tới, và điềm tĩnh di động, anh không bao giờ nhảy hoặc chồm lên, không bao giờ để phí một chút sức lực nào. Sức trẻ trong con người Xendon sục sôi lên, tan ra thành bọt trước khi tuổi già thận trọng dám đánh trả lại. Toàn bộ động tác của Tôm Kinh đều chậm rãi, đúng mức, cặp mắt lừ đừ dưới làn mi mắt dày, trông anh như nửa thức nửa ngủ, như ngây dại. Nhưng cặp mắt đó nhìn thấy tất cả, cặp mắt đó đã được tôi luyện suốt hai mươi năm trường có lẽ lăn lộn trên võ đài để có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ. Cặp mắt đó không bị nhấp nháy hoặc hoa lên trước một cú đấm nguy hiểm, mà vẫn cứ lạnh lùng quan sát, lạnh lùng ước lượng khoảng cách.

Ngồi ở góc võ đài của mình trong phút nghỉ ngơi sau hiệp đấu, Tôm Kinh ngả hẳn người ra, chân duỗi thẳng, hai tay đặt trên chỗ dây thừng chéo nhau ở phía phải, ngực và bụng phập phồng thực sự, mạnh mẽ lúc anh đớp luồng không khí do các tay săn sóc của anh dùng khăn mặt phẩy phẩy tạt vào người anh. Mắt nhắm lại, anh lắng nghe tiếng hét của nhiều khán giả:

- Sao lại không tấn công, hả Tôm?
- Anh không sợ hãi, phải không?
- Bắp thịt cứng rồi, – Tôm Kinh nghe thấy tiếng phê phán của một người ngồi ở hàng ghế phía trước. – Động tác của anh ta không thể nhanh

hơn được nữa. Đánh cuộc Xendơn thắng, hai ăn một thôi, tiền mặt ngay.

Tiếng cồng vang lên, từ hai góc võ đài, hai võ sĩ tiến lên. Xendơn tiến trọn ba phần tư khoảng cách giữa hai người, hăng hái bắt đầu hiệp đấu mới. Tôm Kinh vui lòng tiến một đoạn ngắn hơn. Điều đó nằm trong chiến thuật tiết kiệm sức lực của anh. Anh không được tập luyện đầy đủ, đồ ăn thức uống thiếu thốn, mỗi bước di động đều phải tính toán. Hơn nữa, anh đã phải đi bộ hai dặm để đến dự đấu. Lại cũng lặt vặt như hiệp thứ nhất: Xendơn tấn công như một cơn lốc, khán giả giận dữ vì Tôm Kinh không tấn công trả lại. Ngoài những động tác giả và dăm bảy cú đánh trả chậm chạp, vô tác dụng, anh không làm gì khác, mà chỉ ngăn chặn, che cho kín và ôm ngoặc đối thủ. Xendơn muốn đánh nhanh, trong khi Tôm Kinh, rất thông minh, không hưởng ứng. Bộ mặt của anh, in hình bao dấu vết các trận đấu, hằn lên một nụ cười thương cảm, khôn ngoan, anh vẫn tiếp tục nâng niu sức lực của mình với vẻ ích kỉ mà chỉ người đứng tuổi mới có được. Xendơn là tuổi trẻ, anh ta phung phí sức lực với vẻ phóng túng vô vàn của tuổi trẻ. Tôm Kinh có cái khôn ngoan, có tài điều khiển trên võ đài, đó là kết quả của biết bao trận đấu ác liệt, kéo dài. Anh quan sát bằng cặp mắt lạnh lùng, đầu óc bình tĩnh, mọi động tác đều chậm rãi, anh đợi cho niềm sục sôi của Xendơn tan ra thành bọt. Đối với đa số khán giả, hình như Tôm Kinh chẳng có chút hi vọng nào thắng cả, họ lên tiếng biểu lộ ý kiến của mình: đánh cuộc cho Xendơn thắng với ba chỉ cần ăn một thôi. Nhưng cũng có những người khôn ngoan, chỉ một số ít thôi, đã biết Tôm Kinh từ lâu, bèn ném tiền về phía họ cho là dễ “trúng”.

Hiệp ba bắt đầu như thường lệ, vẫn cứ một chiều. Xendơn hoàn toàn áp đảo, tung ra toàn những cú đấm mạnh mẽ. Nửa phút trôi qua, Xendơn, quá tự tin, để lộ một thế sơ hở. Cặp mắt và cánh tay phải của Tôm Kinh loé lên cùng một lúc. Đó là một cú đấm thực sự đầu tiên của anh, một cú đấm móc, với cánh tay gập cong đã xoay chéo đi nên cứng như thép, cùng với cả trọng lượng người anh ở tư thế nghiêng dồn vào. Thật là giống như một con sư tử có vẻ đang lim dim ngủ bỗng thành linh nhanh như chớp vung ra một

cái vuốt. Xendơn, bị trúng vào một bên hàm, gục xuống nằm xoài như một con bò mộng. Khán giả giật nảy mình, lăm nhăm khiếp đảm tán thưởng. Xét cho đến cùng, con người này không phải là một đồng những bắp thịt đã bị xơ cứng, anh vẫn có thể giáng được một cú đấm như búa bổ.

Người Xendơn run bắn lên. Anh ta lảo lộn, định vùng dậy, nhưng tiếng hét giật giọng của các tay săn sóc cho anh ta bảo chờ trọng tài đếm đã tìm Xendơn lại. Xendơn quỳ một chân, sẵn sàng vùng dậy. Xendơn chờ đợi, trong lúc trọng tài đứng sát bên, đếm to vào tai anh ta. Đếm đến chín, Xendơn vùng dậy ở vào ngay tư thế chiến đấu. Tôm Kinh, đối diện với Xendơn, nhìn ra mới tiếc là cú đấm còn cách giữa cầm một inơ (2). Lẽ ra đó đã là một cú nốc-ao, và anh đã có thể mang ba mươi bảng về nhà cho vợ con.

Hiệp đấu tiếp tục đến cuối phút thứ ba. Lần đầu tiên, Xendơn thấy kính trọng đối thủ. Động tác của Tôm Kinh vẫn chậm rãi, mắt anh vẫn lim dim nửa thức nửa ngủ như cũ. Lúc hiệp đấu gần kết thúc, Tôm Kinh nhận thấy được vì thấy các tay săn sóc đang thu mình lấy đà chuẩn bị nhảy qua dây thừng. Anh bèn lái trận đấu chuyển về góc võ đài của mình. Và khi tiếng cồng vang lên, anh bèn ngồi ngay xuống chiếc ghế đã để sẵn. Đó chỉ là một điều nhỏ mọn, nhưng tổng số những điều nhỏ mọn trở thành một con số đáng kể. Để trở về góc võ đài của mình, Xendơn bắt buộc phải đi đoạn đường dài hơn, tốn sức hơn và mất đi một phần thời gian trong phút nghỉ ngơi quý báu. Bắt đầu hiệp nào cũng vậy, Tôm Kinh đều lừ lừ rời góc võ đài của mình, như thế bắt buộc đối thủ phải tiến quãng đường dài hơn. Vào cuối mỗi hiệp, anh đều lái trận đấu về góc võ đài của mình để có thể ngồi xuống nghỉ ngay tức khắc.

Hai hiệp nữa trôi qua. Tôm Kinh vẫn dè xén sức lực, còn Xendơn vẫn cứ phung phí. Ý định của Xendơn là đánh nhanh làm cho Tôm Kinh bất lợi, bởi vì số lượng vô vàn cú đấm giáng tới tấp lên người Tôm Kinh sẽ làm cho anh bị thua. Nhưng Tôm Kinh vẫn kiên trì với kiểu đánh chậm rãi của

mình, bất chấp cả những tiếng la hét của những tay thanh niên nóng nảy đòi anh phải xông vào, phải tấn công. Lại một lần nữa, trong hiệp thứ sáu, lúc Xendơn sơ hở, cú đấm khiếp đảm tay phải của Tôm Kinh lại vút đúng hàm, và Xendơn lại phải nằm chờ trọng tài đếm đến chín.

Đến hiệp thứ bảy, trạng thái sung sức của Xendơn đã mất, anh ta biết là sắp phải đấu một trận gay go nhất trong đời. Tôm Kinh là một võ sĩ thuộc lớp cũ, nhưng là một võ sĩ lớp cũ trội hơn những võ sĩ mà Xendơn đã từng gặp. Đó là một võ sĩ lớp cũ không bao giờ mất bình tĩnh, có khả năng phòng ngự rất xuất sắc. Cú đấm nặng trịch như búa bổ, có cú đấm đo ván ở cả hai tay. Tuy vậy, Tôm Kinh không đấm bừa bãi. Anh chẳng bao giờ quên những khớp xương ngón tay bị giập nát, anh biết rằng mỗi cú đấm đều phải tính toán, nếu còn muốn sử dụng lâu dài những khớp xương ngón tay để xung trận. Ngồi ở góc võ đài của mình, Tôm Kinh liếc ngang võ đài nhìn đối thủ, một ý nghĩ chợt nảy ra trong óc anh: sự khôn ngoan của anh cộng với sức trẻ của Xendơn hẳn sẽ tạo ra được một võ sĩ hạng nặng, vô địch thế giới. Nhưng đó mới là điều rắc rối. Xendơn không bao giờ trở thành một quán quân vô địch thế giới được. Anh ta thiếu khôn ngoan. Chỉ có một cách duy nhất để có được sự khôn ngoan là phải mua bằng sức trẻ; và khi sự khôn ngoan đã thuộc về anh ta thì sức trẻ đã tiêu vào trong việc mua sự khôn ngoan mất rồi.

Tôm Kinh tận dụng mọi ưu thế mà anh biết được. Anh không bao giờ bỏ qua một cơ hội ôm ngoặc nào; có hiệu lực nhất trong những miếng ôm ngoặc là vai anh tì mạnh vào xương sườn đối thủ. Trong môn triết học đấu trường, kể về mặt tác hại thì một lần tì vai cũng có tác dụng như một cú đấm mạnh, còn kể về mặt tiêu sinh lực thì có tác dụng hơn. Cũng trong những miếng ôm ngoặc đó, Tôm Kinh dựa cả trọng lượng của anh lên đối thủ và chỉ bất đắc dĩ mới rời ra. Như thế, trọng tài bắt buộc phải can thiệp vào, tách hai đấu thủ ra. Xendơn luôn luôn hỗ trợ vào việc tách ra đó, anh ta chưa biết cách nghỉ lấy sức. Xendơn không tìm mình lại được mà không dùng những cánh tay quang vinh, vun vút của mình, khi đối thủ lao vào ôm

ngoặc, ép vai lên xương sườn, rúc đầu dưới tay trái, thì Xendơn thường xuyên ngoặc tay phải ra sau lưng, đâm vào mặt của Tôm Kinh đang nhô ra. Đó là một lối đánh khéo léo, đẹp mắt, nhưng không nguy hiểm, và do đó chỉ làm phí rất nhiều sức. Nhưng Xendơn không biết mệt, không biết đến chữ “giới hạn” là gì. Tôm Kinh cười gằn, kiên trì chịu đựng.

Xendơn triển khai cú đâm mãnh liệt bằng tay phải vào mình đối thủ, làm cho Tôm Kinh phải chịu vô số những cú đâm mạnh, và chỉ những người già đời trong nghề quyền Anh mới đánh giá được cú chạm khéo léo do Tôm Kinh dùng găng trái đánh vào bắp cơ cánh tay của Xendơn trước khi cú đâm của anh ta tới đích. Thật vậy, mỗi lần cú đâm tung ra thì mỗi lần cú đâm lại mất đi sức mạnh do cú chạm khéo vào bắp cơ cánh tay. Trong hiệp chín. ba lần trong một phút, cú đâm móc tay phải mà cánh tay đã xoay chéo đi của Tôm Kinh bật đúng vào hàm, và ba lần tấm thân của Xendơn, nặng như thế đấy, gục ngay xuống sàn. Mỗi lần Xendơn đều đợi trong tài đếm đến chín thì vùng dậy, run run, lão đảo, nhưng vẫn mạnh mẽ. Tốc độ của Xendơn đã giảm đi, sức lực bớt phung phí hơn. Xendơn cắn răng lại mà đâm, nhưng vẫn dựa vào ưu thế chủ yếu của mình, đó là tuổi trẻ. Ưu thế chủ yếu của Tôm Kinh là kinh nghiệm. Vì sinh lực của anh đã bị giảm, khí lực đã cạn, anh phải thay thế bằng sự thông minh, và khôn ngoan nảy sinh từ những trận đấu kéo dài, và bằng việc gìn giữ sức lực thật cẩn thận. Không những không có một động tác thừa nào, mà Tôm Kinh còn dụ cho đối phương phung phí sức lực. Hết lần này đến lần khác, Tôm Kinh dùng chân, tay, thân thể làm động tác giả: anh tiếp tục dụ Xendơn phải nhảy lùi lại, né tránh hoặc phản công đâm trả. Anh nghỉ ngơi, nhưng không bao giờ để cho Xendơn nghỉ. Đó là chiến thuật của tuổi già.

Ngay từ đầu hiệp mười, Tôm Kinh bắt đầu chặn cuộc tấn công tới tấp của đối thủ bằng những cú chọc thẳng tay trái nhằm vào mặt. Xendơn thận trọng đối phó bằng cách rút tay trái lại, rồi né tay trái và dùng tay phải đâm một cú móc tạt ngang vào bên cạnh đầu Tôm Kinh. Đó là một cú đâm nhằm quá cao, không có tác dụng quyết định, nhưng vừa bị cú đâm này,

Tôm Kinh đã hiểu rõ sự xuống dốc quen thuộc của tuổi già, một màn sương đen sẫm mù mịt kéo qua óc anh. Chỉ trong một thoáng, hoặc đúng hơn là trong một thoáng rất ngắn, anh sững người lại. Trong khoảnh khắc đó, anh thấy đối thủ biến khỏi tầm mắt, cả cái nền phía sau bao gồm những khuôn mặt trắng trắng, đang chăm chú cũng biến mất, rồi trong khoảnh khắc tới, anh lại nhìn thấy đối thủ và cái nền phía sau gồm những khuôn mặt đó. Tựa như anh đã ngủ trong một thoáng và chỉ vừa mới bừng mắt thức tỉnh, tuy nhiên cái khoảnh khắc bất tỉnh này quá ư ngắn ngủi đến nỗi không có đủ thời giờ để anh gục xuống nữa. Khán giả nhìn thấy anh lão đảo, đầu gối giãn ra, và rồi thấy anh hồi phục và ấn cằm thấp xuống thêm, nấp vào phía trong vai trái.

Mấy lần, Xendơn nhắc lại cú đấm đó nhưng chỉ làm Tôm Kinh sững sốt đôi chút, rồi Tôm Kinh thực hiện chiến thuật phòng thủ, đồng thời cũng là một cuộc phản công. Tay trái làm động tác giả, anh lùi lại nửa bước, đồng thời đấm một cú móc quai hàm bằng toàn bộ sức mạnh của tay phải. Cú đấm chính xác đúng vào lúc đầu của Xendơn vừa gật mạnh xuống để né tránh, thế là Xendơn bị nhắc bổng lên không trung, lộn ngửa, đập đầu và vai đánh sầm xuống sàn. Hai lần, Tôm Kinh thực hiện thành công cú đấm này, rồi anh lùi lại giáng cho đối thủ ép vào dây thừng. Không để cho Xendơn có dịp nào nghỉ ngơi, hoặc hoàn hồn lại, anh giáng hết cú đấm này đến cú đấm khác cho đến khi toàn bộ khán giả đứng hẳn lên, hoan hô cổ vũ như biển động sục sôi không ngừng. Nhưng sức mạnh và sức chịu đựng của Xendơn thật là quá chừng, anh ta vẫn tiếp tục đứng vững. Rồi đến một cú nốc-ao tựa như đã chắc ăn, viên đội trưởng cảnh sát, thất kinh vì cú đấm kinh người này, từ bên cạnh võ đài đứng dậy để bắt ngừng trận đấu lại. Tiếng cồng báo hết hiệp vang lên, và Xendơn vừa lão đảo bước về góc võ đài của mình vừa phản đối viên đội trưởng cảnh sát rằng anh ta vẫn khỏe mạnh bình thường. Để chứng minh, Xendơn nhảy bật lùi về phía sau hai lần, viên đội trưởng cảnh sát đành nhượng bộ.

Tôm Kinh tựa lưng ở góc võ đài của mình, anh thở nặng nhọc, thất vọng. Nếu trận đấu đã được ngừng lại thì trọng tài, cực chẳng đã, đã quyết định cho anh thắng, và số tiền thưởng thuộc về anh rồi. Không giống như Xendơn, anh không tranh đấu vì vinh quang, vì sự nghiệp, mà chỉ vì ba mươi bảng. Và lúc này, Xendơn đang hồi phục lại được trong phút nghỉ.

Tuổi trẻ thật là đặc lực! – Câu nói này chợt loé lên trong óc Tôm Kinh, anh nhớ lại lần đầu tiên đã nghe câu nói đó, đó là vào buổi tối anh hạ được Xtôơ Bin. Sau trận đấu, một tay giàu có mua rượu mời anh, vừa vỗ vai anh vừa thốt ra những lời đó. Tuổi trẻ thật là đặc lực! Tay đó nói đúng thật. Tối hôm ấy đã qua lâu rồi, khi đó anh vẫn còn trẻ. Tối nay, tuổi trẻ đang ngồi ở góc đối diện. Còn Tôm Kinh thì đã chiến đấu nửa giờ đồng hồ rồi, anh là một anh già. Nếu anh đã đấu như Xendơn, anh sẽ chẳng thể kéo được trận đấu trong mười lăm phút. Nhưng điểm mấu chốt là anh sẽ không thể hồi phục được. Những mạch máu đã giãn ra và trái tim đã trải qua nhiều thử thách đau đớn không có thể làm anh hồi lại sức trong những phút nghỉ giữa các hiệp đấu. Anh cũng sẽ không còn đủ sức mạnh để lao vào hiệp đấu mới. Đôi chân nặng nề và bắt đầu bị co rút. Lẽ ra anh đừng đi bộ hai dặm đường đó thì hơn. Và rất cần có miếng bít-tết mà anh đã khao khát từ sáng. Trong lòng anh trào lên một niềm căm ghét dữ dội và mạnh mẽ đối với những tay hàng thịt không chịu bán chịu cho anh. Một người đứng tuổi bước vào trận đấu mà không được ăn đầy đủ thì gay go thật. Một miếng bít-tết là một vật rất nhỏ bé, chỉ vài hào là cùng, nhưng đối với anh nó lại là ba mươi bảng.

Tiếng cồng báo hiệp thứ mười một vừa vang lên, Xendơn bèn xông vào ngay, biểu lộ một sinh lực mới mẻ mà anh ta thực sự không có. Tôm Kinh biết rõ ý định của Xendơn, chỉ là một ngón bịp cũ kĩ, ra đời cùng với cái môn đấm nhau này. Anh ôm ngoặc lấy đối thủ để được an toàn, rồi anh rời ra để cho Xendơn hăm hở xông vào. Đúng như Tôm Kinh mong muốn. Tay trái làm động tác giả anh thu người né tránh, đưa vòng một cú đấm móc ngược lên, rồi lùi lại nửa bước, anh đấm một cú móc quai hàm chính diện, hất Xendơn xuống sàn. Sau đó, không lúc nào anh để cho Xendơn nghỉ

ngôi, đồng thời cũng chịu những cú đấm mạnh đánh trả, anh lại giáng thêm nữa, đánh Xendơn ép vào dây thừng, đấm móc, đấm quạt thẳng đủ mọi kiểu nhằm vào Xendơn, gỡ ra khỏi những miếng ôm ngoặc hoặc đấm đối thủ bật ra khỏi những miếng ôm ngoặc cố tình, và lúc Xendơn sắp ngã xuống, Tôm Kinh bao giờ cũng dùng một tay giơ lên tì vào đối thủ, còn tay kia ngay tức khắc đấm Xendơn bật vào dây thừng để đối thủ không ngã xuống sàn.

Thấy thế, khán giả phát cuồng lên ủng hộ Tôm Kinh, hầu như tất cả mọi cổ họng đều hét lên:

- Cố lên, Tôm!

- Hạ hẳn đi! Hạ hẳn đi!

- Anh hạ được hẳn đấy, Tôm! Anh hạ được hẳn đấy!

Lúc này phải là lúc dứt điểm của trận lốc, chính là lúc mà khán giả quyền Anh bỏ tiền ra để được xem.

Tôm Kinh đã để dành sức trong nửa giờ, bây giờ mới hào phóng tung ra với sự cố gắng lớn lao duy nhất theo tất cả khả năng của anh. Đó là cơ hội duy nhất của anh, lúc này hoặc không còn lúc nào nữa. Và khi tiếp tục giáng hết cú đấm này đến cú đấm khác, đồng thời vừa khách quan đánh giá sức nặng những cú đấm của mình và hiệu quả của chúng, Tôm Kinh nhận thấy đấm đo ván một con người như Xendơn thực khó biết bao. Sức chịu đựng, sức bền bỉ của Xendơn thực là quá mức. Đó là sức chịu đựng và sức bền bỉ trọn vẹn của tuổi trẻ. Xendơn nhất định là một võ sĩ đầy triển vọng của tương lai. Anh ta mang trong người thời tương lai. Chỉ có những con người có thể chất cường tráng như vậy mới thích hợp để trở thành một võ sĩ thành công.

Xendơn loạng choạng, lão đảo, nhưng hai chân Tôm Kinh đang bị co rút và những khớp ngón tay của anh đang phản lại anh. Tuy vậy, anh vẫn vững

như thép để giáng những cú đấm mãnh liệt, mỗi cú đấm như thế đều làm bàn tay méo mó của anh đau đớn. Mặc dù, lúc này thực tế anh không phải chịu những cú đấm mạnh đánh trả lại nữa, nhưng anh cũng đang yếu đi nhanh như đối phương. Những cú đấm của anh trúng đích, nhưng không còn mang theo sức nặng, mỗi cú đấm đều là một sự cố gắng mãnh liệt của ý chí. Hai chân anh nặng như chì, rõ ràng đang lê trên sàn; trong khi đó những tay ủng hộ Xendơn, phần khởi nhận thấy hiện tượng đó, bắt đầu hét to cổ võ võ sĩ của họ.

Trong con người Tôm Kinh trỗi dậy một cố gắng nữa. Anh giáng hai cú đấm liên tiếp: một cú tay trái hơi cao một chút, vào chỗ tập trung các đầu dây thần kinh và một cú tay phải tạt ngang quai hàm. Đó không phải là những cú đấm nặng đồng cân, nhưng vì Xendơn đã yếu và choáng váng, nên anh ta gục xuống, nằm run rẩy. Trọng tài đứng sát bên Xendơn, đếm to từng giây quyết định vào tai anh ta. Trước khi đếm đến mười, nếu không đứng dậy được, Xendơn sẽ thua trận. Khán giả đứng sững người đi! Tôm Kinh đứng nghỉ trên đôi chân run run. Anh thấy choáng váng ghê gớm, trước mắt anh một biển những khuôn mặt người đang lắc lư, lay động, trong khi từ một nơi xa xôi nào đó, văng vào tai anh tiếng đếm của trọng tài. Tuy vậy, anh coi phần thắng như đã thuộc về anh. Bị đấm những cú như thế, không võ sĩ nào còn có thể trỗi dậy được nữa.

Chỉ có tuổi trẻ mới có thể trỗi dậy được và Xendơn đã trỗi dậy. Đếm đến bốn, anh ta vẫn nằm sấp, lăn lộn. quờ quạng vào dây thừng. Đếm đến bảy, Xendơn thu mình lựa trên một đầu gối, nghỉ lấy sức, đầu lắc lư đảo đảo. Khi trọng tài đếm: “Chín!” Xendơn vùng dậy ở vào ngay tư thế chiến đấu, tay trái che mặt, tay phải che bụng. Đó là tư thế phòng thủ cơ bản, đồng thời anh ta đảo đảo lao vào Tôm Kinh hy vọng tạo được một miếng ôm ngoặc, kiếm thêm thời gian hồi sức.

Lúc Xendơn vùng dậy, Tôm Kinh nhắm vào anh ta, nhưng hai cú đấm của anh bị những cánh tay ở trong tư thế phòng thủ chặn lại. Khoảnh khắc

sau, Xendơn đã ôm ngoặc được đối thủ, bám chặt lấy một cách tuyệt vọng trong lúc trọng tài cố gắng tách hai võ sĩ ra. Tôm Kinh hỗ trợ để rời được ra. Anh biết rõ tốc độ hồi phục của tuổi trẻ, và anh biết rằng chừng nào chưa hồi phục được thì Xendơn vẫn còn nằm trong tay anh. Một cú đấm chắc nịch tất sẽ dứt điểm. Xendơn đã nằm trong tay anh, chắc chắn nằm trong tay anh. Anh đã trọi hơn Xendơn, anh đã chiến đấu tốt hơn Xendơn, anh đã thắng điểm Xendơn. Xendơn loạng choạng bật khỏi miếng ôm ngoặc, đứng cheo leo bên bờ vực thẳm thất bại. Chỉ một cú đấm ra trò là hất anh ta bật ra, nhào xuống, bị loại khỏi cuộc đấu. Một cảm giác cay đắng loé lên, Tôm Kinh nhớ đến miếng bít-tết, mong ước là đã được ăn miếng bít-tết đó để dùng vào cú đấm cần thiết anh sẽ phải tung ra. Anh tập trung hết sức lực vào cú đấm, nhưng cú đấm vẫn không đủ mạnh, không đủ nhanh. Xendơn lão đảo, nhưng không gục xuống. Anh ta lão đảo lùi lại hàng dây thường và tựa vào Tôm Kinh lão đảo tiến theo, và với một sự đau đớn khủng khiếp, anh giáng một cú đấm nữa. Nhưng chính cơ thể anh đã phản lại anh. Tất cả những thứ còn lại trong con người anh chỉ là một sự thông minh chiến đấu đã bị sự kiệt lực làm giảm sút và u muội đi. Cú đấm đó nhằm vào hàm, nhưng lại trúng phía dưới vai. Anh nhắm cao hơn, nhưng các bắp thịt mệt mỏi không vâng lời. Và khi cú đấm chạm vào người đối thủ, thì chính bản thân Tôm Kinh bị bật lại, lão đảo, suýt ngã. Anh lại cố gắng một lần nữa. Lần này, cú đấm trượt hẳn và vì quá yếu, anh ngã tựa vào Xendơn, ôm ngoặc ngay lấy, bám chặt lấy anh ta để cho chính bản thân anh khỏi gục xuống sàn.

Tôm Kinh quyết định không rời Xendơn ra. Anh đã dùng miếng đòn độc thủ của mình. Anh đã hết thời. Tuổi trẻ thật là đặc lực. Ngay cả trong khi ôm ngoặc, anh cũng có thể cảm thấy rằng Xendơn tựa vào anh hồi phục mạnh mẽ hơn anh. Khi trọng tài đẩy hai người tách ra, thì ngay trước mắt anh, anh nhìn thấy tuổi trẻ đang hồi phục. Mỗi lúc Xendơn một mạnh hơn. Cú đấm của anh ta, lúc đầu yếu và không có hiệu quả, đã trở nên mạnh và chính xác. Cặp mắt Tôm Kinh mờ mờ nhìn thấy quả đấm lao vào hàm mình, anh muốn dùng cánh tay để che hàm. Anh thấy nguy hiểm, muốn

hành động, nhưng cánh tay anh quá nặng nề. Nó tựa như đã đeo một trăm bảng chì. Bản thân nó không thể nào nâng lên được nữa, anh cố gắng dùng hết nghị lực để nâng nó lên. Rồi thì quả đấm ấy trúng đích. Cái cảm giác đau nhói loé lên như một tia lửa điện, đồng thời một màn đen kịt bao trùm lấy anh.

Khi mở mắt ra, Tôm Kinh thấy anh đang ở góc võ đài của mình, anh nghe thấy tiếng la hét của khán giả âm vang như tiếng gầm của sóng bạc đầu ở bờ biển Bondi (3). Một miếng bọt biển ẩm nước nằm ép phía dưới đầu anh, Xít Xalivơn đang phun nước lạnh thành từng dòng bụi nước mát dịu lên mặt, lên ngực anh. Đôi găng ở tay anh đã được tháo ra, Xendơn cúi xuống phía anh, đang bắt tay anh. Anh không thù oán người đã hạ được anh, anh chân thật nắm chặt tay Xendơn, những khớp xương ngón tay bị giập nát của anh đau đớn. Rồi Xendơn bước ra giữa võ đài, khán giả ngừng mọi sự huyên náo để nghe Xendơn nhận lời thách thức của anh chàng trai trẻ Prontô và tăng tiền đặt cược đã lên tới một trăm bảng. Tôm Kinh lãnh đạm nhìn trong lúc các tay săn sóc của anh lau khô nước đang chảy ròng ròng trên người anh, lau khô mặt anh và chuẩn bị đưa anh rời võ đài. Anh cảm thấy đói. Đó không phải là cái cảm giác âm ỉ, bình thường, mà là một cảm giác hết sức khó chịu, một sự co thắt ở tận đáy dạ dày, lan đến toàn bộ cơ thể. Anh nhớ lại cái giây phút trong trận đấu anh đã nắm được Xendơn đang lão đảo loạn choạng, đứng cheo leo bên bờ vực thẳm thất bại. Trời ơi, miếng bít-tết đó nếu có hẳn đã làm nên chuyện rồi! Anh đã thiếu nó đúng cho cú đấm dứt điểm, và anh đã thua. Tất cả chỉ vì miếng bít-tết.

Các tay săn sóc cho Tôm Kinh đỡ anh trèo qua dây thừng. Anh rời họ ra, tự mình trèo qua dây thừng, không cần người đỡ, và nặng nề nhảy xuống sàn nhà, rồi đi theo họ lúc họ đang cố dẹp đám đông chen chúc ở giữa lối đi trung tâm lấy lối cho anh. Anh rời buồng thay quần áo, đi ra đường; trong lối vào hành lang, một tay thanh niên hỏi:

- Tại sao anh lại không xông vào? Đã nắm hãn trong tay, tại sao anh lại không cho nốc-ao?

- Trời ơi, đi đi! – Tôm Kinh thốt lên, rồi bước theo các bậc thềm xuống tới vỉa hè.

Mấy cánh cửa của quán rượu ở góc phố đang đung đưa mở rộng, anh nhìn thấy những ánh đèn và các cô hầu bàn, nghe thấy nhiều giọng nói đang thảo luận về trận đấu và tiếng tiền đập trên mặt quầy. Một người nào đó gọi anh vào uống rượu. Anh ngần ngừ nghĩ ngợi, rồi từ chối và tiếp tục đi.

Anh không còn một xu dính túi, đoạn đường hai dặm về nhà tựa như quá dài. Chắc chắn là anh già mất rồi. Lúc ngang qua khu Đômênơ, đột nhiên anh ngồi xuống một cái ghế, cảm thấy mất can đảm bởi nghĩ đến việc vợ anh đang thức đợi anh, cố chờ để biết kết quả trận đấu. Thật là khó hơn bất kì một trận đo ván nào, tựa như không thể nào chịu đựng được.

Anh cảm thấy yếu đi và đau đớn, những khớp xương ngón tay bị giập nát đau buốt báo cho anh biết rằng, ngay cả khi tìm được việc đào đất thuê, phải một tuần nữa thì anh mới có thể nắm được cán cuốc, cán xẻng. Sự cùng khổ bao trùm lên con người anh, mắt anh ươn ướt bất thường. Anh úp mặt vào hai bàn tay, và khi nước nở khóc, anh nhớ đến Xtôơ Bin, nhớ lại việc anh đã gây cho anh ta vào tối đó, cách đây đã lâu lắm rồi. Anh bạn già Xtôơ Bin đáng thương! Lúc này, Tôm Kinh đã có thể hiểu lí do tại sao Bin đã phải khóc trong buồng thay quần áo./.

Chú thích

(1) Nêmêdit: theo thần thoại Hy Lạp, nữ thần Nêmêdit là vị thần phần phối lại công lí.

(2) Insơ: đơn vị đo chiều dài, bằng 2.54 cm.

(3) Bờ biển Bondi ở phía đông nam châu Úc, cạnh thành phố Bondi.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Nhóm Lửa

Trời đã sáng mà vẫn âm u lạnh lẽo vô cùng. Anh rẽ khỏi con đường chinh dọc theo dòng sông I-u-con và leo lên bờ đất cao, nơi đây 1 con đường mòn ít người qua lại chạy lờ mờ về hướng đông, qua khu rừng thông bát ngát. Bờ đất dốc, nên leo lên đến đỉnh, anh dừng lại thở, nhưng để tỏ ra mình làm như thế không phải do mệt, anh nhìn vào đồng hồ. Đã 9h sáng. Mặt trời chưa xuất hiện, thậm chí chưa có dấu hiệu gì tỏ ra hôm nay mặt trời sẽ xuất hiện, dấu trên trời không có 1 bóng mây. Đó là 1 ngày quang đãng, vậy mà vẫn như có 1 tấm màn vô hình bao phủ lên vạn vật, 1 cảnh âm u làm cho ngày tối lại, và lại cũng do không có mặt trời. Dẫu thế, anh vẫn không tỏ ra lo lắng. Anh đã quen với cảnh thiếu ánh mặt trời. Đã từ bao ngày nay anh có nhìn thấy ánh mặt trời đâu, hơn nữa anh cũng biết rằng phải 1 vài ngày nữa cái quả cầu rạng rỡ kia mới ló ra khỏi chân trời phương nam trong chốc lát để rồi lại biến mất ngay.

Anh ngoái nhìn lại con đường vừa đi qua. Con sông I-u-con rộng gần 2 cây số nằm giấu mình dưới 1 lớp băng dày 1 thước. Trên mặt lớp băng đó là 1 lớp tuyết dày hơn thế. Tuyết trắng 1 màu, chỗ nào băng ùn lại nhiều, mặt tuyết cuộn lên thành những đợt sóng gợn lăn tăn. Từ bắc xuống nam, xa hút tầm mắt, tuyết trải trắng 1 màu mênh mang, trừ có con đường nhỏ như sợi tóc kia in thẫm ngoằn ngoèo quanh khu rừng thông về phía nam, rồi lại chạy quanh co ngược lên phía bắc, và biến mất sau khu rừng thông khác. Con đường vạch nhỏ thẫm như sợi tóc này là con đường mòn – lại là con đường chính – chạy về phía nam, khoảng ngót 1000 cây số để đến đèo

Trin-cút và hồ nước mặn! Rồi về phía bắc, hơn 100 cây số để tới Đo-xơn, và chạy tiếp về phương bắc 2000 cây số nữa để tới Na-la-tô, cuối cùng đến Xanh Mai-sơn nằm trên bờ biển Be-rinh, phải tới trên 2000 cây số nữa.

Nhưng tất cả những thứ như con đường mòn nhỏ như sợi chỉ thần bí, dài muôn dặm ấy, cảnh thiếu ánh mặt trời, cái rét khủng khiếp, cho đến cảnh hoang vu kỳ quái quanh đây đều không gây ấn tượng gì đối với anh. Không phải do anh đã quen thuộc từ lâu với cảnh tượng ấy. Anh là người mới đến khu này, 1 kẻ “xa lạ”, và đây là lần đầu tiên anh qua mùa đông ở vùng này. Khốn nỗi anh không có óc tưởng tượng. Anh lạnh lẹn, nhay bén trước việc đời, nhưng chỉ đối với công việc, chứ trước ý nghĩa của những công việc ấy, anh lại chẳng hay biết gì. 50 độ dưới không có nghĩa là độ lạnh giá phải là 80 độ. Thực tế đó chỉ gây cho anh 1 cảm giác lạnh và khó chịu, thế thôi, chứ anh không nghĩ đến 1 điều là mình, cũng như con người nói chung, rất mỏng manh trước nhiệt độ, chỉ có thể chịu đựng được nhiệt độ nóng hay lạnh ở mức rất giới hạn; và cũng vì thế mà anh không nhận ra 1 điều rằng con người đâu có phải là bất tử, và anh không xác định được vị trí của con người trong vũ trụ. 50 độ dưới không đối với anh chỉ là cái rét lạnh thấu xương, mà muốn chống lại, chỉ việc đeo găng, đội mũ che tai, đi giày da và tất thật ấm. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng liệu ở nhiệt độ dưới 0 độ còn có điều gì khác nữa hay không.

Lúc quay lại tiếp tục cuộc hành trình, anh nhổ nước bọt xem trời lạnh đến mức nào. Vừa mới nhổ xong, 1 tiếng nổ giòn tan làm anh giật mình. Anh lại nhổ 1 lần nữa. Lần này nước bọt chưa kịp rơi xuống tuyết đã nổ tan ngay trong không khí. Anh vẫn biết là 50 độ dưới 0 độ, nước bọt nhổ xuống tuyết là nổ vỡ, nhưng lần này nước bọt lại nổ vỡ ngay trong không khí. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, nhiệt độ phải lạnh hơn 50 độ dưới 0, nhưng lạnh hơn bao nhiêu độ thì anh không biết. Song thế đã hề chi. Anh phải về khu mỏ cũ ở nhánh sông bên trái của con sông Hen-đơ-xơn, nơi đó anh em đang đợi. Họ từ miền sông In-đi-ơn đến đây trước, sau khi băng qua lưu vực sông, trong khi đó anh còn đi vòng quanh để quan sát xem liệu

mùa xuân tới có thể chở củi từ các cù lao trên sông I-u-con ra được không. Anh mong về tới trại vào khoảng 6h chiều. Lúc đó chân trời đã tối và anh em chắc cũng về đến nơi, bếp lửa sẽ bùng lên và bữa cơm tối chắc cũng sẵn sàng. Sực nhớ đến bữa ăn trưa nay, anh lấy tay nắn vào cái gói cộm cộm dưới áo, gói trong 1 chiếc khăn tay và đang nằm dưới chiếc áo sơ-mi, sát ngay da thịt anh. Chỉ có cách đó mới giữ cho bánh bích-quy khỏi bị khô cứng vì giá lạnh. Anh khoan khoái mỉm cười 1 mình khi nghĩ đến những chiếc bánh bích-quy cắt đôi đằm mỡ và chiếc nào cũng kẹp 1 miếng thịt rán to bự.

Anh tiến sâu vào khu rừng thông bát ngát. Con đường mòn chỉ còn lờ mờ. Từ hôm có chiếc xe trượt tuyết cuối cùng đi qua, đến giờ tuyết đã rơi ngập tới 30 phân còn anh lại cảm thấy mừng vì không cần đến xe trượt tuyết, như thế đi lại đỡ công kèn. Đúng ra anh chẳng mang theo người cái gì trừ bữa ăn trưa gói trong chiếc khăn tay. Dầu sao anh cũng phải kinh ngạc trước cái rét. Quả là rét ghê người, anh nghĩ khi đưa bàn tay đeo găng lên xoa mũi và 2 bên gò má đã tê cứng. Anh có râu rậm đến thế mà vẫn không sao che nổi hết 2 bên gò má cao và cái mũi nhọn hoắt nhô ra 1 cách khiêu khích trước bầu không khí giá buốt.

Theo sau sát gót anh là 1 con chó to thuộc giống địa phương, lai sói, lông xám, từ thân hình tới tính khí đều không có gì khác mấy với người anh em của nó là giống sói rừng. Con vật có vẻ lo lắng trước cái rét kinh hồn đó. Nó biết trời rét như vậy thì đi đâu cũng không phải lúc. Linh tính của nó nhạy bén hơn sự xét đoán của con người nhiều. Thực tế hôm đó không phải trời chỉ rét hơn 50 độ dưới 0 mà là rét đến 60, 70 độ la đằng khác. Đúng ra trời rét đến 75 độ dưới 0. Vì điểm đông lạnh là 32 độ, nên độ lạnh giá phải là 107 độ. Con chó không biết gì về bàn thử biểu, có lẽ trí óc nó không có được ý thức nhạy bén về 1 hoàn cảnh rét buốt như trí óc con người. Nhưng nó lại có bản năng riêng, khiến cho nó linh cảm được mỗi nguy hiểm, dù chỉ lơ mơ, làm nó sợ, cứ bám lấy gót chủ, rồi mỗi lần anh có cử chỉ khác thường là nó lại mong chủ mình chóng về đến trại, hay tìm 1

chỗ nào đó để ẩn nấp và nhóm lửa sưởi. Con chó đã biết lửa là gì nên nó rất mong có lửa, bằng không, đành phải đào 1 lỗ dưới tuyết để chui xuống nằm thu mình cho ấm.

Hơi thở của nó đóng thành bụi tuyết bám trên lông, nhất là dưới cằm, trên mõm và trên mi mắt của nó trắng xóa cả. Bộ râu của anh như râu ngô cũng đọng đầy tuyết và mỗi lúc 1 thêm đầy khi anh phả hơi thở ấm ra. Ngoài ra, anh lại nhai thuốc lá nên miệng đông cứng toàn băng tuyết, khiến cho có nhổ cũng không gọn. Kết quả là bộ râu trông như pha lê có màu hồng như hồ phách do nước bọt quỳện nhựa thuốc tạo thành cứ mỗi lúc 1 dài ra dưới cằm. Giá anh ngã chắc bộ râu ấy đã vỡ tan ra như thủy tinh. Nhưng anh không quan tâm đến cái vật lòng thòng phụ ấy. Ai là người nghiện nhai thuốc ở cái xứ sở này đều phải gánh chịu hình phạt ấy, mà trước đây cũng đã 2 lần anh ra đi trong khi trời giá buốt đột ngột như thế này rồi nhưng hồi đó hàn thử biểu bằng rượu ở Xic-xti Mai-lơ có lần chỉ 50 độ, có lần chỉ 55 độ dưới 0 độ.

Anh tiếp tục đi được 20 cây số qua khu rừng bằng phẳng, rộng, toàn những bụi cây thấp mọc, sau đó rẽ xuống 1 dòng sông nhỏ đã đóng băng. Đó là con sông Hen-đơ-xơn, và anh biết mình còn cách những nhánh sông độ 15 cây số. Anh nhìn đồng hồ – mới 10h. Như vậy, tốc độ đi khoảng 6 cây số 1 giờ, nên anh nhắm tính mình sẽ tới chỗ ngã ba sông vào khoảng 12h trưa. Anh quyết định sẽ dừng lại ăn trưa ở đó để mừng kết quả.

Con chó vẫn bám sát gót anh, và khi thấy chủ đi xuống men theo lòng sông, nó cụp đuôi thất vọng. Vết xe trượt tuyết cũ vẫn còn rõ, nhưng 1 lớp tuyết dày đến gang tay đã phủ hết dấu những chiếc xe cuối cùng đi qua đó. Đã hàng tháng nay không có ai qua lại dòng sông lặng lẽ này. Anh vẫn bước đều. Vốn là người không hay suy nghĩ, mà ngay lúc đó cũng chẳng có gì làm anh phải nghĩ ngợi cả ngoài việc sẽ ăn trưa khi đến chỗ ngã ba sông và đến 6h sẽ về tới trại với anh em. Anh chẳng có ai mà trò chuyện, mà có chẳng nữa, anh cũng không thể nói được vì băng đã đông cứng nơi miệng.

Vì vậy anh tiếp tục nhai thuốc lá bồm bẻm, và bộ râu màu hổ phách cứ dài thêm.

Chốc chốc anh lại nhớ rằng trời lạnh khủng khiếp. Chưa bao giờ anh chịu 1 cảnh rét buốt đến thế. Vừa đi, anh vừa đưa mu bàn tay đeo găng lên xát mạnh vào gò má và mũi. Anh làm thế 1 cách vô ý thức, hết tay bên này lại đổi sang tay bên kia. Nhưng dù cho anh có xoa thế chẳng nữa, cứ hễ ngời tay là hai gò má lại tê cóng, và 1 lát sau, đầu mũi của anh cũng tê cóng lại. Anh biết chắc 2 má mình đã bị tê cóng và bỗng nhiên thấy hồi tiếc là đã không nghĩ ra cách làm thêm 1 cái bao bọc lấy mũi như kiểu anh chàng Bát vẫn đeo khi trời trở rét đột ngột. Cái bao mũi ấy cũng che cả má nữa. Nhưng dẫu sao điều đó cũng chẳng hệ trọng mấy. Má tê cóng thì đã sao? Có chẳng cũng chỉ hơi buốt 1 chút, hoàn toàn không gì nghiêm trọng.

Dù không nghĩ ngợi gì, anh vẫn chăm chú quan sát và nhận thấy có nhiều thay đổi trên dòng sông, những chỗ gấp khúc và những đống gỗ để chồng chất, ngoài ra anh cũng luôn nhận ra 1 cách nhạy bén nơi mình đang đi lên đó. Đó lần đến 1 chỗ rẽ, anh vội nhảy sang 1 bên như 1 con ngựa kinh hoảng, rồi lại đi vòng trở về con đường cũ mấy bước. Anh biết dòng sông đóng băng trong suốt đến tận đáy – không có con sông nào có thể chảy vào mùa đông Bắc cực – nhưng anh cũng biết là vẫn có những dòng sườn từ những sườn đồi chảy giữa lớp tuyết và băng. Anh biết rằng cả trong những buổi trời rét đột ngột nhất, cũng không bao giờ những dòng suối đó đóng băng được song như thế lại nguy hiểm. Đó là những cụm bầy, chúng dấu những vùng nước ngầm dưới lớp tuyết dày từ 7 phân đến hàng thước. Đôi khi có 1 lớp băng mỏng chừng 1 phân phủ trên mặt nước, rồi trên là 1 lớp tuyết. Cũng có khi nước và băng lại chồng lên nhau lẫn lộn, khiến cho ai sẩy chân trượt xuống, thì cứ gọi là phải ngập đến ngang lưng.

Chính vì thế mà anh đã hoảng hốt nhảy lùi lại. Anh thấy dưới chân mình đã hơi lún và nghe thấy lớp băng ở dưới tuyết kêu răng rắc. Trời rét như thế này mà để chân ướt thì thật rầy rà và nguy hiểm. Ít ra cũng bị chậm trễ vì

phải dừng lại để nhóm lửa, cởi giày, hong chân và hong tất, giày cho khô. Anh đứng xem xét kỹ lòng sông và 2 bên bờ rồi mới dứt khoát cho rằng mạch nước chảy từ phía bên phải. Đắn đo 1 lát, lấy tay xoa mũi và má, anh đi vòng sang bên trái, dò từng bước, vừa đi vừa nghe ngóng. Khi thấy không còn nguy hiểm nữa, anh mới lấy 1 miếng thuốc lá khác ra nhai và lại tiếp tục đi với tốc độ 6 cây số 1h.

Suốt 2 tiếng đồng hồ sau, anh gặp nhiều những cái bẫy tương tự. Thường lớp tuyết phủ trên những vũng nước ngầm trông như trũng xuống và kết đặc lại như đường phèn, báo hiệu sự nguy hiểm. Ấy thế mà có lần anh vẫn suýt chết. Thấy bị nguy hiểm, anh bắt con chó đi lên trước. Con chó không muốn đi, nó cứ chùn lại, làm anh phải thúc mạnh, khiến nó phải chạy nhanh qua mặt tuyết trắng bằng phẳng đó. Bỗng nó hụt chân nghiêng về 1 bên, rồi chạy thoát đến chỗ vũng chắc hơn. 2 chân trước của nó bị ướn nên nước bám vào đấy lập tức đóng thành băng. Con chó vội liếm lấy liếm để cho hết chỗ băng đóng ở chân, rồi nằm lăn ra tuyết, lấy răng gặm hết chỗ băng đóng giữa những kẽ chân. Đây là bản năng, vì để băng vướng vào đấy, chân của nó sẽ đau. Nó không biết như thế, mà chỉ làm theo lời nhắc nhở thần bí từ nơi sâu thẳm trong con người nó. Nhưng chủ nó lại biết nên anh tháo găng bên phải ra sau khi phán đoán sự việc, và giúp con chó gỡ hết những mảng băng nhỏ đi. Vừa tháo găng ra chưa quá 1 mà anh cũng phải ngạc nhiên khi thấy mấy ngón tay của mình bị tê cứng lại. Rõ ràng trời rất rét. Anh vội đi ngay găng tay vào, rồi đập mạnh vào ngực.

Đã 12h trưa, lúc này bầu trời trở nên sáng sủa nhất. Nhưng trong cuộc hành trình mùa đông của mình, mặt trời hãy còn xa tít tắp ở phương Nam, chưa thấy sáng nơi chân trời. Gò đất cao đứng sừng sững giữa chân trời và dòng sông Hen-đơ-xơn, nơi anh đã đi dưới bầu trời trong sáng vào giữa trưa mà không để lại 1 bóng nào. Vào đúng 12h rưỡi, anh đến chỗ ngã ba sông, trong lòng thấy thoải mái trước tốc độ đó. Nếu giữ được tốc độ đó, chắc chắn đến 6h anh sẽ có mặt bên các bạn của mình. Anh cởi cúc áo choàng, sau đó đến chiếc áo sơ-mi và kéo ra gói bánh ăn trưa. Anh làm động tác đó

không quá 15 giây đồng hồ, vậy mà những đầu ngón tay để hở đã bị tê cứng liền. Anh không đeo găng tay, mà lại đập mạnh các ngón tay hàng chục cái vào đùi. Sau đó, anh ngồi xuống 1 khúc cây phủ đầy tuyết và ăn trưa. Những cảm giác đau nhói sau khi đánh mạnh những ngón tay vào chân biến đi thật nhanh, khiến anh hoảng sợ. Anh không còn kịp ăn miếng bánh nữa, liền đập những ngón tay liên hồi, rồi đi găng tay vào, và tháo găng bên kia ra để ăn bánh. Anh định cắn 1 miếng lớn, nhưng tuyết đông cứng quanh miệng không sao há ra được. Anh quên khuấy không nhóm lửa cho hết cồng. Trước sự ngu ngốc của mình, anh chặc lưỡi chưa dứt thì ngay lúc ấy, mấy ngón tay để trần kia bị tê cứng lại. Anh cũng nhận thấy rằng lúc đầu ở mấy đầu ngón chân còn có cảm giác nhức nhối, nay khi vừa ngồi xuống thì cảm giác ấy không còn nữa. Anh từng sờ không hiểu những ngón chân ấy ấm hay bị tê cứng nữa, nhưng khi cố ngoáy những ngón chân trong giày mới biết là chúng đã bị tê thật.

Anh vội vã đi găng tay vào rồi đứng dậy, trong người thấy hơi sờ sợ. Anh ráng sức dậm chân cho tới khi hai bàn chân thấy đau, nghĩ bụng quả là trời rét ghê thật. Ông già từ vùng sông Lưu huỳnh đã nói đúng là thỉnh thoảng ở vùng này lại có 1 đợt rét khủng khiếp. Vậy mà lúc ấy anh đã cười nhạo ông ta! Điều đó chứng tỏ rằng đừng có bao giờ dám chắc 1 điều gì. Rõ ràng là trời rét thật, không còn lằm vào đâu được. Anh đi đi lại lại, dậm chân, rồi lại đập tay cho đến khi thấy nóng người lên mới yên tâm. Đoạn anh chạy đi kiếm củi còn mắc lại ở những bụi cây khi nước tràn lên vào mùa xuân năm ngoái, rồi rút diêm ra nhóm lửa. Cẩn thận lắm mới nhen được ngọn lửa, dần dần ngọn lửa bùng lên cháy vù vù. Anh hơ mặt vào gần lửa cho tan hết băng, và nhờ có hơi nóng của lửa, anh mới ăn được bánh. Tạm thời cái rét của không gian bị lùi bước. Con chó cũng thấy khoan khoái, duỗi chân sát vào đồng lửa để lấy hơi ấm, nhưng cũng nằm đủ xa để khỏi bị cháy lông.

Ăn xong, anh nhồi thuốc vào tẩu rồi ngồi hút 1 cách khoan khoái. Đoạn anh đi găng, kéo 2 giải mũ che cho tai thật chặt, rồi lại tiếp tục men theo

con đường mòn bên sông ngược lên phía nhánh sông bên trái. Con chó tỏ ra chán nản, ngoái lại nhìn đống lửa 1 cách thèm khát. Anh chủ thật không biết lạnh. Có lẽ đời ông cha của anh ta cũng không biết lạnh, 1 cái lạnh không lường, lạnh tới 107 độ dưới 0. Nhưng con chó biết lạnh tổ tiên của nó biết, và nó thừa hưởng được sự hiểu biết đó. Nó biết trời rét khủng khiếp như vậy mà đi ra ngoài thì thật nguy hiểm. Đã thế, chỉ nên nằm cuộn tròn trong 1 cái lỗ đào dưới tuyết và đợi cho đến lúc mây kéo về giăng kín cả bầu trời mang đi, cái lạnh đó. Và lại giữa người và vật đâu có sự tương thân tương ái. Con vật chỉ làm nô lệ cho người mà thôi và những cái vuốt ve mà nó từng được hưởng chỉ là những cái vuốt ve của những cái roi và những tiếng quát tháo ác nghiệt dọa đánh. Vì vậy, con vật đã không tỏ ra muốn nhọc lòng truyền nỗi lo sợ của nó cho người chủ. Đâu có phải người chủ mà nó nuôi tiếc đến lửa, chẳng qua nó tỏ thái độ ấy là vì chính bản thân nó; nhưng chủ nó huýt sáo và gọi nó bằng tiếng roi quất vun vút trong không khí, khiến con vật vội chạy sát theo gót anh ta.

Anh nhai thuốc tiếp, 1 bộ râu mới màu hổ phách lại bắt đầu hình thành. Và trong nháy mắt; hơi thở của anh đã đóng băng trắng xoá như bột trên bộ ria mép, lông mày và mi mắt. ở phía bên trái của dòng sông Hen-đơ-xơn có vẻ không có nhiều những con suối ngầm, vì anh đã đi được nửa tiếng đồng hồ mà không thấy dấu hiệu gì, vậy mà vẫn có. ở 1 chỗ chẳng có dấu hiệu gì, nơi mặt tuyết phủ mềm mại phẳng lì như báo hiệu là bên dưới cũng rắn chắc, thì anh lại thụt chân. Chỗ đó không sâu lắm, nên chỉ bị trượt đến giữa bắp chân, sau đó anh leo lên được 1 khoảng bằng vững chắc.

Bực mình, anh chửi đổng mấy câu. Cứ hy vọng thế nào cũng về tới trại với anh em vào lúc 6h, vậy mà lúc này lại phải chậm hàng tiếng đồng hồ mãi rồi, vì phải ngồi nhóm lửa và hong cho khô giày và tất. ở nhiệt độ thấp như vậy, anh biết việc đó rất cần thiết. Anh tiến lại gần bờ sông và leo lên. Trên bờ sông lẫn lộn trong bụi cây mọc quanh những cây thông nhỏ, có vô khối củi khô – đặc biệt những cây con, ngoài ra, còn có cả khô vương lại từ năm ngoái. Anh chất mấy cành lớn xuống mặt tuyết làm nền cho ngọn lửa

mới nhóm khỏi bị tắt vì tuyết tan. Anh đánh diêm đốt 1 cái vỏ cây phong lấy từ trong túi ra. Cái vỏ đỏ cháy hơn giấy. Anh đặt miếng vỏ lên mấy cành cây lớn, sau đó cho thêm củ khô và những cành cây con để mỗi ngọn lửa mới bén.

Anh làm công việc đó 1 cách từ từ và cẩn thận vì hiển nhiên mỗi ngày nguy hiểm đang đợi anh. Dần dần ngọn lửa bốc mỗi lúc 1 to hơn, nên anh lại chất thêm củ khô. Anh ngồi xồm trên tuyết, kéo những cành cây khô nằm vướng trong bụi rồi vứt thẳng vào đống lửa. Anh biết rằng không được để lửa tắt, vì khi thời tiết ở 75 độ âm, chân lại bị ướt nữa thì ngay từ đầu là phải nhóm lửa sao cho nó không được tắt. Giá mà chân khô, thì dù nhóm lửa không được, anh có thể chạy dọc theo con đường mòn trên nửa cây số là máu lại lưu thông. Nhưng khi 2 bàn chân đã ướt và tê cóng ở nhiệt độ 75 độ âm thì đừng có nói đến chuyện chạy cho máu được lưu thông. Dù cho anh có chạy nhanh đến đâu chẳng nữa, bàn chân ướt sũng đó chỉ thêm tê cứng hơn mà thôi.

Anh biết rõ như thế. Ông già ở vùng sông Lưu Huỳnh đã nói đến điều đó từ mùa thu năm ngoái, và giờ anh mới thấy hết những lời khuyên đó. Anh đã mất hết cảm giác ở bàn chân. Muốn nhóm lửa, anh đã phải bỏ găng tay ra, do đó các ngón tay cũng bị tê cứng lại ngay. Đi với tốc độ 6 cây số 1h đã tạo cho tim anh bơm máu đi khắp cơ thể, đến tận các đầu ngón chân và ngón tay. Nhưng khi vừa mới dừng lại, máu cũng kém lưu thông. Cái giá lạnh của không gian đang giáng xuống mồm địa cầu trợ trụ, mà anh lại ở trong cái vùng ấy nên đã phải hứng lấy cái đòn tàn khốc đó. Máu trong người anh dường như co lại trước cái lạnh. Máu cũng sống, cho nên giống như con chó, máu cũng muốn trốn cái lạnh kinh hồn đó. Chừng nào còn đi được 6 cây số 1h, dù muốn hay không, máu vẫn được bơm đi khắp cơ thể, song giờ đây máu rút đi, lẩn sâu vào tận nơi sâu kín trong người anh, nên đầu ngón chân và ngón tay là nơi cảm thấy thiếu máu trước tiên. Những ngón chân bị ướt tê cóng nhanh hơn, cả những ngón tay bị hờ cũng thế,

mặc dù chúng chưa bị tê hẳn. Mũi và gò má đã bị tê cứng lại, trong khi đó, do thiếu máu, da anh lạnh tê tái.

Ấy thế mà anh vẫn không sao cả. Những ngón tay, mũi và má chỉ chớm bị cong thoi, vì lửa đã bắt đầu cháy mạnh. Anh vẫn còn cho thêm những cành cây to bằng ngón tay để lửa cháy to thêm. Lát nữa có thể mời thêm vào ngọn lửa những cành to bằng cổ tay, chắc đến lúc đó anh có thể cởi giày và tất ướt ra hơi cho khô, và đôi chân trần sẽ được sưởi ấm bên đống lửa, nhưng dĩ nhiên, nhóm lửa thì trước hết phải xoa tuyết vào chân đã. Nhóm được lửa là mỹ mãn lắm rồi, vì thế mà anh thoát chết. Anh lại nhớ đến lời khuyên của ông già miền sông Lưu Huỳnh, rồi mỉm cười. Ông già đề ra 1 luật lệ rất nghiêm khắc là không ai được đi 1 mình trong vùng Klôn-đai với cái rét 50 độ dưới 0. Thế mà anh đã có mặt ở đây, rồi gặp tai nạn 1 thân 1 mình, cuối cùng đã tự cứu lấy bản thân. Anh cho rằng ông già này tính rụt rè như đàn bà. Điều cần phải làm đối với người đàn ông là phải giữ bình tĩnh, và thế là ổn cả. Bất cứ ai là đàn ông đều có thể đi lại 1 mình. Nhưng thật là lạ, má và mũi của anh sao mà chóng bị tê cứng thế. Hơn nữa, anh cũng không nghĩ rằng những ngón tay của mình lại có thể mất sinh khí nhanh đến thế, vì chúng không sao cầm được thanh củi lên. Rõ ràng những ngón tay mất hết sinh khí rồi, chúng dường như ở xa hẳn thân thể và chính bản thân anh. Tay cầm thân củi mà mắt cứ lơ đãng không hiểu mình đã nắm được nó chưa. Nhưng sợi dây thần kinh từ óc anh tới mấy đầu ngón tay dường như liệt hẳn.

Tất cả những điều đó chẳng hệ trọng là mấy. Chính ngọn lửa đang nhảy múa kia, đang kêu răng rặc, lộp bộp đó, là hứa hẹn của sự sống. Anh bắt đầu tháo giày. Đôi giày phủ 1 lớp băng, còn đôi tất trông giống như 2 cái bao bằng sắt bọc từ đầu gối trở xuống, trong khi đôi dây giày giống như 2 thanh sắt cong queo thắt nút lại như bị cháy. Thoạt đầu anh còn lấy mấy ngón tay tê cứng để giật dây ra, nhưng sau mới nhận thấy có họa là rồi mới làm như thế, nên anh vội rút con dao con ra.

Chưa kịp cắt dây giầy, lại có chuyện xảy ra. Đó là do lỗi, hay nói đúng ra, là do sai lầm của anh. Đáng lẽ không được nhóm lửa dưới cây thông, mà phải nhóm ở ngoài khoảng trống. Khốn 1 nỗi có nhóm ở dưới gốc thông mới dễ lấy củi ngay từ trong bụi ra thì ném thẳng vào lửa. Cây thông mà anh đã nhóm lửa ở dưới lúc này lại nặng trĩu tuyết. Mỗi lần anh rút củi từ trong bụi ra là cái cây lại bị động nhẹ, vậy mà anh không hay biết gì. Song cái động nhẹ ấy cũng đủ gây ra tai nạn. Cành cao tít trên ngọn trúc tuyết xuống những cành dưới, và cứ như thế truyền ra khắp cây, chẳng khác gì 1 trận tuyết lở, cuối cùng đột ngột rơi ào ào xuống anh và đồng lửa, dập ngọn lửa tắt ngấm! Nơi trước đây là 1 đồng lửa, giờ ngổn ngang những tuyết là tuyết.

Anh hoảng sợ, cứ như vừa mới nghe lời cáo chung đối với mình. Anh ngồi nhìn đăm đăm vào chỗ lúc nãy còn là đồng lửa. Nhưng rồi anh lấy lại được bình tĩnh. Có lẽ ông già vùng sông Lưu Huỳnh lần này lại nói đúng. Giá có 1 người bạn đồng hành thì bây giờ đâu đến nỗi nguy hiểm. Người bán đó sẽ có thể nhóm lửa được. Còn bây giờ anh lại phải đi nhóm đồng lửa khác mà lần này không được để hỏng. Thậm chí có nhóm được lửa chẳng nữa, chắc đâu mấy ngón chân còn có tác dụng nữa. Đến lúc này, 2 bàn chân của anh đã tê dại rồi, mà cũng còn chán mới nhóm lửa xong.

Anh nghĩ thế, nhưng không chỉ ngồi mà nghĩ. Trong lúc ngồi nghĩ như thế, chân tay luôn luôn phải cử động. Anh làm 1 cái nền mới để nhóm lửa, lần này ở ngoài chỗ bãi trống để không có 1 cái cây xảo trá nào có thể làm tắt ngọn lửa được. Tiếp đó anh đi kiếm cỏ khô và những cành cây con bị trôi giạt quanh đó từ vụ nước tràn về lần trước. Anh không thể lấy mấy ngón tay kéo từng cái 1, nhưng vẫn có thể dùng cả 2 bàn tay mà vơ cả những cành củi mục và rêu xanh. Biết làm cách nào khác được? Anh làm như 1 cái máy, thậm chí nhặt cả 1 ôm lớn những cành to để dùng sau khi lửa đã bùng to. Trong lúc đó, con chó nằm im và chăm chú nhìn anh, với con mắt thèm muốn, vì nó coi anh là người cung cấp lửa, vậy mà mãi không thấy lửa đâu.

Khi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, anh móc túi lấy ra 1 miếng vỏ cây Phong nữa. Vẫn biết cái vỏ còn nằm trong túi, thế mà tìm mãi vẫn không có cảm giác gì, mà rõ ràng anh nghe thấy tiếng lạo xạo của các vỏ cây va vào nhau. Anh cố hết sức mà không sao nắm được miếng vỏ cây. Trong khi đó anh vẫn nhận biết được rằng mỗi lúc bàn chân mình thêm tê cóng. Nghĩ thế, anh đâm hoảng sợ, nhưng cố gắng giữ bình tĩnh. Anh lấy răng kéo gãy tay rồi vung cánh tay, đập mạnh 2 bàn tay vào 2 bên sườn. Hết ngời, anh lại đứng dậy vung tay trong khi đó con chó vẫn ngồi yên dưới tuyết, đuôi nó quăn lấy 2 chân trước trông ấm áp, 2 tai sói thính của nó vểnh lên nghe ngóng, chăm chú nhìn chủ nó. Còn anh, trong lúc vung tay đập như thế bỗng cảm thấy trong lòng dội lên 1 nỗi ghen tức với con vật vì nó có bộ lông thiên nhiên che chở cho ấm áp và an toàn.

1 lát sau, anh bắt đầu nhận thấy ở đầu những ngón tay đập đó còn lơ mơ 1 chút cảm giác. Cái cảm giác ngứa ran mỗi lúc 1 tăng lên thành 1 cái đau buốt hành hạ anh, vậy mà anh lại sung sướng reo lên. Anh tháo chiếc găng tay bên phải và thọc vào túi tìm vỏ cây. Những ngón tay vừa để trần đã bị tê cóng liền. Anh bèn rút ra 1 bao diêm. Nhưng cái lạnh khủng khiếp đã làm cho mấy ngón tay bị tê liệt hẳn. Còn đang loay hoat tách ra lấy 1 qua diêm, thì lại đánh rơi cả bao xuống tuyết. Anh cố nhặt lên mà không sao nhặt nổi. Những ngón tay đã chết hẳn, không có khả năng sờ hay cầm được nữa. Anh rất cẩn thận. Gạt bỏ hết những ý nghĩ về 2 bàn chân, cái mũi và 2 má bị tê cóng, anh tập trung tâm trí vào việc nhặt bao diêm lên. Dồn cả 2 mắt vào nhìn, dùng thị giác thay cho xúc giác và đến khi nhìn thấy 2 ngón tay ở 2 bên bao diêm, anh liền kẹp lấy, đã đành ý chí là vậy, nhưng những dây thần kinh đã bị tê liệt nên những ngón tay cũng không tuân theo nữa. Anh lại đi gãy tay phải vào rồi đập thật mạnh vào đầu gối. Sau đó anh dùng cả bàn tay đeo găng mà xúc bao diêm lên, mang theo cả 1 nắm tuyết, đặt vào lòng. Nhưng tình hình cũng không tốt đẹp gì hơn.

Loay hoay mãi, anh mới kẹp được bao diêm vào giữa cùi 2 bàn tay đeo găng, rồi đưa lên miệng. Tuyết đóng quanh miệng vỡ tan ra khi anh lấy hết

gân sức để há ra. Anh rứt hàm dưới vào, uốn cong môi trên trông đến kỳ quái, rồi lấy hàm răng trên ngậm bao diêm nhằm để tách lấy 1 qua. Anh đã tách được 1 qua nhưng lại để rơi xuống đất. Cũng chẳng ăn thua gì. Không thể nào nhặt que diêm đó lên được. Anh mới nghĩ ra 1 cách, liền ghé răng cắn lấy que diêm và quẹt mạnh vào chân. Quẹt đến 20 lần que diêm mới cháy. Khi diêm cháy, anh vẫn cắn răng và dí sát vào vỏ cây. Nhưng mùi diêm sinh ở diêm bốc ra bay vào mũi, luồn vào phổi, làm cho anh ho sặc sụa. Qua diêm rơi xuống tuyết tắt ngấm.

Ông già vùng sông Lưu Huỳnh nói có lý, anh nghĩ như vậy vào lúc sự tuyệt vọng đã được kiềm chế lại trời dậy: quá 50 độ dưới 0, ai muốn đi đâu phải có bạn đồng hành. Anh đập mạnh 2 bàn tay nhưng không gây nên 1 cảm giác gì. Bỗng nhiên anh lấy răng cời cả 2 chiếc găng tay ra. Anh lấy cùi tay kẹp bao diêm vào. Do cơ bắp ở 2 cánh tay không bị cồng, nên anh có thể kẹp chặt bao diêm ở chỗ 2 cùi tay. Sau đó anh quẹt cả năm diêm dọc theo cẳng chân. Bó diêm cháy bùng lên, cả 70 que diêm lưu huỳnh cùng bùng cháy lên 1 lúc! Không khí lặng như tờ nên diêm không tắt được. Anh nghiêng đầu sang 1 bên để tránh khỏi bị ngạt thở, rồi dí cả năm diêm đang cháy vào vỏ cây Phong. Giơ diêm như thế anh mới nhận ra cảm giác ở nơi tay mình. Thịt đang bị cháy. Có thể người thấy mùi thịt cháy, có cảm giác như nó cháy vào tận trong thịt. Cảm giác ấy dần dần biết thành cái đau nhức nhối. Song anh vẫn cố gắng chịu đựng, vụng về dí ngọn lửa vào vỏ cây, nhưng miếng vỏ lại không bắt lửa ngay, vì chính bàn tay đang bị cháy đó đã cuốn hết lửa.

Cuối cùng không chịu nổi, anh rời cả 2 tay ra. Năm diêm đang cháy rơi xuống nghe xèo xèo trong tuyết, nhưng miếng vỏ cây cũng đã cháy. Anh liền chặt cỏ khô và những cành cây nhỏ tí vào ngọn lửa. Anh không còn khả năng chọn được nữa, vì phải dùng 2 cùi tay mà kẹp cùi. Những mẫu gỗ mục và những đám rêu xanh bám cả vào cùi, nên anh phải cố ghé răng mà nhặt bớt đi. Anh nâng niu ngọn lửa 1 cách cẩn thận, song đến vụng. Lửa và sự sống, vì vậy không thể để nó tắt được. Máu rút ra khỏi làn da trên thân

thể của anh nên anh bắt đầu thấy run lên cầm cập, và thấy người trở nên vụng về hơn. 1 mảnh rêu to rơi xuống đúng ngay giữa đồng lửa nhỏ. Anh lấy ngón tay cố cời nó ra, nhưng tấm thân run lấy bầy làm cho anh cời lửa đi đâu ấy, hất tung những mớ cỏ đang cháy và những cành khô, và thế là cả đồng lửa nhỏ bị hồng ở giữa. Anh lại vun chúng lại, nhưng có cố mấy cũng chẳng ăn thua gì, vì toàn thân anh đang run bắn lên mà cúi lại bắn rải rác. Từng cảnh 1 phun ra 1 cuộn khói rồi tắt ngấm. Người nhóm lửa lại thất bại. Nhìn quanh 1 cách lãnh đạm, anh chợt bắt gặp con chó đang ngồi bên đồng lửa đã lụi, người nó cử động có vẻ bứt rứt bồn chồn, hết nhấc chân bên này lại đến chân bên kia và toàn thân cựa quậy luôn, nhưng đang háo hức muốn có 1 cái gì đó.

Trông thấy con chó, anh liền nảy ra 1 ý nghĩ man rợ. Anh nhớ đến câu chuyện về 1 người bị cuốn trong cơn bão tuyết, đã giết chết con nai và chui vào xác của nó mà nằm cho ấm, nên mới thoát chết. Anh sẽ giết con chó và thọc tay vào người nó cho đến khi hết tê dại thì thôi, sau đó lại có thể nhóm được đồng lửa khác. Anh bèn gọi nó lại gần, nhưng trong giọng nói có pha chút sợ hãi, khiến con chó cũng sợ, vì từ trước đến giờ nó chưa nghe thấy chủ nó nói giọng như thế. Chắc có chuyện sao đây, và linh tính đa nghi của nó đã đánh hơi thấy sự nguy hiểm nhưng không biết đó là mối nguy hiểm gì. Đâu đó trong óc nó bỗng nhiên thấy xuất hiện 1 nỗi sợ hãi đối với người chủ. Nó cụp tai xuống khi nghe thấy tiếng gọi của người chủ, rồi những động tác bồn chồn, vắn vẹo mình, hết nhấc chân trước lên lại đặt xuống: nhưng nó không lại. Anh bèn chống 2 tay quỳ 2 gối và bò lại phía nó. Tư thế lạ lùng đó lại gây thêm mối ngờ vực, nên con chó len lét lùi lại.

Anh lại ngồi lên tuyết 1 lát và cố lấy lại bình tĩnh. Sau đó anh lấy răng đi găng tay vào và gượng đứng dậy. Trước hết anh liếc nhìn xuống chân xem có chắc là mình đứng thật không, vì anh không có cảm giác là chân mình đụng đất. Tư thế đứng thẳng của anh làm cho con vật hết nghi ngờ, và khi anh quát lên ra lệnh nghe như tiếng roi quất, con chó lại ngoan ngoãn nghe theo như thường ngày. Khi nó tiến đến gần tầm tay, anh đã mất tự chủ,

vội giơ tay vồ lấy nó, nhưng đến lúc đó anh mới nhận ra rằng tay mình không còn nắm được nữa, còn những ngón tay thì không sao co lại được, mà cũng không có cảm giác gì cả. Trong chốc lát anh quên khuấy mất rằng không những đôi bàn tay mình đã tê cứng mà mỗi lúc chúng còn tê cứng hơn, mọi việc xảy ra rất nhanh, nên con chó chưa kịp bỏ chạy, anh đã ôm chầm lấy nó. Anh ngồi xuống tuyết, và cứ thế ôm lấy nó, dù cho nó cứ gầm gừ, sủa và vùng vẫy mấy để thoát cũng mặc.

Nhưng anh cũng chỉ có thể làm được đến thế, nghĩa là ứ ngồi ôm khư khư lấy con vật. Anh biết mình không có khả năng giết được nó. Không sao tìm ra được cách gì để giết chết nó. Với đôi tay vô dụng, anh không thể rút hoặc cầm lấy con dao găm hay bóp cổ nó. Anh đành buông nó ra, con vật vội cụp đuôi phóng 1 mạch chừng 10 thước, nó dừng lại, ngoảnh nhìn anh đáng dò hỏi, 2 tai vểnh lên.

Anh ngồi xuống nhìn 2 bàn tay xem nó ở đâu, và thấy nó còn đang lủng lẳng ở cổ tay. Anh bỗng ngạc nhiên thấy mình lại phải dùng đến mắt để xem tay mình ở đâu. Anh liền vung tay đập mạnh 2 bàn tay đeo găng vào 2 bên sườn. Làm như vậy trong 5, ráng hết sức đủ để bơm máu lên làn da, thế là anh hết run. Nhưng 2 bàn tay không cảm giác gì. Anh có cảm tưởng chúng như 2 quả cân treo ở đầu cánh tay, vậy mà anh cố truyền cảm tưởng đó xuống thì lại không thấy gì.

1 nỗi sợ chết lờ mờ và nặng nề xâm chiếm anh. Sự sợ hãi đó nhanh chóng trở nên sâu sắc vì anh nhận ra rằng đây không còn là vấn đề những ngón tay và ngón chân bị tê cứng hoặc để mất cả 2 bàn tay và bàn chân mà đó là vấn đề sinh tử, trong đó cơ hội để sống rất mỏng manh. Điều đó làm anh hoảng hốt, khiến anh quay cổ chạy 1 mạch trên lòng sông dọc theo con đường mòn cũ, lờ mờ sáng. Con chó chạy theo sau sát anh. Anh chạy thục mạng không biết trời đất là gì, trong nỗi hoảng loạn anh chưa bao giờ phải trải qua trong đời. Trong lúc chạy loạng choạng trên tuyết, anh lại dần dần nhìn rõ mọi vật: bờ sông, những đống gỗ cả ngổn ngang, những cây dương

trụi lá và cả bầu trời. Chạy như thế làm cho anh cảm thấy dễ chịu hơn, người không thấy run nữa. Chắc nếu cứ tiếp tục chạy thì 2 bàn chân sẽ hết công; mà nhờ đâu chạy gắng 1 đoạn xa nữa chẳng về đến nơi với anh em ở trại. Ngón tay, ngón chân và 1 phần trên mặt chắc không còn nguyên vẹn, nhưng sẽ nhờ anh em cứu vớt cho phần còn lại khi về đến trại. Song lúc ấy anh lại nảy ra ý nghĩ cho rằng sẽ không bao giờ mình trở về được tới trại và sum họp cùng anh em, rằng đến đó đường còn xa, mà người đã bị tê công thể này, chắc sớm muộn cũng sẽ chết cứng thôi. Anh cố xua đuổi ý nghĩ đó, gác nó lại phía sau, nhưng đôi lúc nó lại hiện ra làm anh cứ phải cố sức nghĩ đến chuyện khác cho quên đi.

Anh ngạc nhiên không hiểu sao mình vẫn chạy được với đôi chân tê dại như thế, tê dại đến mức khi cả khối thân người đè nặng xuống và lúc chúng chạm đất vẫn không có cảm giác gì. Anh thấy như mình đang lướt trên mặt đất, chân không đến đất, cật không đến trời. Có lúc anh thấy như mình đã nhìn thấy thần Méc-cua có cánh ở đâu đó, rồi cứ thắc mắc liệu thần Méc-cua có cảm giác giống như anh khi bay lướt trên mặt đất không.

Chạy 1 mạch về trại và gặp gỡ bạn bè lúc này là điều vô lý hết sức vì lấy đâu ra sức nữa. Nhiều lần anh vấp ngã, loạng choạng đứng dậy rồi lại ngã. Anh cố gượng đứng lên, nhưng không nổi, quyết định đành phải ngồi nghỉ và nghĩ bụng sẽ không chạy mà chỉ bước đều. Lúc ngồi xuống thở, anh thấy người ấm và dễ chịu hẳn lên. Người không còn run nữa thậm chí hơi ấm như tràn râm ran khắp ngực và bụng. Nhưng sao sờ tay lên mũi và má vẫn không có cảm giác gì? Chạy cũng không làm hết tê công được. Cả 2 bàn tay và bàn chân cũng vẫn không hết tê. Rồi anh lại nghĩ có lẽ phần tê công trên thân thể lan rộng hơn thì phải. Anh cố không nghĩ đến điều đó, chỉ nghĩ đến điều khác cho quên đi: anh biết mình cứ nghĩ như thế sẽ gây hoảng sợ, mà anh vốn lại sợ sự hoảng hốt. Dù vậy, ý nghĩ đó cứ ám ảnh anh 1 cách dai dẳng cho đến khi mừng tượng ra cảnh toàn thân mình tê công lại. Nghĩ đông dài chán cũng đến thế thôi, thế là anh lại vùng đứng dậy

chạy thực mạng dọc theo con đường. Có lần anh chạy chậm lại và bước bộ từ từ, nhưng rồi nghĩ đến chỗ tê cóng đang lan khắp, anh lại lao đầu chạy.

Trong suốt thời gian ấy, con chó vẫn chạy theo sau anh. Lúc anh ngã lần thứ 2, nó lại ngồi xuống trước mặt, đuôi quăn lấy 2 chân trước, chăm chú nhìn anh 1 cách dò hỏi. Trước cảnh ấm cúng và an toàn của con vật, anh thấy trong người mình nổi cáu, rồi chửi cho nó 1 chập, khiến con vật phải cụp tai xuống ra chiều ngoan ngoãn. Lần này cái rét đến với anh nhanh hơn. Anh đang bó tay trước cái giá rét đang lan khắp thân mình. Nghĩ đến cái rét tê cóng, anh lại càng chạy thực mạng, nhưng chưa được 30 mét đã lão đảo ngá chúi xuống. Lần hoảng hốt này lên đến tột đỉnh. Khi đã lấy lại được bình tĩnh anh ngồi lên và nghĩ mình có chết cũng phải chết cho có tư thế. Song ý nghĩ đó không đến 1 cách rõ nét như vậy. Anh chỉ thấy mình như 1 thằng ngốc, chạy quăn như con gà bị cắt tiết – anh lại nảy ra sự so sánh đó trong đầu. Thôi thì đằng nào cũng chết cóng, nên phải chết cho đàng hoàng. Khi đã tìm được sự tĩnh tâm mới này, anh bỗng thấy buồn ngủ. Anh nghĩ đến giấc ngủ ngàn thu ngon lành, chẳng khác gì uống 1 liều thuốc ngủ. Chết cóng thì có gì đau đớn như người ta tưởng đâu! Còn gặp cái chết khác ghê sợ hơn nhiều.

Anh tưởng tượng ngày mai anh em tìm thấy xác anh. Bỗng nhiên anh thấy mình đang đi cùng mọi người dọc theo con đường mòn và tìm kiếm anh. Rồi anh lại cùng với họ đi tới chỗ rẽ của con đường và thấy mình đang nằm trên tuyết. Anh không còn thuộc về bản thân mình nữa, vì thậm chí ngay lúc đó anh đã thoát xác, đứng cùng với anh em và nhìn vào xác mình nằm trên tuyết: Trời quả là rét quá, anh nghĩ thế. Khi nào về đến xứ sở, anh sẽ kể lại cho bà con nghe cái lạnh thực sự nó như thế nào. Nghĩ miên man, anh lại nhớ đến ông già vùng sông Lưu Huỳnh. Anh mừng tượng rõ mồm một ông ta đang ngồi hút tẩu trong cảnh ấm cúng dễ chịu.

“Ông nói đúng ông già ạ; ông nói đúng đấy” anh lẩm bẩm như đang nói với ông già.

Sau đó anh thiếp đi trong 1 giấc ngủ ngon lành mà dường như chưa bao giờ mình được hưởng. Con chó vẫn ngồi nhìn anh và chờ đợi. 1 ngày ngắn ngủi tan dần trong ánh hoàng hôn còn đọng lại mãi không tan. Không có dấu hiệu nào tỏ ra là có nhóm lửa, và lại trong đời của con vật chưa bao giờ nó thấy con người ngồi ở tư thế như vậy trên tuyết mà lại không đốt lửa sưởi. Khi trời mỗi lúc 1 tối dần, lòng khao khát có 1 đống lửa xâm chiếm con vật, chân trước của nó động đậy liên hồi, rồi nó kêu khe khẽ, nó cụp tai xuống như sợ chủ mắng. Nhưng chủ nó vẫn ngồi yên. Sau đó con vật rên to hơn, bò lê dần tới anh và đánh hơi thấy cái chết. Nó xù lông lên lùi lại. Nấn ná 1 lát, nó rú lên nghe thê thảm dưới bầu trời lạnh buốt điểm những ngôi sao sáng lấp lánh như nhảy múa. Sau đó, nó quay đi và chạy ngược theo con đường mòn về hướng trại mà nó quen thuộc, nơi đó sẽ có người cho nó ăn và đốt lửa cho nó sưởi.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Sóng Lớn Canaca

Khi đôi vợ chồng Li Báctơn và Iđã bước ra khỏi phòng thay quần áo, đám phụ nữ Mỹ đang nghỉ ngơi dưới bóng rặng cây “hao” bao quanh bãi tắm của khách sạn Môn đều khẽ thốt lên: “A!” Và họ tiếp tục tỏ thái độ như thế suốt trong lúc đôi vợ chồng Báctơn đi ngang qua chỗ họ, nghỉ để ra phía bờ biển. Anh chồng chắc gì đã tạo cho họ ấn tượng mạnh đến như vậy. Những phụ nữ Mỹ nghỉ ở đây đâu thuộc loại người phải thốt lên “A!” khi nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tắm biển, cho dù đấy là một chàng trai tuyệt diệu, vạm vỡ và rắn rỏi đi nữa. Thật ra một thân thể hoàn chỉnh đến như thế sẽ phải làm cho bất kỳ huấn luyện viên bơi lội nào nhìn thấy cũng phải thở dài một cách hài lòng sâu sắc. Nhưng những huấn luyện viên ấy sẽ không kêu “A” lên như đám phụ nữ trên các bãi tắm, bởi vì những người phụ nữ này đã bị xúc phạm đến những tình cảm tốt đẹp nhất.

Chính chị vợ anh, Iđã Báctơn mới là người làm cho đám phụ nữ kia khó chịu và lo lắng. Họ dè bủu chị. Họ chê trách một cách dứt khoát, ngay từ khi mới nhìn thấy chị lần đầu. Họ chính là những người có biệt tài tự lừa dối bản thân. Họ tưởng tượng ra rằng, bộ đồ tắm của chị làm họ chướng mắt. Nhưng Phrôidơ đã có lý khi ông quả quyết rằng, mỗi khi đụng đến vấn đề giới tính, con người ta dễ có chiều hướng dùng điều mình tưởng tượng ra thay thế cho điều có thật một cách vô tình, rồi lại đau khổ với cái điều do chính mình tưởng tượng ra, không kém so với trường hợp khi điều ấy là có thật.

Bộ đồ tắm biển của Ida Báctơn rất hấp dẫn, đan bằng thứ sợi len màu đen rất mịn, đường viền và thắt lưng màu trắng, mở cổ không rộng, hai ống tay rất ngắn và váy cũng rất ngắn. Dù cho váy của chị có ngắn đến mấy đi nữa thì đồ lót dệt kim bên trong vẫn cứ còn ngắn hơn. Tuy nhiên, ở bãi tắm cạnh đây của Câu lạc bộ Thuyền buồm, và ở dải cát sát bờ biển có cả hàng chục phụ nữ ăn mặc còn táo bạo hơn, nhưng có khiến ai chú ý đến một cách đặc biệt như thế đâu. Đồ tắm của họ cũng ngắn cũn cỡn và cũng ôm chặt lấy người như thế, mà lại hoàn toàn không có ống tay, giống như áo tắm đàn ông. Còn cổ, lưng và nách của họ đều mở rất rộng chứng tỏ họ năm vững thời trang năm 1916.

Như vậy, không phải bộ đồ tắm của Ida làm đám phụ nữ kia khó chịu, mặc dù họ đinh ninh đúng là như thế. Thật ra cái làm họ thấy chướng mắt lại chính là đôi chân của chị, hay nói cho đúng hơn, là toàn bộ con người Ida, vẻ đẹp rực rỡ của tính nữ lồ lộ đầy quyến rũ và khiêu khích của chị. Từ những mệnh phụ tuổi tác và đáng kính đến những bà trung niên và những cô gái trẻ đều cảm thấy rõ ràng sự khiêu khích ấy. Họ là những người sợ nắng gió đang cố bảo vệ tấm thân yếu ớt, mềm nhẽo và làn da mặt nhạy nhạt của họ khỏi bị mặt trời chiếu vào. Đúng, nhìn chị người ta thấy sự khiêu khích, sự thách thức lẫn sự khinh miệt đối với tất cả những nữ đối thủ trong cuộc giành giật nhỏ nhen và chính họ tự bày đặt ra rồi tiến hành với một niềm tin rằng nhất định họ phải thắng.

Nhưng đám phụ nữ kia không nói thẳng ra điều ấy. Thậm chí cả trong ý nghĩ họ cũng không tự cho phép được thú nhận điều ấy. Họ tưởng tượng ra rằng toàn bộ tội lỗi của cô gái kia là nằm trong bộ đồ tắm. Họ lên án nó, làm như thế họ không nhìn thấy hàng chục phụ nữ khác ăn mặc còn táo bạo hơn Ida, nhưng không đẹp đến mức nguy hiểm như chị.

Nếu có cách nào sàng lọc ý nghĩ của những vị bảo vệ đạo đức ấy được, thì sẽ đọng lại trên mặt sàng cái ý nghĩ ghen ghét thuần túy phụ nữ: “Không thể cho phép một đứa con gái nào được xinh đẹp đến thế! Không thể cho

phép nó tự do khoe khoang toàn bộ sắc đẹp của nó như thế được!” Để một đối thủ nguy hiểm như thế xuất hiện thì liệu còn người đàn ông nào ngó ngang đến họ nữa?

Họ nghĩ như thế là đúng. Bởi vì khi hai ông bà Páttecxơn tắm xong, nằm nghỉ trên bãi cát bên cạnh con suối, nơi vợ chồng Li Báctơn và Ida lội ngang qua để sang bãi tắm của Câu lạc bộ Thuyền buồm, thì ông Xtenli Páttecxơn đã nói với vợ như sau:

- Ôi, lạy vị thánh bảo hộ nghệ thuật và bảo hộ các cô gái làm đẹp làm mẫu cho các họa sĩ! Bà nhìn kìa, bà đã thấy một cô gái nào có đôi giò tuyệt diệu đến mức kia bao giờ chưa? Thon, chắc và cân đối kỳ lạ! Như hệt chân con trai vậy! Tôi chỉ mới được thấy một đôi giò như thế của một tay võ sĩ hạng nhẹ trên võ đài quyền Anh. Nhưng đây lại là đôi giò thuần túy của phái nữ! Vì chân phụ nữ có cái dáng khác hẳn chân đàn ông. Kìa kìa, đường cong phía trước của bắp đùi và ở phía sau lượn tròn vừa đủ mức cần thiết. Rồi hai đường cong ấy chụm lại chỗ đầu gối. Mà cái đầu gối mới đẹp làm sao! Tiếc mình không có sẵn đất sét ở đây mà nặn.

- Đầu gối của cô ta tuyệt vời thật! – bà vợ cũng thán phục không kém, vì bà ta cũng là một nghệ sĩ điêu khắc. – Nhìn kìa, các móm xương di động dưới làn da mới nhịp nhàng làm sao! Đầu gối cô ta lại không hề có lớp mỡ bao bọc! Lạ thật! – Bà thở dài, sực nghĩ đến hai đầu gối của bản thân. – Chà! Vừa cân đối, vừa đẹp lại vừa duyên dáng. Đây đúng là sự quyến rũ của da thịt. Cô ta là ai thế nhỉ?

Ông Xtenlin Páttecxơn, mắt không rời chị phụ nữ không quen biết kia, sôi nổi biểu diễn phần của mình trong bản song tấu gia đình:

- Bà thấy không? Chị ta không hề có bắp thịt đệm ở phía bên trong đầu gối, những bắp thịt đệm khiến cho hầu hết các bà các cô đều trở thành cong chân. Chính vì thế đôi giò của chị này y hệt giò con trai: rắn chắc, vững chãi...

- Nhưng lại vẫn là chân phụ nữ: tròn trịa, mềm mại, – bà vợ bổ sung. – Ông thử nhìn cô ta đi kìa. Xtenli! Cô ta đặt mũi chân xuống trước cho nên dáng đi nhẹ như lông chim. Mỗi lần cất bước, cô ta chỉ khẽ nhấc chân lên khỏi mặt đất, tưởng chừng như cô ta bay cao dần lên, và chỉ lát nữa sẽ thoát khỏi mặt đất, bay bổng lên không trung.

Ông Xtenli Páttecxơn và bà vợ thán phục đến như thế. Nhưng họ là nghệ sĩ. Mắt họ không giống như dàn pháo đại bác của những cặp mắt đang chĩa nòng về nơi Iđa đang sắp đặt chân tới, những cặp mắt từ trên hàng hiên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, từ dưới rặng cây hao bao quanh khách sạn bờ biển. Trong câu lạc bộ Thuyền buồm đa số không phải khách du lịch mà những vận động viên thể thao và những người dân đã sống lâu năm ở quần đảo Haoai. Nhưng ngay cả những người dân bản địa này cũng phải thốt lên “A”.

- Con bé chẳng lịch sự chút nào! – bà Henli Blếch nói với chồng. Bà là một người đẹp đã hết thời chừng bốn chục xuân xanh, vốn sinh trưởng ở Haoai và thậm chí cũng chưa hề nghe thấy nói đến thành phố nghỉ mát Oxtendor bao giờ.

Ông Henli Blếch đưa cặp mắt suy tư và tàn nhẫn liếc nhìn tấm thân sồ sề đến mức quái gở và bộ đồ tắm cổ lỗ của bà vợ, bộ đồ tắm mà đến các nữ tu sĩ chân chính ở miền Tây Anh quốc cũng chẳng ai buồn chê trách. Hai ông bà lấy nhau từ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi bây giờ ông có thể nói toạc ra mọi điều suy nghĩ của mình mà không phải e dè gì hết.

- Nếu so sánh giữa bà ta và cô ấy thì chính bộ đồ tắm của bà mới không lịch sự. Tưởng chừng như bà quần những mảnh vải dớ dẩn ấy vào người để che dấu một khuyết tật xấu xí gì bên trong vậy.

- Cô ta đi đứng y hệt một vũ nữ Tây Ban Nha! – bà Páttecxơn nói với chồng. Để khỏi mất hút bóng dáng của cô gái đẹp kia, họ cũng lợi qua con suối đi theo.

- Đúng thế, – ông Xtenli Páttecxơn tán thành. – Tôi cũng sức nhớ đến cô vũ nữ Extrêlita. Bộ ngực đầy đặn nhưng không quá to. Eo nhỏ nhưng không nhỏ quá, lại chắc nịch như bụng các nhà võ sĩ quyền Anh vậy. Nếu eo không như thế thì cô ta không thể đi đứng duyên dáng như thế được. Mà bộ ngực với cái eo sao lại cân xứng với các bắp thịt ở lưng đến thế. Bà có thấy đường cong ở sống lưng của cô ta không? Y hệt như lưng vũ nữ Extrêlita vậy.

- Ông đoán cô này cao bao nhiêu? – bà vợ hỏi.

- Khó đoán lắm, – câu đáp có vẻ thận trọng. – Có thể là năm phút một inơ mà cũng có thể hơn thế, đến bốn inơ không biết chừng. Kiểu đi của cô ta dễ làm ta lạc hướng lắm. Kiểu đi như bà vừa nói ấy. Đi mà giống như bay.

- Đúng, đúng. – bà Páttecxơn tán thành. – Trông cô ta lúc nào cũng như kiễng chân. Chứng tỏ cô ta rất nhiều sức sống.

Ông Xtenli không đáp lại ngay.- Bà nói đúng, – mãi sau này ông mới kết luận.

- Chị ta vóc người bé nhỏ. Chỉ đến năm phút hai inơ là cùng. Còn cân nặng, tôi đoán khoảng trăm mười hoặc trăm linh tám, cùng lắm là một trăm mười lăm pao, không thể hơn được.

- Cô ta không nặng đến một trăm mười pao đâu, – bà vợ kiên quyết phản đối.

- Là tôi nói khi chị ta mặc đầy đủ quần áo, – ông Xtenli Páttecxơn nói tiếp. – Với lại nhìn cách chị ta đi đứng (do dồi dào sức sống và mạnh mẽ ý chí) tôi tin rằng chị ta không thuộc loại người nhỏ bé đâu.

- Tôi biết loại con gái này, – bà vợ gật đầu. – Nhìn họ người ta có cảm tưởng họ không to lớn, nhưng dù sao cũng trên trung bình. Ông đoán cô ta

bao nhiêu tuổi?

- Về tuổi thì chắc bà đoán giỏi hơn tôi, – ông chồng lảng tránh câu hỏi.

- Có thể hai mươi lăm mà cũng có thể là ba mươi tám.

Nhưng ông Xtenli, quên cả lịch sự, không nghe vợ nói.

- Mà không phải chỉ cặp giò! – ông thét lên vẻ thán phục. – Toàn bộ con người của chị ta là tuyệt vời. Bà nhìn kia: cánh tay! Từ bàn tay đến khuỷu tay thì thon nhỏ, lên gần vai lại thành tròn trĩnh. Bắp cơ hai đầu mới tuyệt vời làm sao! Tôi đánh cược rằng nếu chị ta lên gân, hai cái bắp ấy sẽ phình ra khá lớn cho mà xem!

Bất cứ một phụ nữ nào, nhất đây lại là Ida Bátor, không thể không nhận thấy nỗi chấn động do mình gây ra trên bãi biển Waikiki. Nhưng điều ấy không hề làm chị thấy hãnh diện thêm mà trái lại còn làm chị khó chịu.

- Sao họ đê tiện đến thế nhỉ? – chị cười nói với chồng. – Em vốn là người sinh trưởng ở nơi này, đã sống ở đây suýt soát một phần ba thế kỷ rồi. Ngày đó con người đâu có lỗ bịch như bây giờ. Phải chăng vì ngày ấy chưa có ai đi du lịch đến đây. Ngày nhỏ em đã học bơi ở đúng chỗ này, ngay trước cái Câu lạc bộ Thuyền buồm kia. Em còn nhớ vào những dịp nghỉ hè hoặc chủ nhật, bố thường đưa em ra đây. Hai bố con nghỉ trong một túp lều lợp cọ. Túp lều ngày ấy nếu còn thì nằm ở đúng chỗ các bà ở Câu lạc bộ Thuyền buồm đang ngồi uống trà kia kìa. Ban đêm lũ cuốn chiếu lao xuống chỗ hai bố con nằm. Bố với em ăn sò huyết, ăn cá sống, suốt ngày bơi lội và đánh cá, không mặc quần áo gì hết. Mà bây giờ đường xá từ thành phố đến đây có ra cái gì. Những hôm mưa to, đường ngập hết, hai bố con em phải về làng bằng thuyền, luồn lách qua những tảng đá ngầm rồi vào thẳng bến, ngay giữa thành phố Honôlulu ấy.

Li Bátor tiếp lời vợ:

- Em đừng quên rằng cũng chính vào thời gian ấy, thằng bé mà bây giờ là anh đây này, thằng bé ấy đã từng nằm lại đấy liền mấy tuần lễ trong dịp đi chu du vòng quanh thế giới. Chắc hẳn rằng bây giờ anh đã nhìn thấy em trong đám trẻ con bơi lội ở đây như cá. Đến bây giờ anh còn nhớ, ở đây phụ nữ đã cười ngựa như đàn ông, trong khi ở các xứ sở khác, mãi khá lâu sau này nữ giới mới khắc phục được thói uỷ mị và mới dám ngồi bỏ hai chân sau hai bên lưng ngựa. Bản thân anh cũng đã học bơi ở nơi này. Rất có thể hai chúng mình đã cùng tập cười trên một ngọn sóng, và không biết chừng đã có lúc anh té nước vào mặt em và để cảm ơn, em đã thè lưỡi ra với anh...

Vừa lúc ấy, một tiếng “A” rất to, giọng khó chịu cắt lời anh. Tiếng ấy thốt ra từ miệng một cụ già đét, có vẻ là một bà cô già, đang phơi nắng trên bãi cát trong bộ đồ tắm dị dạng. Và Li Báctơn cảm thấy vợ mình co rúm người lại như phải bóng.

- Anh rất hài lòng, – anh nói. – Em như thế cũng là giỏi lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở thành gan lì cho mà xem. Cái thái độ vừa rồi đã làm em hơi khó chịu. Nhưng không sao, càng làm em tự tin hơn mà thôi. Chỉ có điều em phải thật vững.

Bởi vì, rồi bạn đọc sẽ thấy, Li Báctơn là một siêu nhân, và Ida cũng thế. Ít ra, đấy cũng là cách xếp loại của những phóng viên mới vào nghề, những kẻ chuyên đập gót giày trên các sàn khách sạn và của những nhà phê bình uyên bác bị thiếu mất cơ quan sinh dục. Họ không có khả năng nhìn nhận ra những người hoàn chỉnh hơn họ ở nơi chân trời, đằng sau bình nguyên đơn điệu của cuộc sống bản thân họ. Họ là những sinh vật tẻ nhạt, dư âm của quá khứ đã chết, là những kẻ đào huyệt tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống huyệt tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống của người khác và cũng giống như những hoạn quan, họ phục vụ cho nhục cảm của kẻ khác.

Do bản thân họ cần cỗi, do môi trường của họ và những cảm xúc tủn mủn của họ què quặt và thô bỉ, họ quả quyết rằng không một anh đàn ông nào, không một chị đàn bà nào vươn được lên trên sự què quặt và thô bỉ.

Trong bản thân con người của họ làm gì có vẻ đẹp và tầm cỡ. Vì vậy họ không công nhận rằng người nào đó lại có những phẩm chất ấy. Do quá hèn nhát, họ không dám làm việc gì táo bạo. Họ khẳng định rằng sự táo bạo đã không còn tồn tại trên cõi đời này, từ thời Trung thế kỷ kia, nếu không phải là từ trước nữa. Bản thân họ chỉ là những ngọn nến leo lắt, và cặp mắt bạc nhược của họ nhìn sao thấy nổi ngọn lửa chói loà trong tâm hồn người khác, và đang chiếu sáng bầu trời của họ. Sức lực trong thân thể họ chỉ vừa bằng sức lực của loài chim chích, và họ không thể biết được rằng lại có người khoẻ mạnh hơn họ. Đúng, thời xa xưa trên trái đất đã từng có những con người khổng lồ. Nhưng trong những cuốn sách cổ cũng lại có nói rằng, đã lâu không còn những người khổng lồ nữa. Bây giờ chỉ còn sót lại xương cốt của họ. Những kẻ nhỏ mọn ấy không bao giờ nhìn thấy núi. Và như thế nghĩa là, đối với họ, chẳng làm gì có núi.

Nấp kín dưới đám bùn trong cái vũng nước đọng của bản thân, họ đinh ninh rằng, những tráng sĩ hiển hách mang vầng trán cao với những bộ giáp trụ sáng loáng chỉ có trong truyện cổ tích, trong lịch sử xa xưa và trong những mê tín hoang đường của dân gian. Họ chưa bao giờ nhìn thấy tinh tú, cho nên họ phủ nhận sự tồn tại của các tinh tú. Mắt họ không thấy được những con đường vinh quang, và cũng không thấy được những con đường bằng xương bằng thịt đi trên những con đường ấy. Vì vậy họ không công nhận có những con đường vinh quang và những con người dũng cảm. Coi cặp mắt mờ của mình là trung tâm vũ trụ, họ tưởng như mọi vật đều được tạo thành theo mẫu của họ, và họ dùng nhân cách thảm hại của họ làm thước để đo những tâm hồn khí phách rồi lên giọng chê trách: “Mọi tâm hồn chỉ bằng ngần này, không lớn hơn. Không thể có ở đâu những tâm hồn lớn hơn chúng tôi, mà các vị thần thánh của chúng tôi đã thừa biết là chúng tôi to lớn”.

Nhưng khi Iđa đặt chân xuống nước, tất cả hoặc gần như tất cả những ai đang trên bờ đều tha thứ cho bộ đồ tắm của chị, cho tấm thân tuyệt diệu của chị.

Đôi mắt chị ánh lên một vẻ mời mọc, bàn tay chị khẽ chạm vào tay chồng và họ chạy vài bước theo sát chân nhau, rồi cùng một lúc, đập mạnh xuống nền cát cứng dưới đáy nước, nhảy lên, tạo thành một đường vòng thấp bên trên mặt nước, rồi đâm đầu xuống nước.

Ở Vaikiki có hai loại sóng: sóng lớn, sóng bạc đầu Canaca tức là sóng ông, lồng lộng tít tận ngoài khơi và sóng nhỏ gọi là sóng Vakhina, nghĩa là sóng bà, vỗ nhẹ vào bờ. Dọc bờ biển là một giải nước nông khá rộng. Ở chỗ này có thể lội ra xa tới một trăm hoặc hai trăm phút vẫn chưa ngập đầu. Tuy nhiên nếu như sóng ông lồng lộng ngoài khơi thì sóng bà cũng cao đến ba – bốn phút, cho nên ngay sát bờ, đáy nước có thể sâu từ ba inơ đến ba phút, nếu tính từ đáy lên đến đỉnh sóng ngàu bọt trắng xoá. Muốn nhảy vào đám bọt trắng ấy, nghĩa là lấy đà rồi đập mạnh xuống đáy cát, nhảy vọt lên không trung, xoay người cho chân chống lên trời, lao đầu xuống nước, cần hiểu rõ các đợt sóng và biết cách khéo lựa. Đó là một nghệ thuật phải tập dượt nhiều năm để lao đầu vào cái hiện tượng tự nhiên bất định ấy bằng một động tác dứt khoát và đẹp mắt mà lại không xuống sâu quá trong nước.

Cái tiết mục biểu diễn táo bạo, đẹp mắt và duyên dáng ấy không phải ai muốn làm là cũng làm được ngay. Cần tập luyện khá lâu. Một sự tập luyện kèm theo nhiều trận đập đầu xuống đáy cát, không phải chỉ đau mà có khi còn vỡ sọ hay vẹo xương cổ nữa. Ở ngay chính cái chỗ mà đôi vợ chồng trẻ Bắctơn lao đầu xuống nước một cách ngon lành như vậy, trước đây hai ngày, một lực sĩ nói tiếng Mỹ đã bị vẹo cổ. Ông ta không biết ước tính sự dâng lên và hạ xuống của những đợt sóng Vakhina.

- Cô ta là tay bơi lội nhà nghề đấy mà, – bà Henli Blếch thốt lên khi theo dõi Iđa Bắctơn.

- Chắc chắn đây là một diễn viên xiếc chuyên nhào lộn. Đám phụ nữ ngồi dưới bóng cây đã dùng những nhận xét như thế và tương tự như thế để an ủi nhau. Họ dùng phương pháp đơn giản là tự lừa dối. Hộ để ra khoảng cách to lớn giữa những người làm nghề để kiếm sống với tầng lớp của họ, những người chẳng phải làm lụng gì mà cũng vẫn được ăn no nê.

Vào ngày hôm ấy, sóng ở Waikiki rất mạnh. Ngay sóng bà cũng đã làm thoả mãn những tay bơi giỏi. Không có ai định ra đến chỗ sóng ông Canaca. Chẳng phải vì những vận động viên bơi lội tụ tập trên bãi tắm sợ bơi lạc ra xa, mà chỉ vì họ biết rằng, những đợt sóng khổng lồ cuộn xuống dưới đáy, dám nhấn chìm cả những chiếc thuyền lớn nhất của họ, và sẽ lật úp bất cứ một tấm ván nào.

Thật ra đa số trong bọn họ cũng có thể nhảy xuống nước để bơi, vì con người có thể bơi qua được những ngọn sóng mà thuyền mảng không thể theo nổi. Nhưng những chàng trai trẻ từ Honolulu đến đây đâu phải để làm như thế. Điều thích thú nhất của họ là đùa rờn trên ngọn sóng rồi đột nhiên rướn cả người lên khỏi mặt nước, bay cùng với đợt sóng vào bờ như một mũi tên.

Thuyền trưởng chiếc thuyền số chín, một trong những sáng lập viên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, đồng thời là quán quân nhiều lần về môn bơi cự ly dài, đã không thìn thấy lúc đôi vợ chồng Báctơn xuống nước. Và bây giờ khi ông nhìn thấy họ thì họ đã vượt ra xa ngoài cả sợi dây chằng để đánh dấu, cách tốp người bơi xa bờ nhất một quãng lớn. Từ lúc ấy, đứng trên hàng hiên của Câu lạc bộ, ông không rời mắt khỏi họ. Khi họ vượt qua đập chắn sóng bằng thép, cạnh đó chỉ có một vài vận động viên táo tợn nhất đang lặn hụp, thì người thuyền trưởng bực tức lắm bầm: “Đồ malakhini quái quỷ!”

Tiếng Haoai “malakhini” nghĩa là lính mới, tập sự. Nhưng thuyền trưởng thuyền số chín, mặc dù nhìn thấy đôi trai gái kia bơi rất giỏi, biết rằng chỉ những kẻ “tập sự” mới không hiểu gì hết và liều lĩnh dám bơi ra

đến dòng nước khủng khiếp sâu thẳm và chảy xiết ở ngoài đập chắn mà thôi. Điều đó làm ông bức tức. Ông bước xuống dưới bãi, khẽ ra lệnh cho một người nào đó trong số những tay chèo khoẻ nhất của ông, rồi quay lên hiên, đem theo chiếc ống nhòm. Sáu thủy thủ, cố không để ai chú ý đến họ, lặng lẽ khiêng chiếc thuyền số chín ra sát dìa nước. Họ kiểm tra lại, các mái chèo và cọc chèo, rồi ngồi ngả nghiêng trên bãi cát, làm như kiểu thờ ơ. Nhìn họ không ai nghĩ rằng đang sắp xảy ra chuyện nguy cấp. Còn bản thân họ thì thảng thoảng ngược mắt lên nhìn người thuyền trưởng, và ông này thì vẫn dán mắt vào chiếc ống nhòm.

Độ sâu khủng khiếp ở bên ngoài đập chắn là do con suối từ trong đất liền chảy ra biển tạo thành. San hô không sống được ở nước ngọt. Còn dòng chảy xiết là do những đợt sóng lao quá mạnh vào bờ. Nước do những đợt sóng Canaca dữ tợn liên tiếp xô vào phía bờ. Trong khi hạ xuống, chúng lại nhảy ngược ra khơi cùng với dòng chảy nói trên, lẫn xuống bên dưới những đợt sóng dữ tợn khác đang xô tiếp đến. Ngay cả ở chỗ này, nơi có dòng chảy, sóng cũng dâng lên rất cao, nhưng vẫn không ghê gớm bằng ở hai bên. Do đó, đúng chỗ dòng chảy, thuyền bè không gặp nguy hiểm gì đáng kể. Nhưng phải là loại thủy thủ có tay chèo thật khoẻ mới cưỡng lại được với dòng nước chảy xiết. Chính vì vậy, thuyền trưởng thuyền số chín bám chắc vị trí quan sát, miệng không ngớt càu nhàu. Ông tin chắc rằng hai kẻ “lính mới” kia sẽ bắt ông phải hạ thủy con thuyền để bơi ra cứu, khi họ đã kiệt sức. Ngay bản thân ông, vào địa vị của họ, cũng sẽ bơi sang bên trái, về phía mỏm Kim Cương, và phó mặc cho sóng lớn Canaca đánh dạt vào bờ. Nhưng vì ông, chính là ông, một lực sĩ hai mươi hai tuổi với làn da đen cháy do phơi quá nhiều dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới và có màu như gỗ mun, với tấm thân và các bắp thịt cứng như của Đíúc Cahanomốc. Trong những cuộc bơi thì cự ly một trăm phút, người quán quân thế giới kia bao giờ cũng đến đích trước anh cả một giây đồng hồ. Nhưng khi bơi cự ly dài, anh lại bỏ rơi người quán quân kia khá xa.

Trong số mấy trăm người có mặt trên bãi tắm lúc bấy giờ, ngoài người thuyền trưởng và các thủy thủ của ông, không một ai biết rằng đôi vợ chồng trẻ Báctơn đã bơi ra khỏi đập chắn. Tất cả những người nhìn thấy họ bơi ra khỏi bờ đều đinh ninh rằng, họ đã cùng với những người khác, nhảy từ trên đập xuống.

Đột nhiên người thuyền trưởng nhảy phốc lên lan can hàng hiên rồi một tay bám chiếc cột, một tay hướng ống nhòm ra phía hai chấm đen phía xa kia. Dự đoán của ông đã chính xác. Hai kẻ ngu ngốc kia, thoát được ra khỏi dòng chảy, đã quay sang, bơi về phía mỏm Kim Cương. Muốn vào đến bờ, họ phải vượt qua những đợt sóng lớn Canaca. Nguy hiểm hơn nữa, có vẻ họ còn định bơi ngang qua những con sóng dữ tợn ấy. Ông liếc nhanh xuống phía dưới. Nhưng đến khi các thủy thủ – đang giả vờ lim dim ngủ – đáp lại cái liếc mắt ấy, từ từ đứng dậy và chiếm lĩnh vị trí trên chiếc thuyền, thì người thuyền trưởng lại thay đổi ý kiến. Đôi nam nữ kia chắc chắn sẽ chết trước khi thuyền của ông kịp đến cứu. Thậm chí nếu thuyền cứu có đến kịp thì nó cũng sẽ bị lật chìm ngay lúc rời khỏi dòng chảy bơi vào vùng sóng lớn. Và những thủy thủ lành nghề nhất trong đội thuyền của ông chắc gì đã cứu sống được một người đã bị những ngọn sóng bạc đầu khủng khiếp và tàn nhẫn kia quật xuống đáy biển?

Người thuyền trưởng nhìn thấy, ở xa tít ngoài khơi, đằng sau hai chấm nhỏ xxíu kia, ngọn sóng Canaca đầu tiên đang xô tới, ngọn sóng này khá lớn nhưng chưa phải loại lớn nhất. Rồi ông nhìn thấy đôi nam nữ kia bơi trườn bên cạnh nhau, úp mặt xuống nước, vờn dài người, chân đập như chân vịt, tay sải dài về phía trước, cố theo kịp với tốc độ của ngọn sóng đang đuổi theo họ, để khi chạm vào sóng, họ không bị tụt lại phía sau, mà để nó cuốn họ theo. Đến lúc ấy, nếu như họ có đủ bình tĩnh và khôn ngoan để giữ vững mình trên ngọn sóng chứ không để cho nó cuốn đi rồi quật xuống đáy, thì họ cũng sẽ bị nó đẩy vào bờ, bằng sức của nó, chứ không còn bằng sức của bản thân họ nữa.

Và họ đã làm được đúng như thế. “Giỏi đấy!” Viên thuyền trưởng thuyền số chín tự nhủ thầm như vậy. Nhưng ông vẫn không rời mắt khỏi chiếc ống nhòm. Vì tay bơi lội giỏi nhất cũng chỉ có thể bơi trên những ngọn sóng như vậy được vài trăm phút. Còn hai người này? Nếu như họ không đuối sức thì cũng chỉ vượt được một phần ba quãng đường mà họ đã tự ý lựa chọn. Và đúng như thuyền trưởng dự đoán, chị phụ nữ gặp khó khăn trước. Vì phần nổi của cơ thể chị nhỏ hơn. Bơi được khoảng bảy chục phút, người thuyền trưởng thấy chị không giữ vững được nữa và chị biến mất. Cả một khối nước hàng mấy tấn trồi lên người chị. Rồi người đàn ông cũng biến mất.

Nhưng lát sau cả hai lại hiện ra trên mặt nước, đằng sau ngọn sóng một quãng xa, ngọn sóng mà họ để tuột mất.

Đợt sóng tiếp theo, người thuyền trưởng nhìn thấy trước họ. “Nếu như họ định bắt lấy ngọn sóng này nữa thì thế là hết!” – ông rít lên qua kẽ răng. Ông biết rằng bất cứ ai táo tợn dám làm như thế thì sẽ nguy. Ngọn sóng này chiều dài chừng một dặm, chưa có bọt, nhưng nguy hiểm hơn một ngọn sóng bạc đầu. Nó đang dâng dần lên ở khá xa sau lưng họ, cao mãi, cao mãi rồi đến khi biến thành một bức tường lừng lững che lấp cả đường chân trời, mới bắt đầu xuất hiện một đường bọt trắng trên đỉnh, lúc đầu mảnh mai rồi sau mới to rộng.

Nhưng rõ ràng là đôi nam nữ kia rất thông thuộc biển cả. Đáng lẽ tránh ngọn sóng thì họ lại quay mặt về phía nó để đón đợt. Người thuyền trưởng thầm thán phục họ. Một mình ông chứng kiến cảnh tượng này, và nhìn thấy hết sức rõ ràng nhờ chiếc ống nhòm. Bức tường bằng nước dâng cao dần, và ở tít phía trên đỉnh, chỗ nước mỏng hơn, ánh hoàng hôn xuyên qua lớp nước xanh biếc.

Màu xanh lục sáng dần rồi trở thành màu xanh lam. Và màu xanh lam này loé lên dưới ánh mặt trời, thành muôn vàn tia lấp lánh màu hồng và màu kim tuyến. Cả một đám màu sắc dâng lên cao, cao nữa, đến tận đỉnh

bạc đầu, lan toả ra mãi cho đến khi toàn thể ngọn sóng biến thành một khối loang loáng những ánh cầu vồng đủ mọi màu sắc.

Trên cái nền của ngọn sóng, hai cái đầu, một nam, một nữ, biến thành hai chấm đen. Đó cũng là hai cái chấm lọt thỏm giữa sức mạnh mù quáng của thiên nhiên và đang thách thức với mãnh lực vô biên của đại dương. Sức nặng của ngọn sóng cao vút, khi đổ xuống, có thể đè bẹp người đàn ông, bẻ gãy xương cốt của người đàn bà. Viên thuyền trưởng thuyền số chín bỗng nín thở lúc nào chính bản thân ông cũng không để ý thấy. Ông quên mất người đàn ông. Ông chỉ chăm chú vào người đàn bà. Chỉ cần chị ta luống cuống, hay hốt hoảng, hoặc làm một động tác kém chính xác một cái, là lập tức một sức mạnh khủng khiếp sẽ hất chị ra xa một trăm phút, đè bẹp rồi quật cái thân xác dúm dỏ kia xuống đáy san hô để mặc cho dòng nước dưới sâu cuốn chị ta ra ngoài biển khơi làm mồi cho đàn cá mập háu đói, nhưng nhát gan, không dám tấn công những người đang còn sống.

Tại sao, viên thuyền trưởng tự hỏi, tại sao họ lại không lặn từ trước xuống sâu hơn một chút, mà lại đại dốt đón đợi cho cái dây phút an toàn cuối cùng biến thành giây phút đầu tiên của nỗi hiểm nguy chết người kia? Ông nhìn thấy chị phụ nữ vừa cười vừa quay mặt sang phía anh đàn ông và anh chàng này cũng cười vang đáp lại. Ngọn sóng đã đang nâng họ lên trên cao, và phía trên nữa, đỉnh sóng màu trắng đục như sữa bật lên những đám bọt lấp lánh như vàng ngọc. Ngọn gió mát mẻ từ trong bờ thổi ra, hứng lấy những đám bọt trắng ấy, đưa chúng lên cao rồi tạt chúng về phía sau. Đến đúng lúc ấy, vẫn giữ khoảng cách giữa họ sáu phút, đôi nam nữ đột nhiên cùng lặn xuống dưới đáy con sóng một lượt. Và cũng chính lúc ấy, ngọn sóng tan ra và hạ xuống. Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi.

Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi trong một giò phong lan khổng lồ. Còn ngọn sóng bạc đầu và đám bọt trắng xoá cùng

những giọt nước bắn lên cao kia, tất cả đều âm âm đổ xuống vào đúng chỗ mà đôi nam nữ vừa ngụp xuống.

Cuối cùng, đôi nam nữ kia lại hiện ra ở phía sau lưng ngọn sóng. Họ vẫn giữ khoảng cách sáu phút giữa họ. Họ sải dài hai tay, bơi về phía bờ, luôn luôn sẵn sàng hoặc đón ngọn sóng tiếp theo, hoặc chờ nó đến để ngụp xuống dưới chân nó. Viên thuyền trưởng thuyền số chín vẫy tay ra hiệu cho đội thủy thủ, ý nói họ có thể giải tán. Ông ngồi lên hàng lan can, cảm thấy một nỗi mệt mỏi khó tả, nhưng vẫn cầm ống nhòm theo dõi một đôi nam nữ đang bơi.

- Họ là ai thế nhỉ? – ông lẩm bẩm. – Có điều chắc chắn họ không phải là malakhini. Điều ấy thì mình dám khẳng định.

Sóng ở Vaikiki không phải thường xuyên lên đến độ cao. Thậm chí còn rất hiếm khi. Và mặc dù thời gian sau đó hai vợ chồng Báctơn vẫn tiếp tục làm cho các bà các cô đến nghỉ phải chú ý và khó chịu, nhưng các thuyền trưởng trong Câu lạc bộ Thuyền buồm thì thôi không lo lắng gì cho họ nữa. Những người thuyền trưởng này đã nhìn thấy đôi vợ chồng này bơi ra xa bờ, tan biến giữa làn nước xanh biếc rồi sau đấy vài tiếng đồng hồ, họ sẽ nhìn thấy hoặc không nhìn thấy hai người kia quay trở về. Các viên thuyền trưởng không lo lắng gì vì họ biết chắc rằng đôi vợ chồng kia sẽ trở về.

Bởi vì họ không phải là malakhini. Họ là dân bản địa. Nói cách khác, hay nói cho đúng hơn, có thể gọi họ theo tiếng Haoai: đấy là những camaaina. Những người dân địa phương đều còn nhớ cậu bé Li Báctơn, khi cậu đúng còn là một malakhini, mặc dù còn rất nhỏ tuổi. Từ bấy đến nay, do hay đến nơi này và do ở đây lâu, cậu đã vinh dự được mọi người coi là một camaaina.

Còn Ida Báctơn thì những phụ nữ bản địa trạc tuổi chị, mỗi khi gặp chị đều ôm hôn thăm thiết theo kiểu Haoai (trong bụng thầm ngạc nhiên làm sao chị lại giỏi giữ thân thể trẻ lâu như vậy). Các bà già thường mời chị

uống trà và trò chuyện nhắc lại quá khứ trong những góc sân, những ngôi nhà trong ngõ hẻm, nơi khách du lịch không ai nhìn thấy bao giờ. Ngay sau hôm chị về đây, chưa được một tuần lễ, bà hoàng già lụ khụ Liliucalani đã sai người tìm chị để mời đến chơi nhà và đã quở mắng đầy tớ về tội chưa tiếp đãi chị cho thật chu đáo. Còn những cụ già móm mém, ngồi trên những chiếc chiếu mát rượi và thơm phức, thường kể chị nghe về ông nội của chị, thuyền trưởng Uynton. Bản thân họ chưa hề được gặp cụ nhưng lại thích gợi lại những kỷ niệm về cuộc đời phóng đãng, về những hành vi điên rồ của cụ, mà họ biết được do cha mẹ họ kể lại. Ông nội chị – thuyền trưởng Uynton, – chính là Đêvít Uynton, cũng được gọi là “Người bách nghệ” – biệt danh do dân Haoai yêu mến đặt cho cụ thời bấy giờ. Cụ lúc đầu là người buôn bán ở vùng Tây-Bắc hoang dã, về sau trở thành kẻ giang hồ, thuyền trưởng không có thuyền. Cũng chính cụ năm 1820, đứng trên bờ biển Cailoa đã chào đón những nhà truyền giáo đầu tiên đến hòn đảo này trên chiếc thuyền buồm lớn Tadêus”, và sau đấy vài năm chính cụ đã quyến rũ được con gái của một trong những nhà truyền giáo kia, cưới cô làm vợ, trở nên người chín chắn rồi phục vụ một cách chăm chỉ và trung thành các vị vua Camêhamêha trong một thời gian dài với chức vụ Thượng thư Bộ tài chính và Giám đốc Nha thuế vụ, đồng thời đóng vai môi giới và hoà giải giữa một bên là những nhà truyền giáo, một bên là đám người phức tạp và luôn thay đổi, gồm những dân du thủ du thực, lái buôn và những tù trưởng Haoai.

Li Báctơn cũng không thể có gì phải phàn nàn về sự lạnh nhạt của mọi người ở đây đối với anh. Mỗi khi nhân một dịp nào đó, dân ở đây tổ chức những cuộc vui chơi ngoài biển, nhảy múa hoặc những bữa ăn uống nhậu nhẹt theo kiểu dân tộc gọi là “luao”, các bè bạn cũ đều không quên kéo anh vào dự vui với họ.

Đã có thời họ là những kẻ táo tợn, sống ngày nay không cần biết đến ngày mai. Bây giờ họ phát hiện ra rằng, thiên nhiên đã phú cho họ chức năng tiêu hoá và nhiều chức năng khác của cơ thể, thế là họ trở lại lành

hiền, bớt càn quấy, tăng chơi quần ngựa và thường xuyên đến dự những cuộc đấu bóng. Những bè bạn cùng chơi bài pôke với Li Báctơn cũng đã trải qua một cuộc biến hoá tương tự. Bây giờ họ hạ thấp mức tiền đặt cọc xuống rất nhiều, uống toàn nước suối và nước cam, kết thúc canh bạc trước mười hai giờ đêm.

Giữa lúc sôi nổi nhất của cuộc vui chơi, trên sân khấu bỗng xuất hiện Xani Grendixơn, người gốc rể và đồng thời cũng là người hùng của quần đảo Haoai. Mới bốn mươi một tuổi anh đã có thể từ chối lời đề nghị anh làm chức thống đốc xứ sở này. Trước đây một phần tư thế kỷ, anh đã từng quẳng cô bé Iđà vào con sóng ở bờ biển Vaikiki. Còn trước đó thì trong khi nghỉ vụ hè ở trong trại chăn nuôi to lớn của cha anh trên đảo Lacanai, anh đã long trọng thu nạp cô bé Iđà cùng vài cậu bé nữa từ năm đến bảy tuổi vào “băng” của mình mang tên “Băng thợ săn đầu” hay còn gọi “Bão tố Lacanai”. Còn trước đó nữa thì ông của anh và ông của Iđà đã cùng cộng tác với nhau trong những hoạt động chính trị và kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Haoađơ, anh đã vừa chu du rất nhiều nơi, vừa nghiên cứu khoa học. Và đến mỗi nơi anh lại kết thân với những bạn bè mới. Anh đã phục vụ ở Philipin, với tư cách nhà côn trùng học đã tham gia một loạt đoàn khảo sát khoa học ở quần đảo Malaixia châu Phi và châu Mỹ La-tinh. Năm bốn mươi một tuổi anh vẫn còn đứng trong biên chế của Học viện Xmítxơn. Và bè bạn quả quyết với anh rằng, anh hiểu biết về loại sâu đục thân mía còn hơn những chuyên gia côn trùng học ở trạm thực nghiệm do anh cùng những chủ đồn điền mía khác sáng lập nên. Ở quê hương, anh là nhân vật có tiếng tăm và cũng là người đại diện nổi tiếng nhất của dân Haoai ở nước ngoài. Những người Haoai đã du lịch ra nước ngoài đều đồng thanh công nhận rằng, bất cứ đến nơi nào trên trái đất, cứ hễ biết họ là dân Haoai, lập tức người ta hỏi ngay: “Vậy ông (hay bà) có biết Xani Grendixơn không?”

Tóm lại, anh là con nhà giàu, lại là người đã đạt nhiều thành công lớn trong cuộc đời. Anh đã biến số tiền một triệu đôla thừa hưởng của cha thành mười triệu. Trong khi đó anh vẫn không giảm bớt những món tiền góp vào các hội từ thiện mà thuở sinh thời cụ vẫn thường góp, thậm chí còn tăng thêm.

Nhưng đây chưa phải toàn bộ những gì có thể kể về con người này. Cách đây mười năm, vợ anh đã qua đời. Hai người không có con. Và không một người đàn ông nào trên khắp quần đảo Haoai lại được nhiều phụ nữ mơ ước được kết duyên như anh. Dáng người cao thon, bụng nhỏ như bụng lực sĩ, anh bao giờ cũng ăn mặc chỉnh tề, lịch sự. Tóc đen, nét mặt cương nghị, chỗ thái dương có ít sợi bạc, da mặt trẻ trung, nhẵn bóng, mắt sáng và linh hoạt, anh nổi bật lên ở bất cứ nơi đông người nào. Tưởng chừng như toàn bộ thời giờ của anh đều bị cuốn vào những cuộc vui chơi phù phiếm, những cuộc họp của các uỷ ban, các ban quản trị và các hội nghị chính trị. Ngoài ra anh còn làm đội trưởng đội bóng pôlô đã nhiều lần đoạt giải. Và trên hòn đảo Lacana của mình, anh đã nuôi ngựa chuyên phục vụ môn thể thao pôlô. Và công việc kinh doanh này cũng thu lợi không kém gia đình Bonouyn trên đảo Maoi.

Khi trên sân khấu đã có mặt hai nhân vật mạnh mẽ và độc đáo – một đàn ông và một đàn bà – nay lại xuất hiện thêm nhân vật đàn ông thứ hai, cũng mạnh mẽ và độc đáo không kém, thì hầu như tất yếu sẽ phải tạo nên một bộ ba đầy bi kịch. Nếu dùng ngôn ngữ của những kẻ chuyên lê gót giày ở những nơi công cộng thì một bộ ba như thế có thể gọi là một bộ ba “siêu bi kịch” hoặc bộ ba “kinh thiên động địa”. Người đầu tiên nhận ra được tình thế này tất nhiên phải là Grendixơn bởi vì toàn bộ câu chuyện bắt đầu từ ý định táo tợn của anh. Hơn nữa, chắc gì trí thông minh của anh, cho dù nhạy bén đến mấy đi nữa, có thể vượt được trực giác của một phụ nữ như Ida Báctơn. Nhưng điều này thì rõ ràng: “Li Báctơn là người cuối cùng nhận ra. Và anh tìm cách biến mọi chuyện thành trò đùa cợt, trong khi chuyện ấy chẳng phải trò đùa chút nào.

Nhưng chẳng bao lâu anh nhận ra rằng, mình biết quá muộn, nghĩa là khi quá nửa số người mà anh đến thăm đã biết hết cả rồi ôn lại thời gian qua, anh nhận thấy rằng, đã từ lâu, bất cứ nơi nào vợ chồng anh được mời đến thì nơi ấy Xani Grendixơn cũng được mời đến. Vợ chồng anh đi đến đâu cũng có mặt Xani ở đó và là người thứ ba! Đám người vui vẻ kia đi bất cứ đâu, đến Cahuca, Halâyva, Ahnimana, hoặc thăm những khu vườn san hô ở Cannêôhê, hoặc tắm ở mũi Cocô, cũng dẫn đến tình trạng Ida ngồi trong ô tô của Xani hoặc cả hai cùng ngồi trong xe của một người nào khác. Hai người ấy, Ida và Xani, gặp nhau trong các cuộc vũ hội, các bữa tiệc, các cuộc thăm qua, trong các “luao”, tóm lại, ở khắp mọi nơi.

Nhận xét được ra rồi, Li Báctơn không thể không nhận thấy thêm nữa rằng, khi có mặt Xani Grendixơn, vợ anh tươi tỉnh hẳn lên. Chị vui lòng ngồi cùng xe ô tô với Xani, nhảy với anh ta hoặc sẵn lòng bỏ một điệu nhảy để trò chuyện với anh ta. Nhưng lộ liễu nhất là nét mặt của bản thân Xani. Bất chấp tuổi tác, bất chấp tính điềm đạm và kinh nghiệm sống, nét mặt anh ta luôn luôn bộc lộ tình cảm một cách lộ liễu không kém gì một cậu trai hai mươi tuổi. Tuổi đã trên bốn mươi, có nghị lực, từng trải, nhưng Xani Grendixơn vẫn chưa tập được cách che giấu cảm xúc đằng sau một chiếc mặt nạ lạnh lùng. Vì vậy, Li Báctơn, vốn cùng tuổi, chẳng phải tốn công sức gì cũng nhìn thấy được rõ ràng ruột gan của Xani, như qua một tấm kính trong suốt.

Và không phải chỉ một lần, trong khi Ida chuyện phiếm với những người phụ nữ khác, và khi câu chuyện đụng đến Xani, Li Báctơn đã nghe thấy vợ mình ca ngợi anh ta, hết lời ca tụng cách Xani chơi pôlô, ca tụng các hoạt động xã hội và mọi ưu điểm khác của anh ta.

Thế là tâm trạng của Xani không còn có gì khó hiểu đối với Li Báctơn nữa. Và không phải chỉ với anh, mà đối với bất cứ ai. Nhưng còn Ida, người vợ mà anh đã cùng chung sống trong hạnh phúc hoàn toàn suốt mười hai năm trời, không một chút gợn, chị thì thế nào?

Anh thừa biết rằng phụ nữ là loại người khó hiểu. Họ rất biết cách giữ kín tình cảm thật. Thái độ thân mật một cách công khai với Xani Grendixơn phải chăng chỉ là do tình bạn thuở nhỏ? Hay thái độ ấy chính lại là tấm bình phong để che giấu một mối tình say đắm? Để che giấu một tình cảm đáp lại, biết đâu còn mãnh liệt hơn cả tình cảm lồ lộ trên mặt Xani?

Li Báctơn rất buồn. Mười hai năm sống chung thủy và hợp pháp với vợ, anh thấy rõ rằng Iđa là người phụ nữ duy nhất mà anh cần đến, rằng trên trái đất này không có một người phụ nữ nào có thể thay thế được vị trí của Iđa trong tim và óc anh. Anh không thể tưởng tượng được ra một người phụ nữ nào lại có thể làm anh sao lãng được Iđa, chứ chưa nói đến

chuyện có thể vượt được chị trong việc làm vừa lòng anh mọi lúc và mọi nơi.

Anh hoảng hốt thầm tự hỏi mình, phải chăng giống như những người khác của dòng họ Bênêdic, khi đang yêu, đây là “chuyện lãng mạn đầu tiên” của vợ anh chăng? Điều băn khoăn ấy dẫn dắt anh không nguôi. Và điều làm cho những bè bạn cùng chơi bài pôke với anh, những con người có tuổi và chín chắn, phải ngạc nhiên, cũng như làm cho những bà những cô theo dõi anh trong các bữa tiệc lấy làm mừng rỡ, là Báctơn bắt đầu dùng cônhắc thay cho nước cam, lớn tiếng tán thành việc tăng số tiền đặt cửa, chiều chiều phóng xe ô tô như điên trên con đường ra mũi Kim Cương và ra bờ vực Pali, và trong bữa ăn, anh dùng nhiều rượu cồctai và Uytki Scốtlen hơn mức dùng cho một người bình thường.

Xưa nay Iđa vẫn thường bỏ qua, không hề trách cứ gì thói say mê cờ bạc của chồng. Qua bao năm chung sống với vợ, anh đã quen với thái độ dễ dãi ấy. Nhưng đến nay, khi mối hiểm nghi đã xuất hiện, anh có cảm giác như vợ anh chỉ mong cho anh đánh bạc thật nhiều. Hơn thế nữa, anh còn nhận xét thấy rằng, đã lâu Xani Grendixơn thôi không đến những nơi chơi bài pôke và britgiơ nữa. Người ta bảo anh rất bận. Nhưng trong khi Li Báctơn chơi bài thì Xani dùng thời gian ấy làm gì? Không thể lúc nào anh

ta cũng họp với các hội đồng, các ban quản trị như thế được. Li Báctơn bèn thử đi điều tra. Chẳng vất vả gì anh cũng kết luận được rằng trong những thời gian ấy, Xani đã tiêu khiển với Ida. Khi thì thấy ở vũ hội, khi thì dự tiệc, khi thì tắm biển dưới ánh trăng. Và cái hôm mà Xani, viện cớ việc không thể trì hoãn được để không chơi bài britgiơ với Li Báctơn, Lenho Giônxsơ và Giéch Hônxtâyno trong Câu lạc bộ “Thái Bình Dương” thì ra anh ta bận phải chơi bài, cũng là bài britgiơ, nhưng ở nhà bà Dôra Natlơđơ cùng với ba người phụ nữ, trong đó có Ida.

Một lần, sau khi đi kiểm tra việc xây dựng một ụ để tàu trên cạn, Li Báctơn từ Pioclơ Habo trở về. Anh gài số ba cốt phóng xe thật nhanh để về đến nhà còn kịp thay quần áo trước khi ngồi vào bàn ăn bữa trưa. Hôm ấy xe anh đã vượt xe của Xani, và anh nhìn thấy trong xe của Xani có một người nữa là Ida. Cách đấy một tuần lễ, mà trong tuần ấy anh không hề ngồi vào chiếu bạc lần nào, sau khi dự bữa ăn độc thân ở Câu lạc bộ Đại học, mười một giờ khuya anh mới về đến nhà, thì liền sau đấy, vợ anh cũng về. Ida vừa ăn bữa tối và nhảy ở nhà ông bà Anxtơn xong. Người chở xe đưa chị về chính cũng lại là Xani Grendixơn. Họ nói rằng Xani đã phải đưa cả vợ chồng thiếu tá Phrenclin về Phóoc Sáptơ ở tận đầu kia thành phố, cách trung tâm Vaikiki rất xa.

Li Báctơn cũng chỉ là một con người và anh rất đau khổ trong lòng, mặc dù trước mặt mọi người anh vẫn tỏ ra vô cùng thân ái với Xani. Ngay đến Ida cũng không biết chồng mình đang đau khổ, và chị vẫn hồn nhiên, vui vẻ không nghi ngờ gì cả, có chăng chị chỉ hơi ngạc nhiên đôi chút thấy gần đây chồng uống quá nhiều rượu trước các bữa ăn mà thôi.

Tưởng mọi sự vẫn y như trước, anh vẫn thổ lộ hết mọi điều với vợ. Nhưng thực ra anh giấu chị điều đau khổ và không cho chị biết chút nào về cuốn “sổ kế toán” mà anh tiến hành ghi trong óc, đêm cũng như ngày, cố mau chóng đạt đến một kết luận rõ ràng. Trong “cuốn sổ” ấy, một cột ghi tất cả những biểu hiện thực sự chân thành tình yêu của chị đối với anh:

những sự chăm sóc, những lời an ủi, những lần hỏi ý kiến, và những việc chị đã làm để chiều ý chồng. Một cột khác ghi nhiều hơn, đó là những câu nói và thái độ của chị mà anh cho là khả nghi. Những câu nói và thái độ ấy có thực lòng không? Hay có chứa đựng một chút giả dối, mặc dù giả dối không có dụng ý? Cột thứ ba, dài nhất và cũng quan trọng nhất theo quan điểm tâm hồn con người, ghi những điều có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đến vợ anh và Xani Grendixơn. Li Báctơn làm cuộc ghi chép đều đặn vào “cuốn sổ” này không định nhằm một mưu đồ gì hết. Chỉ đơn giản là anh không thể không ghi. Nếu như có thể thôi được cái công việc này, thì anh sẽ vui vẻ mà chấm dứt nó ngay. Khốn nỗi anh đã nhiễm thói quen mọi thứ đều phải rành rọt. Và mọi điều anh nhận xét thấy đều cứ như tự chúng xếp vào từng cột một, ngoài ý muốn của anh.

Bây giờ mọi thứ anh đều nhìn một cách méo mó. Mỗi con ruồi anh đều nhìn thành con voi, mặc dù anh biết rõ đấy chỉ là con ruồi. Cuối cùng anh đã tìm đến Mặc Luâyơn, người mà có lần anh đã giúp cho một việc khá lớn. Mặc Luâyơn là Giám đốc Sở cảnh sát điều tra. Li Báctơn hỏi ông ta: “Xani Grendixơn có phải người đào hoa không?” Người giám đốc cảnh sát không trả lời gì hết. Li Báctơn kết luận: “Nghĩa là có chứ gì?” Nhưng ông ta cũng vẫn im lặng.

Sau đấy ít ngày, Li Báctơn nhận được một tờ giấy mật có chữ ký của Mặc Luâyơn, và đọc xong anh vội huỷ ngay như huỷ một vật như bản nguy hiểm. Kết luận tổng quát là: Kể từ khi vợ qua đời đến nay, Xani Grendixơn đã sống không buông tuồng nhưng cũng không phải hoàn toàn đúng đắn. Cuộc hôn nhân giữa anh và vợ đã một thời từng là đề tài cửa miệng của giới thượng lưu Honôlulu, vì họ yêu nhau say đắm, không phải chỉ trước khi cưới mà cả khi đã chung sống với nhau rồi, cho đến tận khi chị vợ anh chết một cách bi thảm cách đây đã mười năm, cả người lẫn ngựa đều trượt khỏi con đường mòn Nanicu và rơi xuống vực thẳm. Và theo như Mặc Luâyơn, trong một thời gian dài sau đó, Xani không hề chú ý đến người phụ nữ nào. Còn về sau thì nếu anh ta có quan hệ với người phụ nữ nào thì

cũng hoàn toàn đúng đắn, không gây nên điều tiếng gì. Vì vậy mọi người cho đến nay vẫn tin rằng Xani Grendixơn là người chồng thủy chung và sẽ không bao giờ lấy ai nữa. Riêng vài cuộc tình thoáng qua mà Mặc Luâyơn kê ra trong mảnh giấy thì theo như ông ta nhận định, chính bản thân Xani cũng đành đành rằng chỉ những người trong cuộc biết mà thôi.

Li Báctơn đọc lướt qua rất nhanh, tuồng như thẹn với chính bản thân mình, cái bản kê ngăn ngừa những tên phụ nữ và những ngày tháng. Và chính bản thân anh cũng phải ngạc nhiên trước khi đưa tờ giấy vào ngọn lửa. Đúng! Cái gì thì chưa biết, chứ thật trọng thì Xani có thừa. Nhìn mảnh giấy đã cháy thành than, Li Báctơn bỗng chợt nghĩ rằng, không biết trong số những chuyện tình thuở trẻ của mình, những chuyện nào đã nằm vào hồ sơ mật của ông già Mặc Luâyơn kia. Và đột nhiên anh cảm thấy mặt nóng bừng. Sao anh ngốc thế! Nếu như Mặc Luâyơn đã biết rõ đời tư của bất kỳ người nào trong tầng lớp của họ đến như vậy thì cũng có nghĩa rằng bản thân anh, người chồng, người che chở cho Ida, đã cung cấp cho ông ta một cái cớ để nghi ngờ vợ mình rồi còn gì.

- Không có chuyện gì lạ chứ? – anh hỏi vợ vào đúng cái buổi tối hôm ấy, khi chị vừa mặc quần áo xong, còn anh thì đứng cạnh, cầm sẵn chiếc áo măngtô.

Câu hỏi hoàn toàn phù hợp với điều đã quy ước giữa hai vợ chồng, là không giấu giếm nhau điều gì hết. Và trong khi chờ đợi Ida trả lời, Li Báctơn ân hận là đã không hỏi vợ câu ấy từ trước.

- Không, -chị mỉm cười. – Không có chuyện gì lạ hết... Cũng có thể là để rồi lúc nào...

Chị soi gương, thoa phấn vào mũi, rồi lại lấy cái búp phẩy bớt phấn đi. Sau đó chị nói tiếp:

- Anh thừa biết tính em như thế nào rồi. Em cần phải có thời gian để nhìn ra cho rõ. Và sau khi đã rõ rồi thì thế nào em cũng sẽ nói hết với anh. Chỉ có điều là nhiều khi chưa có điều gì đáng nói, cho nên cũng chưa muốn để anh phải nghĩ ngợi làm gì.

Chị giơ hai cánh tay ra phía sau, để anh khoác áo măngtô vào cho. Đôi cánh tay dửng dưng và thông minh, khi vật lộn với sóng biển thì cứng như thép, đồng thời lại vẫn là cánh tay phụ nữ: tròn trĩnh, ấm áp, trắng ngần. Lớp da mịn màng phủ lên những bắp thịt tuyệt vời và ngoan ngoãn, sẵn sàng tuân theo sự điều khiển của chủ nhân.

Li Báctơn ngấm vợ với lòng khâm phục. Anh vừa thoáng buồn lại vừa đau xót. Lúc này sao vợ anh mảnh mai, yếu đuối đến thế. Nhìn chị người ta có thể tưởng như bất cứ một người đàn ông khoẻ mạnh nào cũng có thể chỉ dùng một tay cũng nhắc bổng chị được.

- Nhanh lên, còn đi chứ, anh? – chị kêu lên vì thấy chồng còn chần chừ, chưa khoác chiếc áo măngtô ra ngoài chiếc áo dài tuyệt đẹp và mỏng dính của chị. – Trễ mất đấy. Nếu ở Nuuanu trời mưa thì lại phải lên lầu và vợ chồng mình sẽ không kịp tham gia điệu nhảy thứ hai đâu.

Anh quyết định sẽ phải xem cho kỹ được điệu vũ thứ hai vợ mình sẽ nhảy với ai. Và anh đi theo chị ra cửa, ngắm dáng đi của vợ, cái dáng đi mà anh vẫn thường thầm nhận xét rằng bao giờ cũng bộc lộ toàn bộ bản chất, cả tinh thần lẫn thể xác của chị.

- Em không giận khi thấy anh chơi bài pôke nhiều quá và bỏ mặc em đi một mình đấy chứ? – Lại một câu thăm dò nữa.

- Đấy là quyền của anh! Với lại anh thừa biết rằng em tán thành để anh mê đánh bạc. Vì sự say mê ấy làm cho anh thoải mái hơn. Không những thế, mỗi khi anh đánh bài, anh trở nên rất đáng yêu. Mà hình như có lần anh chơi bài khuya quá, đến sau một giờ sáng thì phải.

Đến Nuuanu trời chưa mưa. Gió nhẹ và trời đầy sao. Họ đến kịp điệu nhảy thứ hai vì Li Bắctơn nhìn thấy vợ mình bước vào sàn nhảy cùng với Xani Grendixơn. Chuyện này chẳng có gì đặc biệt, nhưng anh vẫn thầm ghi nó vào cuốn sổ kế toán nằm trong óc.

Một tiếng đồng hồ sau, bỗng nhiên anh thấy bồn chồn. Anh rời khỏi chiếu bạc Britgiơ, lánh qua mấy người phụ nữ trẻ, bước ra ngoài vườn, đi lững thững. Bên kia ao có một rặng hoa quỳnh. Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, và gần sáng đã tàn. Những bông hoa to, đường kính đến một phút, màu vàng nhạt, tựa như được làm bằng sáp ong, lấp lánh như những ngọn hải đăng trong đêm tối, toả hương thơm ngào ngạt và chúng đang cố tận hưởng mau kéo đã sắp phải tàn.

Nhưng trên con đường nhỏ dọc theo rặng hoa quỳnh, người đi dạo rất đông. Họ đi thành từng đôi, vào quãng thời gian giữa hai điệu nhảy, hoặc có khi họ bỏ một vài điệu nhảy để chuyện trò với nhau. Họ nói rất khẽ, mắt như đăm đũa ngắm nghĩa điều huyền diệu kia: cuộc sống tình ái của một loài hoa. Ban hợp xướng nam hát bài “Hanalây” du dương văng từ trên sân nhà vọng xuống vườn. Li Bắctơn hơi nhớ lại một truyện ngắn hình như của Ghidơ Môpaxăng nói về một thầy tu. Ông ta tin một cách thành kính, rằng mọi vật trên thế gian này đều do Chúa Trời tạo nên nhằm những mục đích mà chỉ có Ngài mới biết được. Nhưng đến khi phải dùng cái cách nhìn ấy để giải thích sự tồn tại của hiện tượng ban đêm, thì ông thầy tu kia cuối cùng đã hiểu được ra rằng, Chúa Trời sáng tạo ra ban đêm là để nhằm phục vụ cho tình yêu.

Thấy cả hoa lẫn người đều say đắm ban đêm, Li Bắctơn thấy đau xót. Anh quay bước, định trở vào nhà theo con đường ngoằn ngoèo dưới bóng những cây xiêm gai và dừa. Đến chỗ con đường ló ra khỏi bóng cây, anh nhìn thấy cách mình vài bước chân, trên một con đường nhỏ khác, một đôi trai gái đang hôn nhau trong bóng tối. Anh phát hiện ra họ, vì nghe thấy giọng thì thào tha thiết của người đàn ông. Nhưng cũng đúng lúc ấy, đôi

tra gái nhìn thấy anh. Anh con trai ngừng bật, không nói nữa. Và cả hai cố giữ bất động hoàn toàn.

Anh bước chân tiếp, trong lòng xót xa với ý nghĩ rằng, bóng tối dưới các lùm cây chính là giai đoạn sẽ phải xảy tới với những người hiện còn đứng ngoài chỗ trống, đang ca ngợi những đoá hoa quỳnh kia. Ôi, anh nhớ rất rõ cái thời mà chỉ cốt để được hưởng một phút yêu đương, anh sẵn sàng đối trá, sẵn sàng mưu mẹo, và chỉ mong được đứng dưới bóng lùm cây càng tối càng tốt. Người ta giống như những bông hoa. Trước khi quay trở về với cuộc sống quen thuộc nhưng giờ đây anh cảm thấy không chịu nổi nữa, anh dừng chân lại một lát ngoài vườn, lơ đãng ngắm nhìn khóm phù dung hoa kếp đang rục rở dưới luồng ánh sáng từ trên hiên nhà hắt xuống. Và bỗng nhiên tất cả những gì làm anh đau khổ, những gì anh vừa nhìn thấy và nghe thấy: những bông hoa quỳnh chỉ nở có một đêm, những lời thầm thì của những kẻ đang yêu và đôi trai gái hôn nhau vụng trộm như kẻ cắp, tất cả những thứ ấy hoà lẫn vào nhau tạo thành một câu chuyện ngụ ngôn về cuộc đời, được thể hiện trong những đoá phù dung mà anh đang ngắm nghía. Anh cảm thấy cuộc đời và khát vọng của con người cũng giống như những đoá hoa kia: khi nở ra lúc bình minh, chúng trắng như tuyết, gặp ánh nắng mặt trời, chúng chuyển màu hồng, đến tối, chúng đỏ rục và sau đó thì bắt đầu tàn, không sống nổi cho đến bình minh hôm sau!

Không biết còn những ý nghĩ so sánh nào nảy ra trong óc anh nữa, bởi vì từ phía sau lưng anh, nơi có những rặng xiêm gai và dứa nước, chợt vọng đến một giọng cười quen thuộc, tiếng cười tươi vui và hồn nhiên của Iđa. Sợ phải nhìn thấy vợ mình, anh không dám ngoái đầu lại, bước vội lên hiên nhà. Do luống cuống, chân anh dúi lại làm anh suýt ngã. Và mặc dầu anh thừa biết nếu quay lại anh sẽ nhìn thấy gì, nhưng anh cũng vẫn quay đầu lại, và nhìn thấy vợ anh và Xani vừa mới hôn vụng trộm trong bóng tối. Mắt anh hoa lên. Và anh phải vịn vào lan can mới đứng được vững, đôi mắt lơ đãng hướng về phía tốp nam trong dàn hợp xướng đang hát đoạn điệp khúc ngọt ngào “Hani Caua Nikiviki” trong cái đêm cũng ngọt ngào này.

Một lát sau, anh liếm môi, gắng lấy lại bình tĩnh và nói được một câu pha trò với nữ chủ nhân, bà Insokíp. Nhưng không thể để chậm trễ được – hai kẻ tội lỗi kia đã đang bước lên những bậc lên hiên nhà rồi.

-Tôi khát cháy cả cổ, cứ như vừa vượt qua sa mạc Gôbi ấy, – anh nói. – Phải uống ngay một cốc rượu, kéo chết khát bây giờ.

Bà Insokíp mỉm cười đưa tay trở về phía góc sân dành cho những người hút thuốc lá. Anh đến nơi thì cũng đúng lúc mọi người tản ra. Anh sôi nổi trò chuyện với mấy ông già về tình trạng sản xuất đường hiện nay.

Có mấy chiếc xe cùng đi về thành phố Vaikiki. Li Bátor phải nhận chở ông bà Becxtơn và đôi vợ chồng Lexli. Anh cũng vừa nhìn thấy Iđa ngồi vào xe của Xani, ngay bên cạnh anh ta. Chị về đến nhà trước. Khi anh bước vào đã thấy chị đang chải tóc chuẩn bị đi ngủ. Hai vợ chồng tạm biệt nhau để đi nghỉ, như thường lệ. Anh cố làm ra vẻ tự nhiên, nhưng chợt nhớ rằng môi một kẻ khác đã chạm vào môi vợ mình, anh phải gắng hết sức mới không lộ vẻ gì khác thường. Gắng đến nỗi, anh tưởng chừng mình suýt ngất đi.

“Chẳng lẽ bản tính của phụ nữ đúng là vô đạo đức thật, như những triết gia yếm thế, bi quan chủ nghĩa Đức đã quả quyết?” – anh tự hỏi, không làm sao ngủ được, cũng không thể đọc nổi một cuốn sách nào. Trằn trọc khoảng một tiếng đồng hồ, anh đành dậy, tìm trong tủ thuốc một liều thuốc ngủ tác động mạnh. Sau đấy một tiếng vẫn không ngủ được, sợ không dám một mình suy nghĩ vẩn vơ, anh lại uống thêm một liều thuốc ngủ nữa.

Anh còn uống thêm hai lần nữa, mỗi lần cách nhau một tiếng đồng hồ. Nhưng thuốc tác động quá chậm, nên đến khi anh ngủ thiếp đi được, thì bên ngoài trời đã bắt đầu rạng sáng. Đến bảy giờ anh lại thức giấc. Miệng đắng ngắt, mắt vẫn cay xè nhưng anh không làm sao ngủ lại được nữa. Đến khi thấy rõ rằng có cố cũng vô ích, anh gọi người phục vụ đem điếu tâm vào, anh ăn ngay trên giường và đọc báo chí buổi sáng. Nhưng thuốc ngủ tiếp

tục tác động và thỉnh thoảng anh lại ngủ thiếp đi vài giây, ngay trong lúc đang đọc báo. Anh cứ trong tình trạng nửa thức nửa ngủ như thế cả trong lúc tắm và mặc quần áo. Và anh sung sướng thấy rằng, mặc dù thuốc không làm anh ngủ được ban đêm, nhưng cũng tạo được cho anh một cảm giác lơ mơ dễ chịu vào buổi sáng.

Mãi cho đến khi Ida trở dậy và bước vào phòng anh, trong chiếc áo choàng duyên dáng, miệng nở một nụ cười hóm hỉnh, và vẫn như mọi khi, tươi vui và tanh thân, anh mới cảm thấy chất thuốc phiện ngấm vào người. Bằng thái độ đơn giản và rõ ràng, chị nói để anh hiểu rằng, tuy hai vợ chồng đã thỏa thuận với nhau từ lâu là phải nói thật và nói hết ra với nhau nhưng hôm nay chị cũng chưa có điều gì để nói với anh. Do thuốc ngủ tác động, Li Báctơn bắt đầu nói dối. Khi Ida hỏi anh có ngủ ngon giấc không, anh đã trả lời:

- Rất không ngon. Đêm qua anh phải thức dậy hai lần vì bị chuột rút ở chân. Thậm chí có lúc khỏi chuột rút, mãi vẫn không ngủ lại được. May về sau chuột không rút lần nào nữa. Nhưng chân vẫn nhức khiếp lên được.

- Năm ngoái anh cũng bị một lần đúng y như thế, – chị nhắc.

- Bệnh theo mùa ấy mà, – anh mỉm cười. – Không nguy hiểm đâu, nhưng rất bức mình, khi thức dậy cả một cái chân tê buốt. Chắc từ giờ đến tối sẽ không xảy ra chuyện gì nữa đâu. Nhưng anh có cảm giác người đau như dãn.

Nhưng ngay hôm ấy, tất nhiên là sau đó một lúc, hai vợ chồng Li Báctơn và Ida đã lao đầu xuống nước chỗ khu vực nước nông cạnh Cầu lạc bộ Thuyền buồm, rồi nhanh chóng vòng qua đập chắn, bơi ra xa, đến tận những ngọn sóng Canaca. Biển lặng đến nỗi khi quay vào phía hướng bờ, sau hai tiếng đồng hồ bơi lội, rồi từ tốn lướt qua những đợt sóng, họ chỉ còn hai người trên mặt nước. Sóng yếu quá chẳng khiến ai thích thú bơi thuyền hay mảng, và mọi người đã lên bờ từ lâu.

Đột nhiên, Li Báctơn xoay người, chuyển sang bơi ngửa.

- Anh làm sao thế? – Ida gọi chồng. Chị vẫn đang bơi cách anh khoảng hai chục phút.

- Chân lại bị chuột rút! – anh khẽ trả lời, toàn thân co rúm lại một cách khủng khiếp. Chất thuốc phiện tiếp tục hiệu nghiệm khiến anh trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Nhìn vợ sai tay đều đặn, nhịp nhàng tiến về phía mình, anh thán phục sự bình tĩnh của chị. Nhưng lập tức anh thoáng có ý nghĩ nghi ngờ, chị bình thản phải chăng vì không yêu anh, hoặc nói khác đi, không yêu anh bằng yêu Xani Grendixơn.

- Anh bị chân nào? – chị hỏi, chuyển sang bơi đứng.

- Chân trái... Ôi! bây giờ thì sang cả chân phải nữa.

Anh làm như thế đầu gối bị quặp lại. Anh cố ngهن đầu để vươn lên khỏi mặt nước, rồi liền sau đó chìm xuống dưới một làn sóng không lớn gì. Vài giây sau anh lại nhô đầu lên, khạc nước trong miệng ra và lại bơi ngửa.

Anh như cố mỉm cười, nhưng nụ cười biến thành một sự nhăn nhó. Chân anh bị chuột rút thật, ít ra thì cũng là một chân và anh cảm thấy đau đớn thật sự.

- Bây giờ thì chân bên phải đau hơn, – anh nói, khi nhìn thấy vợ định xoa nắn cho mình. – Nhưng em đừng lại gần. Thứ này đối với anh là thường. Nếu khó chịu hơn, anh sẽ bám vào em.

Ida lấy tay nắn những bắp thịt bị chuột rút ở chân chồng và bắt đầu xoa nắn cho anh.

- Em lui ra! Anh tha thiết đề nghị em lui xa ra, – anh rít lên qua kẽ răng. – Để anh nằm yên. Anh co duỗi các khớp xương một lúc là khỏi thôi. Anh

biết cách chữa chuột rút mà.

Chị buông chõng ra nhưng vẫn bơi đứng bên cạnh, mắt chăm chú nhìn mặt anh, cố đoán xem cách chữa của chõng có kết quả gì không. Còn anh thì cố tình gập đầu gối lại và căng bắp thịt để tăng thêm tình trạng co thắt. Năm ngoái đã một lần anh bị chuột rút như thế này. Anh đã tập được cách chữa. Anh nằm trên giường, tay cầm sách, buông lỏng các bắp thịt. Và trong khi chữa, anh vẫn không ngừng đọc. Còn bây giờ anh làm ngược lại, thậm chí thú cảm thấy sự co rút tăng thêm và chuyển sang cả bụng chân bên phải. Anh hét lên, làm bộ như hoảng hốt, cố nhồi người lên khỏi mặt nước, rồi lại chìm ngấm xuống bên dưới một con sóng vừa xô tới.

Anh lại nhô lên, sặc sụa rồi bơi ngửa, duỗi hai tay ra. Lập tức những ngón tay mảnh dẻ nhưng cứng như sắt của Ida nắm chặt lấy bụng chân của chõng.

- Không sao đâu, – chị nói, tay vẫn tiếp tục xoa nắn. – Kiểu chuột rút như thế này, không bao giờ kéo dài lâu đâu.

- Chưa bao giờ anh bị chuột rút mạnh đến như thế này, – anh rên rỉ. – Chỉ mong nó không lan rộng lên những bắp thịt khác! Anh không thể cử động gì được nữa.

Đột nhiên anh bám cả hai tay vào vai Ida, như một kẻ chết đuối bám lấy chiếc mái chèo để tìm cách leo lên thuyền. Bị sức nặng của chõng kéo xuống, chị chìm ngấm. Trong lúc anh ghì không cho chị ngoi lên, chiếc mũ cao su trên đầu chị tuột ra, mấy chiếc cặp tóc rơi xuống. Và đến lúc chị gắng hết sức mới ngoi lên được trên mặt nước, miệng thở dốc ra, thì những sợi tóc loà xoà bết vào, che kín cả mắt mũi. Anh đoán chắc rằng, do bị bất ngờ, chị đã uống khá nhiều nước mặn.

- Đã bảo em tránh ra kia mà, – anh nhắc chị và lại thõng hai tay xuống, làm ra vẻ tuyệt vọng.

Nhưng những ngón tay của Ida đã lần được tới bụng chân bị co rút của chồng. Và anh không rõ chị đang trong trạng thái ngập ngừng hay hoảng hốt.

- Chuột rút lan cả lên phía trên nữa rồi, – anh thốt lên như thể không ghìm lại được.

Anh lên gân toàn bộ các bắp thịt bên chân phải, và tình trạng co rút thực sự tăng lên ở bụng chân, cả bắp thịt ở đùi cũng ngoan ngoãn tuân theo và co cứng lại, như thể chúng cũng bị chuột rút.

Chất nha phiến trong thuốc ngủ vẫn chưa tan hết khiến Li Báctơn có thể cùng một lúc vừa tiến hành trò chơi độc ác, vừa thích thú nhận thấy ý chí mạnh mẽ hiện lên trên bộ mặt bơ phờ của vợ, và nỗi sợ hãi mà chị cố nén lại nhưng vẫn lộ ra trong cặp mắt. Và đằng sau tất cả những cái ấy, anh nhận thấy ở chị một tâm hồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi và một lòng quyết đoán đầy cương nghị.

Rõ ràng chị không chịu khuất phục với cái chiêu bài rẻ tiền “em sẽ cùng chết với anh”. Và Li Báctơn cảm phục vợ vô cùng khi anh nghe thấy chị nói:

- Không sao! Anh cứ thả mình chìm thêm nữa cho khỏi mệt. Chỉ cần giữ miệng ở bên trên mặt nước, đủ để thở là được. Em sẽ đỡ cái đầu cho anh. Chuột rút không thể kéo dài vô cùng tận được đâu. Nếu ở trên cạn, không ai chết vì bị chuột rút bao giờ. Nghĩa là dưới nước, nếu bơi giỏi cũng không thể chết được. Các bắp thịt co rút đến một độ nào đấy sẽ phải ngừng. Cả hai vợ chồng mình đều bơi rất giỏi và lại cùng bình tĩnh.

Anh nhắm mắt làm như thể bị đau đớn đến cao độ, rồi níu vợ, kéo chị chìm xuống dưới nước. Nhưng đến khi ngoi được lên, chị vẫn ở bên cạnh chồng như cũ, vẫn bơi đứng, tay vẫn đỡ lấy đầu anh và miệng vẫn quả quyết:

- Anh cứ bình tĩnh! Tiếp tục buông thả các cơ bắp. Đầu đã có em đỡ cho rồi. Chịu khó một lúc nữa thôi. Sắp hết ngày bây giờ. Anh đừng cố quấy cựa. Đừng căng thẳng thần kinh thì thân thể sẽ không bị co cứng. Anh quên là chính anh đã từng dạy em cách buông thả mình trên mặt nước rồi à!

Một con sóng nữa, cao vọt vọt so với làn sóng yếu lúc nãy, đang sắp ập tới. Li Báctơn túm lấy vai vợ và kéo chị chìm xuống dưới nước vào đúng lúc bọt trắng trên đỉnh con sóng cuộn lên rồi đổ xuống.

- Xin lỗi em! – anh thều thào bằng một giọng đau đớn sau khi hít vọt một hơi. – Buông anh ra, – anh nói hỗn hển, dần từng tiếng, giọng đau đớn. – Tội gì để chết cả hai đứa. Anh không còn hy vọng gì nữa rồi. Chuột rút cả tay nữa thì anh sẽ không buông em ra được đâu. Van em, hãy để mặc anh. Hãy để một mình anh chết. Cuộc đời em còn đáng sống lắm.

Chị nhìn anh với cặp mắt đầy oán trách, và không còn chút nào về sợ hãi nữa. Tuy không dùng lời, chị cũng vẫn diễn tả được đầy đủ ý nghĩ hiện lên trong khoé mắt: “Em sống làm gì nếu không phải để vì anh?”

Nghĩa là chị quý chồng hơn Xani! Li Báctơn cảm thấy sung sướng nhưng bỗng anh chợt nhớ lại rằng, Xani đã ôm hôn chị dưới bóng cây xiêm gai, và anh thấy hành hạ vợ như thế vẫn còn chưa đủ. Có thể chất nha phiến trong thuốc ngủ đã đẩy anh sâu thêm vào tội lỗi. Chất nhựa cây quái ác kia như thì thầm: “Mi đã khởi đầu cuộc thử thách này thì phải đẩy nó đến độ cao nhất!”

Anh co chân, ngụp xuống rồi ngoi lên mặt nước, làm ra vẻ như cố duỗi chân nhưng không nổi. Chị vẫn một mực bám sát bên chồng.

- Không – Anh không thể! – anh thét lên, giọng bi thảm. – Thế là hết! Không thoát nổi đâu. Em có cố đến mấy cũng không cứu nổi anh đâu! Em tránh ra. Nhanh lên kéo chết cả hai bây giờ.

Nhưng chị không tránh. Chị quay đầu anh cho nước biển khỏi trào vào miệng, rồi nói:

- Không sao đâu! Không sao đâu! Anh đừng lo. Chịu khó một lúc nữa là hết thôi.

Li Báctorn thét lên, mặt co rúm lại, rồi túm lấy vợ, kéo tuột xuống dưới nước. Lần này suýt nữa thì anh chìm chị chết. Nghĩa là anh đã diễn lớp kịch này khéo đến quá mức. Vừa ngoi được lên mặt nước chị đã đỡ luôn lấy đầu chồng nâng lên, và trong khi đang còn thở hồng hộc, chị vẫn tiếp tục thì thào vào tai anh những lời động viên:

- Bình tĩnh! Anh hãy bình tĩnh... buông lỏng các cơ bắp... Thấy chưa? Anh đã đỡ đau rồi đấy... Chịu khó một chút nữa thôi... Không sao đâu... Sắp khỏi bây giờ... Anh đã cảm thấy hơi dễ chịu rồi chứ?

Còn anh vẫn tiếp tục nhận chìm và nhận chìm vợ xuống nước, lần sau phũ phàng hơn lần trước, bắt chị uống mãi nước biển. Trong đáy lòng, anh tin chắc rằng làm như thế vẫn chưa đến nỗi nguy hiểm cho tính mạng của chị. Họ thoáng nhô lên trên mặt đại dương vàng nắng rồi lại chìm ngấm xuống. Và bọt trắng của những ngọn sóng trào qua đầu họ.

Chị vẫn kiên trì phấn đấu, cố thoát khỏi những ngón tay bấu chặt của chồng. Nhưng mỗi khi anh buông chị ra, ngoi lên được mặt nước, chị vẫn không chịu bơi ra xa. Sức chị kiệt dần, óc chị mụ đi nhưng chị vẫn cố giúp đỡ chồng. Cuối cùng, đến khi thấy đã trừng phạt vợ như thế đã đủ, anh trở nên bình tĩnh hơn, thả hai tay ra và trải dài người trên mặt nước.

Anh thở phào, vẻ khoan khoái, rồi nói giọng đứt quãng, vừa nói vừa thở hổn hển:

- Khỏi rồi! May quá. Ôi, anh uống nhiều nước biển quá. Nhưng bây giờ chuột không rút nữa. Anh thấy dễ chịu như đang trên thiên đường vậy!

Chị định đáp lời, nhưng mệt quá, không gắng được.

- Anh dễ chịu rồi, – anh lặp lại. – Ta nghỉ ngơi một chút đã. Em cũng bơi ngựa cho đỡ mệt.

Họ nằm ngựa nửa giờ đồng hồ liền trên mặt sóng Canaca hiền lành. Đã đỡ mệt, Ida lên tiếng trước:

- Anh cảm thấy trong người thế nào, anh yêu quý? – chị hỏi.

- Như thể một cái xe lu vừa lăn trên người anh vậy. Còn em?

- Em thấy em là người phụ nữ hạnh phúc nhất trên đời này. Em sung sướng đến nỗi có thể khóc oà lên được. Nhưng em không muốn khóc. Anh vừa làm em sợ quá. Có một lúc, em tưởng như sắp mất anh của em rồi.

Tim Li Báctơn đập rộn ràng. Vợ anh không hề nói đến chuyện chính chị cũng có thể chết. Thì ra đây chính là tình yêu chân chính, tình yêu đã được thử thách, tình yêu lớn lao khi con người ta quên đi bản thân, chỉ nghĩ đến người mình yêu.

- Còn anh thì là người đáng tự hào nhất trên trần gian, – anh nói, – bởi vì anh có người vợ dũng cảm nhất trên đời.

- Dũng cảm ư? – chị phản đối. – Tại em yêu anh. Khi chưa có nguy cơ mất anh, em vẫn còn chưa biết em yêu anh đến mức nào. Bây giờ thì vợ chồng mình quay vào bờ đi. Em muốn được riêng một mình bên anh, để anh ôm em và em sẽ kể anh nghe, em yêu anh đến mức độ nào và sẽ mãi mãi yêu anh như thế.

Sau đấy nửa tiếng đồng hồ, họ bơi một mạch vào đến bờ rồi bước trên mặt cát răn và ẩm, tiến vào phòng thay quần áo, giữa đám người ăn không ngồi rồi đang trên bãi tắm.

- Hai anh chị làm cái trò gì ngoài ấy thế? – một trong số thuyền trưởng của Câu lạc bộ hỏi đôi vợ chồng trẻ. – Chỉ đùa thôi chứ gì?

- Vâng, chúng tôi đùa đấy, – Iđa mỉm cười trả lời.

- Các ông thừa biết vợ chồng tôi thích đùa rởn rời còn gì, – chồng chị phụ hoạ thêm với vợ.

Tối hôm ấy, bỏ cuộc đi dự tiệc thường lệ, họ ngồi ôm nhau trong chiếc ghế bành đặt trên sân nhà họ.

- Anh Xani sẽ đi khỏi đây ngày mai, lúc mười hai giờ trưa, – Iđa nói, như câu chuyện không liên quan gì với những điều trước đấy. – Anh ấy đi Malaixia, kiểm tra hoạt động của Công ty cao su và Công ty gỗ của anh ấy tại đó.

- Sao anh chưa nghe thấy ai nói gì về chuyện ấy nhỉ? – Li Báctơn thốt lên rất khê, như thể ngạc nhiên.

- Em là người đầu tiên biết việc anh ấy đi khỏi đây, – Iđa giải thích. – Anh ấy nói với em tối hôm qua.

- Lúc ở vũ hội?

Iđa gật đầu.

- Anh ấy quyết định hơi đột ngột, có phải thế không?

- Đột ngột quá đi ấy chứ, – Iđa nhích ra xa chồng rồi vươn vai trong chiếc ghế bành. – Em muốn kể anh nghe về anh Xani. Chưa bao giờ em giấu anh điều gì. Chỉ vì em chưa muốn kể anh nghe đấy thôi. Nhưng hôm nay, lúc vật lộn với những đợt sóng Canaca, em thoáng nghĩ, nếu như chúng mình chết, thì giữa hai vợ chồng vẫn còn một điều chưa nói ra được với nhau.

Chị dừng lại và anh linh cảm được điều gì vợ mình sắp nói ra. Anh không giục mà chỉ bóp chặt bàn tay của vợ.

- Anh ấy yêu em, – giọng chị run run. – Chắc hẳn anh cũng đã nhận thấy... Và tối hôm qua anh ấy đã rủ em cùng đi Malaixia với anh ấy... Nhưng em không hề tiếc chút nào...

Li Báctơn lặng lẽ chờ đợi.

- Em chỉ ân hận, – chị nói tiếp. – Là em đã không nghiêm khắc trước mặt anh ấy. Em đã thấy rất buồn và rất thương hại anh ấy. Vì thực ra, ngay bản thân em cũng hơi... nói cho đúng ra, không phải chỉ hơi mà em có mẩn anh ấy thật. Chính vì thế mà tối hôm qua em đã dễ dãi với anh ấy. Em không ngu đần gì. Em thừa biết chuyện gì có thể xảy ra. Em cũng vẫn là một phụ nữ ưa được chiều chuộng. Thấy một người đàn ông như Xani yêu mình tha thiết, em cũng cảm thấy thích thú. Em đã không ngăn chặn ngay tình cảm của anh ấy. Em đã có lỗi. Nếu như em vững vàng thì sự việc tối hôm qua đã không xảy ra. Lỗi không phải ở anh ấy mà lỗi do em, trong việc anh ấy đã dám ngỏ lời rủ em đi khỏi đây với anh ấy. Nhưng em đã từ chối. Em chưa đến mức chiều anh ấy như thế được. Tại sao, thì anh thừa hiểu rồi. Em chẳng nhắc lại làm gì. Em đã dịu dàng với anh ấy. Rất dịu dàng nữa kia. Em đã để anh ấy ôm mà không đẩy anh ấy ra. Đây là lần đầu tiên nhưng cũng là lần cuối cùng. Em đã để cho anh ấy hôn, và cũng đã tự cho phép mình nhận cái hôn ấy. Em biết rằng anh sẽ hiểu, vì đó là cái hôn vĩnh biệt. Thực ra em không yêu anh ấy. Trước kia cũng như bây giờ, em chỉ yêu anh, chỉ yêu có mỗi một mình anh.

Chị ngừng bật. Và ngay lúc ấy, chị cảm thấy bàn tay chồng ôm lấy vai mình và khẽ kéo về phía anh.

- Đúng thế. Em đã làm cho anh nhiều lúc phải lo sợ, – anh thú thật. – Có lần anh đã nghĩ rằng em sẽ bỏ anh. Và anh... – Anh không nói được nữa, rõ

ràng anh đang xấu hổ. Sau đó, trấn tĩnh lại được, anh nói tiếp. – Em thừa biết rằng, anh chỉ biết có một mình em. Nhưng thế là đủ.

Đưa móc túi chồng lấy ra bao diêm, rồi bật lửa châm điếu xì gà của anh đã tắt từ bao giờ.

- Đúng, – anh nói qua đám khói thuốc bao bọc lấy họ. – Do quá hiểu rõ em, anh chỉ có thể nói rằng, anh rất thương Xani, rất thương. Anh ấy đã mất mát nhiều. Nhưng anh lại mừng cho anh. Và... còn một điều này nữa... Sau đây năm năm anh sẽ kể em nghe một chuyện rất thú vị, rất nực cười, về bản thân anh và về những điều ngu ngốc nhất mà anh có thể làm được vì em. Năm năm nữa! Em chờ được chứ?

- Năm chục năm em cũng chờ được, – chị thở dài và nép chặt vào người chồng.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Sự Điên Rồ của Giôn Han

Câu chuyện tôi kể ra đây là có thật, xảy ra tại trường đấu bò ở Kitô. Tôi ngồi trên khán đài với Giôn Han, Maria Valenxuêla và Lui Xécvalốt. Chúng tôi chứng kiến sự việc xảy ra đó từ đầu đến cuối. Tôi đi trên chuyến tàu du lịch mang tên Êcuado từ Panama đến Goayakin, Maria Valenxuêla là chị họ tôi. Tôi biết chị ấy từ lâu. Chị ấy đẹp lắm. Tôi là người Tây Ban Nha – người Êcuado thì đúng hơn, nhưng tôi lại là con cháu Pêdrô Patinô, 1 trong những thuyền trưởng của Pixarô. Họ là những người dũng cảm. Họ là những anh hùng. Thế chẳng phải chính Pixarô đã dẫn 350 kỵ sĩ Tây Ban Nha và 4000 người da đỏ đến tận vùng Coócdilêrát xa xôi để tìm vàng sao? Và chẳng phải những con người đó đã chết trong cuộc thám hiểm vô ích đó sao? VẬY mà Pêdrô Patinô đã không chết. Chính ông ta đã sống sót và lập nên thế, nhưng tôi là người Tây Ban Nha. Tôi tên là Manuêđơ Giêxu Patinô. Tôi là chủ nhiều ấp trại, và hàng chục nghìn dân da đỏ là nô lệ của tôi, dù luật pháp có nói rằng họ là những người tự do làm việc theo hợp đồng tự do. Luật pháp là cái gì đến buồn cười. Những người Êcuado chúng tôi khinh thường luật pháp. Đó là luật pháp của chúng tôi. Tự chúng tôi làm ra luật pháp. Tên tôi là Manuêđơ Giêxu Patinô. Hãy nhớ đến tên đó. 1 ngày nào cái tên đó sẽ được ghi vào sổ sách. Ở Êcuado có những cuộc cách mạng. Chúng tôi gọi đó là những cuộc tuyển cử. Nghe cũng hài hước đấy chứ? Có phải thế bạn gọi là chơi chữ không nhỉ?

Giôn Han là 1 người Mỹ. Lần đầu tiên tôi gặp anh ta ở khách sạn Tivôli ở Panama. Anh có rất nhiều tiền – mà điều này tôi cũng chỉ nghe đồn thôi.

Anh đi Li-ma, nhưng lại gặp Maria Valenxuêla ở khách sạn Tivôli, Maria Valenxuêla là chị họ tôi và là 1 bà chị xinh đẹp. Đẹp thật đấy, đẹp nhất trong đám phụ nữ ở Êcuado. Nhưng cũng là 1 phụ nữ đẹp nhất trên thế gian này, dù đó là ở Pari, ở Madơrit, ở New york hay ở Viên. Đi đâu đàn ông cũng phải ngắm nhìn chị, và Giôn Han đã ngắm chị ấy ở Panama. Anh ta yêu chị ấy, tôi biết chắc chắn là vậy. Đúng chị ấy là người Êcuado nhưng cũng là người của mọi dân tộc, của toàn thế giới. Chị nói được nhiều thứ tiếng. Ồ, mà chị hát thì chẳng khác gì nghệ sĩ. Nụ cười của chị ấy, sao mà kỳ diệu và tuyệt trần làm vậy. Đôi mắt của chị – Ôi! Đám đàn ông ngắm nhìn đôi mắt của chị mới đăm đối làm sao! Đó là đôi mắt mà người Anh các bạn gọi là đôi mắt làm ta sửng sờ. Đó là đôi mắt của chốn đào tiên. Giới nam nhi đăm mình trong đôi mắt của chị.

Maria Valenxuêla giàu có, giàu hơn tôi, 1 người đã được coi là rất giàu ở Êcuado rồi đấy. Nhưng Giôn Han không quan tâm đến tiền của chị tôi. Anh ta có 1 trái tim, mà lại là 1 trái tim khác người. Anh ta là 1 tên rồ. Anh ta đã không đi Lima, mà xuống làm ở Goayakin và theo chị ấy đến Kitô. Chị ta đang trên đường về nhà sau khi đi chơi Châu Âu và những nơi khác. Tôi không hiểu chị ấy tìm thấy gì. ở anh ta, nhưng chị ấy thích anh ta. Tôi biết rõ điều đó, nếu không, anh ta chẳng việc gì lại lẻo đẹo theo chị ấy đến Kitô. Chị ấy mới anh ta đến. Tôi nhớ lúc đó chị ấy nói:

-Mời anh đến Kitô, tôi sẽ dẫn anh đi xem đấu bò, dững cảm, thông minh, tuyệt vời lắm nhé.

Nhưng anh ta nói:

-Tôi lại đi Lima chứ không phải đi Kitô. Mục đích chuyến đi của tôi trên con tàu này là như vậy.

-Anh đi chơi phải không? – Maria Valenxuêla nói, rồi chị nhìn anh ta đầy quyến rũ, chứa chan hứa hẹn.

Thế là anh ta nhận lời. Không, không phải anh ta đến để xem đấu bò. Anh ta đến là vì những gì anh ta nhìn thấy trong đôi mắt của chị ấy. Đàn bà như chị Maria Valenxuêla là vô cùng hiếm, trăm năm nay mới có 1 người. Họ không thuộc riêng của dân tộc nào, họ vĩnh cửu. Họ là những người ta thường gọi là vũ trụ. Họ là những nữ thần, đấng nam nhi quỳ mọp dưới chân họ. Họ thao túng đàn ông và điều khiển đàn ông như những con rối. Nàng Cleopatra là 1 người phụ nữ như vậy, và cả mụ phù thuỷ Sosis nữa. Mụ ta đã biến tất cả đàn ông thành lợn hết. A! Haha! Thế không phải à?

Sự việc xảy ra đột ngột bởi vì Maria Valenxuêla lại nói:

-Người Anh nhà các anh là... là gì nhỉ? Là dã man: có đúng không? Các anh đấu quyền Anh ăn giải. 2 người đàn ông đánh nhau, đâm vào mặt cho hoa cả mặt mày, mũi gãy đi mới thôi. Thật gớm ghiếc! Còn người xem lại la ó ầm ĩ, sướng như điên. Thế không phải là man rợ sao?

-Nhưng họ là con người – Giôn Han nói – và họ đấu ăn giải là vì họ muốn thế. Không ai bắt họ. Họ hành động như thế vì không có gì trên đời này họ thích bằng.

Maria Valenxuêla mỉm cười khinh bỉ và nói:

-Họ thường giết chết nhau, không phải thế sao? Tôi đọc thấy trên báo.

-Thế còn con bò – Giôn Han nói – Con bò đã bị giết chết nhiều lần trong những cuộc đấu bò, mà con bò lại không muốn ra trường đấu chút nào. Làm như thế là không công bằng với con bò. Con bò buộc phải đấu. Trong khi đó con người trong đấu ăn giải lại không bị bắt buộc.

-Tuy thế, người đấu quyền Anh tàn bạo hơn – Maria Valenxuêla nói – Anh ta dã man. Anh ta hoang dại. Anh ta là thú vật. Anh ta lấy vuốt của mình đánh chằng khác gì con gấu ở trong hang, và anh ta dữ tợn. Những cuộc đấu bò – ôi! Chắc anh chưa bao giờ được xem đấu bò nhỉ? Người đấu bò thông minh. Anh ta phải có kỹ xảo. Anh ta hiện đại. Anh ta lãng mạn.

Anh ta chỉ là con người, dịu dàng và dễ thương, vậy mà anh ta đứng ra đối chọi với con bò hung dữ. Rồi anh ta dùng thanh kiếm mảnh mai đâm 1 phát vào trái tim con vật to lớn và giết chết nó. Thật là vui mắt. Nó làm trái tim ngừng đập: con người nhỏ bé, con thú to lớn, mặt cắt rộng, hàng nghìn người hồi hộp theo dõi, con thú to lớn lao vào tấn công, con người nhỏ bé đứng yên như tượng; anh ta không động đậy, anh ta không sợ, và trong tay anh ta lưỡi kiếm mỏng manh vung lên lấp lánh ánh bạc trong ánh nắng: con thú có đôi sừng nhọn hoắt lao vào mỗi lúc 1 gần, con người đó vẫn đứng không nhúc nhích, thế rồi chiếc kiếm vung lên, đâm thẳng vào tim con thú ngập đến tận cán kiếm, con vật ngã quy xuống cái chết, còn con người không bị thương tích gì. Thật là dũng cảm. Thật là tuyệt vời! Ôi! Giá mà mình yêu người đấu bò nhỉ! Con người đấu quyền Anh tranh giải – anh ta tàn bạo, là con thú mang hình người, là người nguyên thủy ăn lông ở lỗ, là tên điên, để người ta đâm như máy vào bộ mặt ngu ngốc của mình mà còn vui sướng. Anh cứ đến Kitô đi, tôi sẽ dẫn đi xem môn thể thao dũng cảm, thể thao dành cho con người, cho người đấu bò và con bò.

Nhưng Giôn Han đến Kitô đâu có phải là để xem đấu bò, mà là vì Maria Valenxuêla. Anh ta lực lưỡng, chân tay thô thiển hơn. Thật ra anh còn to lớn hơn cả những người thuộc dòng giống của anh ta. 2 con mắt của anh ta xanh, dầu cho tôi thấy chúng màu xám, mà đôi lúc chúng lại lạnh ánh thép. Những nét trên khuôn mặt của anh ta cũng thô thiển, không duyên dáng như của chúng tôi, còn quai hàm của anh ta trông khoẻ. Hơn nữa, mặt anh ta lại cạo râu nhẵn thín như cha cố. Tại sao có người lại tự thấy hổ thẹn về bộ râu trên mặt mình? Thế không phải là Chúa đã dính nó vào đấy à? Đúng, tôi tin ở Chúa, ngài không phải thuộc loại tà giáo như nhiều người Anh. Chúa tốt lắm. Người đã làm nên tôi, 1 người Êcuado có hàng vạn nô lệ. Vậy nên khi tôi chết, tôi sẽ đi theo Chúa. Đúng, các vị cha cố nói đúng.

Nhưng Giôn Han thì sao? Anh ta là 1 người trầm tính. Anh ta lúc nào nói chuyện cũng hạ giọng, và không bao giờ nói chuyện mà lại vung tay vung chân cả. Chắc người ta sẽ nghĩ có lẽ trái tim anh ta là đá: vậy mà anh

ta vẫn có chút nhiệt tình trong tim, vì anh ta đã theo Maria Valenxuêla đến Kitô. Mà anh ta nói thấp giọng, tay lại không vung vẩy, cho nên anh ta là súc vật, rõ ràng là 1 người vượn, 1 con thú đần độn, dữ tợn của thời xa xưa khoác cho mình lớp da hoang dại và sống trong hang hốc cùng với gấu và chó sói.

Lui Xécvalốt là bạn tôi, người bạn tốt nhất trong những người Êcuado. Anh ta là chủ 3 cái đồn điền cacao ở Naranhitoo và Chobô. ở Milagorô còn có 1 đồn điền mía to của anh ta. Anh ta có những cái ấp lớn ở Ambatô và Latacunga, và xuôi dưới bờ biển anh ta có cổ phần ở những giếng dầu. Ngoài ra anh ta cũng tiêu ối tiền vào việc trồng cao su ở dọc theo sông Goayat. Anh ta hiện đại, giống người Mỹ; mà cũng giống người Mỹ, anh ta làm ăn buôn bán tất bật. Anh ta có nhiều tiền, nhưng cũng mang đi phung phí trong nhiều cuộc phiêu lưu, và lúc nào anh ta cũng cần nhiều tiền nữa để dành cho những cuộc phiêu lưu mới cũng như cho những cuộc phiêu lưu cũ. Anh ta có mặt ở khắp nơi và xem đủ mọi thứ. Khi anh ta còn rất trẻ, anh ta đã học ở học viện quân sự Mỹ mà ta gọi là Oetx Poanh. Có chuyện rắc rối. Anh ta bắt buộc phải từ chức. Anh ta không thích người Mỹ. Nhưng anh ta rất thích Maria Valenxuêla, người cùng 1 đất nước. Anh ta cũng cần tiền của chị ấy để có những cuộc phiêu lưu và cho mỏ vàng của anh ta ở động Êcuado, nơi có người da đỏ vẽ mặt sống. Tôi là bạn anh ta. Chính tôi muốn anh ta lấy Maria Valenxuêla. Và lại, 1 đồng tiền của tôi nằm trong những cuộc phiêu lưu của anh ta, mà ở trong mỏ vàng rất giàu có, nhưng thoát tiên cần phải tiêu nhiều tiền trước khi nó sản sinh ra lãi. Nếu Lui Xécvalốt mà lấy Maria Valenxuêla chắc chắn tôi sẽ có nhiều tiền liền.

Nhưng Giôn Han đã theo Maria Valenxuêla về Kitô và chúng tôi thấy rõ ngay – chúng tôi đây là Lui Xécvalốt và tôi – rằng chị ấy rất đổi tử tế với anh ta. Người ta nói rằng phụ nữ muốn được sao hay vậy, nhưng trường hợp này lại không phải thế; vì Maria không đòi hỏi gì, ít nhất là đối với Giôn Han. Có thể câu chuyện đó vẫn xảy ra như thường, thậm chí Lui Xécvalốt và tôi không có mặt ở trường đấu bò ở Kitô ngày hôm ấy. Nhưng

thực ra hôm ấy chúng tôi lại có mặt. Và đây tôi xin kể cho các bạn nghe về những gì đã xảy ra.

Cả 4 chúng tôi ngồi 1 chỗ, vì chúng tôi là khách của Lui Xécvalốt. Chỗ đó gần ngay chỗ dành riêng cho Tổng thống. Phía bên kia là chỗ ngồi của tướng Hôxê Êlixêô Xalada. Cùng ngồi với ông ta có 2 vị tướng khác tên là Hoakin Emdara và Uaxixinô, rồi đến đại tá Haxintoo Phieroo và đại úy Bantaxadê Êchêvaria. Chỉ có Lui Xécvalốt mới có được địa vị của ảnh hưởng để kiếm được chỗ ngồi gần ngay tổng thống. Tôi biết rõ là bản thân Tổng thống đã bày tỏ lòng mong muốn với viên quản lý rằng Lui Xécvalốt nên ngồi chỗ đó.

Ban nhạc kết thúc bài quốc thiều Êcuado. Đám rước của những người đấu bò đã xong. Tổng thống gật đầu cho phép bắt đầu. Tiếng tù và nổi lên, và con bò lao vút vào, cả trường đấu huyên náo, bàng hoàng, những mũi phi tiêu cắm trên vai con vật rục như lửa còn bản thân con thú tìm kiếm điên cuồng bất cứ kẻ thù nào để tiêu diệt. Những người đấu bò ẩn ở phía sau những chỗ nấp và đợi. Đột nhiên có 5 người đấu bò xuất hiện từ phía, tay vung những chiếc áo choàng sắc sỡ. Con bò dừng lại khi nhìn thấy sự hào hiệp của kẻ thù, lưỡng lự không biết nên tấn công người nào. Rồi 1 người đấu bò tiến lên 1 mình để đến con bò. Con thú rất tức giận. 2 chân trước của nó bới cát bụi mù. Rồi nó lao vào tấn công. Đầu cúi thấp xuống bực thẳng vào độc 1 người đấu bò đó.

Lần tấn công đầu tiên của con bò luôn là 1 điều thú vị. Sau đó 1 lúc, tất nhiên là mọi người phải thấy chán, 1 trò chơi nhỏ mọn nên sự hứng thú cũng biến dần. Những cái lúc đầu tiên của con bò mới lý thú làm sao! Giôn Han mới xem lần đầu, nên cũng không tránh khỏi sự hồi hộp đó, cảnh 1 người tay cầm chỉ độc có 1 mảnh vải, còn con bò có 2 cái sừng nhọn hoắt giương ra qua bãi cát hút vào anh ta.

-Xem kìa! – Maria Valenxuêla kêu lên – Có tuyệt vời không chứ kia?

Giôn Han gật đầu, nhưng không nhìn vào chị ấy. 2 mắt anh ta long lên, nhìn chăm chú vào cuộc đấu bò. Người đấu bò bước sang bên, rồi xoay cái áo choàng để tránh con bò và trải rộng cái áo lên vai mình.

-Theo ý anh thế nào? – Maria Valenxuêla hỏi – Thế không phải, theo anh gọi, là hành động thể thao chẳng?

-Một việc làm rất thể thao – Giôn Han nói – Thật là thông minh.

Chị ấy vỗ tay reo mừng. 2 bàn tay bé nhỏ. Khán giả hoan hô. Con bò quay lại và người đấu bò lại tránh, tung chiếc áo choàng lên vai, và khán giả lại hoan hô. Trò đó diễn ra 3 lần. Người đấu bò thật là tài giỏi. Sau đó, anh ta lui vào, 1 người đấu bò khác lại ra đấu tiếp với con bò. Tiếp theo đó, họ cầm những ngọn thương có gấn cờ vào 2 vai, vào 2 bên xương sống con bò, cứ 2 cái 1 lần, rồi Oócđênet bước ra – người đấu bò chính, tay cầm lưỡi kiếm dài và khoác chiếc áo màu đỏ. Những tiếng tù và rú lên báo hiệu giờ tận số của con bò. Anh ta đấu không được giỏi như Matextini. Song vẫn tốt chán. Bằng 1 lưỡi kiếm đâm thẳng vào tim con vật, và con bò quy hẳn xuống nằm lãn ra chết liền. Đó là 1 mũi kiếm đẹp, dứt khoát và gọn. Tiếp đến là những tiếng hoan hô vang lừng, khán giả bình dân ném cả mũ xuống trường đấu. Maria Valenxuêla cùng những người khác vỗ tay, còn Giôn Han, với trái tim lạnh giá nên không xúc động trước sự việc đó, đã nhìn chị ấy 1 cách tò mò.

-Chị thích lắm à? – anh ta hỏi.

-Lúc nào cũng thích – Chị ấy nói, lại vỗ tay tiếp.

- Ngay từ khi còn bé cơ – Lui Xécvalốt nói – Tôi nhớ hôm đầu tiên cô ấy đi xem đấu bò. Lúc ấy mới có 4 tuổi. Cô ấy ngồi cạnh mẹ, và cũng giống như bây giờ, cô ấy vỗ tay. Cô ấy đúng là 1 phụ nữ Tây Ban Nha chính cống.

-Anh đã được xem đấu bò rồi nhé – Maria Valenxuêla nói với Giôn Han khi họ đang buộc những con la vào con bò chết đó và kéo ra ngoài – Anh đã nhìn thấy đấu bò và anh thích chứ? Anh có ý kiến gì không?

-Tôi thiết nghĩ con bò tiến thoái lưỡng nan – anh ta nói – Ngay từ đầu đã thấy nó sẽ bị tiêu diệt. Vấn đề quá rõ ràng. Mọi người đều biết trước khi con bò bước vào trường đấu, số phận của nó đã được định đoạt. Theo tinh thần thể thao, người ta sẽ đặt vấn đề nghi vấn. 1 con bò chưa đấu với 1 người nào lại phải ra đấu với 5 người đã được đấu với nhiều con bò. Hoạ chẳng còn có đôi chút công bằng nếu để cho 1 người 1 bò đấu với nhau.

-Hoặc là 1 người đấu với 5 con bò – Maria Valenxuêla nói và chúng tôi phá lên cười. Lui Xécvalốt là người cười to nhất.

-Đúng thế – Giôn Han nói – Phải đấu 5 con bò mà phải là người, cũng như con bò, chẳng bao giờ vào trường đấu ấy, một người như ông chẳng hạn, ông Xécvalốt ạ.

-Nhưng người Tây Ban Nha chúng tôi lại thích đấu bò – Lui Xécvalốt nói. Và tôi dám chắc anh ta đã nhận được lời gợi ý bí mật mà tôi sẽ kể sau.

-Vậy đó chắc phải là 1 thú vui có văn hoá? – Giôn Han trả lời – Chúng tôi hàng ngày giết hàng nghìn con bò ở Chicagô, song có ai rỗi hơi mà vào xem đâu.

-Đó là sát sinh – tôi nói – Nhưng đây là... là 1 nghệ thuật. Nó tinh tế. Nó đẹp, nó hiếm lắm.

-Không phải luôn luôn thế – Lui Xécvalốt nói – Tôi cũng đã xem nhiều người đấu bò vụng về và như vậy đâu có đẹp.

Anh ta rùng mình, và bộ mặt anh ta thể hiện cái mà ta thường gọi là sự ghê tởm, còn tôi, biết điều thầm kín về anh ta, bắt đầu đóng vai của mình.

-Ông Han đây có lẽ đúng – Lui Xécvalốt nói – Như thế là không công bằng với con bò. Phải chăng chúng ta đây không biết rằng con bò đã không được uống nước trong 24 tiếng đồng hồ và chỉ trước khi trận đấu bắt đầu, nó mới được uống no nê nước sao?

-Vậy là nó bước vào trường đấu bụng đầy nước – Giôn Han nói nhanh và tôi thấy mắt anh ta xám ngoét lại, sắc như dao và lạnh lùng.

-Điều đó rất cần đối với thể thao – Lui Xécvalốt nói – Thế ông muốn con bò rất khoẻ để nó giết chết 5 người đấu bò kia chẳng?

-Tôi muốn là nó có 1 cơ hội để đánh lại – Giôn Han nói, quay mặt về phía trường đấu nhìn con bò thứ 2 bước vào.

Con bò này không được tốt giống lắm. Nó sợ sệt. Nó chạy quanh trường đấu tìm lối thoát thân. Những người đấu bò tiến lên và vung chiếc áo choàng, nhưng con vật không lao vào.

-1 con bò ngu xuẩn – Maria Valenxuêla nói.

-Tôi xin lỗi chị – Giôn Han nói – Nhưng tôi thấy đó chính là con bò khôn ngoan. Nó biết là không thể đấu lại với người được. Chị thấy không! Nó đã đánh hơi thấy cái chết trong trường đấu đấy.

Đúng vậy. Con bò dừng lại chỗ con bò trước nằm chết, hít hít chỗ cát ướt và khịt khịt mũi. Nó lại vùng bỏ chạy nhanh, đầu ngừng lên, nhìn vào hàng nghìn con người đang la ó nó, quăng vỏ cam vào nó và cất tiếng chửi nó. Nhưng người thấy mùi máu, nó quyết định lao vào tấn công người đấu bò, làm cho người đó không kịp tránh. Anh ta vứt bỏ cái áo choàng và chạy vào chỗ ẩn. Con bò lao xầm vào bức tường của trường đấu. Và Giôn Han nói, giọng bình thản tựa như anh ta nói với bản thân mình:

-Tôi sẽ đóng góp 1000 đồng sucơ giúp trại hủi của thành phố Kitô nếu hôm nay con bò nào giết được 1 người.

-Anh thích bò à? – Maria Valenxuêla mỉm cười hỏi.

-Tôi không thích những người như vậy – Giôn Han nói – 1 người đấu bò không phải là 1 người dũng cảm. Dứt khoát không phải là 1 người dũng cảm. Chị xem kìa, lưỡi con bò đã thè cả ra rồi. Nó mệt lắm vậy mà chưa bắt đầu đấu.

-Nó khát nước – Lui Xécvalốt nói.

-Đúng là nó khát – Giôn Han nói – Thế mang cắt gân nó đi trước khi nó tiếp tục có an toàn hơn không?

Maria Valenxuêla nổi nóng trước lời nói miệt thị đó của Giôn Han. Nhưng Lui Xécvalốt mỉm cười, chỉ để tôi nhìn thấy, và trong óc tôi đã hình dung ra cái trò mà anh ta đang chơi. Anh ta và tôi sẽ là những ngọn thương. Con bò Mỹ to bự kia đang ngồi cùng với chúng tôi. Chúng tôi chỉ việc chích những ngọn giáo đó vào anh ta là anh ta nổi nóng ngay, và thế là sẽ không thể có việc cưới xin với Maria Valenxuêla. Đó là 1 trò thể thao hay. Mà tinh thần đấu bò đã ăn sâu vào máu thịt chúng tôi.

Con bò lúc này đã sôi máu lên rồi. Những người đấu bò càng chọc tức con vật. Nó nhanh hơn, và đôi lúc quay ngoắt lại khiến cho 2 chân sau vấp loạng choạng và cái hông của nó cạy trên cát. Song nó chỉ húc vào những chiếc áo choàng được tung ra nên chẳng gây thiệt hại gì.

-Thật vô ích – Giôn Han nói – Nó đang đánh không khí kìa!

-Nó tưởng cái áo choàng là kẻ thù của nó – Maria Valenxuêla giải thích – Anh hãy trông xem, người đấu bò thông minh chưa kìa, anh ta đánh lừa con bò giỏi quá!

-Bản chất của loài bò sinh ra là để bị lừa – Giôn Han nói – Đánh gió thế kia làm gì không bị giết. Những người đấu bò biết điều đó, khán giả biết điều đó. Chị biết điều đó, tôi biết điều đó, tất cả chúng ta ngay từ đầu đều

biết rằng nó sẽ đánh nhau với gió thổi. Chỉ có con vật là không biết điều đó. Bản chất của loài vật là ngu si đần độn như thế. Nó không có cơ hội nào khác.

-Điều đó rất đơn giản – Lui Xécvalốt trả lời – Khi tấn công, con bò lại nhắm mắt. Vì vậy...

-Người đấu bò tránh sang 1 bên và con vật lao trượt – Giôn Han ngắt lời.

-Đúng thế – Lui Xécvalốt nói – Đúng vậy. Con vật nhắm mắt lại và người đấu bò biết điều đó.

-Nhưng những con bò cái lại không nhắm mắt – Giôn Han nói – Tôi biết con bò ở quê, loại bò sữa giống Giơ-đi, làm cho cả bọn chạy toán loạn.

-Nhưng những người đấu bò không đấu với những con bò cái – Tôi nói.

-Họ sợ đấu với bò cái – Giôn Han nói.

-Đúng! – Lui Xécvalốt nói – Họ sợ đấu với bò cái. Giết chết những người đấu bò thì đâu còn gọi là thể thao nữa!

-Nhưng nếu thỉnh thoảng có 1 người đấu bò chết thì mới gọi là thể thao được – Giôn Han nói – Khi tôi trở về già, và có thể còn bị tàn tật nữa, mà vẫn phải kiếm ăn trong khi không có khả năng làm việc nặng nhọc, lúc đó tôi sẽ trở thành 1 người đấu bò. Đó là 1 công việc nhẹ nhàng dành cho các nhà quý phái lớn tuổi và những người đã về hưu.

-Trông kìa! – Maria Valenxuêla nói khi con bò lao dừng mãnh, làm người đấu bò phải vung cái áo choàng để tránh – Cần phải khéo léo mới tránh nổi con vật chứ!

-Đúng thế – Giôn Han nói – Nhưng tôi nghĩ rằng phải cần nghìn lần khôn khéo hơn thế để tránh những cú đâm liên tiếp và nhanh của võ sĩ quyền Anh có đôi mắt mở to và đánh những cú đánh thông minh. Hơn nữa, con bò không muốn đấu. Xem kìa, nó bỏ chạy kìa!

-Con bò đó không tốt, vì nó bỏ chạy quanh trường đấu, tìm đường thoát ra ngoài.

-Tuy thế, những con bò này đôi lúc cũng vô cùng nguy hiểm – Lui Xécvalốt nói – Không ai có thể biết trước được nó sẽ có những hành động gì tiếp theo. Chúng rất khôn ngoan. Chúng chỉ giống bò cái có 1 nửa. Những người đấu bò không ưa gì chúng. Xem kìa! Nó quay lại kìa!

1 lần nữa, bị lạc hướng và tức giận trước việc bức tường chắn không cho nó thoát ra, con bò liền tấn công kẻ thù của mình 1 cách dũng cảm.

-Lưỡi con thú thè ra kìa – Giôn Han nói – Trước hết, họ cho nó uống nước no nê. Sau đó vắn cho nó mệt nhoài ra, hết người này tiếp đến người khác, dù nó đấu với không khí. Khi 1 vài người làm cho nó mệt, những người kia ngồi nghỉ, nhưng con vật không được nghỉ 1 giây nào. Sau đó, khi không còn sức và nhanh nhẹn nữa, người đấu bò chính đâm nhát gươm vào nó.

Đã đến lúc đâm những ngọn thương vào. 1 người cố sức đâm những ngọn thương vào đúng chỗ hiểm 3 lần liền, nhưng cả 3 lần đều đâm trượt. Làm như thế chỉ gây thêm bức tức và khiến nó điên lên. Như ta biết mỗi lần phải đâm 2 ngọn thương vào vai, rồi vào 2 bên xương sống và sát ngay đó. Nếu chỉ đâm trúng 1 chỗ thôi thì vẫn không ăn thua. Đám người ngồi xem hò hét và gọi Oócđônét. Rồi Oócđônét làm nên chuyện vĩ đại. 4 lần anh ta đứng ra, và cả 3 lần chỉ cần lần đầu thực hiện việc đâm đã trúng ngay, làm ngọn thương đâm đúng chỗ không trượt ngọn nào, trên lưng con vật đeo tám ngọn thương chụm vào 1 chốt. Cả đám người điên cuồng reo hò, rồi 1 trận mưa mũ và tiền rơi lá tả xuống bãi cát của trường đấu.

Nhưng ngay lúc đó, con bò bất ngờ tấn công 1 người đấu bò. Người đó trượt chân ngã và sợ cuống cuồng. Con bò đâm trúng anh ta, nhưng cũng may anh lại lọt vào 2 cái sừng rộng. Trong lúc khán giả nín thở và im lặng theo dõi, thì Giôn Han đứng dậy và hét lên vui sướng. Mọi người chúng tôi im phăng phắc, chỉ riêng anh ta hò hét, mà lại hò hét ủng hộ con bò. Ta thấy ngay là anh ta muốn người đó bị giết chết. Trái tim anh ta thật tàn bạo. Cử chỉ xấu xa này làm mọi người ngồi chỗ tướng Xaulada phẫn nộ, sau đó họ la ó phản đối. Còn Uxixinô Caxtilô thì bảo thẳng vào mặt anh ta rằng anh ta là giống chó lai và những thứ xấu khác. Những câu chửi đó bằng tiếng Tây Ban Nha nên Giôn Han không hiểu gì. Anh ta vẫn đứng và hò hét, có lẽ đến 10 giây, và con vật bị nhử sang tấn công những người đấu bò khác, do đó người kia đứng dậy được.

-Thế là con vật lại bỏ lỡ dịp – Giôn Han buồn bực nói khi anh ta ngồi xuống – Anh ta lại không bị thương tích. Họ dủ cho con vật bỏ anh ta – Sau đó anh ta quay sang Maria Valenxuêla nói – Tôi xin lỗi. Tôi hứng quá.

Chị ấy mỉm cười rồi lấy cái quạt đánh khẽ vào cánh tay như quở trách:

-Lần đầu anh xem đấu bò mà – chị ấy kêu lên – Càng xem anh sẽ càng không muốn con người chết. Người Mỹ các anh tàn bạo hơn chúng tôi. Chính đó là vì các anh đấu quyền anh ăn tiền. Chúng tôi chỉ đến xem bò chết thôi!

-Nhưng tôi muốn con bò có 1 dịp nào đó – anh ta trả lời – Rõ ràng đúng lúc ấy tôi sẽ thôi không khó chịu trước những người lợi dụng con bò.

Tiếng tù và rú lên báo hiệu đến giờ con bò bị hạ thủ. Oócđônét đứng dậy, tay giơ kiếm và tấm vải đỏ. Nhưng con vật lại thay đổi và không muốn đấu nữa. Oócđônét giậm chân trên cát và hét lên, rồi vung tấm vải đỏ. Con bò lao vào nhưng không còn lòng nào mà chiến đấu. Lần tấn công đó không có trọng lượng, rất yếu ớt. Lưỡi kiếm cắm ngập vào tận xương và cong lại. Oócđônét lấy lưỡi kiếm khác. Con bò lại nổi máu tấn công lần

nữa. 5 lần Oócđônét tấn công và lần nào kiếm cũng cắm, nhưng chỉ cắm có 1 nửa, hay cắm sâu vào tận xương. Lần thứ 6, lưỡi kiếm cắm ngập tận cán. Nhưng lần đâm đó lại không trúng đích, vì đâm trượt tim, xuyên qua xương sườn thò cả mũi kiếm sang sườn bên kia. Khán giả la ó người đầu bò. Tôi liếc nhìn Giôn Han. Anh ta ngồi im lặng, không nhúc nhích. Tôi có thể nhìn thấy anh ta nghiêng răng, 2 bàn tay nắm chặt vào thành lan can chỗ ngồi.

Cuộc đấu bò lúc này đã kết thúc. Con bò bị đâm thương nặng vẫn lê lặc lè vì lưỡi kiếm đâm xuyên qua người nó. Nó bỏ chạy vòng quanh trường đấu, ngược nhìn biết bao bộ mặt.

-ý nó nói: “Lạy chúa cho tôi ra khỏi đây, tôi không muốn đấu nữa” – Giôn Han nói.

Thế là hết. Anh ta không nói gì nữa, mà chỉ ngồi nhìn mặc dù đôi lúc có ngoảnh nhìn Maria Valenxuêla xem chị ấy thường thức ra sao. Chị ấy rất bực với người đầu bò. Anh ta vụng về, mà chị ấy lại muốn được xem 1 cuộc biểu diễn thông minh.

Lúc này con bò rất mệt, và quy dần vì mất nhiều máu, nhưng vẫn còn lâu mới chết. Nó bước chậm chạp vòng quanh trường đấu, tìm lối ra. Nó không lao vào tấn công. Đối với nó, thế là đủ lắm rồi. Nhưng người ta phải giết chết nó. Có 1 chỗ ở cổ con bò, phía sau đó là nó chết liền. Oócđônét bước lên phía trước nó và hạ thấp tấm vải đỏ xuống sát đất. Con vật không lao vào. Nó đứng nguyên và hí vào tấm vải, hạ thấp hẳn đầu xuống. Con bò quay đầu lên, và thế là đâm bị trượt. Rồi nó nhìn cái kiếm. Khi Oócđônét di chuyển cái khăn trên đất, con bò quên cái kiếm và lại cúi đầu xuống người cái khăn. Oócđônét lại đâm, và anh ta lại đâm trượt. Anh ta đâm nhiều lần. Thật là 1 hành động ngu xuẩn. Giôn Han không nói gì. Cuối cùng cũng đâm trúng và con bò ngã lăn ra bãi cát, chết ngay, rồi những con la vợi được đưa vào để kéo nó ra.

-Những người nước nói đây là 1 môn thể thao tàn bạo chứ gì? – Lui Xécvalốt nói – Rằng như vậy là không nhân đạo. Rằng như vậy là không tốt đối với con bò, chứ gì?

-Không – Giôn Han nói – Đối với con bò thì không quan trọng lắm. Những kẻ ngồi xem mới khốn nạn, những kẻ như thế thật là hèn hạ. Nó dạy họ tìm nguồn vui trong cái đau đớn của loài vật. 5 kẻ đấu bò thật là hèn hạ, lại đi đấu với 1 con bò ngu si. Vì vậy, những kẻ đứng xem cũng để học trở thành những kẻ hèn hạ đó. Con bò chết, nhưng những kẻ ngồi xem thì vẫn sống và học được 1 bài học.

Maria Valenxuêla không nói 1 lời. Chị cũng không nhìn anh ta. Nhưng chị nghe hết những gì anh ta nói và 2 má chị giận tái mét. Chị ấy nhìn suốt trường đấu và lấy tay quạt, nhưng tôi biết 2 bàn tay chị ấy run lên, Giôn Han cũng không nhìn chị ấy. Anh ta nói tiếp, coi như không có chị ấy ở đó. Cả anh ta cũng tức giận, sôi máu lên.

-Đó là môn thể thao hèn hạ của 1 loại người hèn hạ – anh ta nói.

-à – Lui Xécvalốt nói khẽ – anh cho là anh hiểu chúng tôi?

-Giờ đây tôi hiểu toà án Dị Giáo Tây Ban Nha – Giôn Han – Chắc nó phải lý thú hơn đấu bò.

Lui Xécvalốt mỉm cười không nói gì. Anh ta liếc nhìn Maria Valenxuêla và biết rằng cuộc đấu bò ở chỗ họ ngồi đã thắng. Từ lúc ấy chẳng bao giờ chị ấy đáp lời tên người nước ngoài nói những điều như vậy. Nhưng cả tôi và Lui Xécvalốt đều không ai ngờ đến kết quả của ngày hôm đó. Tôi sợ rằng mình không hiểu hết những người nước ngoài. Làm thế nào chúng tôi có thể biết được Giôn Han, từ 1 người tức giận 1 cách dữ tợn như vậy lại đột nhiên điên được? Nhưng như chúng ta sẽ biết, anh ta đã điên. Anh ta tự nhủ rằng con bò đối với anh ta không quan trọng gì lắm. Vậy tại sao con

ngựa lại quan trọng làm vậy? Như thế tôi không thể nào hiểu nổi. Đầu óc của Giôn Han thiếu logic. Đó là lời giải thích duy nhất.

-ở Kitô đưa ngựa vào trường đấu bò là chuyện không phải thường xuyên. – Lui Xécvalốt nói nhìn lên bảng chương trình – ở Tây Ban Nha, vấn đề này là phổ biến. Còn ở Kitô, hôm nay do được phép đặc biệt, chúng tôi mới có ngựa đấu trong trường đấu. Sau đây là cuộc đấu giữa bò và ngựa cùng người đấu bò. Những người vắc thương và cười ngựa ấy mà.

-Con bò sẽ bị giết trước tiên – Giôn Han nói – Thế những con ngựa sau đó cũng bị chết như vậy chứ?

-Người ta bịt mắt những con ngựa để chúng không nhìn thấy những con bò – Lui Xécvalốt nói – Tôi đã chứng kiến nhiều con ngựa bị giết chết. Cảnh tượng thật là ghê gớm.

-Tôi đã nhìn thấy người ta giết bò – Giôn Han nói – Bây giờ tôi lại chứng kiến cảnh ngựa bị giết chết để tôi may ra có thể hiểu 1 cách đầy đủ hơn những điểm cao đẹp của môn thể thao này.

-Đó là những con ngựa già – Lui Xécvalốt nói – Không còn dùng được vào việc gì nữa.

-Ra vậy – Giôn Han nói.

Con bò thứ 3 tiến vào, và trong nháy mắt cả 2 người đấu bò xông ra, 1 người đứng ngay ở dưới chỗ chúng tôi ngồi. Anh ta cười 1 con ngựa gầy và già, đúng thế, trông trơ xương và ghẻ lở.

-Thật là tuyệt vời cho con ngựa đáng thương kia, lại có thể chịu được gánh nặng của con người cười nó – Giôn Han nói – Bây giờ con ngựa đấu với con bò, dùng loại vũ khí gì?

-Con ngựa không đấu với con bò đâu – Lui Xécvalốt nói.

-Ồ – Giôn Han nói – Vậy con ngựa chỉ dùng để cho con bò nó húc? Vì thế mà nó bị bịt mắt để không nhìn thấy con bò xông lại húc nó.

-Hoàn toàn không phải thế – tôi nói – Ngọn thương của người đấu bò dùng để ngăn không cho con bò húc con ngựa.

-Thế ra cũng hiếm khi ngựa bị bò húc? – Giôn Han hỏi.

-Không đúng – Lui Xécvalốt nói – ở Xôvin tôi chứng kiến có 18 con bò bị giết chết trong

1 ngày, và khán giả còn hò hét cho thêm ngựa nữa vào đấu.

-Thế chúng cũng bị bịt mắt như con ngựa này chứ? – Giôn Han hỏi.

-Đúng – Lui Xécvalốt trả lời.

Sau đó, chúng tôi không nói chuyện nữa, mà chăm chú theo dõi cuộc đấu. Giôn Han luôn luôn tỏ ra điên đầu, nhưng chúng tôi không hiểu nguyên nhân tại sao vậy. Con bò lùi bước không tấn công con ngựa. Còn ngựa thì đứng lì ra, mà cũng do nó không nhìn thấy người đấu bò đang kích động cho con bò tấn công nó. Những người đấu bò trêu con bò bằng cách vung chiếc áo choàng lên, và khi con bò tấn công, họ chạy về phía con ngựa rồi về chỗ ẩn của mình. Cuối cùng, con bò nổi nóng, rồi nhìn thấy con ngựa đứng trước mặt mình.

-Con ngựa không biết, con ngựa không biết – Giôn Han thì thầm 1 mình, không hay rằng anh ta đã bày tỏ ý nghĩ của mình quá to.

Con bò lao vào tấn công, và dĩ nhiên con ngựa chẳng hay biết tí gì cho đến khi người đấu bò thua và cả 2 cái sừng bò cắm phập vào bụng con ngựa. Con bò khoẻ kỳ lạ. Nhìn cảnh con vật biểu diễn sức mạnh thì thật tuyệt vời. Nó nhấc bổng con ngựa lên trên không, rồi khi nó hạ xuống đất ngay bên người nó, người đấu bò nhảy vọt xuống chạy thoát thân, trong lúc

đó những người đấu bò khác dử cho con bò đi chỗ khác. Những bộ phận chính trong người con ngựa đã ngừng hoạt động, nhưng nó vẫn vùng dậy kêu rống lên. Tiếng kêu đó chính là tiếng kêu của loài ngựa, nó làm cho Giôn Han hoàn toàn điên lên. Anh ta cũng đứng dậy. Tôi nghe thấy anh ta khễ nguyện rủa. Mắt anh ta dán vào con ngựa đang rống âm ỉ, cố vùng chạy nhưng nó lại ngã quy xuống ngay, lăn ngựa người và chổng 4 vó lên trời, vùng vẫy loạn xạ. Con bò lại lao vào và húc đi húc lại cho đến lúc con ngựa chết hẳn.

Giôn Han lúc này đứng dậy. Mắt anh ta không lạnh như thép nữa, mà bùng lên ngọn lửa xanh. Anh ta nhìn vào Maria Valenxuêla, chị ấy nhìn anh ta, và trên khuôn mặt anh ta hiện lên sự ghê tởm. Con người anh ta lúc này trở nên điên loạn. Con ngựa lúc này đã chết: mọi người nhìn, mà anh ta lại to lớn. Nên trông càng rõ.

-Ngồi xuống đi! – Lui Xécvalốt nói – kéo trông anh lỗ bịch lắm đấy.

Giôn Han không đáp lại. Anh ta vung nắm đấm ra đánh thẳng vào mặt Lui Xécvalốt, khiến anh ngã lăn quay ra ghế và không đứng dậy nổi. Anh không còn nhìn thấy gì nữa. Nhưng tôi chứng kiến hết mọi chuyện Uxixinô Caxtilô ngồi ở chỗ bên cạnh ngả người ra lấy cái gậy giáng thẳng vào mặt Giôn Han. Giôn Han đấm anh ngã dúi vào tường Xalada, khiến ông ta cũng lăn kên ra. Ta gọi cơn giận lôi đình của Giôn Han lúc này là cơn giận Trương Phi chứ còn gì nữa? Con người dã thú của anh ta bung ra và gặm rú con người dã thú ăn lông ở lỗ từ ngàn xưa.

-Mi đến xem đấu bò – tôi nghe thấy anh ta nói như thế – Thề có Chúa, ta sẽ cho mi biết thế nào là trận đấu người.

Thế là đánh nhau. Lính gác chỗ Tổng thống ngồi nhẩy vội lại, nhưng anh ta vớ được khẩu súng của 1 người lính, vung lên phang vào đầu họ. Từ chỗ khác, đại tá Haxintô Phiêrô giơ súng lục bắn anh ta. Phát súng đầu tiên bắt chết 1 người lính. Tôi chứng kiến đúng như vậy. Nhưng phát súng thứ 2

bắn đúng sườn Giôn Han. Anh ta cất tiếng chửi rồi lao mạnh lưỡi lê đâm vào mình đại tá Haxintô Phiêrô. Trông thấy mà cứ rùng cả mình. Người Mỹ và người Anh là giống người dã man. Họ khinh miệt trò chơi đấu bò của chúng tôi, vậy mà họ lại vui sướng trước cảnh máu chảy. Hôm đó nhiều người bị giết vì Giôn Han, con số cao nhất chưa từng thấy trong lịch sử đấu bò ở Kitô, mà đúng ra của Goayakin và cả nước Êcuado.

Đó là tiếng kêu rống của loài ngựa. Nhưng tại sao Giôn Han lại không điên rồ trước cảnh con bò bị giết chết? Con vật vẫn là con vật, dù cho đó là con bò hay con ngựa. Giôn Han bị điên. Không còn có thể giải thích khác được. Anh ta điên 1 cách khát máu, chính anh ta là 1 con thú. Cái đó tôi để tuý các bạn đánh giá. Cái nào tồi tệ hơn cái nào – việc con bò húc chết con ngựa. Hay việc Giôn Han lấy lưỡi lê đâm đại tá Haxitô Phiêrô? Hơn nữa, Giôn Han còn dùng lưỡi lê đâm chết những người khác. Anh ta đúng là hung dữ như quỷ. Anh ta vật lộn với những viên đạn trong người, đúng là khó mà có thể giết chết được anh ta. Và Maria Valenxuêla là 1 phụ nữ dũng cảm. Khác với những người phụ nữ khác, chị ấy không kêu khóc cũng không ngất xỉu. Chị ấy ngồi yên nhìn chăm chăm qua trường đấu. Mặt chị ấy trắng bệch, rồi chị ấy quạt nhưng không nhìn quanh đi đâu cả.

Tứ phía, lính và sĩ quan kéo đến, cả những người dân thường đã dụng cảm dệp được tên người nước ngoài điên rồ. Đúng là lúc ấy mọi người hét lên đòi giết chết tất cả những tên người nước ngoài. Đó là tiếng kêu thét cổ xưa của các nước Châu Mỹ Latinh, phản kháng lại những tên người nước ngoài và những hành động man rợ của họ. Đúng thế, tiếng kêu gào vang lên. Nhưng những người Êcuado dũng cảm chỉ giết chết có Giôn Han, nhưng anh ta lại giết chết 7 người Êcuado trước. Ngoài ra, còn có nhiều người bị thương. Tôi đã xem nhiều cuộc đấu bò, nhưng chưa bao giờ tôi lại chứng kiến cái cảnh ghê tởm ở trên khán đài sau khi cuộc đấu bò kết thúc như thế. Chẳng khác gì 1 bãi chiến trường. Người chết nằm rải rác khắp nơi, trong khi đó người bị thương nằm khóc than và rên rỉ, rồi 1 số trong họ cũng chết. Có 1 người bị Giôn Han đâm lưỡi lê xuyên qua bụng ôm chặt

lấy người mà kêu thét lên. Tôi xin nói thật cảnh tượng này khủng khiếp hơn tiếng kêu rống của hàng ngàn con ngựa.

Không, Maria Valenxuêla không lấy Lui Xécvalốt. Tôi thấy tiếc. Anh ta là bạn tôi, và lại bao nhiêu tiền của tôi đã tung vào những cuộc phiêu lưu làm ăn của anh ta. 5 tuần sau những nhà phẫu thuật mới tháo băng khỏi mặt anh ta. Trên má anh ta vẫn còn 1 chiếc sẹo ngay dưới mắt cho đến ngày nay. Ấy thế mà Giôn Han chỉ đánh anh ta bằng 1 quả đấm để tay trần. Maria Valenxuêla hiện nay đang ở Áo. Người ta đồn chị ấy lấy hoàng tử nước áo hay 1 người quý tộc nào đó. Tôi không biết. Tôi nghĩ chị ấy yêu Giôn Han trước khi anh ta theo chị ấy đến Kitô để xem đấu bò. Nhưng tại sao lại vì con ngựa nhỉ? Đó chính là điều tôi muốn biết. Tại sao anh ta xem đấu bò mà lại nói điều đó không quan trọng, rồi liền ngay đó anh ta phát điên đến là khủng khiếp chỉ vì con ngựa kêu rống lên? Không thể nào hiểu nổi những người nước ngoài. Họ là những kẻ dã man.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Tình Yêu Cuộc Sống

Họ hì hụi tập tễnh xuống bờ suối, và có lần gã đi đầu trong số hai người loạng choạng giữa lớp đá lởm chởm. Họ mệt, yếu lử lả và mặt họ thuôn ra cái vẻ nhẵn nại do chịu đựng gian khổ đã lâu. Họ đeo những bó nặng bọc mềm có quai đeo vào vai. Những bọc này còn có những đai đầu quàng qua trán cho đỡ nặng. Mỗi người mang một cây súng trường. Họ bước đi trong tư thế lom khom, vai chúi hẳn về đằng trước, đầu còn nhô xa hơn, mắt cúi gằm xuống đất.

- Giá như chúng mình có hai viên đạn ở chỗ giấu của chúng mình – người thứ hai nói.

Giọng gã hoàn toàn vô cảm một cách buồn tẻ. Gã nói không một chút hào hứng; và người đi đầu trật trà trật trường trong dòng suối trắng như sữa sủi bọt trên những mô đá, không buồn trả lời.

Gã kia theo sát gót hẵn ta. Họ không cởi giày, tất gì hết, mặc dầu nước giá lạnh, lạnh đến nỗi đau cả mắt cá và bàn chân tê cóng. Có những chỗ, nước xô vào đầu gối họ, và cả hai chệnh choạng quờ tìm chỗ đặt chân.

Gã đi sau trượt chân trên một phiến đá nhẵn lì, suýt ngã, nhưng hết sức cố gắng gượng dậy, đồng thời ré lên một tiếng kêu đau. Gã có vẻ lả đi, chóng mặt và trong khi lão đảo, giơ bàn tay rảnh ra như muốn níu vào không khí. Khi đứng vững rồi, gã bước tiếp nhưng lại lão đảo và suýt ngã

lần nữa. Rồi gã đứng im và nhìn người kia, tay này không ngoảnh đầu lại lấy một lần.

Gã đứng im cả một phút như bàn luận với chính mình, rồi lên tiếng gọi:

- Này Bil, mình bị treo mắt cá rồi.

Bil vẫn ngật ngưỡng đi qua dòng nước trắng sữa. Hắn không quay lại nhìn. Gã kia ngó theo hắn đi và tuy mặt gã vẫn đờ đẫn như trước, nhưng cặp mắt thì lại như mắt một con nai bị thương.

Người nọ tập tễnh lên bờ bên kia và tiếp tục đi thẳng không nhìn lại. Gã ở giữa dòng ngó theo. Mũi gã run rẩy khiến lớp lông nâu phủ bên trên động đậy rõ rệt. Cả lưỡi gã cũng thè ra liếm môi.

- Bil! – gã gọi to

Đó là tiếng kêu khẩn cầu của một người khoẻ mạnh trong cơn quẫn bách, nhưng Bil không ngoái đầu lại. Gã kia nhìn theo hắn đi, tập tễnh đến tức cười và loạng quạng tiến dần từng bước theo bờ dốc thoải hướng tới nét lượn mềm in lên nền trời của trái đồi thấp. Gã nhìn theo cho đến khi Bil đi qua đỉnh đồi và biến mất. Rồi gã xoay hướng nhìn và từ từ đảo mắt vòng quanh thế giới còn lại với gã giờ đây khi Bil đã đi khỏi.

Gần chân trời, vầng dương thoi thóp mờ mờ, gần như bị những đám sương mù và hơi không ra hình thù gì che khuất, gây một cảm giác về tảng khối và đậm đặc không đường nét hoặc không cụ thể. gã rút đồng hồ ra xem, dồn trọng lượng toàn thân trên một chân. Đã bốn giờ và vì độ này đã gần cuối tháng bảy hay đầu tháng tám – trong vòng một, hai tuần nay, gã không còn nhớ đích xác ngày tháng – gã biết là mặt trời lúc này ang áng chỉ hướng tây bắc. Gã nhìn về phía nam và biết rằng đâu đó bên kia những trái đồi heo hút này, là Hồ Gấu Lớn; gã cũng biết rằng ở phía ấy vòng tròn bắc cực cắt ngang vùng hoang địa Canada. Con suối mà gã đang đứng giữa dòng là một nguồn tiếp nước ra sông Mỏ Đồng, sông này lại chảy theo

hướng bắc đổ vào Vịnh Đăng Quang và Bắc Băng Dương. Gã chưa bao giờ tới đó, nhưng gã đã thấy nơi ấy một lần trên một tấm bản đồ của công ty Vịnh Haxđơn.

Một lần nữa, mắt gã lại đảo khắp một vong cái thế giới quanh gã. Một quang cảnh không lấy gì làm phấn khởi. Đâu đâu cũng là đường chân trời mềm mại. Các trái đồi đều thấp. Chẳng có cây to, cây nhỏ cũng chẳng có cỏ, chẳng có gì ngoài một sự tiêu điều mênh mông và ghê gớm, khiến cái sợ mau chóng nhóm lên trong mắt gã.

- Bil! – gã thì thào, một lần rồi hai lần: – Bil!

Gã co ro giữa dòng nước trắng sữa, như thể khoảng không rộng lớn đang ép lên gã với một sức mạnh áp đảo, đè dí gã một cách thô bạo với sự uy nghi đầy tự mãn của nó. Gã bắt đầu run lên như cơn sốt, cho đến khi cây súng rơi đánh tồm khỏi tay gã. Điều đó có tác dụng khuấy động gã. Gã đấu tranh với nỗi sợ và trấn tĩnh lại, mò xuống nước nhặt cây súng lên. Gã nhích cái bọc qua về phía vai trái, để chuyển bớt một phần trọng lượng khỏi đè lên phía mắt cá bị thương. Rồi gã từ từ và thận trọng tiến vào bờ, mặt nhăn nhó vì đau.

Gã không dừng lại. Với một sự tuyệt vọng như điên, bất kể đau, gã hối hả lên dốc tới tận đỉnh đồi, nơi ban gã đã đi khuất, dáng vẻ còn tức cười hơn nhiều so với tay bạn tập tễnh, ngật ngưỡng nọ. Nhưng tới đỉnh, gã trông thấy một thung lũng nông, trống vắng sự sống. Gã lại đấu tranh với cái sợ, vượt lên được, nhích thêm cái bọc qua nửa vòng phía vai trái và tiếp tục lao đảo xuống dốc.

Đáy thung lũng sũng nước được lớp rêu dày, tựa bọt biển, hút xâm xấp trên mặt. Nước ấy, cứ mỗi bước, lại bắn vọt từ dưới chân gã và mỗi lần gã nhấc chân lên, lại nghe kêu đánh oạp khi lớp rêu ướt miễn cưỡng nhả ra. Gã lách đường từ đám lầy này sang đám lầy khác và dò theo dấu chân của

người kia, dọc, ngang những gờ đá lô nhô như những hòn đảo nhỏ giữa biển rêu.

Tuy có một mình, nhưng gã không lạc. Gã biết đi quá nữa, gã sẽ đến chỗ có những cây vân sam và linh sam chết nhỏ xíu và quắt queo bên bờ một con hồ nhỏ, Titsinisili, tiếng địa phương có nghĩa là ” Vùng đất của những chiếc que nhỏ “. Và chảy vào hồ ấy, là một con suối nhỏ, nước không lờ lờ màu trắng sữa. Trên bờ dòng suối này có cỏ bấc, điều này gã nhớ rất rõ, nhưng không có cây to, và gã sẽ ngược theo nó đến đầu nguồn của một đường phân thủy. Gã sẽ qua đường phân thủy đó, tới đầu nguồn một con suối khác chảy vào sông, ở đây gã sẽ tìm thấy một chỗ cất giấu dưới một cái xoòng lật xấp, với nhiều phiến đá xếp chồng lên trên. Và trong chỗ cất giấu ấy, sẽ có đạn cho cây súng rỗng không của gã, lưỡi câu và dây câu, một cái lưỡi nhỏ, tất cả những thứ đó dùng cho việc giết và bẫy mồi làm thức ăn. Gã cũng sẽ tìm thấy bột mì, không nhiều, một miếng thịt lợn và chút ít đậu.

Bil sẽ đợi gã ở đó và họ sẽ chèo xuồng xuôi về nam trên sông Dijơ đến Hồ Gấu Lớn. Và họ sẽ xuyên qua hồ về phía nam, cứ phía nam đi miết cho đến khi tới sông Meckenji. và lại hướng nam, vẫn hướng nam, họ sẽ tiếp tục đi, trong khi mùa đông hoài công đuổi theo họ, băng đóng trong những xoáy nước, và ngày trở nên lạnh giá và hanh, cứ hướng nam mà tiến, đến một trạm ấm áp nào đó của công ty Vịnh Haxđơn, ở đó có cây mọc cao và thoáng, ở đó có ê hề đồ ăn, thức uống.

Đó là những ý nghĩ của người đàn ông này, khi gã gắng sức dẫn bước. Nhưng dầu nỗ lực mấy về thể xác, gã cũng nỗ lực không kém về tinh thần, cố nghĩ rằng Bil không bỏ gã, rằng Bil chắc chắn sẽ chờ gã ở chỗ cất giấu. Gã buộc phải nghĩ vậy, nếu không thì việc gì phải ráng sức, cứ nằm xuống và chết cho rồi. Và trong khi mặt trời như quả cầu mờ từ từ lặn xuống mé tây bắc, gã điếm qua suốt lượt, nhiều lần, từng phần một chặng đường trốn chạy xuống phía nam của gã và Bil trước khi mùa đông tới. Và gã xem đi

xét lại những đồ ăn ở nơi cất giấu và ở trạm của mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt công ty Vịnh Haxđơn. Đã hai ngày, gã không ăn gì cả, trong một thời gian dài hơn thế nhiều, gã phải bóp miệng, không có đủ những gì gã muốn ăn. Nhiều lúc, gã cúi xuống nhặt những quả tai tái mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt. Đó là một tí hạt bọc trong một tí cùi nước. Bỏ vào mồm, cùi nước tan ra và hạt nhai gặm gặm, đắng nghét. Gã biết quả ấy chẳng bổ béo gì, song cứ kiên nhẫn nhai, với một hi vọng lớn hơn kiến thức và bất chấp kinh nghiệm.

Đến chín giờ, gã vấp ngón chân vào một mô đá và chỉ vì mệt và yếu, gã lao đảo, quy ngã. Gã nằm nghiêng một lúc, không động cựa. Rồi gã rút tay ra khỏi quai đeo bọc và lóng ngóng gượng ngồi dậy. Trời chưa tối hẳn và trong ánh hoàng hôn còn vương lại, gã rờ rẫm quanh, tìm những mảng rêu khô giữa những phiến đá. Khi đã vun lại được một đống, gã đốt lên một ngọn lửa, một ngọn lửa lom rom, lem nhem, và đặt lên một bình thiếc đựng nước để đun sôi.

Gã mở cái bọc và việc đầu tiên là đếm các que diêm. Có sáu mươi bảy que. Gã đếm tới ba lần cho chắc. Gã chia làm nhiều phần, gói bằng giấy dầu, cất một bó vào cái túi đựng thuốc lá đã rỗng không, một bó khác vào đai trong của chiếc mũ nhàu nát, bó thứ ba vào dưới ngực áo sơ mi. Làm xong việc đó, gã chợt hoảng và giở tất cả ra đếm lại. Vẫn còn nguyên sáu mươi bảy que.

Gã hong giầy tất bên bếp lửa cho khô. Đôi giầy da đánh rách bươm, ướt sũng. Bít tất nhiều chỗ thủng, chân gã trầy da cà rướm máu. Mắt cá giần giật và gã xem xét kỹ chỗ đau. Nó đã sưng lên to bằng đầu gối. Gã xé ở một trong hai tấm mền ra một miếng dài và buộc chặt lấy mắt cá. Gã xé thêm nhiều dải khác buộc quanh hai chân thay cả giầy lẫn tất. Rồi gã uống bình nước nóng bốc hơi, lên giầy đồng hồ và mò vào giữa hai lớp mền chăn.

Gã ngủ như chết. Bóng tối ngán ngủi vào khoảng nửa đêm, đến rồi đi. Mảnh trời lên ở mạn đông bắc, chỉ ít là ngày đã rạng ở khu vực ấy, vì mặt trời bị những đám mây xám che khuất.

Sáu giờ, gã thức giấc, nằm ngủ bình thản. Gã nhìn thẳng lên bầu trời xám và biết rằng mình đói. Khi chống khuỷu tay xoay người đi, gã giật mình vì một tiếng khịt to và trông thấy một con tuần lộc caribu đực đang nhìn gã với vẻ tò mò cảnh giác. Con vật cách gã không quá mười lăm mét và lập tức trong óc gã bật lên hình ảnh và vị thơm ngon của một miếng bit-tết caribu rán xèo trên bếp lửa. Như cái máy, gã với tay ra lấy cây súng rỗng không nhắm và bóp cò. Con tuần lộc khịt khịt và nhảy đi, móng nện lóc cóc khi chạy qua những mô đá.

Gã rủa một tiếng rồi quăng cây súng rỗng không khỏi mình. Gã rên to khi bắt đầu nhồm người đứng dậy. Đó là một công việc chậm chạp và gay go. Các khớp xương của gã như những bản lề gỉ. Chúng ngúc ngắc khó khăn trong hốc xương vì cọ sát nhiều, và mỗi động tác gập vào hay duỗi ra đều chỉ thực hiện được với sự cố gắng ghê gớm. Cuối cùng khi gã điều khiển được đôi chân, lại mất độ một phút nữa để đứng thẳng lên được, đứng như tư thế của một con người.

Gã bò lên một cái gò nhỏ và nhìn khắp xung quanh. Không có cây to, cũng chẳng có cây bụi, chẳng có gì ngoài một biển rêu xám, lác đác điểm tuyết bằng những tảng đá xám, những hồ nhỏ màu xám, những suối nhỏ màu xám. Bầu trời cũng xám. Không có nắng, cũng chẳng thấy dấu hiệu gì của mặt trời ; gã không còn biết đâu là phương bắc và gã đã quên đêm qua gã đã đến chỗ này bằng cách nào. Nhưng gã không lạc. Điều đó thì gã biết. Chẳng bao lâu gã sẽ đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã cảm thấy nó nằm bên trái đầu đấy không xa, có thể ngay sau trái đồi thấp sắp tới.

Gã quay lại xếp cái bọc cho vuông vức để lên đường. Gã kiểm tra cho chắc chắn là vẫn còn ba gói diêm riêng rẽ, tuy nhiên gã không mất thì giờ đếm lại. Nhưng gã có lần chần, cân nhắc về một cái túi da nai bè bè. Nó

không to. Gã có thể che dấu nó dưới hai bàn tay mình. Gã biết nó nặng mười lăm “pao” – bằng phần còn lại của cái bọc- và nó làm gã bắn khoăn. Cuối cùng, gã để nó sang một bên và cuộn cái bọc lại. Gã ngừng lạ, đăm đăm nhìn cái túi da nai bè bè. Gã nhặt vội nó lên, đưa mắt nhìn quanh ra chiều thách thức, tựa hồ sự hoang sơ đang chực cướp nó đi vậy, và khi gã đứng dậy để loạng choạng đi vào ngày mới, thì nó đã được gói gọn trong cái bọc trên lưng.

Gã rẽ sang bên trái, thỉnh thoảng dừng lại để ăn những trái cây đầm lầy. Mắt cá gã đã cứng ngắc, bước đi cà nhắc hơn, nhưng cái đau ấy hồ như chẳng thấm gì so với cái đau hành hạ dạ dày. Những cơn đói quặn thắt ruột thắt gan cứ nhảy huỷ cho đến khi gã không thể giữ cho đầu óc tập trung vào lộ trình gã phải theo để tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Những trái cây đầm lầy không làm sao giảm nhẹ được sự nhay nghiêng đấy, mà chỉ làm cho lưỡi và vòm miệng gã đau rộp lên.

Gã tới một thung lũng, tại đó gà gô núi đá vỗ cánh rào rào bay lên từ những gò đá và bãi lầy. “Kéc ... kéc ... kéc “, chúng kêu như vậy. Gã lấy đá ném nhưng không trúng con nào. Gã đặt cái bọc xuống đất và rón rén đến gần chúng như mèo định lén bắt chim sẻ. Đá nhọn cửa qua ống quần đến độ đầu gối gã để lại một vết máu. Nhưng cái đau ấy chìm trong cái đau đói bụng. Gã bò ngoằn ngoèo trên lớp rêu ướt, quần áo ướt đầm, người rét run ; những cơn sốt cuồng đòi ăn quá lớn, khiến gã không còn biết tới cảm giác đó. Và lũ gà gô vẫn bay lên rào rào trước mặt gã, đến khi tiếng “kéc ... kéc” của chúng trở thành một sự trêu chọc đối với gã, và gã rủa chúng, quát ngậy lên với chúng.

Một lần, gã bò tới một con, chắc đang ngủ. Mãi đến lúc nó vụt lên từ hốc đá ngay trước mặt gã, gã mới trông thấy nó. Gã chộp một cái, cũng bất thần như con gà gô bay lên, và trong tay gã còn lại ba cái lông đuôi. Nhìn theo nó bay, gã thấy căm thù nó như thể nó đã hại gã một điều gì ghê gớm lắm. Rồi gã quay lại và khoác cái bọc lên vai.

Giờ này qua giờ khác gã đi vào những thung lũng hoặc những chỗ đất thấp lầy còn nhiều thú săn hơn nữa. Một đàn tuần lộc caribu đi qua, có tới hơn hai chục con, ở trong tầm súng như trâu người. Gã cảm thấy một khao khát cuồng dại muốn đuổi theo chúng, tin chắc mình có thể bắt được chúng. Một con cáo đen tiến về phía gã, mồm ngậm một chú gà gô. Gã la lên. Đó là một tiếng kêu ghê sợ, nhưng con cáo hốt hoảng nhảy đi, không buông rơi con gà gô.

Xế chiều, gã lần theo một con suối, nước lờ lờ chất vôi, chảy qua những vạt cỏ bắc rải rác. Nằm chặt những bụi cỏ bắc ấy ở quãng gần rể, gã nhổ lên một cái gì tựa tựa một đọt hành non, không lớn hơn chiếc đinh ván. Nó mơn mớn và răng gã cắm ngập vào đó, gặm rau rầu tưởng chừng sẽ là món ăn tuyệt diệu. Nhưng thứ nó rắn chắc. Nó gồm những sợi dầm nước, như những trái cây bãi lầy nọ, và chẳng có chất dinh dưỡng gì. Gã quăng cái bọc xuống và quỳ gối bò vào đám cỏ bắc, gặm và nhai trệu trạo như trâu bò.

Gã rất mệt và nhiều lúc muốn nghỉ, nằm ềnh ra và ngủ ; nhưng gã vẫn bị thôi thúc dẫn bước liên tục bởi cái đói hơn là bởi nỗi mong muốn tới được Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã sục những vũng nước mò ếch nhái và lấy móng tay đào đất tìm giun, mặc dầu gã biết ở mạn cực bắc này chẳng làm gì có ếch nhái cũng như giun.

Gã hoài công soi mói từng vũng nước, cho đến khi hoàng hôn đến, gã mới phát hiện ra một con cá lẻ loi, bằng cỡ một con cá tuê, trong một cái vũng như vậy. Gã thọc tay xuống nước đến tận vai, nhưng con cá lẩn thoát. Gã với cả hai tay ra chụp nó, khuấy tung lớp bùn đục lờ dưới đáy. Thế là nước đục ngầu lên khiến gã không thấy nó đâu nữa và buộc phải đợi cho bùn lắng xuống.

Cuộc săn bắt tiếp tục, cho đến khi nước lại đục ngầu lên. Nhưng gã không thể đợi được nữa. Gã tháo chiếc xô thiếc và bắt đầu tát nước. Thoạt đầu gã tát như điên, bắn vung cả lên người, và hắt nước gần quá thành thử

lại chảy về vũng. Rồi gã làm thận trọng hơn, cố gắng bình tĩnh, mặc dầu tim đập vào thành ngực thành thịch và hai tay run lên. Được nửa giờ, vũng nước gần cạn khô. Chỉ còn không đầy một cốc nước. Mà chẳng thấy cá đâu. Gã tìm ra một khe nứt giữa lớp đá, nó đã chui qua đó trốn sang cái vũng bên cạnh to hơn, một cái vũng mà có bỏ cả một ngày, một đêm gã cũng chẳng thể tát cạn. Nếu có biết cái khe nứt ấy thì gã ắt đã lấy một hòn đá bịt lại từ đầu và giờ đây con cá ắt đã là của gã.

Nghĩ thế, gã vật mình vật mảy trên nền đất ướt. Mới đầu gã khoc khe khẽ một mình, rồi khóc to tướng với cả cảnh hoang sơ vô tình bao quanh gã ; và hồi lâu sau, người gã còn rung lên những tiếng nấc khan.

Gã đốt một đồng lửa, uống hàng ca nước nóng cho ấm người ; và hạ trại trên một gờ đá như đêm trước. Việc làm sau cùng của gã là lo cho số diêm thật khô ráo và lên dây đồng hồ. Những tấm mền thì ướt và dính nháp. Mắt cá gã đau giần giật. Nhưng gã chỉ biết rằng gã đói và, qua giấc ngủ não động, gã mơ thấy tiệc lớn, tiệc nhỏ và thức ăn bày la liệt theo đủ mọi cách có thể tưởng tượng được.

Gã thức dậy, rét run và nôn nao. Không một chút nắng. Màu xám của đất và trời đã trở nên đậm hơn, sâu hơn. Một ngọn gió rét căm căm thổi và những bông tuyết đầu tiên làm trắng xoá những đỉnh đồi. Không khí quanh gã dày đặc thêm và quánh dần trong khi gã đốt một đồng lửa và đun thêm nước. Tuyết ướt, gàn như mưa, và những bông tuyết vừa to vừa sũng nước. Thạot đầu, mới chạm đất, chúng đã chảy liền, nhưng mỗi lúc một xuống nhiều, phủ kín mặt đất, dập tắt lửa làm hỏng cả chỗ rêu dự trữ làm chất đốt của gã.

Điều đó thành một tín hiệu cho gã khoác cái bọc lên vai và ngật ngưỡng bước tiếp, không biết là đi đến đâu. Gã không bận tâm đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ, cũng như đến Bil và chỗ cất giấu dưới cái xuống lật sấp bên dòng sông Đir nữa. Thống ngự gã lúc này là động từ “ăn”. Gã đang đói điên người. Gã chẳng để ý gì đến hướng đường gã đang đi theo, chừng

nào hướng ấy dẫn gã qua những bãi thấp. Gã dò dẫm qua tuyết ướt lặn tới những trái cây đầm lầy mọng nước và đi bằng cảm giác trong khi gã nhỏ những rễ cỏ bắc. Nhưng cái món này thật vô vị không thoả mãn được gì cả. Gã tìm được một thứ cỏ có vị chua và kiếm được bao nhiêu cỏ ấy, gã ăn tuốt, cũng chẳng nhiều nhận gì, vì nó là loại cây bò sát, dễ bị lấp dưới tuyết dày hàng mấy phân.

Đêm ấy, gã không có lửa, cũng không có nước nóng, gã chui vào chăn ngủ giấc ngủ đứt quãng vì đói. Tuyết chuyển thành mưa lạnh. Gã tỉnh dậy nhiều lần để cảm thấy nó rơi trên khuôn mặt úp sấp của mình. Ngày đến, một ngày đen xám và không có mặt trời. Mưa đã tạnh. Cái nhói buốt của cơn đói đã biến đi. Về sự háo hức muốn có cái ăn, mức nhạy cảm đã kiệt. Bụng gã âm ỉ một cái đau nặng trĩu, song nó không quấy rầy gã nhiều như trước. Gã trở nên duy lý hơn, và một lần nữa gã lại quan tâm chủ yếu tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ và chỗ cất giấu ở bờ sông Đir.

Gã xé mảnh còn lại của một tấm mền thành từng dải để buộc đôi bàn chân tướt máu. Gã cũng buộc chặt lại chỗ mắt cá bị thương và chuẩn bị cho một ngày đương. Khi đụng đến cái bọc, gã ngừng lại hồi lâu suy tính về chiếc túi da nai bè bè, nhưng rốt cuộc vẫn mang nó đi theo.

Dưới mưa, tuyết đã tan chảy và chỉ còn những đỉnh đồi là phô màu trắng. Mặt trời ló ra và gã định vị được các hướng địa bàn, mặc dầu giờ đây gã biết là mình đã lạc. Có lẽ, trong khi lang thang những hôm trước, gã đã quá lệch về bên trái. Giờ đây gã ghé sang phải cho cân lại độ có thể sai lệch khỏi hướng chính gã cần đi theo.

Mặc dầu cái đói không còn hành hạ dữ dội như trước nữa, nhưng gã nhận biết rằng mình rất yếu, gã buộc phải dừng lại nghỉ luôn, để nhá những trái cây đầm lầy và những vạt cỏ bắc. Gã cảm thấy lưỡi mình khô và to tướng như mọc đầy một lớp bông nhỏ li ti, và có vị đắng ngắt trong mồm. Tim gã làm rầy gã ghé gớm. Đi được ít phút, nó đã bắt đầu nện không thương xót thành thịch, thịch thịch, thịch thịch, rồi nhảy loạn xạ trong một

thôi đập xao xuyến, đau đớn, khiến gã nghẹn thở, lử lả và chóng cả mặt. Đến giữa trưa, gã tìm được hai con cá tuê ở một cái vũng to. Không thể tát cạn nó được, nhưng bây giờ gã bình tĩnh hơn và xoay xở bắt được chúng vào trong cái xô thiếc. Chúng không dài hơn ngón tay út của gã, nhưng gã không đói lắm. cái đau âm ỉ trong bụng gã đã lắng xuống và yếu đi. Như thể dạ dày gã đang ngủ gà ngủ gật vậy. Gã ăn cá sống, thận trọng nhai một cách vất vả, vì việc ăn là một hành động thuần túy lý trí. Tuy gã chả muốn ăn chút nào, nhưng gã biết mình phải ăn để mà sống.

Chiều đến, gã bắt được thêm ba con cá tuê, ăn hai con và để dành một con cho bữa điểm tâm sáng hôm sau. Mặt trời đã sấy khô những mảng rêu rải rác và gã có thể sưởi ấm bằng nước nóng. Hôm ấy gã không đi được quá mười dặm ; và hôm sau, cất bước khi nào tìm gã cho phép, gã đi được không quá năm dặm. Nhưng dạ dày gã lại không hề làm gã khó chịu tí nào. Nó đã ngủ. Một điều nữa: gã đang ở một vùng đất lạ và tuần lộc caribu tại đây tăng nhiều hơn, cả sói nữa. Lắm lúc tiếng hú của chúng vang qua cảnh tiêu điều, và một lần gã trông thấy ba con lần tránh trước mặt gã, trên đường đi.

Lại một đêm nữa ; và sáng hôm sau, duy lý hơn, gã cởi dây da buộc cái túi da nai bè bè. Từ miệng túi đã mở, chảy tuôn một dòng bụi vàng thô và quặng vàng. Gã chia đại khái số vàng ra làm hai phần, giấu một nửa vào một gờ đá nhô ra, gói nửa kia vào một mảnh chăn và bỏ trở vào túi. Gã cũng bắt đầu dùng những giải của cái chăn còn lại để buộc chân. Gã vẫn níu giữ cây súng vì ở chỗ cất giấu bên sông Đir có đạn.

Đó là một ngày đầy sương mù, và ngày hôm ấy cái đói lại thức dậy trong gã. Gã rất yếu và bị chóng mặt đến nỗi đôi lúc hoa mắt không thấy gì. Bây giờ, đối với gã, vấp ngã không phải là chuyện không bình thường, và một lần bị vấp ngã, gã ngã trúng giữa một tổ gà gô núi. Có bốn chú gà con mới nở được một ngày, những đốm sọc phập phồng, vừa một miếng, không hơn, và gã ăn chúng ngẫu nhiên, nhét chúng vào mồm nhai sống

nuốt tươi rầu rạo giữa hai hàm răng như nhai vỏ trứng. Gà gô mẹ lồng lộn quanh gã, kêu rầm rĩ. Gã dùng cây súng như một chiếc chùy để đánh nó, nhưng nó tránh xa khỏi tầm với. Gã ném ba hòn đá về phía nó và một hòn ngẫu nhiên trúng, làm gãy một bên cánh. Rồi nó chao chao chạy đi, kéo lê chiếc cánh gãy, gã đuổi theo sau.

Mấy chú gà con chỉ làm cho gã thêm háu đói. Gã nhảy loi choi một cách vụng về với vết thương mắt cá chân, chốc chốc lại ném đá và kêu la khàn giọng, lắm lúc lại lặng lẽ chạy lết đà lết đặt, mỗi lần ngã lại hằm hằm bò dậy một cách kiên nhẫn, hoặc đưa tay lên dụi mắt khi cơn chóng mặt đe dọa quật ngã gã.

Cuộc săn đuổi đưa gã qua bãi đất lầy xuống đáy thung lũng và gã bắt gặp những vết chân trên lớp rêu sũng nước. Không phải vết chân gã, gã có thể thấy rõ là thế. Chắc là vết chân Bil. Song gã không thể dừng lại, vì con gà gô mẹ vẫn chạy tiếp. Gã sẽ bắt nó trước, rồi quay lại dò tìm điều tra sau.

Gã quần con gà gô mẹ kiệt sức, nhưng gã cũng tự làm mình kiệt sức. Con gà nằm nghiêng thở dốc. Gã cũng nằm nghiêng thở hồng hộc, chỉ cách nó khoảng ba, bốn mét mà không sao bò được tới nó. Và khi gã hồi tỉnh lại, nó cũng hồi sức, vỗ cánh chạy khỏi tầm với, khi ga vươn bàn tay đói lả về phía nó. Cuộc săn đuổi lại tiếp diễn. Đêm xuống hãn và gà gô mẹ chạy thoát. Yếu ớt, gã loạng quạng vấp và lao đầu ngã sấp mặt xuống, toạc cả má, chiếc bọc vẫn trên lưng. Hồi lâu, gã không động cựa ; rồi gã xoay nghiêng người, lên dây đồng hồ và nằm đó đến sáng.

Lại một ngày mù sương. Nửa cái màn cuối cùng đã xé ra để làm giẻ bọc chân. Gã không thấy lại được dấu chân Bil. Chẳng hề gì. Cái đói đang đôn thúc gã quá xá ... có điều ... có điều gã băn khoăn không biết Bil có lạc nốt không. Đến trưa, cái bọc trở nên quá nặng, không chịu nổi. Gã lại chia đôi số vàng, lần này thì đơn giản là dốc toẹt một nửa xuống đất. Đến chiều, gã vứt nốt số còn lại và gã chỉ còn độc nửa cái chăn, cái xô thiếc và cây súng.

Một huyền cảm bắt đầu quấy rầy gã. Gã tin rằng mình còn một viên đạn. Nó nằm trong ổ nòng súng và gã đã quên bém mất. Mặt khác, gã luôn biết rằng ổ đạn rỗng không. Thế nhưng huyền cảm ấy vẫn dai dẳng. Gã xua đuổi nó hàng giờ liền, rồi mở súng ra và thấy tận mắt là ổ đạn rỗng tuếch. Sự thất vọng cũng cay đắng như thể gã thực sự chờ đợi thấy viên đạn trong đó.

Gã lui hụi đi tiếp được nửa giờ thì cơn huyền cảm lại nổi dậy lần nữa, gã lại cố dẹp đi mà nó vẫn dằng dai cho đến lúc gã mở súng tự thuyết phục là chẳng có gì. Đôi lúc đầu gã phiêu diêu đi xa hơn, và gã lui hụi đi như thằng người máy, với những ý nghĩ ngộ nghĩnh và ngông cuồng kỳ lạ gặm nhấm óc như những con sâu. Nhưng những cuộc du ngoạn khỏi thực tại ấy đến gần ngủ, vì bao giờ những dẫn vật của cái đói cào cấu cũng gọi gã trở lại. Một lần, đang phiêu du như vậy, thành linh gã bị kéo giật trở lại bởi một cảnh khiến gã suýt ngất xỉu. Trước mặt gã sừng sững một con ngựa. Một con ngựa! Gã không thể tin ở mắt mình. Một màn sương dày rủ trong mắt gã, điểm những chấm sáng lấp lánh. Gã dụi mắt như điên để nhìn cho rõ và nhận ra không phải một con ngựa mà là một con gấu lớn màu nâu. Con vật đang ngăm nghía gã với một vẻ tò mò hung hãn.

Gã đã nâng súng lên vai rồi mới nhớ ra là không có đạn. Gã hạ súng xuống và rút con dao sẵn bên hông ra khỏi vỏ. Trước mặt gã là thịt và sự sống. Gã lướt ngón tay cái trên lưỡi dao. Lưỡi sắc, mũi nhọn. gã sẽ lao cả người vào con gấu và giết chết nó. Nhưng tim gã bắt đầu báo động: thành thịch, thành thịch, thành thịch. Rồi tiếp theo là nhịp nhảy lên cuồn cuộn và sức nén ép như một vành đai sắt thít quanh trán, cơn chóng mặt len lõi bò vào trong đó.

Sự can đảm tuyệt vọng của gã bị một nỗi sợ dâng trào mãnh liệt đánh bật ra. Gã đang yếu thế này, nhờ con vật tấn công gã thì sao? Gã đứng thẳng lên trong tư thế hùng dũng nhất, nắm chặt con dao và nhìn chăm chăm vào con gấu. Con gấu vung về tiến lên vài bước, lùi lại và trút ra một

tiếng gầm gừ thăm dò. Nếu con người chạy ắt nó sẽ đuổi theo. Nhưng con người không chạy. Lúc này, trong gã dấy lên lòng can đảm của khiếp sợ. Gã cũng gầm gừ, man rợ, gớm ghiếc thốt lên nỗi sợ vốn là thích hợp với sự sống và vốn xoắn xuýt quanh những rễ sâu nhất của sự sống.

Con gấu né sang một bên lui đi, gầm gừ đe dọa. Bản thân nó cũng kinh hãi trước cái sinh vật bí ẩn hiên ngang thẳng đứng, không biết sợ ấy. Nhưng con người không động đậy. Anh ta đứng sững như một pho tượng cho đến khi cơn nguy hiểm qua hẳn, bấy giờ mới chịu khuất phục run bắn lên một hồi và quy xuống lớp rêu ướt.

Gã định thần lại và đi tiếp, bây giờ lại sợ theo cách khác. Không phải là sợ sẽ chết một cách thụ động vì không có cái ăn, mà sợ sẽ bị tiêu diệt một cách cuồng bạo trước khi cái đói làm suy kiệt nốt chút xíu cố gắng cuối cùng trong gã nhằm vươn tới sự sống sót. Vùng này có chó sói. Suốt cảnh tiêu điều này, vắng tới vắng lui tiếng sói hú, dẹt cả bầu không khí thành một tấm màn đe dọa có thể sờ mó thấy, đến độ gã bỗng giơ tay lên trời, đẩy không khí ra khỏi mình, như thể nó là thành vải của một cái lều bị gió thổi ép vào.

Thỉnh thoảng, sói đi từng tốp hai hoặc ba con, kéo qua đường đi của gã. Nhưng chúng tránh gã. Chúng không đủ đông, vả lại, chúng đang săn tìm tuần lộc caribu, tụi này không đánh trả, trong khi cái sinh vật đi thẳng đứng này có thể vừa cào vừa cắn.

Xế chiều, gã bắt gặp những ống xương rải rác ở chỗ lũ chó sói đã giết một con thú. Đám xương tàn, trước đó một giờ, còn là một chú tuần lộc Caribu non kêu quang quác, chạy nhảy và đầy sức sống. Gã ngắm đồng xương đã lóc sạch thịt và nhãn bóng, với sinh bào hồng hồng bên trong còn chưa hết hẳn. Liệu có khả năng, gã cũng có thể như thế trước khi ngày tàn không? Sự sống là thế ư? Một sự hào huyền và thoáng qua. Chỉ có sống là đau đớn mà thôi. Chết thì chẳng đau gì hết. Chết là ngủ. Có nghĩa là thôi, là nghỉ ngơi. Thế thì tại sao gã lại không bằng lòng chết.

Nhưng gã không lý luận rông dài. Gã đang ngồi xồm trên lớp rêu, với một cái xương trong miệng, mút mát những vụn sinh bào còn nhuộm hồng hồng chất xương. Cái vị thịt ngọt, loãng và thoáng thấy thoáng mất gần giống như một hồi ức làm gã tức điên. Gã ngoạm hàm vào những đốt xương và nhai rào rào. Lúc thì xương gãy, lúc thì răng gã gãy. Rồi gã bỏ xương vào giữa những hòn đá, nghiền nát như và nuốt chửng. Trong lúc vội vàng gã giã cả vào ngón tay mình, và có lúc lại ngạc nhiên thấy những ngón tay không đau lắm khi bị kẹp vào đá.

Rồi đến những ngày tuyết xuống, mưa rơi kinh khủng. Gã không còn biết mình hạ trại lúc nào, nhổ trại lúc nào. Gã đi ban đêm cũng nhiều bằng đi ban ngày. gã nghỉ luôn ở bất cứ chỗ nào gã ngã xuống, bò đi tiếp bất cứ lúc nào ngọn lửa sống đang tabnf trong gã bùng lên và đỡ mù mịt hơn. Với tư cách là một con người, gã thôi không ráng sức nữa. Chính là cái sinh lực trong gã không muốn chết, nó thôi thúc gã dần bước. Gã không đau đớn. Thần kinh gã đã cùn mòn, tê dại đi trong khi đầu óc gã đầy viễn ảnh kỳ lạ và những giấc mơ thú vị.

Nhưng gã vẫn mút và nhai những đốt xương nát của con tuần lộc non, mà những dư tàn nhỏ nhất của nó đã vun vén lại và đã mang theo. Gã không vượt đồi, cũng chẳng qua những đường phân thủy nữa mà cứ tự động theo một con suối lớn chảy qua một thung lũng rộng và nông. Gã không nhìn thấy con suối ấy cũng như thung lũng ấy. Gã không nhìn thấy gì ngoài những tấm ảnh. Hồn và xác hoặc đi hoặc bò cạnh nhau, nhưng riêng rẽ, vì sợi dây buộc chúng lại với nhau quá mảnh.

Gã thức dậy minh mẫn, nằm ngủ trên một gờ đá. Mặt trời chiếu rực rỡ và ấm áp. Xa xa gã nghe thấy tiếng những con tuần lộc non kêu quác quác. Gã nhớ mang máng là đã có mưa, có gió, có tuyết rơi, nhưng còn về việc gã đã bị dải gió dầm mưa hai ngày hay hai tuần thì gã không biết.

Gã nằm gần như không động đậy một lúc, ánh mặt trời hiền hoà chảy tràn trên gã và toả hơi ấm thấm đẫm cái thân hình khốn khổ của gã. Một

ngày đẹp, gã nghĩ. Chưa chừng gã có thể xác định được mình đang ở đâu cũng nên. Bằng một cố gắng cực nhọc gã xoay người nằm nghiêng. Phía dưới gã, một con sông rộng và lờ đờ chảy. Vẻ lạ lẫm không quen thuộc của nó khiến gã bối rối. Gã chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn lượn thành những khúc rộng giữa những ngọn đồi trọc đều hiu, đều hiu hơn, trơ trụi hơn và lún thấp hơn mọi trái đồi gã gặp cho đến nay. Chậm rãi, từ tốn, không chút kích động hoặc chỉ với sự quan tâm hết sức bình thường, gã theo dõi dòng chảy của con sông lạ về phía đường chân trời, và thấy nó đổ vào một vùng biển sáng lấp lánh. gã vẫn không thấy nao nức gì. Thật khác thường, gã nghĩ một tấm ảnh hay một ảo giác, có vẻ là một tấm ảnh thì đúng hơn, một trò ranh ma do tâm trí rối loạn của gã. Gã chắc chắn vậy khi nhìn thấy một con tàu nằm thả neo giữa vùng biển lấp lánh. Gã nhắm mắt một lát, rồi lại mở ra. Kỳ lạ thay, tấm ảnh ấy vẫn còn! Thế nhưng lại không kỳ lạ. Gã biết chẳng làm gì có biển hay tàu nào giữa vùng đất cằn này, cũng như gã đã biết chẳng có viên đạn nào trong cây súng rỗng không.

Gã nghe thấy một tiếng khịt khịt đằng sau mình, một tiếng thở dốc gần như bị nghẹn, hoặc một tiếng ho. Rất chậm chạp, do quá yếu và người cứng đờ, gã xoay nghiêng mình sang mé kia. Gã không trông thấy gì gần kề, nhưng gã kiên nhẫn chờ. Lại thấy tiếng khịt và ho, và in bóng giữa hai tảng đá lờm chờm cách đó không đầy sáu mét, gã nhận ra cái đầu xám của một con sói. hai cái tai nhọn không dựng hoắt lên như gã thường thấy ở những con sói khác, đôi mắt mờ và vằn tia máu, cái đầu như gục xuống rũ rượi và tuyệt vọng. Con vật chớp mắt lia lịa dưới nắng. Nó có vẻ ốm. Khi gã nhìn, nó lại khịt và ho.

Chí ít điều này cũng là thực tế, gã nghĩ và quay người sang mé kia để có thể thấy được sự thực của cái thế giới ban nãy bị tấm ảnh che phủ. Nhưng birn vẫn lấp lánh đằng xa và con tàu nhìn rõ mồn một. Rút cục, nó có phải là thực tại không? Gã nhắm mắt một hồi lâu suy nghĩ, thế rồi vỡ lẽ ra. Gã đã hướng về phía đông bắc, tách xa khỏi đường phân thủy sông Đir và đi vào thung lũng Mỏ Đồng. cái con sông rộng và lờ đờ này là sông Mỏ Đồng.

Vùng biển lấp lánh kia là Bắc Băng Dương. Con tàu kia là một tàu đánh cá voi từ cửa sông Mêchkengi lạc về hướng đông, viễn đông, và nó nằm bỏ neo trong vịnh Đấng Quang. Gã nhớ lại bản đồ của công ty Vịnh Haxđơn mà gã đã xem cách đây đã lâu, và gã thấy mọi sự trở nên rõ ràng, hợp lý.

Gã ngồi dậy và tập trung chú ý vào những công việc trước mắt. Những dải mền bọc chân đã mòn xơ ra và đôi chân gã chỉ còn là những cục thịt trầy trụa không ra hình thù gì. Cái chân cuối cùng của gã đã đi tong. Cả súng lẫn dao đều đã mất. Gã đã đánh mất cái mũ ở đâu đó, cùng với bó diêm dặt ở vành trong, nhưng số diêm trước ngực vẫn nguyên vẹn và khô ráo trong cái túi đựng thuốc lá sợi, bọc bằng giấy dầu. Gã nhìn đồng hồ. Nó chỉ mười một giờ và vẫn đang chạy. Hiển nhiên là gã vẫn lên giây đều.

Gã bình tĩnh và tự chủ. Tuy cực kỳ yếu sức, nhưng gã không cảm thấy đau đớn gì cả. gã không đói. ý nghĩ về thức ăn thậm chí cũng chẳng thú vị gì đối với gã và mọi điều gã làm đều do lý trí đơn thuần. Gã xé ống quần đến tận đầu gối để buộc chân. Không biết làm sao mà gã vẫn giữ được cái xô thiếc. Gã sẽ uống một chút nước nóng trước khi bắt đầu làm cái mà gã thấy trước sẽ là một chặng hành trình ghê gớm để tới con tàu.

Gã cử động chậm chạp. Run rẩy như bị chứng liệt. Khi bắt đầu thu thập rêu khô lại, gã không nhắc nổi chân được nữa. Gã thử đi thử lại rồi đành bò quanh bằng tay và đầu gối vậy. Một lần gã bò đến gần con sói ốm. Con vật miễn cưỡng lê ra khỏi đường đi của gã, liếm những chỗ nứt nẻ trên mình bằng một cái lưỡi hầu như không còn đủ sức để uốn nữa. Gã nhận thấy lưỡi nó không có cái màu đỏ lành mạnh thông thường. Nó nâu nâu vàng ệch và như phủ một lớp nhầy ram ráp và gần như khô.

Sau khi uống một ca nước nóng, gã thấy mình có thể đứng dậy và thậm chí có thể đi với mức một người sắp chết có thể đi. Cứ khoảng một phút, gã lại phải nghỉ. Bước chân gã khật khưỡng, y hệt như bước chân của con sói theo sau gã. và đêm ấy, khi bóng tối xoá mờ vùng biển lấp lánh, gã biết mình mới chỉ tiến gần thêm nó được độ hơn bốn dặm, không hơn.

Suốt đêm, gã nghe thấy tiếng ho của con sói ốm, và thỉnh thoảng, tiếng quác quác của bầy tuần lộc non. Xung quanh gã đều có sự sống, sự sống cường tráng, rất sinh động và tốt lành, và gã biết con sói ốm bám theo con người ốm với hy vọng là con người sẽ chết trước. Sáng dậy, mở mắt ra, gã thấy nó đứng lom khom, đuôi cụp giữa hai chân như một con chó khốn khổ, thiếu não. Nó run cầm cập trong làn gió sớm lạnh giá và nhe răng cười buồn nản khi con người nói với nó bằng một giọng không hơn gì một tiếng thì thầm khàn khàn.

Mặt trời lên rực rỡ và suốt buổi sáng, con người chập chững vừa đi vừa ngã về phía con tàu trên biển lấp lánh. Thời tiết thật tuyệt. Đó là cỡ thu muộn gần gũi ở vùng vĩ độ cao. Nó có thể kéo dài một tuần. Mai kia, nó có thể qua đi.

Đến chiều, gã bắt gặp một vệt đường. Đó là dấu vết của một người khác. Không đi mà bò bốn chân. gã nghĩ đó có thể là Bil, song chỉ nghĩ một cách thờ ơ, không chút quan tâm. Gã chẳng tò mò muốn tìm hiểu gì. Thực tế, cảm giác và xúc động đã từ bỏ gã. Gã không còn biết đau. Dạ dày và thần kinh gã đã ngủ rồi. Tuy nhiên, sự sống trong gã vẫn thúc gã dần tới. Gã thì rất mệt, nhưng nó lại không chịu chết. chính vì nó không chịu chết mà gã vẫn cứ ăn trái cây đầm lầy và cá tuê, uống nước nóng và thận trọng canh chừng con sói ốm.

Gã đi theo dấu vết của người kia, anh chàng bò lê ấy, và chẳng mấy chốc đến chỗ tận cùng của nó: một chút xương mới lóc hết thịt, quanh đó lớp rêu sũng nước in hằn vết chân của nhiều con sói. Gã trông thấy một cái túi da nai bè bè, hết như túi của gã, bị xé toạc ra bằng răng nhọn. Gã nhắc nó lên, tuy nó hầu như quá nặng đối với những ngón tay yếu ớt của gã. Bil đã mang nó đến phút cuối cùng. Ha ha! Gã sẽ cười vào mũi Bil. Gã sẽ sống sót và sẽ mang cái túi đến con tàu trên biển lấp lánh kia. Tiếng cười của gã khàn khàn và ghê rợn như tiếng quạ kêu, và con sói ốm cũng cất tiếng tru sầu thảm hoà theo. Con người bỗng nhiên ngừng bật. Làm sao gã có thể

cười vào mũi Bil nếu như cái này là Bil, đám xương trắng hồng và sạch bong này là Bil?

Gã quay đi. Ồ, Bil đã bỏ rơi gã, nhưng gã sẽ không lấy số vàng này, cũng chẳng mút xương Bil làm gì. Tuy nhiên, nếu là trường hợp ngược lại, ắt Bil sẽ chẳng tha, gã vừa chệnh choạng bước tiếp vừa nghĩ vậy.

Gã tóu một vũng nước. Cúi xuống tìm cá tuê, gã bỗng giật đầu lại đằng sau như bị ong châm. Gã đã trông thấy mặt mình phản chiếu trong đó. Nó gớm ghiếc đến nỗi khua được sự nhạy cảm trong gã thức dậy đủ lâu để thấy bàng hoàng. Có ba con cá tuê ở trong vũng, vũng quá rộng không tát cạn được, và sau mấy lần lấy cái xô thiếc vục bắt không được, gã bỏ cuộc. Gã sợ vì quá yếu sức, có thể ngã tòm xuống và chết đuối. Chính vì lý do ấy mà gã không dám cười lên một trong những khúc gỗ dạt vào những hố cát ven bờ sông để buông trôi theo dòng nước.

Hôm ấy, gã đã giảm được ba dặm khoảng cách giữa gã và con tàu. Hôm sau được hai dặm, vì bây giờ gã cũng bò, như Bil đã từng bò. Và đến hết ngày thứ năm, con tàu vẫn cách độ bảy dặm thì gã thậm chí mỗi ngày không vượt nổi một dặm. Cữ thu muộn vẫn còn, và gã vẫn tiếp tục bò rồi lại ngất xỉu, loanh quanh luẩn quẩn hoài, và con sói ốm vẫn ho và khụt khịt sau gót gã. Đầu gối gã đã trầy cả thịt như bàn chân gã, và mặc dầu gã đã cởi áo sơ mi làm đệm lót cho cho đầu gối, gã vẫn để lại đằng sau một vệt đỏ trên rêu và đá. Một lần, ngoái nhìn lại, gã thấy con sói thềm thương liếm vệt máu của gã, và gã hình dung đậm nét cái kết thúc của mình có thể sẽ như thế nào ... trừ phi gã xơi tái được con sói. Thế rồi bắt đầu một tấn bi kịch để tồn tại, khốc liệt chưa từng thấy: một con người ốm phải bò lết, một con sói ốm phải tập tà tập tễnh, hai sinh vật kéo lê thân xác hấp hối qua cảnh hoang sơ, và bên họ rình cướp sự sống của bên kia.

Giá nó là một con sói khoẻ mạnh, thì hẳn con người cũng chả xem vấn đề hệ trọng đến thế đâu, nhưng nghĩ đến việc phải làm mồi cho dạ dày của cái vật ghê tởm và gần như chết rồi này, gã chẳng ưng chút nào. Gã vốn

khó tính. Đầu óc gã lại bắt đầu lang bang và bị những huyền tượng ám ảnh, trong khi những giây phút sáng suốt trở nên mỗi lúc một hiếm và ngắn hơn.

Một lần, gã tỉnh dậy khỏi một cơn ngất nhờ một tiếng khụt khịt sát bên tai. Con sói khập khiễng nhảy lùi lại, mất thăng bằng và ngã nhào trong cơn suy kiệt. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng gã không thấy buồn cười. Thậm chí gã cũng không thấy sợ. Gã đã vượt quá xa những phản ứng đó. Nhưng lúc ấy, trí óc gã sáng suốt, và gã nằm suy tính. Con tàu chỉ còn cách không quá bốn dặm. Gã có thể trông thấy nó rõ ràng khi gã dụi lớp sương mờ khỏi mắt, và gã trông thấy cánh buồm trắng của một con thuyền nhỏ rẽ nước trên biển lấp lánh. Nhưng gã không bao giờ có thể bò nốt bốn dặm ấy. Gã biết vậy. Tuy nhiên rất bình tĩnh trong nhận thức, gã biết mình không thể bò nổi nửa dặm. Và mặc dù thế, gã vẫn muốn sống. Thật là vô lý nếu gã phải chết sau khi chịu đựng tất cả ngần ấy thứ. Số mệnh đòi hỏi gã quá nhiều. Và đến lúc sắp chết, gã từ chối không chịu chết. Có lẽ đó là điều cực kỳ điên rồ, những ngày trong móng vuốt của cái chết, gã lại thách thức cái chết và khước từ không chịu chết.

Gã nhắm mắt lại với sự tĩnh tâm một cách thận trọng. Gã cố vượt lên sự suy nhược như một lớp sóng trào dâng, bập bênh xô vào mọi góc ngách trong người gã. Nó rất giống biển, cái sự suy nhược giết người ấy, nó cứ dâng lên hoài và từng tí một nhận chìm ý thức gã. Đôi lúc, gã gần như bị chìm ngìm, loạng quạng vung tay đập chân bơi qua quên lãng. và một lần nữa, do một phép màu nào đó cứu tâm hồn, gã lại tìm thấy một mảnh ý chí và rẽ sóng lao vụt đi mạnh hơn.

Không động đậy, gã nằm ngửa, và gã có thể nghe thấy tiếng hít vào thở ra khò khè của con sói ồm mỗi lúc một sát lại gần hơn. Nó tiến lại gần, gần nữa, qua một quãng thời gian tưởng như bất tận và gã không nhúc nhích. Nó đã kề bên tai gã. Cái lưỡi khô sần sùi có vào má gã như giấp rấp. Hai tay gã phóng ra, hay chí ít là gã muốn phóng tay ra. Các ngón tay quắp lại

như móng vuốt, nhưng thộp vào quăng không. Sự nhanh nhẹn và chính xác đòi hỏi sức khoẻ, mà gã thì không có sức khoẻ đó.

Sự kiên trì của con sói thật ghê gớm. Sự kiên trì của con người cũng ghê gớm không kém. trong nửa ngày liền, gã nằm im không cựa quậy, đấu tranh để khỏi thiếp đi, chờ con vật định ăn thịt gã. Mà gã cũng muốn ăn thịt nó. Đôi khi, biển-suy-nhược dâng trào trong gã và gã mơ những giấc mơ dài, nhưng suốt thời gian đó, tỉnh hay mơ, gã vẫn chờ tiếng thở khò khè và cái lưỡi thô liếm láp.

Gã không nghe thấy tiếng thở, và trườn dần từ một cơn mơ nào đó đến cảm giác thấy chiếc lưỡi kia lia dọc bàn tay. Gã chờ. Những chiếc nanh ấn khe khẽ, rồi mạnh hơn ; con sói đang huy động hết sức tàn trong một cố gắng để cắm ngập răng vào miếng mồi nó đã chờ đợi bao lâu. Nhưng con người đã chờ sẵn từ lâu và bàn tay nát bươm nắm lấy hàm nó. Trong khi con sói vật lộn một cách yếu ớt và bàn tay bóp lại một cách yếu ớt, thì bàn tay kia từ từ trườn qua thành một gọng kìm. Năm phút sau, cả trọng lượng của con người đè lên trên con sói. Hai bàn tay không đủ sức để bóp nghẹt con sói nhưng mặt con người áp sát vào họng con sói và mồm con người đầy những lông. Hết nửa giờ, con người nhận thấy một dòng âm ấm chảy vào họng mình. Cái đó chẳng lấy gì làm thú vị. Nó như chì nóng chảy đọng vào dạ dày gã, và gã được tọng vào hoàn toàn chỉ do ý chí của gã mà thôi. Sau đó con người lăn kèn ra, nằm ngửa lên và ngủ...

Có một số thành viên của đoàn thám hiểm khoa học trên chiếc tàu đánh cá voi Bedford. Từ trên bông, họ nhận thấy một vật kỳ lạ trên bờ. Vật ấy di chuyển xuôi bãi biển về phía mặt nước. họ không thể xác định đó là loại gì. Và, vốn là những nhà khoa học, họ trèo vào chiếc xuồng bên sườn tàu, đáp vào bờ để xem cho rõ. Và họ thấy một cái gì còn sống nhưng khó mà có thể gọi là một con người. Nó loà lẫm, không ý thức. Nó oằn oại trên mặt đất như một con sâu kỳ quái. Phần lớn những cố gắng của nó đều vô hiệu.

nhưng nó bền bỉ, nó vận mình, quần quai và mỗi giờ có lẽ tiến lên được năm sáu mét.

Ba tuần sau, người đàn ông nọ nằm trong một chiếc giường trên tàu đánh cá voi Bedford, và nước mắt rùng rùng trên đôi má hốc hác, gã kể lại lai lịch mình là ai và đã trải qua những nông nỗi gì. Gã cũng nói lồm ba lồm bồm về mẹ gã, về miền nam California đầy nắng và một ngôi nhà giữa những lùm cam và những khóm hoa.

ít ngày sau, gã ngồi cùng bàn ăn với những nhà khoa học và các sĩ quan trên tàu. Gã hau háu nhìn cảnh đồ ăn ê hề, bồi hồi theo dõi những thức ăn ấy biến vào miệng những người khác. Cứ mỗi miếng mất đi, trong mắt gã lại hiện lên một vẻ tiếc nuối sâu sắc. tâm thần gã hoàn toàn lạnh mạnh, tuy nhiên gã cắn ghét họ vào giờ ăn. gã bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi là lương thực không còn tồn tại lâu dài. Gã hỏi đầu bếp, hầu phòng và thuyền trưởng về lương thực dự trữ. Họ trấn an gã không biết bao nhiêu lần, nhưng gã không thể tin họ, và gã khôn khéo nhòm ngó quanh chỗ hầm kho để thấy tận mắt.

Người ta nhận thấy gã béo ra. Mỗi ngày gã một to xù. Các nhà khoa học lắc đầu là hợp lý. Họ hạn chế gã trong những bữa ăn, nhưng vòng bụng gã vẫn tăng và gã trương phình ra kỳ lạ dưới chiếc áo sơ mi.

Đám thủy thủ tùm tùm cười. Họ biết. Và khi các nhà khoa học cắt người theo dõi gã, họ cũng biết. Họ thấy gã thông thạo đi ra phía trước, sau khi điếm tâm, và lại gần một thủy thủ, chìa tay ra như một kẻ hành khất. Tay thủy thủ nhe răng cười và đưa cho gã một miếng bích quy. Gã bo bo nắm chặt lấy, nhìn ngăm như một anh hà tiện ngăm vàng, rồi nhét vào ngực áo. Các tay thủy thủ khác vừa cười vừa cho như vậy.

Các nhà khoa học vốn kín đáo. Họ để mặc gã. Nhưng họ bí mật xem xét giường của gã. Giường được lót bằng bánh quy khô, đệm được nhồi bằng bánh quy khô, mọi xó xỉnh góc ngách đều lèn đầy bánh quy khô. Tuy nhiên, gã không loạn trí. Gã lo đề phòng một cơn đói khác có thể xảy ra, có

thể thôi. Rồi gã sẽ qua, các nhà khoa học nói thế. Và quả nhiên, gã qua khỏi thật, trước khi cây neo của tàu Bedford gieo ùm xuống vịnh San Francisco.

JACK LONDON TRUYỆN NGẮN

CHỌN LỌC

Jack London
www.dtv-ebook.com

Vua Hùi Koolau

Chỉ vì chúng ta mắc bệnh mà họ đã tước đoạt tự do của chúng ta. Chúng ta đã tuân thủ luật pháp. Chúng ta không làm điều gì sai quấy. Vậy mà họ đã nhốt chúng ta vào tù. Các bạn cũng biết rồi đấy, Molokai là một hòn đảo ngục tù. Coi Niuli kia kìa, cách đây bảy năm, chị cậu ta bị đưa đến Molokai; từ bấy đến nay, cậu ta chưa gặp lại và sẽ không bao giờ còn gặp lại chị mình nữa. Chị ấy phải ở đó cho đến mãi đời. Chị ấy đâu muốn vậy; Niuli cũng đâu muốn vậy; đó là ý muốn của những người da trắng cai trị xứ này, nhưng những người da trắng đó là ai vậy?

"Chúng ta biết... ông chúng ta, rồi cha chúng ta đã nói lại cho chúng ta biết... Họ đến, nói năng nhỏ nhẹ, hiền lành cứ như những con cừu... Họ phải nói năng nhỏ nhẹ, vì lúc ấy chúng ta đông và mạnh, và toàn bộ các đảo ở đây là của chúng ta... Vâng, như tôi vừa nói, họ nói năng một cách nhỏ nhẹ, dịu dàng... Họ gồm hai loại: Một loại nài nỉ xin chúng ta cho phép họ giảng giải những lời răn của Chúa, và loại kia cũng nài nỉ xin chúng ta cho phép họ buôn bán với chúng ta. Lúc đầu là như vậy. Còn bây giờ, toàn bộ đất đai, toàn bộ các đảo, toàn bộ gia súc, tất cả đều là của họ. Những người rao giảng lời Chúa và những người rao giảng lời của rượu Rhum đã bắt tay nhau và họ đã trở thành những ông chủ lớn. Họ sống như vua chúa trong những ngôi nhà có rất nhiều phòng, có rất nhiều đầy tớ phục dịch. Từ chỗ không có gì, nay thì họ có mọi thứ, và nếu như các bạn, hoặc tôi, hoặc bất kỳ một thổ dân nào khác bị đói, họ sẽ cười khẩy và bảo: Đồn điền đấy, sao không đến đó làm?".

Koolau dừng lại. Anh đưa bàn tay với những ngón tay ngắn ngắn, cong vẹo nâng cao vòng hoa dâm bụt trên đầu. Ánh trăng rải một màu bạc lên cảnh vật. Đêm nay là một đêm thanh bình dấu cho tất cả những người tàn phế ngồi quanh nghe anh nói đường như đang sẵn sàng xông pha chiến trận. Ngoại thể của tất cả mọi người đều biến dạng; trên gương mặt người này là một hốc sâu nơi vốn là lỗ mũi; ở người kia là một khúc tay đã rụng mất bàn tay. Có khoảng ba mươi người, cả đàn ông và đàn bà, tất cả đều bị gạt ra ngoài lề xã hội vì họ đã bị đóng dấu thú vật.

Dưới ánh trăng vắng vặc và trong bầu không khí thoang thoang hương các loài hoa dại, trang điểm bằng những vòng hoa đội trên đầu, họ ngồi, máy môi phát ra những âm thanh kỳ dị và từ cổ họng họ vang lên những tiếng hậm hực bày tỏ sự tán đồng những lời của Koolau. Họ là những sinh vật đã từng là người, đã từng là những người đàn ông, những người đàn bà, nhưng nay thì họ không còn là đàn ông hay đàn bà nữa mà là những quái vật mang dáng dấp của con người. Họ bị tàn khuyết, biến dạng một cách ghê rợn, trông cứ như những sinh vật đã trải qua hàng ngàn năm bị tra tấn, bị đọa đày dưới địa ngục. Những bàn tay của họ - khi còn là của họ - trông giống như móng vuốt của một loài yêu quái; gương mặt họ méo mó, lệch lạc dường như đã do một vị tà thần nào đó bóp nặn ra khi chơi đùa trên cỗ máy tạo dựng cuộc sống. Đó đây là những đường nét mà vị tà thần bôi quệt nửa vôi, và kia là một người đàn bà để tuôn ra những giòng nước mắt nóng hổi từ hai cái hốc đen ngòm nơi đã từng là đôi mắt của chị. Một vài người đang đau đớn vật vã, để thoát ra nhưng tiếng khò khè từ lồng ngực; một số người khác ho let khẹt từng tràng, tạo thành những âm thanh lục đục nghe như tiếng xé lụa. Có hai người đàn độn, tương tá trông giống như những con dã nhân dị hình mà so với họ, một con dã nhân thật sự còn đẹp hơn nhiều. Đầu đội những vòng hoa đã tàn héo, dưới ánh trăng, họ nhăn mặt, lập bập môi như muốn nói chuyện với nhau. Một trong hai người có vành tai sừng phồng lên như cánh quạt, thông xuống chạm tới vai; hẳn ta gắn vào cái vành tai khổng lồ đó một đoá hoa màu đỏ sậm và làm nó đong đưa bằng những cử động lắc lư của mình.

Và tất cả những con người đó đã quần tụ lại quanh Koolau, coi anh như là Vua của họ, và đây là vương quốc của anh, một hẻm núi với ba mặt là những vách đá cheo leo hiểm trở mọc dày các loài cây nhiệt đới và rải rác những hang động thâm u mà các thần dân của anh dùng làm nơi trú ngụ cho mình. Ở mặt còn lại, đất sụp xuống thành một cái vực sâu thăm thẳm, xa xa bên dưới là những ghềnh đá ăn lan ra vịnh biển quanh năm sóng vỗ ì oàm. Vào những lúc trời quang mây tạnh, tàu bè có thể cập vào bãi đá dẫn đến lối lên hẻm núi Kalahau, nhưng phải là vào những lúc thật tốt trời mới được. Một người leo núi gan dạ có thể leo từ bãi biển lên tới hẻm núi Kalahau, đến tận các đỉnh núi trong vùng c quản của Koolau, nhưng một người leo núi như vậy phải hết sức bình tĩnh và đồng thời phải biết rõ các lối mòn do những đàn dê núi qua lại tạo thành. Điều kỳ lạ là gần như tất cả thần dân tàn phế của Koolau đã lê được tấm thân tàn của họ theo những lối mòn chóng mặt đó để tới được nơi hiểm trở này.

"Các anh em," Koolau hăng giọng, nhưng một trong hai người có bộ dạng dã nhân đã nhăn mặt rú lên như điên loạn, và Koolau phải dừng lại một lúc lâu chờ cho những tiếng vọng từ các vách đá lắng hẳn xuống; giọng trầm lắng, anh nói:

"Các anh em, anh em không thấy lạ sao, của cải của chúng ta là đất đai, vậy mà giờ đây đất đai lại không còn là của chúng ta! Những người rao giảng lời Chúa và những người rao giảng lời của rượu Rhum đã mang lại cho chúng ta những gì để đổi lấy đất đai của chúng ta? Đã có người nào trong các bạn nhận được đồng nào của họ để nhường đất đai của mình lại cho họ chưa nào? Đã vậy, họ còn nói là chúng ta được phép đến làm lụng trên đất đai đó, đất đai của họ, và những gì mà chúng ta đổ mồ hôi sôi nước mắt làm ra sẽ là của họ. Hồi trước chúng ta đâu bị buộc phải làm lụng cực nhọc; lại nữa, khi chúng ta mắc bệnh, họ tước đoạt ngay tự do của chúng ta..."

"Ai đã mang căn bệnh này tới đây vậy, Koolau?" - Kilolilma hỏi. Kiloliana là một người gầy gò nhưng dẻo dai có gương mặt trông giống như gương mặt của vị thần đồng áng 1 đang cười; nhìn gương mặt anh, người ta có cảm giác như sẽ nhìn thấy đôi chân của loài móng guốc nếu nhìn xuống chân anh, và quả đúng là như vậy, do những vết loét hoại thư, đôi bàn chân anh tẽ hai ra và co rút lại trông giống hệt như chân của loài móng guốc. Mặc dầu vậy, Kiloliana lại là người leo núi giỏi nhất; anh biết rành các con đường mòn mà những đàn dê núi thường đi và anh chính là người đã hướng dẫn Koolau cùng đoàn người của anh lên đến những nơi hiểm trở nhất trong hẻm núi Kalahau này.

"Hay, câu hỏi hay lắm!" Koolau đáp. "Bởi vì chúng ta không chấp nhận làm lụng trên những cánh đồng mía nơi trước đây vốn là những đồng cỏ mà chúng ta chăn thả ngựa, bọn người da trắng ấy đã đem dân phu người Hoa từ xa tới, và cùng với họ là bệnh phong cùi; chính căn bệnh đó đã lây sang chúng ta và khi chúng ta mắc bệnh, họ đã nhốt chúng ta trên đảo Molokai. Chúng ta sinh ra ở đảo Kauai. Chúng ta đến sinh sống ở khắp các đảo khác trong vùng, từ Oahu, Maui tới Hawaii, Honolulu nhưng chúng ta luôn luôn trở về Kauai. Tại sao lại trở về Kauai? Bởi vì chúng ta yêu Kauai; chúng ta được sinh ra và đã lớn lên ở Kauai, và chúng ta cũng sẽ chết ở Kauai, trừ phi... trừ phi... giữa chúng ta có những con người hèn yếu. Đó là điều không ai muốn. Những người đó cam chịu sống cuộc sống tù đày trên đảo Molokai, và nếu có những con người như vậy, chúng ta hãy coi như họ không tồn tại. Ngày mai bọn lính sẽ đổ bộ lên bờ biển. Chúng ta cứ để cho những kẻ ươn hèn xuống dưới ấy với chúng và chúng sẽ đưa họ về Molokai ngay lập tức. Còn chúng ta, chúng ta sẽ ở lại và chiến đấu. Hãy biết rằng chúng ta sẽ không chết. Chúng ta có súng. Chúng ta biết những lối mòn hẹp mà nếu muốn leo lên, bọn chúng phải bò từng người một. Tôi, Koolau, tôi vốn là người chăn bò ở Niihau, một mình tôi có thể giữ một trong những lối mòn đó để chống trả lại cả ngàn người xâm nhập... Còn đây là Kapahei, một người đã từng là quan toà xét xử những người khác, một người đã từng có danh vị, nhưng nay anh ấy là một con chuột bị săn đuổi cũng giống như

tôi, giống như các anh em. Anh ấy là người hiểu biết, anh em hãy nghe anh ấy nói...".

Kapahei đứng dậy. Trước kia anh đã từng là quan toà. Anh đã từng tọc ở Punahau, đã từng hội họp với quý ngài lãnh đạo và đại diện cao cấp của các cường quốc xa lạ để bảo vệ quyền lợi cho những thương nhân và những nhà truyền giáo. Kapahei đã từng như vậy, nhưng giờ đây - như Koolau vẫn nói - anh là một con chuột bị săn đuổi, một sinh vật bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bị chìm đắm trong vũng lầy khủng khiếp của loài người khiến cho anh vừa phải đứng trên luật pháp, lại vừa bị nó lăm le nhấn xuống đến tận đáy. Gương mặt anh không có đường nét gì đặc biệt ngoại trừ lỗ mũi, lỗ miệng trống hoác và đôi mắt trụi cả lông mi, lông mày. "Chúng ta không có gì phải lo", anh bắt đầu nói; "Chúng ta đòi hỏi họ cứ để mặc chúng ta tự lo liệu, nhưng nếu họ không để mặc chúng ta, thì đó là chính họ đã tự chuốc lấy điều phiền toái, và do đó họ phải bị trừng phạt. Như các bạn thấy đấy, mấy ngón tay của tôi đã rụng cả rồi" - anh đưa tay lên cho mọi người nhìn thấy - "tôi chỉ còn một móng của ngón tay cái ở bàn tay trái, với móng ngón tay này tôi vẫn có thể ngoéo cò súng như trước đây khi các ngón kia vẫn còn. Chúng ta yêu đảo Kauai. Chúng ta phải sống ở đây, hoặc chết ở đây, chứ nhất định không để bị giam hãm trên đảo Molokai. Căn bệnh này đâu phải của chúng ta; chúng ta đâu làm gì nên tội; khi đem những dân phu đến lao dịch trên đất đai cướp của chúng ta, bọn người rao giảng lời Chúa và lời của rượu Rhum đã đem theo cả căn bệnh này. Đã từng là quan toà, tôi biết luật, biết lẽ phải, và tôi xin tuyên bố với các bạn: tranh cướp đất của người ta, gieo rắc bệnh cho người ta rồi giam hãm người ta suốt đời trên đảo tù, đó là những hành vi bất công".

"Đời người thì ngắn ngủi mà chuỗi ngày đó lại chất chứa khổ đau", Koolau nói. "Chừng nào còn có thể được, chúng ta cứ ăn uống, cứ nhảy múa, cứ sống cho thật vui lên...".

Từ một trong những hang đá trên vách núi, những vỏ bầu khô được đưa ra và chuyền quanh; trong các vỏ bầu ấy là rượu mạnh được chưng cất từ rễ cây huyết rồng, và khi thứ rượu cháy bỏng ấy trôi qua cuống họng và bốc lên đầu, họ quên hết những bất hạnh đang đè nặng lên cuộc đời họ, và họ lại là những người đàn ông, những người đàn bà, lại là những con người với những khát vọng tự do và yêu thương của con người. Người đàn bà có đôi hốc mắt lúc nào cũng tuôn chảy những giọt lệ nóng quá thật là một người tràn trề sức sống khi chị vẫn búng đàn ukulele vừa cất lên tiếng hát man dã dường như vọng ra từ những cánh rừng thâm u của thời nguyên thủy. Không khí như rung lên trong tiếng hát thiết tha và lời cuốn của chị. Trên một manh chiếu, Kiloliana lắc lư thân mình theo nhịp điệu lời ca; trong từng động tác của anh, tình yêu như cất cánh, và rồi, cùng nhảy múa với anh trên manh chiếu là một phụ nữ to béo có bộ ngực núng nính như muốn che khuất gương mặt đã bị ăn ruỗng; đó là điệu nhảy của những xác chết còn sống, bởi vì ẩn tàng bên trong cái thân xác đang bị hủy hoại của họ là ngọn lửa tình yêu và đấu tranh vẫn đang bùng cháy. Chừng nào người đàn bà mù có đôi dòng lệ nóng tuôn ra từ hốc mắt còn hát, chừng nào những người khiêu vũ còn nhảy múa điệu múa tình yêu trong đêm nồng ấm, và chừng nào bầu rượu vẫn còn được chuyền quanh, thì trong óc họ vẫn còn cháy bỏng những ký ức và mơ ước. Và trên cùng manh chiếu với người đàn bà đang hát là một cô gái vóc người thon thả có gương mặt xinh đẹp chưa bị tàn phá, nhưng những cánh tay co rút co duỗi không ngừng của cô cho thấy cô đang bị căn bệnh hành hạ. Cả hai con người dẫn động miệng lúc nào cũng rú rít, lập bập những tiếng kêu vô nghĩa cũng uốn vặn người theo tiếng hát như thể họ cũng tha thiết sống, tha thiết yêu thương. Nhưng tiếng hát chất chứa yêu thương của người phụ nữ mù bỗng dừng tắt ngấm, các bầu rượu đã cạn và những người nhảy múa cũng ngừng lại, tất cả đều hướng về phía vực biển vừa bùng lên chùm pháo sáng ma quái nhợt nhạt dưới ánh trăng bàng bạc.

“Lính đó”, Koolau nói. "Sáng mai bọn chúng sẽ kéo lên. Giờ thì chúng ta hãy đi ngủ và chuẩn bị chiến đấu là vừa."

Nghe theo lời anh, những người húi lần lượt bò vào những hang động của họ, cho đến khi chỉ còn lại Koolau một mình ngồi bất động dưới ánh trăng, khẩu súng gác ngang đùi; ánh mắt hướng về phía những chiếc thuyền đang cập vào bờ biển.

Đầu kia của hẻm núi Kalahau đã được chọn làm nơi ẩn náu. Ngoại trừ Kiloliana, người biết rõ những lối mòn lẫn khuất trên các vách núi dựng đứng, không ai có thể lên tới được hẻm núi này mà không phải lần lên theo triền núi hẹp như sống dao kia. Dải triền núi dốc đứng chạy dài trên một trăm thước, và nơi rộng nhất cũng không quá nửa thước bề ngang. Ở một bên dải đường đó, vực biển há ra sẵn sàng nuốt chửng kẻ nào chệch chân, nhưng một khi đã vượt qua được, y sẽ thấy như mình lạc vào chốn thiên đường nơi trần thế. Dập dờn trên các vách đá là biển cây xanh trải rộng với những búi dây leo vươn ra che phủ các mỏm đá, và rải rác trong các kẽ đá là những búi phong lan chen giữa đám dương xỉ ken dày. Trong suốt những tháng chiếm lĩnh nơi này, Koolau và thuộc hạ đã phải chiến đấu với biển cây xanh ấy, đã đẩy lùi cả một vạt rừng dày để lấy chỗ cho đám chuối, cam, xoài rừng vươn dậy. Trên những khoảnh đất nhỏ vừa khai phá, họ cắm xuống những bụi giông riêng; trên những nền đất cao còn lổn nhổn đá giữa những vạt khoai sọ, những dây dưa bò lan, và trên những khoảnh đất quang quẻ, mọc lên những thân đu đủ quả đeo lúc lỉu. Từ thung lũng cạnh bờ biển bên dưới, Koolau đã lên đến cứ điểm này và nếu cần, anh còn có thể lên đến những cứ điểm vững chắc hơn trên những đỉnh núi chón chở phía sau, ở đó anh có thể sống với những thần dân của mình và lãnh đạo họ.

Trời đã sáng rõ; nằm dài dưới một lùm cây rậm, với khẩu súng đặt bên cườn, Koolau phóng ánh mắt qua kẽ lá ken dày, chăm chú quan sát đám lính đóng trên bãi biển. Anh nhận ra những khẩu súng lớn sáng lấp lóa dưới ánh mặt trời. Dải triền núi hẹp như sống dao nằm ngay phía trước mặt anh, và anh nhìn thấy những đốm người đang lúi húi lần theo con dốc để leo lên dải triền núi ấy. Anh biết đó không phải là bọn lính, mà là bọn cảnh sát, và bọn lính chỉ vào cuộc khi nào đám cảnh sát thất trận.

Anh đưa tay âu yếm vuốt nhẹ nòng súng và biết chắc các ống ngắm gắn trên thân súng vẫn sáng rõ. Anh đã từng học bắn súng với một tay thợ săn thú rừng ở Niihau, và ở trên hòn đảo ấy, người ta vẫn chưa quên tài thiện xạ của anh. Khi những đốm người bên dưới dò dẫm tiến lên gần hơn và có thể thấy rõ hơn, Koolau ước lượng tầm bắn, phán đoán sức gió bạt ngang đường đạn và suy tính từng điểm đến của đích ngắm. Nhưng anh không bắn, và ngay khi toán cảnh sát đã leo lên đến chân dải triền núi hẹp, anh vẫn chưa bắn để tránh cho khỏi lộ nơi anh đang ẩn mình. Từ trong lùm cây rậm, anh quát hỏi:

"Các anh muốn gì?".

"Bắt thằng hủi Koolau," một tên Mỹ mắt xanh chỉ huy toán cảnh sát địa phương lớn tiếng đáp.

"Các anh phải quay xuống ngay!", Koolau hét to.

Anh biết tên Mỹ đó; hẳn là Phó cảnh sát trưởng, kẻ đã dồn đuổi anh từ đảo Niihau qua đảo Kauai tới thung lũng dưới chân đỉnh Kalahau rồi từ thung lũng lên tới hẻm núi này.

"Mày là ai?", tên Phó cảnh sát trưởng hỏi.

"Tao là thằng hủi Koolau đây!".

"Vậy thì hãy ra đi! Tội tao muốn bắt mày; người ta đã treo thưởng một ngàn đô la cho người nào bắt được mày, dù còn sống hay đã chết; mày không thoát được đâu!".

Koolau cười rộ lên.

"Ra đi!", tên chỉ huy cảnh sát ra lệnh, nhưng đáp lại lời y là bầu không khí lặng như tờ.

Y quay lại trao đổi với tên cảnh sát bản xứ đứng bên cạnh, và Koolau biết bọn chúng đang chuẩn bị xông lên.

"Koolau", tên chỉ huy gọi. "Tao lên bắt mày đây!".

"Nhưng trước hết mày hãy nhìn bầu trời, mặt đất quanh mày lần cuối!"

"Được thôi, Koolau," viên cảnh sát trầm giọng nói, "tao biết mày bắn giỏi, và cũng biết chắc là mày sẽ không bắn tao; tao chưa hề làm bất cứ điều gì sai đối với mày...".

Trong lùm cây, Koolau nghiêng chặt răng.

Viên cảnh sát tiếp tục lải nhải: "Nghe tao nói đây, Koolau, tao chưa từng làm điều gì sai đối với mày, phải không nào?".

"Mày đã sai khi cố bắt tao vào tù," từ trong bụi rậm, Koolau đáp, "Mày đã sai khi cố bắt tao để lấy món tiền thưởng một ngàn đô la. Muốn sống, mày hãy đứng yên ở đó!".

"Xin lỗi, vì nhiệm vụ, tao phải"

"Mày sẽ chết nếu liều mạng xông lên đây!".

Viên Phó cảnh sát trưởng không phải là kẻ non gan, cũng không phải là người do dự. Hắn ngược nhìn vách đá, rồi nghiêng đầu nhìn xuống vực, rồi phóng ánh mắt dọc theo dải triền núi mà hắn phải vượt qua, rồi quyết định.

"Koolau!", hắn gọi.

Thảm cây rừng vẫn im ắng.

"Koolau, đừng bắn, tao lên đây!".

Viên Phó cảnh sát trưởng xoay lại ra mệnh lệnh gì đó cho tên cảnh sát bản xứ rồi dè dặt đặt chân lên dải triền núi hiểm trở. Hắn dò dẫm tiến lên từng bước một trông giống như đang đi trên trên một sợi dây thừng nhưng ngoài không khí, hẳn chẳng có điểm tựa nào. Dưới chân hắn, những mảng dung nham vỡ ra, rơi rào rào xuống vực. Hắn phớt mình dưới nắng, mặt ướm dẫm mồ hôi. Từng bước từng bước một, hắn dò dẫm tiến lên cho đến khoảng gần giữa dải triền núi.

"Dừng lại!", lừ trong lùm cây rậm, Koolau hô to. "Tiến thêm một bước nữa là tao bắn ngay!".

Viên Phó cảnh sát trưởng dừng lại, gương người giữ thăng bằng trên dải đường cheo leo. Gương mặt hắn trắng bệch nhưng đôi mắt vẫn lộ vẻ cương quyết. Hắn liếc đô môi khô khốc rồi nói, giọng khản đặc:

"Koolau, tao biết... tao biết là mày không dám bắn tao..."

Vừa nói hắn vừa bước tới, nhưng ngay lúc đó một viên đạn đã xoáy vào người làm cho gương mặt hắn dúm dúm lại trong nỗi ngạc nhiên đến tột độ và hắn loạng choạng ngã nhào xuống. Hắn cố rướn người bầu vào vách đá, nhưng cái chết đã ập đến. Trong một thoáng, dải triền núi trở lại trống trơn, nhưng liền đó, từ bên dưới đã có năm tên cảnh sát nối bước nhau theo hàng một tiến lên trong khi những tên còn lại bắn như vãi đạn về phía lùm cây. Bất chấp tiếng đạn réo, Koolau nhả liền năm phát súng liên tiếp rồi khom người luồn qua lùm cây khác. Anh vạch lá nhìn xuống: bốn tên trong toán cảnh sát đã ngã nhào xuống vực theo chân viên Phó cảnh sát trưởng, trên dải triền núi chỉ còn một tên oằn người nằm vắt ngang, hai tay bầu chặt vào các gờ đá; ở bên dưới, đám cảnh sát lỗ nhổ; trên dải đường trần trụi, chúng không thể nấp vào đâu để tiến lên được. Trước khi bọn chúng kịp rút xuống, Koolau vẫn có thể bắn tĩa mấy tên ở phía sau, nhưng anh không bắn. Sau một lúc hội ý, một tên trong toán cảnh sát này cởi chiếc áo lót trắng phất lên như một lá cờ, rồi cùng với một tên khác lần theo dải triền núi hẹp đến chỗ tên đồng đội bị thương. Koolau đứng yên; anh chăm chú

nhìn chúng kéo tên đồng đội bị thương xuống rồi từ từ rút lui cho đến khi chúng chỉ còn là những vết lõm đốm di chuyển vào thung lũng ở dưới thấp.

Hai giờ sau, ẩn mình trong một lùm cây khác, Koolau nhìn thấy một toán cảnh sát từ dưới thung lũng đang lần mò trèo lên ở phía vách núi bên kia. Khi chúng lên cao hơn, anh nhìn thấy mấy con dê núi phóng vụt đi; cảm thấy bất an, anh ra hiệu gọi Kiloliana bò tới gần. Chăm chú nhìn xuống vách núi, Kiloliana cả quyết: "Bên đó không có lối mòn nào đâu".

"Thế còn mấy con dê kia thì sao?", Koolau

"Chúng từ thung lũng bên kia vượt qua, nhưng chúng không thể nào lên tới đây được đâu. Không có đường nào cho chúng lên đâu. Bọn người kia làm sao khôn được bằng mấy con dê, không khéo chúng trượt chân rơi xuống vực chết cả cho coi...".

"Bọn chúng quả thật gan dạ...", Koolau nói.

Trên đám bìm bìm mọc lan dưới đất, dưới tán bụi tra 2 hoa vàng che kín trên đầu, họ nằm bên nhau nhìn những đám người đang dò dẫm bò lên cho đến khi điều phải đến đã đến: ba người trong toán cảnh sát trượt chân, lăn tròn rồi rơi thẳng xuống vực sâu.

Kiloliana cười lục khục trong cổ họng.

"Về mặt bên đó, chúng ta không có gì phải lo đâu", anh nói. "Bọn chúng có súng lớn đấy," Koolau nói. "Chưa đến phiên bọn lính lên tiếng đấy thôi...".

Trong cái nắng ngọt ngào của buổi xế trưa, hầu hết những người hủi đều rút vào ngủ trong hang động của họ. Ngồi trước hang của mình, súng gác ngang đùi, Koolau cũng đang lơ mơ ngủ. Dưới tán cây rậm, cô gái xinh đẹp có cánh tay vạm vạc nằm chăm chú quan sát dải triền núi hẹp. Bỗng nhiên từ phía bờ biển dội đến một tiếng ình rồi liền đó là một tiếng nổ to bùng lên

làm Koolau giật nảy mình choàng tỉnh. Anh có cảm giác như bầu không khí vừa bị xé toác ra. Tiếng nổ khủng khiếp làm anh hoảng sợ. Anh ngơ ngác nhìn quanh, cố tìm hiểu xem chuyện gì vừa xảy ra, và nhìn thấy trên một mỏm đá trên cao, một bửng khói đen kịt cuộn lên cùng với đất đá rào rào tuôn xuống. Koolau đưa tay quệt mồ hôi đang túa ra trên trán. Anh rùng mình, cảm thấy ớn lạnh từng cơn. Anh chưa từng nếm mùi đạn trái phá; đó quả là thứ đáng sợ hơn tất cả những gì mà anh có thể nghĩ tới. Như chợt nhớ ra, Kapahei buột miệng đếm: "Một".

Cùng với hai tiếng nổ ình ình vang dội, hai viên đạn trái phá rít lên trên đỉnh vách núi và nổ bùng, nhanh đến mức không kịp ngó. Như một cái máy, Kapahei tiếp tục đếm: "Hai... ba...". Từ trong các hang động, những người hủi túa ra khoanh đất trống phía trước. Lúc đầu họ hoảng sợ, nhưng khi thấy những viên đạn trái phá liên tiếp nổ bùng lên bên trên vách núi, họ dần dần trấn tĩnh lại và tò mò nhìn cảnh tượng đang diễn ra. Hoàn toàn không biết gì về mối nguy đang đe dọa, hai tên hủi khờ nhảy cẫng lên reo hò mỗi khi thấy ánh chớp đạn trái phá lóe lên. Koolau dần dần lấy lại bình tĩnh. Chưa xảy ra tổn hại gì; rõ ràng là đối với những viên đạn trái phá to như vậy, bọn chúng không thể nhắm bắn chính xác như nhắm bắn bằng súng trường.

Nhưng tình hình đang dần dần thay đổi. Những viên đạn trái phá bắt đầu rơi thấp xuống. Từ lùm cây nhìn xuống dải đường sống dao, một bửng khói bùng lên. Nhớ đến cô gái giữ việc quan sát bên dưới, Koolau lao vội xuống. Khi anh đến nơi, trên các lùm cây, khói vẫn còn đen đặc. Anh sửng sờ. Các nhánh cây tan tác, gãy vụn. Trên mặt đất chỗ cô gái nằm quan sát lúc này là một hố sâu, và xác cô gái cũng bị bắn tung ra thành những mảnh vụn. Viên đạn đã rơi trúng ngay chỗ cô nằm. Koolau chăm chú nhìn xuống dải triền núi, và khi biết chắc bọn lính chưa xông lên, anh quay mình chạy về phía các hang động. Suốt trong quãng thời gian ấy, đạn trái phá vẫn tiếp tục gầm rú, và hẻm núi rung lên trong tiếng nổ ì ầm. Còn cách hang động một quãng x nhìn thấy hai tên khờ vẫn tiếp tục ôm nhau nhảy múa nhưng ngay khi anh

vừa dậm bước tới, từ mặt đất chỗ gần hai tên khờ, một bửng khói đen chọt bùng lên cùng với tiếng nổ oàng chát chúa làm cho hai tên khờ văng ra hai ngã; một tên nằm bất động, còn tên kia cuống cuồng chống khuỷu tay cố lết về phía hang, hai chân hăn lặc lìa kéo thành một vệt dài; từ người hăn, máu tứa ra nhuộm đỏ khắp từ đầu tới chân trông như thể hăn mới được vớt ra từ trong một bể máu; vừa lết, hăn vừa la ăng ặc như một con chó con. Chỉ trừ Kapahei, còn tất cả những người hủi khác đều đã rút vào các hang động của họ.

"Mười bảy", Kapahei tiếp tục đếm. "Mười tám...".

Trái đạn thứ mười tám này rơi đúng vào một trong các hang động trên vách núi. Tiếng nổ làm cho những người vừa rút vào hang lại tứa ra, nhưng từ cái hang vừa trúng đạn, không một người nào xuất hiện. Koolau khom người bò xuyên qua làn khói cay xè chui vào. Bốn xác người, không một xác nào nguyên vẹn, nằm rải rác, trong số đó anh nhận ra xác người đàn bà mù có đôi giòng nước mắt không ngừng tuôn ra từ hai hốc mắt.

Chui ra ngoài, Koolau nhìn thấy các thần dân của mình đang hoảng loạn, nhốn nháo tranh nhau leo lên lối mòn dẫn ra mé ngoài hẻm núi để leo lên những vạt núi chón chở bên trên. Tên khờ bị thương cố chống khuỷu tay lẩy bẩy lết theo nhưng vừa đến khoảng dốc đầu tiên, hăn đã ngã lăn ra.

"Giết nó đi coi bộ tốt cho nó hơn...!", Koolau nói với Kapahei.

"Hai mươi hai", Kapahei vừa tiếp tục đếm vừa đáp. "Anh nói phải đấy; giúp nó chết sớm chút nào đỡ khổ cho nó chút ấy... Hai mươi ba... Hai mươi bốn...".

Thằng khờ ré lên khi nhìn thấy mũi súng chĩa vào đầu hăn. Koolau lưỡng lự, rồi hạ nòng súng xuống.

"Làm việc này sao mà khó quá!", anh lầm bầm.

"Hai mươi lăm, hai mươi sáu... Hai mươi bảy... Anh yếu đuối quá đấy", vừa tiếp tục đếm, Kapahei vừa nói. "Thôi, để đó tôi làm cho!".

Anh đứng dậy nhắc một hòn đá to rồi xăm xăm bước về phía tên khờ bị thương đang nằm quần quai. Khi anh vừa nâng cao tảng đá, một viên đạn trái phá cũng vẫn rơi xuống nổ tung ngay trên đầu anh, giúp anh khỏi phải làm cái việc đau lòng đó đồng thời cũng chấm dứt luôn việc đếm những trái đạn đang nổ dồn.

Trên hẻm núi chỉ còn lại một mình Koolau. Anh đưa mắt nhìn theo những người cuối cùng trong đám thần dân của anh đang rướn tấm thân tàn phế của họ trên dốc núi và khuất hẳn trong biển cây xanh màu chàm trên cao. Anh quay lại, đi xuống chỗ lùm cây nơi cô gái bị đạn, xé nát. Cuộc pháo kích vẫn tiếp diễn, nhưng anh vẫn còn sống. Nhìn xuống dưới, anh thấy bọn lính đang trèo lên. Cách chỗ anh đứng khoảng mười thước, một trái đạn chọt nổ tung hất anh ngã nhào xuống đất; anh nghe tiếng mảnh đạn cùng với đám cành và lá cây rơi rào rào xuống quanh người. Anh ngược đầu nhìn xuống dải đường mòn rồi thở dài. Anh cảm thấy sợ. Anh không ngán đạn súng trường, nhưng thứ đạn trái phá này quả thật kinh khủng. Mỗi lần nghe tiếng súng lớn bắn lên, anh lại nằm dán mình sát xuống mặt đất, và chỉ tiếp tục ngóc đầu lên quan sát dải đường mòn sau khi nghe tiếng trái đạn đã nổ bùng.

Cuối cùng thì đợt pháo kích cũng chấm dứt. Đoán có lẽ bọn lính sắp leo lên, anh nhào người ra nhìn xuống. Bọn chúng đang nối đuôi nhau bò thành hàng một dọc theo con đường mòn dốc đứng. Anh nhắm đếm nhưng không sao đếm xu875;, có đến cả trăm tên chứ không dưới, tất cả bọn chúng đang kéo nhau lên truy đuổi Vua hủi Koolau. Trong anh, thoáng dâng lên niềm kiêu hãnh. Để truy đuổi anh, một người đang bị căn bệnh hủi tàn phá cơ thể, bọn chúng đã phải dùng tới các lực lượng cảnh sát, quân đội cùng với súng lớn, súng dài... Chúng treo thưởng một ngàn đô la cho kẻ nào bắt được anh, dù còn sống hay đã chết. Cả đời anh chưa bao giờ có

được một số tiền nhiều đến vậy. Anh cảm thấy cay đắng. Kapahei đã nói đúng. Anh, thằng hủi Koolau, anh có tội tình gì? Cũng bởi bọn da trắng chủ đồn điền cần nhân công khai phá đất đai mà chúng đã tranh cướp của thổ dân, chúng đã đem dân phu người

Hoa đến và cùng với họ là chứng bệnh phong cùi. Và nay, vì anh mắc chứng bệnh ấy, anh đáng giá một ngàn đô la nhưng số tiền ấy không phải dành cho anh; số tiền ấy chính là cái giá để trả cho cái thân xác vô dụng đang bị căn bệnh hủi tàn phá, hoặc giả cho cái xác không hồn đã bị đạn xé nát của anh. Khi bọn lính lên tới chỗ dải triền núi sống dao, anh tự nhủ là phải để ý trông chừng chúng, nhưng ánh mắt anh lại nhìn chăm chăm vào những mảnh thi thể của cô gái bị trúng đạn. Khi sáu tên lính vừa dò dẫm tiến lên, anh nghiêng răng siết cò và ngay khi dải đường đã sạch quang anh vẫn liên tục xả đạn, hết kẹp này đến kẹp khác, mắt anh mờ đi trong nỗi căm hận và óc anh cháy bỏng lửa báo thù. Tận dưới chân dải đường mòn, bọn lính xả súng bắn trả, và mặc dù đã cố dán mình nằm sát xuống đất hoặc thu mình giữa những kẽ đá, bọn chúng vẫn hiện rõ mồn một dưới mũi súng của Koolau. Quanh mình anh, tiếng đạn rú rít, một viên sượt ngang đầu anh và một viên khác sượt qua bả vai nhưng chưa làm rách da...

Đúng là một cuộc tàn sát, trong đó chỉ có mỗi một người bắn giết. Bọn lính bắt đầu rút lui, kéo theo những tên bị thương. Trong khi bắn hạ chúng, Koolau thoảng ngửi thấy mùi thịt cháy; anh nhìn quanh và phát hiện tay anh đang bốc khói. Chính nòng súng đỏ lừ đã làm tay anh bị cháy. Chứng bệnh hủi đã tàn phá gần các dây thần kinh trên tay anh, do vậy anh không có cảm giác gì mặc dù vẫn ngửi thấy và nhìn thấy da thịt mình đang ngùn cháy. Nằm dưới lùm cây rậm, bất giác anh mỉm cười cho đến khi nhớ đến những khẩu đại pháo. Chắc chắn là chúng sẽ còn bắn nữa và lần này chắc chắn là chúng sẽ tập trung nã đạn vào những lùm cây nơi anh vừa xả súng bắn xuống. Ngay lập tức anh di chuyển sang một cái hốc nằm bên dưới một mỏm đá và liền đó, đã nghe tiếng đạn trái phá nổ bùng mở đầu cho một đợt pháo kích mới. Anh nhắm đếm; cho đến lúc bọn lính ngừng bắn đã có

không dưới sáu mươi trái đạn rơi xuống hẻm núi. Cả rẻo đất nhỏ bị xới nát hầu như không còn sinh vật nào có thể sống sót. Có lẽ nghĩ vậy nên trong cái nóng hầm hập dưới ánh mặt trời chiều, bọn lính lại theo dải đường mòn tiến lên, và một lần nữa, chúng lại bị quét sạch, từng tên từng tên một nối tiếp nhau rơi xuống vực.

Suốt hai ngày liền, Koolau trấn giữ dải đường cho đến khi anh nghe tiếng của Pahau, một cậu bé hủi, gọi vọng xuống từ trên đỉnh vách đá phía sau hẻm núi. Pahau hét to, báo cho anh biết là Kiloliana, người giữ việc săn dê núi cung cấp cái ăn cho mọi người, đã trượt chân, bị đá lăn đè chết, và lúc này đám phụ nữ đang hoảng sợ, không biết phải làm thế nào... Koolau gọi cậu bé xuống, đưa cho cậu một khẩu súng dự phòng và bảo canh giữ dải đường, rồi anh luôn theo một lối mòn bí mật lên nơi ẩn náu. Koolau thấy mọi người đang nhốn nháo, hoang mang; trong tình cảnh đạn bom này, hầu như mọi người đều bất lực trong việc tìm kiếm cái ăn cho mình, và họ đang bị đói. Anh chọn hai người đàn bà và một người đàn ông tương đối còn lành lặn nhất, sai họ xuống hẻm núi đem thực phẩm và các manh chiếu lên, tiếp đó anh an ủi động viên mọi người cho đến khi ngay cả những người yếu nhất cũng bắt tay vào việc sửa sang lại chỗ trú ẩn cho mình. Đợi mãi không những người đi lấy thực phẩm quay lên, Koolau vội vã trở xuống hẻm núi. Anh vừa ló ra đầu bờ dốc, một loạt đạn bỗng nổ giòn; một viên đạn xuyên qua vai anh và má anh bị một mảnh đá văng tới cắt một đường dài; trước khi sụp xuống tránh đạn, anh còn kịp nhìn thấy bọn lính đang tràn lên hẻm núi. Người của anh đã phản lại anh; những đợt pháo kích quá dữ dội hẳn đã khiến họ hoảng sợ và cam chịu trở về hòn đảo ngục tù Molokai thay vì ở lại để tiếp tục chiến đấu. Koolau xoay người chạy ngược về phía vách đá. Anh ngồi thụp xuống, cởi ra một nịt đạn. Nép mình giữa các tảng đá, đợi cho đến lúc thấy rõ cả đầu và vai một tên lính nhô hẳn lên, anh mới bóp cò; sau hai lần như vậy, đến lần thứ ba, thay vì đầu và vai người là một lá cờ trắng nhô lên vung vẩy.

"Tụi bay muốn gì?", Koolau quát hỏi.

Từ bên dưới lá cờ vọng lên tiếng trả lời: "Nếu mà đúng là thằng hủi Koolau thì điều mà tao muốn là bắt được mày." Quên cả mình đang ở đâu, quên cả mọi chuyện, Koolau lấy làm lạ. không hiểu sao bọn da trắng này lại kiên trì đến như vậy; dù cho trời có sụp xuống đầu chúng, chúng vẫn cố sống cố chết làm cho bằng được điều mà chúng muốn. Anh không khỏi lo lắng trước sự lì lợm của chúng và chợt cảm thấy cuộc chiến đấu của mình quả thật vô vọng. Ý chí của bọn da trắng quả thật kinh khủng. Cho dù anh có giết cả ngàn người, bọn chúng vẫn cứ sẽ tiếp tục tràn lên, hết đợt này đến đợt khác, càng lúc càng đông hơn; như những con thiêu thân, chúng hè nhau vây bủa anh. Đó là kỷ luật và cũng là chỗ mạnh của chúng. Đó cũng là cái mà giống nòi anh không có. Và bây giờ thì anh đã hiểu tại sao chỉ một nhóm những kẻ rao giảng lời Chúa và những kẻ rao giảng lời của rượu Rhum lại có thể chiếm đoạt được đất đai của giống nòi anh...

Tiếng người nấp dưới lá cờ lại vọng lên: "Nào, nói gì đi chứ, mày chịu hàng rồi chứ?".

Đúng là một tên da trắng như mọi tên da trắng khác; không cần úp mở, hẳn nói thẳng toẹt ra điều mà hẳn muốn:

"Anh dám lên đây nói chuyện chứ?", Koolau hỏi.

Cái đầu, đôi vai, rồi cả thân người tên da trắng nhô lên; đó là một thanh niên khoảng hai mươi lăm tuổi có đôi mắt xanh và gương mặt nhẵn nhụi, coi bộ trang nhã và gọn ghẽ trong bộ quân phục cấp đại úy. Hẳn tiến đến khoảng mười bước, lưỡng lự một chút rồi tìm chỗ ngồi xuống.

Koolau thốt lên kinh ngạc:

- Anh đúng là gan! Tôi có thể giết anh như giết một con ruồi...

- Tôi tin là anh không bắn tôi - Viên đại úy đáp.

- Tại sao?

- Bởi cho dù anh nguy hiểm, anh cũng vẫn là một con người. Tôi hiểu anh mà, nhưng anh đã bắn giết quá nhiều rồi đấy!

Koolau hừ nhẹ, nhưng không khỏi cảm thấy hài lòng. Anh hỏi:

- Máy người của tôi - cậu bé, hai người đàn bà và người đàn ông – các anh đã làm gì họ rồi

- Họ đã ra hàng, và bây giờ tôi muốn anh cũng làm như họ.

Koolau cười gằn, tỏ ý nghi ngờ.

"Tôi là người tự do", anh dần từng tiếng một. "Tôi chẳng làm gì sai. Tôi chỉ yêu cầu mỗi một điều là các anh hãy để chúng tôi được yên. Tôi sống tự do, và rồi cũng sẽ chết tự do, tôi không bao giờ chấp nhận nộp mình cho các anh đâu!".

"Vậy là anh không khôn ngoan bằng đồng bọn của anh rồi", viên đại úy trẻ nói. "Anh xem kia, họ ra cả rồi kia!".

Koolau xoay lại và nhìn thấy đoàn người của anh đang lũ lượt kéo ra. Họ vừa lê lết vừa rên rỉ than van như muốn tự bộc lộ hết tình cảnh bất hạnh của họ. Koolau cảm thấy cay đắng, và càng cay đắng hơn khi một số người trong bọn họ lên tiếng oán trách, chửi rủa anh. Lần lượt từng người một, họ bám vách đá tuột xuống rồi kéo nhau ra hẻm núi, quây kín trước chỗ ẩn mình của bọn lính.

"Anh đi đi", Koolau nói với viên đại úy. "Không bao giờ tôi đầu hàng đâu, dứt khoát là như vậy. Thôi, chào anh".

Viên đại úy tụt xuống vách đá đến với đám lính của hắn; ngay sau đó, thay cho lá cờ hưu chiến, một mũi súng được dựng cao lên, trên chiếc lưỡi lê gắn ở đầu mũi súng là chiếc mũ của viên sĩ quan; đáp trả lại dấu hiệu đe dọa đó, một phát đạn của Koolau đã xuyên thủng chiếc mũ. Ngay sầm tối

hôm ấy, từ dưới bờ biển, bọn lính lại nã pháo cấp tập lên hẻm núi nhưng Koolau đã kịp rút lên các hang động trên cao vượt ra ngoài tầm

Suốt trong sáu tuần liền, bọn lính lùng sục anh qua hết hang động này đến hang động khác dọc theo các lối mòn và trên khắp các đỉnh núi lửa trong vùng. Khi thoáng thấy bóng anh lẩn vào một vạt rừng cây lúp xúp, chúng giăng hàng đập xua như xua thú dữ, và khi anh chạy thoát vào một cánh rừng thưa, chúng chia nhau ra thành nhiều mũi cố lừa anh vào một góc như lừa một con thỏ rừng. Mỗi khi bị dồn ép quá gắt, mũi súng của anh lại rung lên buộc chúng phải tháo lui mang theo những tên bị thương xuống bãi biển. Có đôi lần, bọn lính đã bắn túa vào anh khi thấy bóng anh thấp thoáng trong những khoảng rừng thưa và có một lần, khi nhìn thấy anh đang cố bươn lên trên một dải đường mòn chon von, bọn chúng đã xả đạn vào anh; sau đó bọn chúng tìm thấy vết máu và biết chắc là anh đã bị trúng đạn. Sau một tháng rưỡi truy lùng mà vẫn không bắt được Koolau, bọn lính và cảnh sát bỏ cuộc; chúng rút về Honolulu để lại đỉnh Kalahau mặc cho anh độc chiếm, nhưng thỉnh thoảng chúng vẫn phái bọn săn người táo tợn mò lên lùng sục, cố tìm cho bằng được dấu vết của anh.

Hai năm sau, một lần nữa Koolau lại lẩn về hẻm núi cũ. Chui vào một lùm cây rậm, anh nằm dài dưới tán những cây huyết rồng và gừng dại. Anh đã sống tự do, và giờ đây anh cũng sẽ chết một cách tự do. Trời giăng giăng mưa phùn, anh kéo tấm chăn tơ tả quăn quanh đôi chân co rút, lở lói; trên mình anh phong phanh một manh áo vải dầu. Anh mân mê khẩu súng gác ngang ngực và cố vuốt sạch hơi ẩm đọng trên nòng súng bằng bàn tay đã rụng hết ngón, chẳng còn lại ngón nào để có thể bóp cò.

Anh nhắm mắt, cơ thể anh lịm dần đi trong khi đầu óc anh xao động không ngừng; anh biết là giờ phút cuối cùng của mình đã điểm. Giống như một con thú hoang, anh đã tìm nơi ẩn mình chờ chết. Trong tai anh, tiếng tí tách của những giọt mưa cứ nhạt nhòa; bất giác anh cảm thấy như mình đang sống lại cuộc đời trai trẻ ở Niihau; anh như thấy thoáng thoáng bóng

mình trên lưng một con ngựa non chưa thuần đang lồng lên, rồi lại thấy mình đang xông xáo cùng những người chăn bò lừa những con bò tơ vào bãi, rồi lại thấy mình đang đuổi theo những con bò rừng, quăng thòng lọng bắt một con lồi về thung lũng; mồ hôi anh rịn ra, anh cảm thấy tai và mắt mình tê tê, nhột nhột như có kiến bò vào.

Toàn bộ quăng đời thanh xuân sôi nổi, mạnh mẽ ấy diều qua trước mắt anh, cho đến khi những cơn co giật giãy chết kéo anh về với thực tại. Anh đưa đôi bàn tay cụt hết ngón lên ngắm nghía và lấy làm lạ, không hiểu tại sao tấm thân nguyên lành của anh lại ra nên nông nổi này, nhưng rồi liền đó anh lại nhớ ra ngay anh là thằng hủi Koolau. Đôi mi mắt anh rung rung sụp xuống và trong tai anh lặng hắng tiếng mưa rơi. Toàn thân anh chợt run bắn lên rồi duỗi ra; anh cố nhắc đầu lên nhưng nó cứ ngoẻo xuống; các thớ thịt trên mặt co rúm làm đôi mắt anh mở to ra và không còn nhắm lại được nữa. Như chợt nhớ đến khẩu súng Mauser, anh siết đôi cánh tay co quắp với hai bàn tay đã rụng hết ngón ôm chặt nó vào lòng, và đó là ý nghĩ và hành động cuối cùng của anh.

1 Thần đồng áng, theo truyền thuyết phương Tây, là một vị thần nửa người nửa dê, có sừng, có đuôi và đôi chân dê.

2 Bụt tra (hautree, tên khoa học: *Hibiscus tiliaceus*): một loại cây thấp mọc ở vùng núi đá ven biển.